THI TÙ TÙNG THOẠI

●

(1903 – 1921)

ĐÃ ĐĂNG TIẾNG-DÂN

TỪ SỐ 1106 ĐẾN SỐ 1196

ĐÍNH CHÍNH

Trương 143 giòng thứ 2:
Chữ 遠 sắp lẫn chữ 夢.
Trương 267 giòng thứ 1:
Chữ 驕 sắp lẫn chữ 橋.

YẾU - ĐIỂM NÊN BIẾT

1) Bản nầy là ký-giả chép góp thi và chuyện của một ít bạn chính-trị-phạm đồng tội trong thời-gian 13 năm bị đày ở đảo Côn-Lôn (Poulo-Condore) mà ký-giả là một người trong đồng bạn ấy, tai nghe mắt thấy toàn là chuyện thiệt, khởi đầu năm 1908 đến năm 1921.

2) Xưa nay có nhiều thi thoại như « Tùy-viên-thi thoại, Vũ-thôn thi-thoại, Ẩm-băng-thất thi-thoại v. v. » chuyên nói chuyện thi Đây ký giả cũng nói chuyện thi, song có 2 giới-thuyết khác với thi-thoại kể trên là :

a) Rành là thi làm trong cảnh ở tù và xen một ít thi được nghe trong lúc ở tù.

b) Thi của nhà thi-nhân có ở tù, hoặc có quan hệ với lịch-sử khoảng tù ấy, hoặc không phải nhà thi-nhân mà khi ở trong tù có được một đôi câu đáng chép. Còn những thi và chuyện không dính gì đến cảnh tù, không vào giới-hạn nầy

3) Đã hạn trong phạm vi người và thi ở tù, nên một bài thi hay câu đối hay chuyện văn-thoại gì, tùy từng chuyện từng bài mà chép ra, không có thứ-tự, không có kết-cấu, chỉ biên đoạn một, song ở trong có cái vẻ « ngỏ dút tơ liền » (藕斷絲聯), riêng ra thì đoạn nào có phần đoạn ấy, mà nhập lại thành chuyện tù-sử có đầu đuôi.

4) Nguyên-văn ký-giả viết bằng chữ Hán, nay dịch ra quốc-ngữ, tinh thần ý tứ không bằng nguyên-văn, nhứt là thi văn thì dịch mười phần không được năm, sáu, song không mất bản ý.

PHAM-KIM-GIAM
SERVICE DE L'AGRICULTURE
CANTHO (COCHINCHINE)

LỜI NÓI ĐẦU

«THI có cùng mà sau mới hay» (詩窮而後工), tin như lời nói xưa, thì trên đời mà gọi là « cùng » không chi cùng hơn cảnh tù, đáng lẽ thơ của kẻ tù, lưu truyền khá nhiều mới phải Vậy mà xét trên lịch-sử phương Đông, trên dưới ngàn năm, duy có mấy bài của Lý-Bạch lúc đày ở Giạ-lang, bài « Ở trong ngục vịnh con ve » của Lạc-tân-Vương (1), bài « Chính-khí ca » của Văn-thiên Tường (2), bài thi « Vịnh lúc gần hành hình » của Dương-kế-Thạnh (3), cùng ở nước ta thì bài « Trần-tình » của Cao bá-Nhã, « Tờ-khai » của Đoàn-Trưng v. v. còn có truyền lại, ngoài ra không thấy thi-văn tù bao nhiêu.

Trái lại, những lối uống rượu ngắm hoa, trông trăng thưởng gió, cùng lối thi ứng-thủ tiêu khiển của bọn văn-sĩ phong-lưu, thôi thì đầy kho chật tủ, lam họa cho bổn in không biết là bao!

Trên thi-sử xưa nay, thừa bên nầy mà thiếu bên kia. nghĩa là thi phong-lưu nhiều mà thi tù ít, là vì lẽ gì ? Không phải là trái với cái thuyết « cùng mới hay » kia sao ?

Như nói trong đám tù tội không có bọn văn-nhân thì ngục Đáng-cố nhà Hán, ngục Thanh-lưu đời Đường, án Ngụy-học đời Tống, án Đông-Lâm Thục-Xã đời Minh, bọn văn-hào thi-bá mấy đời, co tay bó chân làm bạn với gông cùm xiềng bộng, cúi đầu nín tiếng, ngồi than thở cái oai-quyền vô-thượng của bọn ngục-quan và lính gác, trước sau nọi gót, biết bao nhiêu người ! Ai bảo rằng trong đám tù không có hạng văn-hào thi-bá ?

Theo sở-kiến của tôi, thì thi tù ít truyền-bá là vì cớ nầy :

Ở phương Đông về thời-đại quân-chủ chuyên-chế, tù là tội cả, không có hạng tù quốc-sự (chánh-trị-phạm) như phương Tây. Bởi thế nên đã vào tù, vô-luận là nhân-cách lưu-phẩm thế nào, người đời đều xem như vật ghê gớm đáng sợ ; đã là vật đáng sợ trong xã-hội, tự nhiên cái người đã mang cái huy-hiệu « tù », công chúng đều tránh xa ; với người đó còn không dám lại gần, huống là thi với văn, dầu có nghe thấy thi văn của họ, không dùng đậy hũ tương thì phú cho ngọn lửa. Thi của kẻ tù ít truyền là vì thế.

Âu-triều truyền sang, phong-khí đổi mới, chế-độ về thời-đại chuyên-chế, bị triều-lưu văn-minh dội

quét gần hết, trên sử tấn-hóa mới của loài người, trong đám tù tội có cái tên gọi là « tù quốc sự » khác với hạng tù thường, không những xã-hội không bài xích như ngày xưa, mà trong có hạng chí-sĩ nhân-nhân, trở được người đời tỏ lòng sùng bái và khen ngợi, từ đó mà thi tù mới truyền.

Ở Âu-Mỹ không nói, nói riêng về phương Đông như sử Duy-tân khẳng khái của Nhật-bản. cách-mạng-sử của Trung-hoa sau cuộc Mậu-tuất chánh-biến, ở trong có chép nhiều thi của bọn tù, không sao kể hết. Nước ta sau cuộc dân-biến năm 1908 về sau có nhiều thi của tù , chính là theo lệ chung đời mới nói trên.

Chuẩn theo lẽ ấy, tức gọi rằng thi tù mở một cái màn mới trong văn-giới cùng đi với công-lệ tấn-hóa cũng không phải là quá đáng. Độc-giả để ý xem. MÍNH-VIÊN

---

(1) Lạc-tân-Vương thi-nhân đời Đường, thảo bài Hịch kể tội Võ-Hậu, bị bắt hạ ngục, nghe ve kêu, vịnh một bài thi có câu :

Tây-lục ve kêu riết,
Nam-quan khách bực nhiều....

(2) Văn-thiên-Tường, tôi trung đời Tống, bị quân Nguyên bắt giam trong ngục, có làm bài « Chính-khí-ca » kể chuyện trung nghĩa.

(3) Dương-kế-Thạnh, trung thần đời Minh, bị bọn hoạn quan giết, khi lâm-hình có bài thi :

Hạo khí trả trời đất,
Lòng son soi ngàn xưa.



Minh-Viên HUỲNH-THÚC-KHÁNG

THI TÙ TÙNG THOẠI

I

Từ cuộc Mậu-thân dân biến (1908) trở đi, sĩ dân trong nước, vì tội quốc-sự mà đày ra Côn-lôn kế tiếp noi gót nhau không dứt, mà người thứ nhất đứng đầu quyển sổ tù Côn-lôn ấy là cụ Phan-châu-Trinh.

Cụ hiệu Tây-Hồ, biệt hiệu Hy-Mã, người làng Tây-lộc, phủ Tam-kỳ, huyện Tiên-phước, tỉnh Quảng-nam, đỗ Phó-bảng khoa Tân-sửu triều Thành-thái (1901), làm quan đến chức Trước tác. Từ quan về, chăm lo việc nước, vào Nam ra Bắc, đề xướng tân-học.

Năm 1906, vượt biển sang tận Nhật-bản, cùng cụ Phan-bội-Châu thương xác chính-kiến và việc tiến hành. Về nước làm bản Điều-trần đưa lên Chánh-phủ Pháp, trong bức thơ ấy nói rõ hiểm-tượng xứ Đông Dương cùng chỉ vạch tình tệ trong nước rất rõ ràng.

Vì bức thơ điều-trần ấy, quan trường có lòng thù ghét. Năm 1908, nhân sự dân biến, cụ đương ở Hanoi, bị bắt giải về Kinh giam nơi Hộ-thành, kêu án chung thân đày ra Côn lôn, trong án kết « xử-tử, gặp ân xá cũng không tha» (遇赦不原).

Cụ về Kinh ra trước Hội-đồng xử án, khẳng khái một lời không chịu khuất. Nghiêm giam ở Hộ-thành, cụ tự nghĩ không có hi vọng sống.

Một bữa có người đội và 2 người lính vào nhà giam, xem xét xiềng gông, khóa tay cụ rồi dẫn ra cửa ngục. Cụ định chắc là dẫn đi chém.

Theo lệ, phàm tù trọng tội xử tử dẫn ra cửa Bắc (cửa An-hòa). Nay lại dẫn ra cửa Nam, cụ hỏi thì người đội trả lời : Anh bị đày đi Côn-lôn, cụ liền khẩu chiêm bài thi :

纍 纍 枷 鎖 出 都 門
慷 慨 悲 歌 舌 尙 存
國 士 沈 淪 民 族 悴
男 兒 何 事 怕 崐 崙

Xiềng gông cà kệ biệt Đô-môn,
Khẳng khái ngâm nga lưỡi vẫn còn.
Đất nước dầm chìm nòi giống mỏn,
Thân trai nào sợ cái Côn-lôn.

Trong cảnh cùng sầu luân lạc, đọc bài tuyệt ấy cũng tự ủy được.

II

Nhân vật trong thời quá-độ, tù đày ra Côn-lôn, cụ Tây-Hồ đứng đầu sổ, mà thân-hào trong nước, mang cái chức tù vào nhà ngục thì cụ Tập-Xuyên lại là người thứ nhất, vì lúc cụ Tập-Xuyên vào ngục, cụ Tây Hồ còn đương ở Hanoi (1907).

Cụ tên Đức-Kế, họ Ngô, con quan Tham-tri Ngô-huệ-Liên, đỗ tấn-sĩ cũng khoa Tân-sửu triều Thành-Thái. Khoa hoạn nối đời, vẫn là một nhà danh-phiệt ở tỉnh Hà-tịnh.

Sau đỗ rồi, cụ ở nhà đóng cửa đọc sách, thường lưu tâm đến việc nước. Học-thuyết Âu-Tây mà người Tàu đã dịch thành sách, cụ đọc được nhiều mà có chỗ tâm đắc. Trong khoảng ấy kể phong triều bài xích khoa cử, đề xướng tân học, cụ là một người rất khẳng khái.

Sau cụ Sào-Nam đông-độ rồi, có tên Nguỵ-tác-Hạ, do viên Án-sát Hà-tịnh lúc ấy xui nó khai vu cho Cụ, kêu án « tiềm thông dị quốc », bị bắt giam ở ngục Hà-tịnh gần một năm, sau đày ra Côn-lôn.

Lúc ở ngục Hà-tịnh có bài thi :

馬 似 遊 龍 車 似 流
問 余 何 事 獨 幽 愁
年 來 愛 說 文 明 學
贏 得 南 冠 作 楚 囚

Xe như nước chảy ngựa như rồng,
Vì cớ gì ? ta vẫn bực lòng.
Ham học văn minh đà mấy lúc,
Mão tù đầu khéo cấp cho ông !

dinh = gánh vác

Học văn minh mà đổi được chức tù, câu nói chua cay và sâu sắc. Tuy vậy, giá trị văn minh, muốn mua nó há chỉ chức tù mà thôi đâu !

III

« Mới gặp như bạn cũ, bạc đầu như người lạ », đạo giao hữu khó thế nào, xem câu cổ-nhân nói trên rõ có ý vô cùng cảm khái !

Tháng 2 năm Mậu-thân (1908), tôi bị bắt giam ở nhà ngục Faifo. Giam riêng một cái phòng. Cách hai ngày sau, có hai tên học trò, đem mền áo và quà bánh trình với quan Chef ngục mang vào cho tôi, xét trong đồ gởi đó, có bức thơ của người bạn gởi thăm. Ngục-quan nghi là giấy tờ gì có quan hệ (vì thơ chữ Hán), 2 tên học trò ấy bị giải giao lên quan tỉnh giam cứu. Từ đó, bà con và bạn hữu không ai dám tới thăm nữa. Mà cách giam phòng càng nghiêm nhặt hơn trước, phần đông người ngoài đều lo thay cho tôi, mà không ai dám hỏi thăm. Mỗi ngày chỉ người cai gác mở cửa 2 lần, chính tay người cai ấy mang đồ ăn vào mà thôi

Một bữa, người cai mang cơm trưa vào, lại có một gói thuốc hút và quả bánh, và đưa cho tôi một miếng giấy, nói của một lão chài gởi. Tôi mở ra xem, thấy trong có vài hàng chữ :

« Nghe ông bị giam, người nhà ở xa (nhà tôi cách Faifo đến 2 ngày đường), không ai ra thăm

được. Tôi có ghe bán mắm ra bán ở phố đây, kính gởi vật quà thăm ông. Như ông có nhắn người nhà đều gì, tôi sẵn lòng chuyển đạt cho ».

Dưới có mấy chữ lớn :

« Hòa-Thanh Lão-Phồ kính thơ ».

Xem xong, tôi lấy làm ngạc nhiên, không biết « Lão Phồ » là người nào. Nghĩ ngầm một hồi lâu mới nhớ ngày tháng 10 năm ngoái, cùng người bạn đi đò từ Faifo về Tam-kỳ, theo đường sông có ghé vào một cái nhà chài bên bờ sông nghỉ trưa, cùng chủ nhà là một ông già nói chuyện. Ông già có ý lưu luyến, nhưng tôi vì có việc, uống trà rồi từ đi không ở lại, có lẽ « Lão-Phồ » là bác chài nầy chăng ?

Chiều, người cai lại đem cơm vào, tôi hỏi tung tích ông già đó, người cai nói : « Lão chủ ghe chài ra bán mắm đây được vài bữa, hỏi thăm biết nhà tôi nấu cơm cho ông, lão tự xưng là bà con với ông, nên gởi đồ quà đó và không nói tên, dặn ông có hỏi chỉ nói năm ngoái có ghé nhà lão uống trà là được... »

Bình sanh giao du bạn hữu, nơi nào cũng có, từ gặp cảnh hoạn nạn, phần đông người quen biết đều tránh xa không giám lại gần. Trái lại, một lão nhà chài, chỉ tình cờ biết nhau trong chốc lát, mà bác chài ấy dùng phương kiếm nẻo, không từ khó nhọc, cố tìm cách gởi lời thăm viếng

để an ủy trong lúc buồn rầu. Rõ là người đời không nên xem tướng bề ngoài nhỉ! Tôi có bài thi:

沈 沈 地 獄 隻 身 孤
疇 曩 親 朋 一 字 無
片 語 殷 勤 勞 探 慰
和 清 老 譜 也 村 夫

Mình côi ngục tối cảnh âm thầm,
Một chữ thân bằng cũng vắng tăm.
Lưa có Hòa-Thanh già Phồ nọ,
Ân cần gởi thấu bức thơ thăm.

IV

Trần-quí-Cáp tiên-sinh, hiệu Thai-Xuyên, bạn đồng song và đồng niên với tôi, người làng Bất-nhị, Quảng-nam, đỗ Tấn-sĩ khoa Giáp-thìn, 1904). Bình sanh công học dưỡng rất dày, đến một câu nói, một tiếng cười cũng không cẩu - thả, bạn đồng học đều kỉnh tiên-sinh như bậc trưởng-giả. Từ đọc sách mới cùng sách báo của Khương-hữu-Vi, Lương-khải-Siêu, say thu ết tự-do nhân-quyền, tự nhiên phá toang bờ g c ngày trước, gặp việc bàn cãi một cách ngay xàng, biện-chiết cho đạt lẽ mới chịu. Ở tỉnh Quảng - nam mà có học - đường, thương - hội.., mở đầu phong khí, tiên sinh rất có nhiều công. Lúc ấy (1907) tiên-sanh làm Giáo-thọ phủ Thăng-bình, mở một lớp tây - học trong trường giáo, rước thầy về dạy

chữ quốc-ngữ, chữ Tây cho học trò. Tiên-sanh lại thường vào trong dân gian diễn-thuyết, cực lực bài-xích cái học khoa-cử và đề xướng học mới. Bọn cựu-học thấy ít lạ nhiều, xem tiên-sinh như đinh trước mắt, các nhà đương - đạo cũng cầm như kẻ cừu. Bèn đổi bổ tiên-sanh vào làm Giáo-thọ Tân-định trong Khánh-hòa, tức là có ý đày đi xa tỉnh nhà.

Tấn kịch « dân xin xâu » ở Nam Nghĩa khởi lên, thân-sĩ trong tỉnh, phần đông bị bắt, tiên-sanh ở Nha - trang cũng bị bắt giam. Quan tỉnh Khánh-hòa gạn hỏi, tiên-sanh không chịu khuất. Án-sát tỉnh ấy là Phạm... một tay xảo hoạn dảo khoái, nóng lòng lập công, kết án «mạc-tu-hữu» 1) mà tiên-sanh bước lên đoạn đầu-đài. Tin sét đánh ấy truyền ra, sĩ dân cả nước đều thương tiếc tiên-sanh mà căm tức cho kẻ độc thủ kia.

Lúc tiên - sanh vào nhận chức giáo-thọ Tân-định, tôi đưa đến Tourane, khi lên tàu, tiên-sanh ân cần ủy thác việc thương, việc học trong tỉnh. Khi tôi ở trong lao Quảng-nam, được hung - tin tiên-sanh, có bài thi khóc:

書 劍 蕭 然 獨 出 門
一 官 拓 落 爲 親 存
直 將 新 學 開 奴 壘
誰 信 民 權 種 禍 根
蓬 島 春 風 懸 遠 夢
芽 莊 秋 草 泣 英 魂
可 憐 一 別 成 千 古
沱 滬 分 襟 酒 尙 溫

Gươm sách xâm xâm tách dặm miền,
Làm quan vì mẹ há vì tiền. (2)
Quyết đem học mới thay nô kiếp,
Ai biết quyền dân nảy họa nguyên.
Bồng đảo gió chưa đưa giấc mộng, (3)
Nha-trang cồ đã khóc hồn thiêng.
Chia tay, chén rượu còn đương nóng,
Đà-nẵng đưa nhau lúc xuống thuyền.

Lại câu đối của đồng nhân điếu :

新 學 中 領 袖, 忽 失 此 人, 落
落 前 途, 舉 國 少 年 齊 一 慟.
壽 考 與 令 名, 終 難 兩 得, 遙
遙 一 官, 倚 閭 慈 母 最 傷 心.

Đàn anh phải tân học, bỗng mất một tay, muôn dặm mịt mù, bạn trẻ trông sau rền rĩ khóc.
Đời thọ với danh thơm, khó toàn hai ngả, một quan nho nhỏ, mẹ già dựa cửa xót xa đau.

V

Nguyễn tiểu-La tiên-sanh (tên Thành, thường gọi Ấm-Hàm, chữ Triết-phu, làng Thạnh-Mỹ, Quảng-nam), Tán-tương đời Cần-vương, mật-hữu của hai cụ Phan-Sào-Nam và Phan-Tây-Hồ, lại là người rất trọng - yếu trong thời-đại tân cựu nầy.

(1) 莫須有 tức ngục ba chữ mà Tần-Cối giết Nhạc-Phi, nghĩa là không cần có tội danh gì.

(2) Tiên-sanh nhà nghèo còn bà mẹ già.

(3) Tiên sanh có hồi bực toan đông độ, nhưng vì nhà còn mẹ nên thôi.

Dàn-biến năm Mậu - thân, thân-sĩ tỉnh Quảng-nam trước sau bị bắt có hàng trăm đều giao về tỉnh giam xét. Duy tôi cùng Tiểu La tiên-sanh bị bắt trước nhứt, giam riêng ở nhà ngục Faifo, (cách tỉnh lỵ độ 10 km. Tòa-sứ và các sở công ở đấy), mỗi người giam riêng một phòng, trên 3 tháng trời mới giải giao tỉnh giam xét.

Nguyên khi bắt tôi có quan Một đồn Phương-xá cùng 10 người lính tập với một quan Lãnh, một người thông-ngôn cùng với tổng-lý tới nhà bảo tôi rằng : « Có điện quan Công sứ Faifo mời ông ». Đoạn, sang trạm Bàn-an xuống Tam kỳ, (đi trạm có lính gác đi hai bên) rồi thuê đò ra Faifo, đến Faifo thì trời đã tối, quan Một dẫn tới một cái phòng bảo tôi rằng : « Ông vào đấy nghỉ, sáng ngày sẽ lên yết quan Sứ.»

Tôi chưa kịp trả lời thì một tiếng cạch ! cửa phòng đã khóa lại, bốn bên kín mít, tôi mới biết là cái bóp tối giam người ! (vì từ nhỏ đến lớn có biết cái « bóp » là cái gì đâu.)

Sáng ngày, độ 7 giờ, có một người lính tập mở cửa, một tên tù vào đem thùng nước tiểu ra, tôi liếc thấy cách cái sân giựa chừng 3 trượng, một cái phòng bên kia đối diện với phòng tôi cũng mở cửa, trong cũng có một người, nhìn kỹ thì người bị giam ở phòng ấy không phải là ai lạ, chính là Tiểu-La tiên-sinh. Hai người chúng tôi cùng ngó nhau mà cười, song chỉ trông nhau bằng

con mắt mà không nói được câu gì. Cửa phòng lại khóa lại mất !

Đến 10 giờ, người lính tập lại mở cửa, có người mang cơm và đồ ăn vào. Tôi lấy làm lạ, không rõ cơm nầy ai nấu, sao lại đem vào cho mình ăn ? Hỏi, mới biết là bác cai... vâng lệnh ngục-quan nấu cơm cho một người tù mới bắt giam tức là tôi. Sau nghe nói mỗi người tù bị bắt về giam, ghi tên vào sổ tù thì cấp khẩu phạn mỗi ngày 0$08 mà cai kia bao nấu.

Sau bữa cơm xong, tôi nói với người lính xin đi cầu tiêu : cầu tiêu ở sau trại lính, cách một cái sân thật rộng, khi người nào đi tiêu thì có một người lính mang súng đi theo sau. Nhà tiêu có ba chỗ ngồi ngang nhau, ngoài có tường ngăn, tường có cửa, người lính tập đứng gác ngoài cửa. Tôi vào phòng tiêu, thì Tiểu-La tiên - sanh cũng do một người lính dẫn lại. Thế là 2 anh em được ngồi trong cầu tiêu nói chuyện nhau. Từ đó mỗi ngày sau bữa cơm trưa là 2 người cùng đi cầu tiêu đặng nói chuyện, có tin tức gì cùng ý kiến gì cũng trao đổi nhau được. Đó là một việc thú trong tù, không sao quên được, nên ghi vào đây.

Đồng thời tôi ở ngục Faifo, có quan Một coi ngục là M. Sogny thường ra vào, sau thành người quen. Người Pháp biết tôi thì M. Sogny là người đầu tiên, (sau làm đầu tòa Liêm-phóng Trung-kỳ).

VI

Châu-thơ-Đồng tiên-sanh, tên là Thượng-Văn, người làng Minh-hương (Faifo), bạn thiết của Tiểu-La tiên sanh. Nhà Châu-quân ở giữa thành phố Faifo, là nơi khách mua bán qua lại, tiện đường giao thông, nhân-sĩ Nam Bắc vào Quảng-nam thường ngụ nhà Châu-quân, mà thơ từ ở ngoài gởi về thông tin tức cho Tiểu-La, cũng gởi Châu-quân chuyển-đạt.

Cuộc dân-biến năm Mậu - thân xảy ra, có ai mách việc ấy cho nhà đương cuộc, Châu - quân bèn bị bắt hạ ngục. Ngay từ ngày vào ngục, Châu-quân tuyệt-thực.

Đầu tiên giam ở ngục Faifo, rồi giải giao quan tỉnh tra xét. Cả quan Tây và quan Nam hỏi, Châu-quân đều nhận chịu một cách khẳng khái, không chối chút nào :

« Người nước sang Nhật-bản và hạt dân xin thuế, chính tôi là một người chủ trương, không ai dám dự vào cả ».

Tòa Nam-án kết án Châu-quân chung - thân đày Lao - bảo. Kể từ khi Châu - quân bị bắt đến thành án, trên 20 ngày, một hột cơm không vào trong miệng, mỗi ngày chỉ uống vài chén nước trà loãng do người con đưa vào thôi.

Nghe Châu - quân nhịn ăn lâu ngày, tôi định không thể sống được (Châu-quân đã giải lên tỉnh

mà tôi cùng Tiểu-La tiên-sinh còn giam ở ngục Faifo). Bỗng một ngày nọ, 11 giờ, cánh cửa phòng giam tôi bỗng mở toang, có mấy người linh tập dẫn 5, 6 người tù vào, có 2 người dâu võng 1 người đau vào, cùng giam vào phòng tôi. Hỏi thì họ nói tù bị đày Lao-bảo, gởi giam tạm buổi mai, đợi chiều lên xe hỏa. (Lúc ấy đường Faifo-Tourane có đoạn đường xe hỏa đi phía núi Ngũ-hành).

Sau linh ra, cửa khóa rồi, tôi nhìn thấy người bệnh kia mặt đen như than, tay chưn như ống quyền, hai mắt nhắm khít, không còn là hình dạng người, hơi thở như sợi tơ, chừng như muốn tắt nghỉ; trong lòng cảm động, lại gần nhìn kỹ một chặp lâu mới nhận ra, thì không phải người nào lạ mà chính là Châu-thơ-Đồng tiên-sanh! Mà ốm o gần chết vì đã tuyệt thực trên 20 ngày nay.

Tôi gọi thử:

— Châu tiên-sanh! Châu tiên-sanh! còn nhìn biết tôi là ai không?

Khi ấy Châu-quân mở 2 mắt nhìn tôi một chốc lâu rồi nói nhỏ nhỏ trong cổ:

— Minh-viên-quân, tôi làm cái dễ, còn anh em gắng gánh lấy sự khó.

Nói rồi nhắm mắt lại như cây khô vậy.

Hai giờ chiều bữa ấy, Châu-quân bị bỏng lên

võng chở ra hỏa-xa cùng đi với bọn tù kia. Đến Huế thì Châu-quân chết trong lao Phủ-Thừa.

Bị giam trong ngục mà nhịn ăn, từ Thánh Cam-Địa Ấn-độ về sau, nhiều nơi bắt chước đã thành việc cơm bữa không lạ gì. Nhưng Châu-quân lại trước Cam-Địa và nhứt định tuyệt thực đến chết, cao hơn Thánh Cam-Địa (Gandhi) một bậc!

Tôi có điếu Châu-quân một câu đối:

人 皆 畏 死, 君 獨 不 貪 生; 八
尺 鬚 眉, 羞 與 河 山 營 一 飽.
誰 爲 其 難, 君 乃 爲 其 易; 一
分 責 任, 各 將 心 血 告 同 胞.

Cái chết ai không sợ, ngươi lại không tham cái sống suông; tám thước mày râu, thẹn với non sông dành bữa gạo.

Phần khó dễ ai đương, ngươi bỏng lãnh ngay cái phần dễ, một phần gánh vác, đều đem tâm huyết cáo bà con.

* * *

Trần-bạch-Sĩ cũng có câu đối:

我 不 難 舍 生, 奈 何 哉 中 天
易 初 開, 美 里 七 年 前 未 演.
君 乃 能 就 義, 難 得 者 萬 世
經 獨 守, 首 陽 千 載 後 猶 聞.

Ta có tiếc sống đâu, ngặt vì dịch Trung thiên mới mở đầu, Dủ-lý bảy năm chưa kịp diễn. (1)

Ngươi hẳn theo nghĩa đấy, khó nhứt kinh muôn đời hay giữ chắc, Thú-dương ngàn thuở vẫn còn nghe. (2)

Trần-bạch-Sĩ sau đày ra Côn-lôn được tha về, bị xử tử vì nạn Duy-tân năm 1917. Câu đối trên đủ thấy chí Trần đã định hy-sanh từ lâu.

VII

Phương Đông theo chánh-thể chuyên-chế, hành-pháp, tư-pháp, 2 quyền nhập một, không có qui chế « phân-quyền » như phương Tây. Vì thế nên kết án xử hình, nặng nhẹ, ra vào, lên xuống, tự tay quan lại ; gọi rằng luật lệ, chỉ là ý riêng của quan : có nhiều kẻ bị bắt giam, hoặc hết án xuy, trượng, đồ lưu, mà người bị tội không biết tên tội mình là gì Rõ là một việc kỳ quái (trước kia không tuyên án cho người tội biết bao giờ).

Tôi bị bắt ngày tháng 2 năm 1908, giam ở ngục Faifo, tháng 5 giải giao tỉnh cứu, tháng 8 dày

(1) Trần có diễn bộ sách dịch gọi là Trung thiên-dịch, tự sánh với dịch Thiên-tiên của Phục-Hy, dịch Hậu-thiên của Văn-Vương, cũng bạo gan nhỉ ! người tầm thường đâu có gan ấy.

Dủ-lý là tên ngục mà vua Văn-Vương bị giam và làm Kinh-dịch trong ấy.

(2) Thú-dương là núi mà Bá-Dy, Thúc Tề không ăn cơm nhà Châu chết đói trên núi ấy.

đi Côn-lôn, trước sau chỉ có buộc khai 2 chuyện :

1/ Nguy-Tác-Hạ ở Nghệ-an (cựu đảng làm Lãnh-binh lúc Cần-vương) là một người bình-sanh tôi không hề quen biết khi nào, vu cáo rằng Phan-Sào-Nam vào Quảng nam cùng Tây-Hồ và tôi mật hội ở nhà Tiều-La. Sau Sào-Nam xuất-dương có gởi mật-thơ về mỗi người một phong, không rõ trong thơ nói gì.

2/ Nguyễn-tư-Trực ở Khánh-hòa, khai rằng tôi cùng Phan châu-Trinh, Trần-qui-Cáp vào chơi miền Nam, khi kinh quá Bình-đinh cùng nhau làm bài Phú « Danh sơn lương ngọc » cùng bài thi « Chí thành thông thánh » và vào Nha-trang cửa Cam-ranh, có xuống xem binh thuyền Nga, (lúc ấy Nga-Nhật đánh nhau, binh thuyền Nga có đậu ở cửa Cam-ranh mấy tuần) người ta nói toan sang Nhật-bản. (?)

Hai việc trên, việc thứ 1 là Nguy-Hạ vu khai có người chúc sử, rành là lời nói « đạc chừng » không chứng cứ gì cả. Đều thứ 2 Nguyễn-Trực khai bài thi bài phú kia vẫn đúng (vì lúc vào nhà y, anh em có đọc nghe). Đến nghi rằng xuống thuyền Nga mà toan sang Nhật-bản, rõ là việc vô lý làm sao !

Tôi từ vào nhà ngục cho đến ngày đi đày, chỉ thấy quan tỉnh bắt khai 2 đều trên, ngoài ra không có cái trường-hợp « tuyên án, ký án » gì cả. Ấy vậy mà kết nghĩ một cái án rất nặng là : « Thông

với người bội-quốc, xướng thuyết dân quyền cùng các cuộc khai thương lập học », kết án «xử tử phát Côn-lôn ngộ xá bất nguyên » !

Nực cười là tôi chẳng biết mình phạm tội gì, quan Tòa cũng không hề tuyên án, chuyện kể trên là nhờ người trong ty-niết (Tòa-án Nam) lén sao mà chúng tôi được thấy, tôi có một bài thi cảm tác :

無 國 何 能 背,
愚 民 豈 有 權.
合 商 成 禍 崇,
講 學 被 株 連.
粵 郡 名 山 賦,
甘 名 外 國 船.
爰 書 如 發 布,
當 作 小 編 年.

Không nước sao rằng bội ?
Dân ngu há có quyền.
Hiệp thương gây mối họa,
Giảng học cũng can liên.
Bình-định cùng làm phú,
Cam-ranh muốn vượt thuyền.
Án văn như phát bố,
Truyện tớ có đời truyền.

VIII

Lúc ấy bị đày Côn lôn, tôi cùng mấy ông Nguyễn-Thành, Phan-thúc-Duyện, Lê-bá-Trinh, Dương-Thạc, Trương-bá-Huy, hương chức Phúc-yên Nguyễn-

Cảnh, Hà-lam Nguyễn-Quản, cọng 8 người. An kết như dưới : (dịch).

« Bọn Huỳnh... Phan .. Nguyễn... vẫn người « trong khoa mục danh sắc, há không biết người « bội-quốc (Phan-bội-Châu) là không nên theo sao? « Nay Nguyễn-Thành thấy y tới nhà, bèn mời Phan- « châu-Trinh, Huỳnh-thúc-Kháng cùng nhau mật « nghị. Kế đó nghe y xuất-dương, Phan-thúc-Duyện, « Lê-bá-Trinh lại kết lập thương-hội để ngầm ngầm « tư trợ. Tuy ở trong thơ từ qua lại bí-mật không « biết được, (?) mà bằng theo công việc đã làm, « bảo rằng không có dị chí, có thể tin được sao ?

« Nay theo lời khai của Nguy - tác-Hạ và bài « thi có câu « xóa mạ lao lung » (1), gởi thơ có câu « cường quyền diện tự » (2) mà diễn thuyết ở các « trường học, cũng có câu « lấy yêu đồng bào làm « tôn chỉ » (3)... tuy trong vẫn có mấy đại đoạn

---

(1) Bài thi « Chí-thành thông thánh có câu :
« *Trưởng thử bách niên cam xóa mạ,*
« *Cánh tri hà nhật xuất lao lung* ».
長 此 百 年 甘 唾 罵
更 知 何 日 出 牢 籠

(2) Tôi bị giam ở ngục Faifo, ông cử Duyện chưa bị bắt, có gởi tôi một bức thơ, trong có câu Bình nhật thường trực tiếp nhà cường quyền, chỉ trần việc lợi hại v. v...

(3) 2 chữ « đồng bào » ngày nay nói quen nghe thường mà lúc ấy thành « chữ húy », chính năm 1908, việc xin xâu ở Bình-định, người ta gọi là « giặc đồng bào » và « giặc cúp tóc » v. v.

« khai trí trị sanh, tỉnh xa sùng kiệm » mà cốt lấy « 2 chữ « Dân-quyền » làm chủ nghĩa, mở mối bội « vọng cho nhân dân Bằng theo công việc đã làm « thực tự Phan-châu-Trinh xướng ra mà các người « kia phụ họa theo vậy.

« Hiện hạt dân gây ra phiến động, chưa chắc « không phải do cái thuyết « Dân quyền » gây mối « mà kích nên. Vậy nên xét theo lúc bình nhật, « tham cùng chúng luận, xét nghĩ phân minh cho « được thỏa đáng.

« Vả chăng, can về vụ ấy, xướng đầu chẳng « qua một vài người, còn thì có kẻ biết mà không « thú, có kẻ không biết mà theo càn. Một mai túm « cả vào trong lưới tội, nhà nước có chỗ bất nhẫn. « Vậy chiếu theo điều « mưu bạn vị hành », Huỳnh-« thúc-Kháng, Phan thúc-Duyện, xin kết án đồng « với Phan-châu-Trinh « xử tử đày Côn-lôn, gặp « xá chẳng tha », còn bọn Nguyễn - Thành mấy « người, trượng một trăm, lưu ba ngàn giặm, cải « hạng khổ sai 9 năm... ».

Cái án văn trên, rành là lối văn-sách trường-ốc như văn khoa cử !

Lúc ra ngoài đảo, quan Tây hỏi chúng tôi can án gì, chúng tôi thưa : « Không nghe tuyên-án », cả người Tây đều cười rộ và tỏ ý ngạc nhiên !

IX

Tôi bị giam riêng một mình ở ngục Faifo gần 3 tháng trời, rất là buồn bực, đến cuối tháng 5 ta mới giải lên tỉnh, trong tỉnh được cùng anh em

đồng tội chuyện trò có vẻ vui thích. Ngoài sự chơi tổ tôm, đánh cờ giải buồn ra, cùng anh em luận văn bình-thi lấy làm chuyện vui qua ngày. Một ngày nọ, anh em ra bài thi : « *Kinh-kha nhập-tần* 荊 軻 入 秦 » hạn vận. Tôi cùng mấy ông cử Mai, tú Khôi cùng làm, không bài nào nghe được, vì hạn vận mất thú, tôi có một bài phóng vận :

馬 角 當 年 恨 未 平
蕭 蕭 易 水 作 悲 鳴
俠 腸 貫 日 虹 無 色
浩 氣 橫 秋 劍 有 聲
拓 落 孤 懷 歌 泣 外
尋 常 一 諾 死 生 輕
可 憐 六 國 多 才 俊
不 及 屠 沽 出 薊 城

Nỗi oan sừng ngựa giận đương đeo (1),
Sông Dịch đưa người ngọn sóng trêu. (2)
Khí hiệp suối trời vừng mống lợt,
Hơi thu dăng đất tiếng gươm reo.
Chí côi hẳn để vui buồn ngoại,
Lời hứa đành mang sống chết theo.
Sáu nước nhân tài đâu vắng ngắt ?
Khéo nhường phường thịt tấm gương treo.

---

(1) Thái-tử-Đơn nước Yên làm con tin ở bên Tần, người Tần nói : Khi nào ngựa mọc sừng mới được về.

(2) Dịch thủy là sông lúc khách đưa Kinh-Kha ở đấy.

X

Nghe tin đày đi Côn-lôn (ngày tháng 8 năm 1908) nhưng chưa biết đi ngày nào, anh em trong lao, có làm tiệc rượu tiễn biệt, có cho món quà và tiễn thi ca, tôi có bài thi lưu-dẫn :

鶴 虫 浩 劫 不 堪 論
碩 果 無 多 剝 後 存
此 去 何 年 重 覩 面
人 生 有 別 最 銷 魂
山 河 破 碎 身 猶 健
髀 肉 蹉 跎 氣 未 吞
若 向 天 涯 問 前 路
雪 鴻 隨 在 有 泥 痕

Chim, sâu kiếp nọ nói càng đau !
Quả lớn đông rồi mới chín sau.
Cảnh biệt, năm nào cùng gặp lại,
Người đời buồn nhứt lúc chia nhau.
Non sông be bét thân còn mạnh,
Ngày tháng ta đà khi chửa thâu.
Đường bước, ven trời ai muốn biết,
Hồng đâu móng đỏ tuyết in sâu.

* *

Lại có bài hát lưu biệt :

Trăng trên trời có khi tròn khi khuyết,
Người ở đời sao khỏi tiết gian nan.
Đấng trượng-phu tùy ngộ nhi an,
Tố hoạn nạn hành hồ hoạn nạn.

Tiền lộ định tri thiên hữu nhãn,
Thâm tiêu du hứa mộng hoàn gia.
Mấy nhiêu năm vẫn cũng chửa già,
Nọ núi Án, nầy sông Đà,
Non sông ấy còn chờ ta thêu dệt.
Kia tụ tán chẳng qua là tiểu biệt,
Ngựa Tái-ông họa phúc biết về đâu ?
Một mai kia con tạo khéo cơ cầu,
Thảy bốn bể cũng trong bầu trời đất cả.
Ư bách niên trung tu hữu ngã.
Dầu đến lúc núi sụp biển lồi, trời nghiêng đất ngả,
Tấm lòng vàng tạc đá vẫn chưa mòn.
Trăng kia khuyết đó lại tròn.

XI

Trong thi các bạn tiễn, có mấy bài tứ tuyệt của ông tú Phan-Khôi là xuất sắc hơn :

1. — 人 生 豈 必 長 相 聚
流 落 窮 愁 亦 復 佳
送 別 自 由 權 限 斗 (1)
獄 庭 寸 步 卽 天 涯

2. — 不 言 此 去 爲 蒼 生
只 爲 憂 時 樹 重 名
前 路 相 逢 應 一 笑
天 涯 不 用 泣 新 亭 (2)

---

(1)(2) Nguyên của ông: 送 別 自 由 還 有 限 cùng 前 路 相 逢 應 有 淚 天 涯 權 作 一 新 亭 đọc anh em nghe, có sửa vài chữ như trên,

3. — 去矣諸公何所思
千秋鴻豁有餘悲
太平洋外波千頃
吼入崑崙島上時

4. — 蘭摧鶴去兩悠悠
滄海茫茫後死憂
秖合夢魂無愧怍
便橫東海看西流

1. — Người đời há phải hợp nhau hoài,
Lưu lạc cùng sầu gẫm cũng hay.
Tống biệt tự do quyền hạn hẹp,
Sân lao nửa bước cách trời mây!

2. — Đi này không nói vì thương sanh,
Vì bởi lo đời mắc chữ danh.
Ra đấy, một cười khi gặp chắc,
(chỉ cụ Tây-Hồ ra trước)
Thiên nhai mưa rưới lệ Tân-đình.

3. — Việc gì ? đi vậy hãy chư tôn ?
Hồng-Lạc ngàn thu lắm nỗi buồn.
Ngoài biển Thái-bình muôn lớp sóng,
Có hồi tiếng dội dậy Côn-lôn.

4. — Lan khô, hạc tách rẻ dây sầu, (1)
Biển cả mênh mông gánh kẻ sau.
Ước đặng mộng hồn không hổ thẹn,
Biển đông ngồi ngắm chảy sang Âu.

(1) Lan khô, chỉ người chết, Hạc khứ, chỉ người đi đày.

XII

Tiểu-La tiên-sanh, bình sanh lưu tâm thực học, không hay làm thi văn, song thỉnh thoảng có cảm xúc, thổ lộ một đôi câu, khác hẳn bọn văn-sĩ thông thường, vì trong bụng có súc tích sẵn nên nói ra có lý thú, không phải như phường ruột trống, không đau mà rên kia.

Lúc mới dò nghe kết án, có tin đồn rằng án chung thân thì đày ra Côn-lôn, còn án khổ-sai 9 năm, thì đày đi Lao-bảo. Tiên-sanh án 9 năm, tính chắc đi Lao-bảo, không cùng đi Côn-lôn với tôi. Nên trong lúc anh em có thi ca tiễn mấy người đi Côn-lôn, tiên-sanh vỗ vai tôi và bảo :

Tôi không làm thi, song cũng có 7 chữ đưa ông. Tôi bảo :

— Hãy đọc nghe.

— Đồng thị thiên nhai lộ bất đồng.

同是天涯路不同(1)
Đồng cảnh ven trời lại khác đường.

Tôi vỗ tay khen hay : thôi, 7 chữ đủ rồi, không cần làm trọn bài nữa.

Té ra sáng ngày có giấy giải đi thì tiên-sanh lại cùng chúng tôi đi Côn-lôn.

Ra Côn-lôn 2 năm, tiên-sanh mang bệnh thổ huyết mà mất, không cùng chúng tôi trở về.

(1) Ý nói kẻ Côn-lôn, người Lao-bảo.

Đọc câu : « Đồng thị thiên nhai lộ bất đồng » trên, không sao ngăn giọt lệ được.

Tiên - sanh có bài vịnh « con cóc » 14 chữ cũng hay :

天 地 不 平 難 閉 口
風 雲 未 至 且 埋 頭

Trời đất bất bình khôn ngậm miệng,
Gió mây chưa đến hãy chun đầu.

Sào-Nam tiên-sinh thường thích đọc luôn.

Lúc ấy bị phát đi Côn-lôn, tôi cùng mấy ông Cử - nhân Phan-thúc-Duyện, Ấm - sanh Nguyễn - Thành (Tiểu-la), Cử-nhân Lê-bá-Trinh, Tú - tài Trương-bá Huy, Dương-phụ-Thạch cùng hương-Cảnh và hương-Quản là 7 người. (1)

XIII

Người đời có bạn giao bằng tinh thần, bình nhật chưa từng biết mặt mà khi mới gặp nhau vui thích như bạn quen đã lâu. Đô-Lăng có câu « văn-chương có thần giao có đạo 文章有神交有道 » thật thế.

Tôi cùng ông Đặng-nguyên-Cẩn (Thai-sơn) (đỗ Phó-bảng làm quan đến Đốc-học, một nhân - vật cự-phách trong cựu-học và lãnh tụ tân-học ở tỉnh Nghệ-an) cùng ông Ngô-đức-Kế (Tập - Xuyên, đã nói trước), đã vài năm giao nhau bằng tinh thần

(1) Trần - cao - Vân lúc ấy ở Bình - định, năm sau mới đày ra,

trên làng học mới mà chưa biết mặt nhau. Lúc chúng tôi bị giải đày đi Côn-lôn, do bến sông cửa Hàn (Tourane) lên tàu, quan tây dẫn ra bong sau tàu thì thấy một bọn cổ gông chun xiềng, cả thảy 9 người. Tôi biết hẳn là thân-sĩ Nghệ-Tịnh cùng tội quốc-sự như mình, mà mấy bác thấy chúng tôi, cũng ngó mặt nhau mà cười. Ngồi yên, nói tên họ thì : Đặng - Thai - Sơn, Ngô-Tập-Xuyên, Đặng - Nghiêu-Giang 桁, Lê - Lâm-Ngu (Giải - Huân) cùng học sinh và dân 5 người nữa : Đỗ-Tính, Lý-Tư, Đội-Phương, Hương Hợp, Lý-trưởng Hạ lôi. Đêm ấy tàu đậu ở Tourane, độ 8 giờ tối, ở Thừa-thiên có giải vào một cậu Ấm-sanh Lê-đình-Mộng.

Trưa bữa sau tàu đến cửa Giả Bình-định (施耐汛) thì có lính giải thân-sĩ và dân Quảng-ngãi, Bình-định, một xâu gông tạ kéo nhau lên tàu, ngồi yên hỏi tên nhau thì các ông Cử-nhân Nguyễn-Suy, Nguyễn-đình-Quản, Tri-huyện Nguyễn-Mai, Tú-tài Nguyễn-Tuyên, Phạm-cao-Chẩm (Quảng-ngãi), học-sinh Hồ-như-Ý, cùng Hương-Đôn, danh Chì, danh Tinh (dân Bình-định)... Kể cả thân - sĩ và dân mấy tỉnh cùng đày đi chuyến tàu ấy là 27 người. Mà văn-hào chiếm đến gần 20 người. Cái họa khoa-giáp cùng mạt kiếp Hán-học, rõ là một đoạn thảm kịch trên sử Hồng-Bàng xưa nay chưa từng có, mà ai biết đó chỉ là cái màn mở tuồng lớp đầu !

Đến Saigon, lên tàu dẫn vào khám lớn, cúp tóc chụp ảnh, đợi tàu một tuần lễ.

XIV

Năm Ất-tỵ (1905) tôi cùng cụ Tây-Hồ và cụ Thai-Xuyên có cuộc Nam-du, nhưng chỉ đi đến Phan-Thiết thì trở lại, chưa vào Nam-kỳ, lấy làm việc đáng tiếc, cùng hẹn ngày sau sẽ đi dụ lịch một lần khác, để bổ chỗ thiếu ấy. Nay vì cớ đi đày, đi ngang qua thành phố Saigon, vừa lên bến tàu thì dẫn ngay vào khám lớn, đi ngang giữa thành phố chỉ liếc mắt xem qua một nhoáng, trong lòng sanh mối ngậm ngùi, có bài thi chép mối cảm-xúc ấy :

富 貴 河 山 尙 在 聞
當 年 曾 此 會 風 雲
穹 江 有 路 通 曼 谷
紅 海 無 情 引 法 軍
撫 國 東 宮 猶 肅 像
鎭 西 老 將 賸 靈 墳
經 過 約 取 歸 來 日
把 酒 憑 高 一 弔 君

Chân-lạp giàu sang tiếng thuở nay (1),
Gió mây xưa vẫn hội nơi nầy. (2)
Sông Khung đường suốt thành Man-cốc, (3)
Biển đỏ tàu đưa linh Thái-tây. (4)
Tượng cồ Đông-cung đồng đúc đó, (5)
Mộ thiếng đại tướng đá ghi đây (6)
Thoảng qua hãy hẹn ngày đi lại,
Viếng cảnh, lên cao dốc chén đầy.

(1) Câu ngạn : Phú qui Chân-lạp.
(2) Vua Gia-Long gây nền trung hưng nhờ xứ Nam-kỳ.
(3) Man-cốc, đô thành nước Xiêm.
(4) Chỉ Hoàng-thái-Cảnh sang Tây cầu viện.
(5) Tượng Thái-tử với Bá-đa-Lộc.
(6) Mả Thượng-Công-Duyệt.

XV

Ở Khám-lớn một tuần đợi tàu đi Côn-lôn. Ngồi không, nói chuyện nhảm, nhân cùng nhau đọc mấy bài thi gần đây nghe chơi cho qua thì giờ.

a) Cụ Đặng-Thai-Sơn đọc bài :

« Đưa cụ Sào Nam Nam du ».

(Lúc ấy cụ Đặng làm Giáo-thọ phủ Hưng-nguyên mà cụ Sào vào Kinh và đi Nam sau khi Bắc-du mới về).

北 州 未 已 復 南 州
湖 海 豪 心 不 肯 收
自 笑 此 生 猶 白 面
可 無 奇 氣 傲 滄 洲
邠 陽 採 藥 尋 高 士
長 壘 觀 碑 弔 古 侯
獨 有 三 台 開 散 友
相 思 夕 夕 倚 江 樓

Vừa ra Bắc đó lại vào Nam,
Hồ hải lòng hăng bước chửa nhàm.
Tự nghĩ thân nầy còn mặt trắng,
Há không khí lạ ngạo đời phàm.
Cồ-hầu lũy nọ tìm bia đá, (1)
Cao-sĩ làng kia hái thuốc thơm. (2)
Lưa có Tam-Thai người bạn cũ. (3)
Giang lầu ngồi dựa ngóng thâu đêm.

(1) Tức lũy-thầy trường-dục, ông Đào-duy-Tử Lộc-khê hầu đắp ở Quảng-bình.
(2) Làng Thai-dương gần cửa Thuận-an, là làng ông Cao-Sĩ Huỳnh-Quang có làm bài : Hoài-nam khúc
(3) Tam-Thai là hiệu của cụ Đặng-nguyên-Cẩn.

b) Tập-Xuyên đọc bài : cảm tác.

狂 波 滾 滾 向 東 奔
太 息 何 人 種 禍 根
虎 豹 噬 人 驕 白 晝
妖 魍 載 道 舞 黃 昏
天 心 未 悔 黃 人 禍
文 字 難 招 故 國 魂
搔 首 不 堪 頻 北 望
彌 天 塵 雨 暗 中 原

Biển đông ngọn sóng cuộn tròn ghê !
Gốc họa này ai vãi giống kia ?
Hùm cọp ban ngày tung kiếm thịt,
Yêu ma đường tối múa ra nghề.
Giống vàng họa lớn trời chưa hối,
Nước cũ hồn xa gọi chửa về.
Buồn rứt gải đầu trông cõi Bắc,
Mịt mù mưa bụi kéo tư bề. (1)

* * *

c) Tôi đọc 2 bài « vô đề » (2 bài thi nầy làm sau khi 2 cụ Phan đã sang Nhật-bản).

1. — 囘 首 河 山 夢 未 醒
忽 教 奇 想 入 冥 冥
楚 江 有 客 擒 孤 劍
蜀 道 何 年 遣 五 丁
萬 縷 春 蠶 心 不 死
千 年 故 塚 鬼 無 靈
鄂 中 只 解 巴 人 曲
白 雪 歌 成 獨 自 聽

(1) Chỉ cuộc nước Tàu lộn xộn.

2. — 風 雷 四 壁 晝 昏 昏
夢 起 寒 窓 靜 掩 門
地 獄 數 重 無 日 月
天 涯 隻 影 有 乾 坤
銅 駝 目 下 新 亭 淚
杜 宇 聲 中 故 國 魂
請 上 一 層 樓 上 望
扶 桑 東 畔 掛 朝 暾

1. — *Ngảnh lại non sông giấc mộng nồng,*
Khiến người tơ tưởng giữa mênh mông.
Sông sâu khách đã mang gươm tếch,(1)
Núi hiểm năm nào mở nẻo thông ?(2)
Muôn mối tơ tằm lòng chết chửa,
Ngàn năm mả cỏ quỉ thiêng không ?
Ba-nhân khúc nọ nhiều người họa, (3)
Bạch tuyết ca rồi chỉ ngóng trông. (4)

2. — *Ban ngày như tối sấm mưa ồn,*
Ngủ giậy ngồi ym lớp cửa dồn.
Ngục kín mấy tầng không ánh sáng,
Ven mây chiếc bóng có trời con.
Tượng Đà ngắm nghía đành rơi lệ,
Tiếng quốc von veo khéo gọi hồn.
Hãy rắng một tầng lầu đứng ngó,
Vầng đông treo bóng Thái-dương tròn.

(1) Dùng điển Ngũ-tử-tư.
(2) Điển ngủ đinh mở núi.
(3) Ba-nhân : khúc hát dở.
(4) Bạch-tuyết : khúc hát hay.

Phong-niên (Nguyễn-đình-Quản) đọc bài thi của ông bạn là ông Cử Lê-Cẩn làm ở trong ngục :

故 國 山 河 重
新 潮 勢 力 輕
雄 心 忘 鼎 鑊
素 蔕 斷 鯢 鯨
欲 效 高 長 泣
寧 知 吉 不 成
縱 然 流 熱 血
同 類 吸 文 明

Non sông ơn vẫn nặng,
Sóng gió cuộc vừa xoay.
Vạc lửa lòng quên sợ,
Tăm kinh mộng đuổi ngay.
Khóc đời Cao chửa chán, (1)
Hổng việc Cát nào hay. (2)
Máu nóng đầu trôi chạy,
Văn minh hấp cả bầy.

* * *

Thi-xã trong bọn tù quốc-sự trên mười mấy năm, cuộc văn-thoại ở Khám-lớn thuật trên là bài mở đầu vậy.

XVI

Côn-lôn là một hòn đảo giữa biển ở về phía đông biển Saigon, trước triều ta thuộc tỉnh Vĩnh-

(1) Cao sơn Chinh-chi, nhân-vật trong cuộc Nhật-bản duy tân khóc mãi đến chết.

(2) Cát-điền Tùng-Âm, người mở đường xuất dương đầu tiên nước Nhật

long. Từ thuộc về người Pháp dùng làm nơi đày tù Ở Saigon đi tàu thủy độ 16, 17 giờ đồng hồ. Khi xuống tàu có 1 người gardien dẫn đi. Tàu đến bến thì gardien và ma-tà (Surveillant) Côn-lôn đem chiếc xà-lan trong bến đưa ra đón (khi giải tù ra có tin báo trước), dẫn chúng tôi lên bến đi thẳng xuống phòng giấy Gardien Chef sắp hàng nơi sân. Gọi tên từng người, bao nhiêu đồ hành-lý và thập vật, tiền bạc mang theo cùng áo quần đều ghi tên gởi vào kho, ngoài cái thân ra chả còn có vật gì cả.

Đoạn, cấp cho mỗi người quần áo vải xanh một bộ, một chiếc chiếu và một cái thẻ bài, trên có in số hiệu. (Khi vào khám lớn Saigon đã có thẻ bài. Nay ra Côn-lôn ghi số hiệu theo số tù Côn-lôn, nên đổi thẻ bài mới. Thẻ bài của tôi số 7455).

Lãnh xong, dẫn đi trồng đậu rồi dẫn vào khám nhốt vào một cái phòng. Một tiếng cắc, cửa khóa lại, đó là bước đầu chúng tôi đến Côn-lôn.

Một cái nên chép là người Tây dùng số-học ra làm việc thực-tế, phàm sách sổ khi dụng gì gì cũng nêu thứ tự theo chữ số để tiện tra khảo, rất là tiện lợi, lại khỏi cái lối sai lầm lẫn lộn. Cái thẻ bài ghi số tù nầy là một. Thẻ ấy bằng miếng gỗ mỏng mà vuông, trên khắc con số, dưới ghi án gì, mấy năm, hoặc chung-thân khổ-sai, cấm-cố, lưu-xứ và ghi cả kỳ mãn hạn. Mỗi người đều đeo thẻ ấy trên cổ thòng xuống trước ngực. Phàm có việc gì kêu gọi tra xét, chỉ gọi con số

trên thẻ bài đó, như là cái tên. Nói cho đúng thì chữ số trên thẻ bài, tức là thay cho tên họ vậy.

Vì cái thẻ bài ghi số đó, nên không khi nào lẫn lộn, như cắt đi làm xâu hoặc phát tiền công, số tù đôi ngàn mà phân phát trong một giờ đồng hồ là xong cả, không có cái lối trùng họ lộn tên khi nào. Vì cái chữ số giản tiện dễ phân biệt.

Cụ Tập-Xuyên đeo thẻ bài vào, cười, bảo anh em rằng : « Thẻ bài chúng ta đeo đây cũng như bài ngà mà các quan ở Huế thường đeo lòng thòng trước ngực, trông cũng dễ coi... ».

Cụ Đặng nói : « Như nói công dụng thì thẻ bài tù có thực dụng hơn, vì thay được tên họ, không giống như thẻ bài ngà Hàn-lâm hay Hành - tẩu, Cung-phụng v. v. ai cũng như nấy, không lấy gì làm phân biệt » cả bạn đều cười. My - sanh có câu thi ;

一 佩 囚 牌 不 記 年
出 門 魍 魅 候 身 邊

Thẻ tù đeo cổ chẳng ghi năm,
Ra cửa ma - tà cứ giữ chằm.

Vì án chung thân không ghi năm, và tù đi đâu một bước thì có ma-tà theo giữ bên chưn, câu trên là tả thiệt.

XVII

Đảo Côn - lôn trước kia chỉ có bọn thường phạm (do các lao Khám lớn, Hỏa-lò, Cao-man, Quảng châu-loan đưa lại), phần đông là tù Nam,

Bắc-kỳ, Cao-man, Lào, Khách trú, chớ Trung-kỳ không có, vì Trung-kỳ là xứ Bảo-hộ, thuộc tòa Nam-án, nên không gởi tù sang đây. Trước kia có ông Tấn-sĩ Dũ là một, (ra ít lâu rồi chết). Quốc-sự-phạm đày ra đây, cụ Phan-Châu-Trinh là người đầu tiên, thứ nữa đến bọn chúng tôi cùng Bắc-kỳ mấy chục người can án đầu-độc.

Khi chúng tôi ra đây, bước chưn lên đảo, định chắc là gặp cụ Tây-Hồ, nhưng lúc vào khám hỏi mấy người ma-tà thì mới hay cụ Tây-Hồ có lệnh quan trên được ra ở ngoài làng An - hải (cái làng thổ dân độc nhất ở đảo ấy) tự do làm ăn, không phải ở trong khám.

Nguyên lúc cụ Tây - Hồ ra đảo, ăn mặc, nói năng và cử chỉ, đều khác bọn tù thường, ma-tà và bọn tù kia nghe nói cụ ở ngoài Triều làm quan, nên gọi là « quan to » ; vì vậy nên thấy bọn chúng tôi ăn nói giống cụ Tây-Hồ, ma-tà và bọn tù đều gọi một tiếng là « tụi quan to » mà trong lịch-sử tù Côn-lôn, có thêm một hạng « tù quan to ». Cái tiếng « tụi quan to » truyền ra, chúng tôi chưa được giáp cụ Tây-Hồ mà cụ ở ngoài làng đã biết có chúng tôi đến, đã lật đật đi hỏi dò cho biết tên từng người. Chúng tôi vào khám độ 3 giờ chiều thì nơi cửa sổ nhỏ lưới sắt có người ở ngoài ném vào một viên gạch cùng mảnh giấy văng theo, dở ra xem thì chính thơ cụ Tây-Hồ mà tự tay cụ viết (cụ ở ngoài làng nghe chúng

tôi đến, viết mấy chữ nầy gởi cho bọn tù nhà bếp đưa vào).

Bức thơ như vầy :

« Thoạt nghe tin anh em ra đây, dậm chưn van trời một tiếng ! đoạn, tự nghĩ rằng anh em vì quốc-dân mà hy sanh đến phải ra đây, chắc là có trăm đều vui mà không có chút gì buồn, đây là một trường học thiên nhiên, mùi cay đắng trong ấy, làm trai giữa thế - kỷ 20 nầy, không thể không nếm cho biết. »

Sau có kể đại lược sự cư xử ăn uống trong tù cùng cách gardien ma-tà đối đãi v. v... vì chúng tôi mới vào trường học nầy chưa rõ học khóa ra sao, nên đem bài cụ đã học mà thuật lại cho chúng tôi biết. Tôi nhân có hai bài tứ tuyệt :

1.— 萬 死 投 荒 昨 悼 君
南 冠 今 我 亦 云 云
不 須 更 洒 新 亭 淚
鴻 貉 而 今 此 一 聞

2.— 萬 矢 紛 紛 集 一 身
誰 知 接 踵 復 多 人
天 涯 髀 肉 蹉 跎 甚
悔 不 神 山 再 問 津

1. — Đày hoang đảo, trước thế người sâu,
Mũ áo ta nay cũng chúc tù.
Thôi chớ Tân-đình rơi giọt lệ,
Ngàn năm sử Việt ấy trương đầu.

2. — Một chắc làm bia vạn mũi tên,
Dè đâu lắm kẻ nối chưn liền.
Góc trời ở luống thản nhàn quá !
Tiếc chẳng quay chèo lại núi tiên.

XVIII

Chúng tôi tới đảo, lãnh thẻ tù và phẩm phục rồi vào khám (khám nầy riêng cho bọn tù nhà bếp ngủ), chưa gặp một người tù nào và cũng chả biết ai, chưa cùng ai nói chuyện. Vậy mà ở trong khám được bức thư của cụ Tây - Hồ đã lấy làm lạ rồi. Cũng chiều bữa mới vào ấy, cũng ở nơi cửa sổ lưới sắt ấy, lại thấy một viên gạch con do tay ai ném vào cũng có thẻo giấy, dở ra thì thơ gởi cho cụ Ngô-Tập-Xuyên và thăm cả anh em đồng tội, sau có phụ một bài thơ, dưới ký tên rõ ràng :

« Bắc-hà Thượng - Cát
TRẦN-TRỌNG-CUNG »

Bọn chúng tôi cả 27 người, không ai biết người ấy là ai, chính cụ Ngô cũng không biết người nào mà biết tên họ mình, ngồi ngẫm nghĩ mãi cũng không nhận ra. Bài thơ như dưới :

南 車 消 息 滯 歸 鴻
世 路 崎 嶇 恨 未 通
人 有 同 心 增 激 慨
武 無 用 地 泣 英 雄
孟 津 洗 甲 愁 無 雨
赤 壁 揚 帆 恨 欠 風
果 信 扶 南 天 意 在
向 陽 吹 毛 火 星 烘

Xe nam đi lại vắng tin hồng,
Đường thế quanh co giận chửa thông.
Người có đồng lòng thêm khẳng khái,
Vỏ không lưa đất khuất anh hùng.
Mạnh-Tân giắc giáp chờ mưa Bắc,
Xích-Bích dương buồm thiếu gió đông.
Ắt hẳn lòng trời phò tổ quốc,
Hỏa tinh thổi đỏ giữa tầng không.

(Sau mấy tuần mới gặp Trần, tên thường gọi là « Đồ-Cát », người củ lớp Cần-vương, bị tình nghi vào vụ Hà-thành đày ra Côn-lôn trước vài tháng. Cụ Tập-Xuyên thường ra Bắc-hà, nên nhiều người biết tên. Trần-quân người thành-phác, sau thường qua lại, thành bạn thân với chúng tôi).

XIX

Đảo Côn-lôn là cồn nổi giữa biển, bốn mặt đều biển bao bọc, dễ việc canh phòng, nên người Pháp dùng làm nơi đày tội, đảo ấy là một sở nhà ngục lớn nhứt ở Đông-dương. qui-mô kiến-thiết, nghiễm nhiên như một tỉnh hạt trong đất, có khác một đều là dân ở dưới quyền cai trị đều là bọn tù tội (trừ mấy chục người thổ-dân làng An-hải là dân civil).

Đảo có một quan Tham-biện (Directeur, Administrateur du Pénitencier) giữ chánh quyền tối cao, thuộc dưới quyền quan Thống đốc Nam-kỳ, một viên ký-lục giữ tài-chánh, một viên Chef (Gardien en chef) phân bác gardien ma-tà, đốc-suất công

việc trong tù và việc canh phòng tù ngục, có một trại lính tây (caserne) do một vị quan Hai cai quản, lính Tây và lính Ấn-độ có trên 100 người. Có sở Bưu-điện, do một ông chủ người Tây coi sóc. Tuy là nơi đày tù ở cách ngoài biển mà quan-thự cao sạch, đường sá chỉnh đốn, không kém trong đất. Có một nhà thương (ambulance), có quan thầy thuốc chẩn bệnh cho thuốc, cả người civil và tù, dùng người tù làm khán-hộ. Chúng tôi mới lại, lãnh thẻ bài và quần áo, sang nhà thương trồng đậu, sau mới vào khám.

(Đây và dưới, đều kể chuyện năm 1930 trở về trước, về sau có đổi khác nhiều).

XX

Chung quanh có bức thành, trong vòng thành rộng độ một mẫu, ấy là ngục-viên (bagne 1, nhà ngục thứ nhứt. Năm 1916 có làm thêm một sở gọi là bagne 2), bốn phía có thành cao, chỉ chừa cửa trước và cửa sau. Ngoài cửa trước có trại gác, nhà giấy Gardien-Chef, kho chứa các khí dụng, đều sát dựa theo tường lao. Cửa sau, bên trong thì nhà bếp, giếng và kho xay lúa, và ngục tối (cellule), mấy hầm để phạt người phạm trọng tội.

Chính giữa vòng thành ấy chia làm 2 bên, 2 giảy khám dài, mỗi giảy 5 phòng, lấy số từ 1 đến số 10, mỗi phòng chứa được trên 100 tù, theo án và xâu việc mà chia phòng (như chung thân ở 1 khám, lưu ở 1 khám, thợ mộc ở 1 khám, sở rẫy (jardin) ở 1 khám, xâu tạp ở 1 khám v. v.).

Giữa 2 giảy khám, cách 1 cái sân rộng độ 12 thước tây, có trồng 2 hàng cây bàng, bóng che mát cả sân. Trước giảy khám có hiên rộng (tù gọi hàng ba), nơi hiên đó là chỗ tù nhóm ngồi ăn.

Đồ ăn đựng bằng sắt tây, lon nhỏ đựng cơm, mắm, cá, thịt, thùng lớn đựng canh ; dùng thứ sắt tây nầy tiện lợi được cái không mẻ sứt. Khi ăn cứ 7 người 1 khúm, 7 cái lon, 7 đôi đủa, 1 lon cá khô nấu, 1 lon nước mắm, 1 thùng canh, hoặc rau, 1 thùng cơm. Cơm lứt, gạo xay không giả, đồ ăn thì cá khô và canh là món ăn độc nhứt quanh năm, thỉnh thoảng có bữa thịt, mỗi tuần một lần. Trong mấy bài tập vịnh của tôi có bài :

枯 魚 鹹 於 鹽
粗 飯 黑 如 鐵
七 人 共 壹 盤
席 地 肆 饕 餮

Cá khô mặn như muối,
Cơm lứt đen như sắt.
Bảy người chung một mâm,
Ngồi lết cứ xực gắt,

Đấy là chép chuyện thiệt vậy.

XXI

Làm xâu. — Công việc trong tù, đều có phân từng sở, có sở nhứt định, có sở tạp dịch. Sở nhứt định (fixe) như thợ hồ, thợ mộc, thợ rèn, hầm gạch, sở rẫy v. v., những sở nầy thường cắt bọn khổ-sai có kỳ hạn và tội án nhẹ ra làm. Còn tạp

dịch thì bất thường, nay xâu nầy, mai xâu khác (corvée diverse), có việc thì bắt làm, như xe đá, dọn tàu, đốn củi v. v. Án nặng chung thân, thường cấm cố và đập đá trong vòng sau khám, ít làm xâu ngoài.

Có một việc mà chúng tôi trọn đời không quên được : Nguyên xâu trong tù thì đập đá là công việc nhẹ nhứt. Chúng tôi mới lại tháng đầu, còn bị cấm cố trong khám, thường ngày ma-tà dẫn ra cùng bọn tù kia đập đá sau Bagne. Bọn tù kia đập đá dễ dàng làm sao ! vô luận viên đá lớn nhỏ, cầm búa đập xuống là rả ra từng miếng, trong chốc lát đã thấy đống đá đập rồi chất đống. Duy có « tụi quan to » chúng tôi thì ra sức khẻ mà viên đá không chịu bể. Đến viên đá con con mà rút cả thần lực đập luôn 5, 7 búa, nó vẫn cứng cỏ, không thèm bể, mới nực cười cho chớ !

Vì cái cớ đó, cái tiếng « quan to hèn » thành ra câu nhạo trong làng tù, thường bị các chú ma-tà mắng nhiếc luôn.

Cụ Tây-Hồ có bài thi « đập đá ».

Làm trai đứng giữa đất Côn-lôn,
Lừng lẫy làm cho lở núi non.
Xách búa đánh tan năm bảy đống,
Ra tay đập vỡ mấy trăm hòn.
Tháng ngày bao quản thân sành sỏi,
Mưa nắng càng bền dạ sắt son.
Những kẻ vá trời khi lỡ bước,
Gian nan chi kể chuyện con con.

Không những thế, « tụi quan to » có cái túi văn-chương, bình nhật ngạo nghễ với đời đã thành thói quen, dầu ở trong cảnh tù tội mà thói ngạo ấy không chừa, tự nhiên có hồi phát lộ ; gia dĩ đối với gardien, ma-tà, chưa quen cái lối ăn nói thù phụng bợ đở như bọn tù kia (trong tù đối với ma-tà, xưng hô cũng theo giai-cấp như quan-trường, thưa bầm sai là đã sanh giặc, như Cai thì gọi bằng « chú », Đội gọi bằng « thầy », Quản thì bầm « ông » v. v.. Bởi có cái tượng hình đó, các bác ma-tà cho « tụi quan to » là vô lễ. Một ngày nọ, có một chú ma-tà nhỏ tuổi coi xâu đập đá, thấy « tụi quan to » đập đá ươn quá, tay cầm cây roi mây đi tự đầu nầy đến đầu kia hỏi từng người :

— Mầy cái gì ?

— Bầm Cử-nhân. Chú cho một roi.

— Còn lão nầy cái gì ?

— Bầm Tấn-sỉ. Khi bầm có bộ cười, chú ta cũng cho một roi khá đau và bảo : mầy ăn nói vô lễ, cho một roi từ rày về sau biết tay tao ! rồi Ấm-sanh, Tú tài, đều được thưởng ngọn roi ấy, duy có người xưng Chánh-tổng được khỏi roi (người trong Nam không biết khoa giáp là gì, nên trọng chánh phó tổng hơn).

Tôi có bài thi :

進士爾何物
言語太傲慢
贈爾一長鞭
使知我手段

Tấn-sỉ là cái gì,
Ăn nói rất vô lễ,
Cho mầy một ngọn roi,
Mầy biết tay tao nhé !

Bài tứ tuyệt trên là ứng khẩu đọc ra mà anh em trong tù truyền làm câu giai thoại, thường lặp đi lặp lại luôn.

XXII

Trần quân-Trọng, cũng gọi Đồ Cát, người làng Thượng-cát (Bắc kỳ), tình nghi trong vụ đầu độc Hà thành đày ra Côn-lôn trước chúng tôi mấy tháng. Khi chúng tôi mới ra, ông ta đã có thơ thăm và tặng bài thi như đã nói trước. Sau vài tuần, chúng tôi được gặp ông ta. Ông người thành phác, nhiệt tâm việc nước, tuổi gần 50, trước tầng khó nhọc trong đám Cần-vương, có qua lại Nam-quan, Long-châu các nơi. Lịch-sử Cần-vương trước 30 năm, cả người và việc, thuật chuyện có lai lịch, nghe rất có thú, cung cho chúng tôi một đoạn sử-liệu có ích. Trong lúc buồn rầu không hứng thú, tình cờ được người bạn tốt, vui vẻ biết bao ! Tôi có tặng ông bài thi :

同是天涯對泣囚
前身歷閱讓君優
風塵一劍看滄海
君國三生忘白頭
可有壯心懸馬磴

那堪回首望龍州
秋深鎖室談遺事
俠骨嶙峋死未休

Giọt lệ thiên nhai vẫn bạn tù,
Thua người kiếp trước trải đời lâu.
Lưỡi gươm gió bụi trông cồn biển,
Gánh nợ non sông trắng tóc đầu.
Ngựa ký năm tàu lòng vẫn ức,
Long châu ghềnh mặt ngẫm thêm rầu.
Thu già khám kín cùng trò chuyện,
Hào hiệp gan kia đã chết đâu.

XXIII

Trong tù có bọn du-côn, hung dữ quen tánh, một chút hây nguýt, một lời động chạm nhau là đánh đá xâu ầu nhau, giết người bên chỗ nằm, không phải là việc lạ.

Chúng tôi lúc mới lại vài tháng đầu, ở chung với bọn tù thường ấy, rất lấy làm khổ, ban ngày đi làm, tối lại chúng tôi cùng nhau bàn văn chương, nói chuyện quốc sự làm vui, không dám chơi với bọn đó.

Một đêm nọ, độ 10 giờ hơn, tôi cùng cụ Giải-Huân (hiệu Lâm-Ngu) nói chuyện thi-văn đương say thì cái đèn lồng đóng trên tường, bỗng thấy mấy tấm pha lê bể rơi chảng chảng, đèn tắt, nghe có tiếng xô đuổi xòn xao bên cạnh, ước độ 10 phút, nghe có tiếng nơi cửa hô lớn: Ma-tà! Ma-tà!

Người cai ma-tà phiên gác đêm ấy đứng ngoài cửa ngó và hỏi:

Việc gì? việc gì lá kêu đó? thì nghe có tiếng trả lời:

Bẩm chú, tôi là Chụi đã giết thằng Chạy chết rồi!

Người cai đi gọi Gardien và ông Chef. Một chốc có độ 5, 6 người cầm đèn mở cửa vào, trước thu đồ hung-khí của hung-thủ (trong tù cấm kỷ không cho dùng dao và các đồ sắt, bọn tù thường dùng dùi đề đâm nhau, thứ nầy dễ dấu, dùng thứ coi thùng gánh (tinette v. v. thì mài được, sau lại thấy thứ dùi đâm, nhiều khi không chết, lại dùng vật khác. Cách giết người cũng tiến hóa lắm, ghê nhỉ). Bắt tên sát nhân ấy ra ngoài, và hỏi tên bị đâm kia, thì tên nọ ngang nhiên chạy lại, toàn thân bị trên 10 vít đâm, có vít sâu đến vào nữa tấc, máu chảy lai láng, mà trông bộ nó như là vô sự không biết đau và trước sau không nghe la một tiếng. Cái gan cũng cừ thiệt! (nó nói trong tối, nếu nó la thì bị đâm chết rồi, vì nó không la nên tên nghịch kia không biết đâu mà theo đâm nữa). Khi đó, tên bị thương cho vào nhà thương, còn hung thủ vào hầm kín (cellule).

Cụ Giải Lâm-Ngu có bài thi:

慨慷棍雄兒
殺人成慣習
一言稍異同

白 刃 軋 相 及
燈 火 暗 無 光
但 聞 叫 聲 急
頃 刻 雌 雄 分
淋 漓 血 流 濕
人 生 輕 死 生
此 風 可 長 揖
惜 哉 牋 同 胞
識 者 自 涕 泣
君 看 我 南 漠
世 紀 當 二 十
公 仇 與 私 仇
誰 哉 萬 矢 集

Hăng hái tay du côn,
Giết người đã thành tập.
Câu nói hơi chạm nhau,
Lưỡi dao đã cùng gặp.
Ngọn đèn bỗng mất sáng,
Chỉ nghe tiếng kêu gấp.
Dây-lát chia hơn thua,
Lai láng máu chảy khắp.
Chết sống coi như không,
Thói ấy đáng kinh xấp.
Đồng loại giết lẫn nhau,
Kẻ biết cho là thấp.
Xem thế kỷ hai mươi,
Biển nam sóng dồn dập.
Công cừu và tư cừu,
Muốn tên đâu chỗ sắp ?

XXIV

Chúng tôi ra tháng 8 năm 1908, đến sang năm (1909) độ tháng 2 thì một lớp ra khá đông : Bắc-hà, Dương-quân-Trạc (Cử-nhân), Nguyễn-quân-Quyền (chủ Đông-kinh Nghĩa-thục), Lê-quân-Đại, Vỏ-quân-Hoành. Kế vài tháng sau lại một lớp đông nữa là Thanh-hóa Hoàng-quân-Khải, Lê - quân - Nhỉ, Nguyễn-quân-Xứng, Nguyễn-quân-Soạn (đều Cử-nhân), Nguyễn-quân-Thiệp, Lê - nguyên - Thành, Lê-quân-Tá và Nghĩa-Bình Trần-quân-kỳ-Phong, Bình-định Nguyễn-quân Duy-viên (Tú-tài) cùng Tri-huyện Nguyễn-quân-Hàm, thông-ngôn Nguyễn-quân Chỉ-Tín (2 cha con người Bắc-hà), Sĩ-nhân Nguyễn-Tuấn, Chánh-tổng Hàm (Bình-định), mấy người dân Bình-định : Trùm-Lập, Phó Khả v. v. . . Kể trước cùng sau, quốc-sự-phạm có trên 50 người.

Sau ít năm thì có 3 ông Mục-sư là Đỗ-Lệnh, Nguyễn-Tường, Nguyễn-thân-Đồng (người Nghệ-an) và Nguyễn-hy-Cao (Tú-Kiên), Nguyễn-văn-Ngôn (Tú-tài), Nguyễn - Tịnh (Cử-nhân), Thông - ngôn Nguyễn-Long, nho San v. v.

Nhiều lần đơn xin cho bọn « Politiques » ở riêng một phòng và làm việc nhẹ. Sau đơn ấy được chuẩn-y, chúng tôi ở riêng một khám nhỏ gọi là khám B. làm sở ghế mây, đan chiếu và sở rẫy làm rau v. v.

Mấy năm sau, Trần-quản-cửu-Cai (Hoành) Lê-quản dật-Trúc (Vỏ), rồi Nguyễn-cảnh-Lâm, Nguyễn-thạch-Giản, Trịnh-đình-Lựu. Lại có mấy người biệt xứ được đem gia quyến theo như Cát-Thành Trần-Thuy, Phụng-Xuyên Nguyễn-Trung, Thông-ngôn Nguyễn-Tiệp, cùng Nguyễn-huy-Tiễn, Nguyễn-tử-Hành, Nguyễn-tử-Thản. Lại có mấy người đồng-học như Hoàng-Hưng, Phạm-cao-Đài, Đặng-bỉnh-Thành. Sau cùng có bọn binh Thiều, nho Đích, (Quảng-ngãi can vụ Duy-tân) đội Trường, đội Giá (can vụ Thái-nguyên) cùng Phạm-Nghi (ở Xiêm bị bắt)... Câu thơ « tiếp chủng đa nhân », rõ thành câu thơ sấm nhỉ !

XXV

Bị đày đi Côn-lôn, cầm như người đã chết, tưởng cùng người nhà trường biệt không còn được có tin tức gì nữa. Sau khi ra đảo, mới biết trong tù cấm cách vẫn nghiêm, song có cái lệ khoan là được phép gởi thơ về thăm nhà và người nhà gởi thơ từ và có gởi cho món quà gì, người tù cũng được nhận lãnh — nhưng đồ ăn dùng không phải vật cấm.

Thơ gởi về nhà, viết xong, dán tem, nhưng không được dán lại. Đưa ra nhà giấy Gardien Chef, nhà giấy ấy đưa lên phòng giấy Tham-biện kiểm xét, có chữ quan Chánh (tức Tham-biện) rồi mới được phát đi. Thơ người nhà gởi lại, cũng do phòng giấy xét có chữ Tham biện phê rồi mới phát

cho tù, có đều gì quan ngại, thơ bị giữ lại không phát.

Chúng tôi ra đây, trung tuần tháng 8 năm Mậu-thân (1908) đến thượng tuần tháng 9 mới gởi thơ về nhà dặn gởi thuốc hút và bày cách gởi thơ gởi thùng, đến tháng 12 năm ấy thì tôi tiếp được thơ nhà và một thùng chè và thuốc. Mới được thơ nhà lần đầu tiên, xem như được của báu, cảm động vô chừng !

Thơ tôi gởi về nhà có câu :

...以多愁善病之身,
兼去國懷鄉之感,
天涯流落,相思空
托於夢魂;歲月蹉跎,
顧影每愁於髀肉...

...Đã cái thân nhiều bệnh lắm sầu,
Thêm những nỗi lìa làng bỏ nước.
Ven trời lưu lạc, nhớ nhau chỉ gởi
nơi mộng hồn ; ngày tháng tiêu mòn,
ngắm bóng thêm buồn cùng bắp thịt....

Khi được thơ nhà và thuốc, có bài tuyệt cú :

一封滿貯相思藥
寄到天涯慰所思
料得窻前垂淚切
柔腸片片細如絲

Một phong gói chặt thuốc tương tư,
Gởi đến ven trời viếng bạn xưa.
Ngăn lệ trước rèm tay xắt nhỏ,
Lòng riêng trăm mối rối như tơ.

XXVI

Cụ Đặng nguyên-Cẩn, một nhà túc-học, sĩ phu Nghệ-Tịnh xem như núi Thái-sơn, sao Bắc-đẩu, là một người bạn già của cụ Sào-Nam. Vóc người nhỏ bé, mặt mủi đen xẩm, ngoài văn-học ra, toàn không biết một thứ gì. Tướng cụ xấu, nếu như người không quen biết mà mới gặp cụ lần đầu, tất cho là cái người không biết chữ « nhứt là một », mà ai có dè trong bụng chứa kho sách, khi áp ngàn quân, cái ngòi bút cỗ cảnh không ai sánh, cùng với cái tướng xấu quê đen quạm kia, hiệp thành cái lạ mà người đời ít có !

Phong-triều tân-học ở Nghệ-Tịnh, cụ cùng cụ Ngô-Tập-Xuyên đề xướng, mà cụ chuyên về mặt giáo-dục, thường tự sánh với Phúc Trạch-Dụ-Cát Nhật-bản (1). Cụ trước có làm quan tại Kinh, sau làm Đốc-học Nghệ-an và Đốc-học Bình thuận, quan trường vẫn trọng cụ bạn giao du khắp cả trong nước, thường tự xưng là phái ôn-hòa, lấy việc đào tạo bọn hậu-tiến làm trách-nhiệm mình. Bọn học trò cụ ở Nghệ-Tịnh nhiều người xuất sắc, trong

(1) Phúc-Trạch, nhà đại giáo-dục Nhật-bản về đời Minh-trị duy-tân, lập Khánh ứng nghĩa thục.

đám tân-học, như Ngư-Hải (Đặng-thế-Thân), Tùng-Nham (Nguyễn-văn-Ngôn), đều học trò cao-túc của cụ, sau chết về việc nước cả.

Ra đảo sau một tháng, cụ có bài thơ cảm tác :

回首河山百感幷
幾人東渡幾南行
天邊一自虬髯去
海上何年馬角生
衰衰羣公憐老大
翩翩少俊孰栽成
平生漫道温和派
慚愧埃庭亞剌卿

Ngảnh lại non sông rối ruột tằm,
Mấy người đông độ mấy vào Nam.
Rồng dương râu đã phăng qua biển
Ngựa mọc sừng kia đợi mấy năm !
Già nửa các ngài thôi đã chán,
Trẻ trăng một lủ có ai chăm ?
Bình sanh vẫn phái ôn hòa đấy,
A-lạc Ai-đinh hổ phải cam (1)

XXVII

Chúng tôi ra đảo hơn 3 tháng, mà chưa được gặp mặt cụ Tây-Hồ, chỉ thông tin và nói chuyện trên tờ giấy (chúng tôi ở trong khám, còn cụ ở ngoài làng An-hải). Một ngày nọ, tôi mượn cái

(1) A-lạc-khanh là danh nhân nước Ai-cập.

thẻ bài của một tên tù làm sở rẫy, ra làm ngoài sở rau nọ, mới được gặp cụ đi câu cá gần đó, chúng tôi mới xin phép người cai cùng nhau nói chuyện mấy phút đồng hồ. Tôi thấy cụ đã rụng 2 cái răng cửa mà cụ lại thấy tôi tóc bạc nhiều, nên lấy làm lạ (tôi 30 tuổi thì tóc bạc, năm ấy 33 tuổi bạc hết gần nửa). Hai chúng tôi ngó nhau mà cười. Tôi có bài tuyệt :

可憐俱是到崑崙
彼此參商幾曉昏
我髮蒼蒼君齒落
相逢一笑兩無言

Kiếp tù chung một cõi ven trời,
Hai ngã sâm thương cách mỗi nơi. (1)
Tóc tớ bạc phơ răng bác rụng,
Gặp nhau không nói ngó nhau cười.

XXVIII

Sanh-ly đã khổ, lại dồn lấy cái buồn tử biệt, người không phải cây đá, không thể không đau lòng, huống bạn chúng tôi là hạng người đa tình. Tiểu-La tiên-sanh ra đảo độ mấy tháng thì được tin buồn ở nhà gởi ra cho hay phu-nhân tạ thế, anh em có câu đối chia buồn cùng tiên-sanh.

(2) Sâm thương là sao Hôm sao mai không khi nào gặp nhau.

Câu đối của tôi :

二十年聞鷄待旦，得之賢助爲多；壯志未酬去國此回身一葉.
千里外見鴈思鄉，當此離魂未定；哀鄭倏至開緘無語淚千行.

Hai mươi năm nghe gà đợi sáng, vẫn nhờ hiền trợ giúp nhiều, chí lớn chưa đền, lìa nước tấm thân như chiếc lá.

Ngoài ngàn dặm trông nhạn nhớ nhà, đương úc ly hồn chưa định, tin buồn vội đến, xem thơ không nói luống rơi châu.

Câu đối của cụ Thai-sơn :

大丈夫以意大利爲妻，客裏開緘，雙袂合收兒女淚.
賢夫人亦越南一分子，山頭化石，一聲猶喚國民魂.

Đại trượng phu lấy nước Ý làm vợ nhà, đất khách được tin, giọt lệ chả vì nhi nữ chảy.

Hiền phu nhân cũng Việt-nam một phần tử, đầu non hóa đá, vía thiêng sớm gọi quốc hồn về.

Câu đối Dương-thiếu-Niên :

死別生離，十載愁腸南美客.
夫仇國恥，九原毅魄女王軍.

Thác biệt sống lìa, mối hận mười năm nam Mỹ khách. (dùng điển Gia lý-ba-đích nước Ý)

Thù chồng nợ nước, hồn thiêng chín suối nữ vương quân. (tức bà Trưng)

Mấy câu đối trên là lần đầu tiên « điếu vong » ở đảo. Từ đó về sau, kế tiếp xuất hiện luôn.

XXIX

Ngoài đảo mỗi năm ngày tết âm-lịch, 3 ngày cửa ngục mở toang, thả cả bạn tù ra ngoài hiên và giữa sân, chơi, đánh bạc, hát bội, có phát tiền lưu-ký cho tù, mỗi đứa một đồng, ai có tiền mandat gởi kho cũng được phát một đồng cho chơi 3 ngày tết. Trước sân banh như hội chợ và đám hội, bọn khách trú, ma-tà và người trong làng đua nhau bán các thứ quà bánh cho tù, được lợi khá nhiều.

Ở tù trong một năm có cái ngày chơi ấy là đặc ân mà đã thành thông lệ.

Mấy ngày chơi đó, bọn tù khác múa hát vui vẽ rất là náo nhiệt, duy có bọn tù quan to, về năm tết đầu tiên, ai nấy đều tỏ dạng buồn như mình có bị mất cái gì vậy. Tôi có vài bài « trúc chi từ » ghi mối cảm xúc ấy :

1. – 家 家 爆 竹 迓 新 年
閤 殺 儂 家 獨 悄 然
夫 婿 天 涯 幾 時 返
焚 香 燈 下 卜 金 錢

2. – 窻 前 春 日 影 遲 遲
陌 頭 楊 柳 色 依 依
自 是 東 君 情 獨 寡
不 將 夫 壻 共 春 歸

1. — *Rước xuân, hàng xóm pháo tre kêu,*
Buồn rứt nhà ta khéo vắng teo !

Về chẳng ? ven trời trông cách biệt,
Dưới đèn khấn vái lại xin keo. (1)

2. — *Ngoài cửa ngày xuân đẹp bội phần.*
Cạnh đường dương liễu sắc xanh ngần.
Đông hoàng sao khéo vô tình nhỉ !
Không dắc chồng ta về với xuân.

Cụ Ngô-Tập-Xuyên có một bài :

高 堂 初 上 拜 年 杯
整 備 歸 寧 喚 小 娃
閤 殺 祠 堂 門 外 路
玉 郎 偏 伴 阿 姨 來

Rượu xuân vừa chúc chén mừng năm,
Về viếng gia nương nhủ tớ em.
Buồn rứt từ đường bên cửa trước,
Dì cùng dượng nó cũng về thăm !

Mấy bài tứ tuyệt trên, vẻ rỏ tình nhi nữ trông chồng trong nhịp tết. So với câu thi « thất tịch 七夕 » của nhà nọ : (2) *Cháu trời thôi chớ rầu đêm vắn, tớ biệt nhà nay đã mấy năm* » (天孫莫漫嫌懽短, 儂自離家已幾年) tưởng không kém chút nào.

XXX

Sau chúng tôi ra đảo được một năm thì trong tù có phát bệnh dịch (1909). Lúc dịch mới phát,

(1) Cầm hai đồng tiền deo, 1 đồng sấp 1 đồng ngữa là tốt, còn sấp hay ngữa hết cả hai là xấu, gọi bói xin keo.

(2) Câu nầy trong Tùy-viên thi-thoại.

trong khám nhiều người chết, có kẻ buổi mai đi làm xâu mà buổi chiều đã chôn xác nơi mộ địa, có kẻ khiêng vào nhà thương đôi ngày mà không sống được. Trong bọn chúng tôi có lý trưởng làng Hạ-lôi (Hà-tịnh, quên tên) Hương-chánh Hà-lam Nguyễn-Quản (Quảng-nam), đều chết về bệnh dịch ấy.

Lúc ấy cụ Ngô-Tập-Xuyên cũng mang chứng ác nghiệt ấy, anh em rất lấy làm lo mưu với cặp-rằng dấu ở trong khám, không chở đi nhà thương (nhà thương đối với bịnh dịch vì sợ truyền nhiễm, nên bệnh vừa liệt là không chăm), anh em dùng thuốc cứu đốt và thoa dầu, may sống được, đó cũng là sự may. Cụ Ngô gởi thơ về nhà có câu :

« Bị con ma dịch bắt, nhờ phúc nhà con dày, anh em săn sóc, may qua khỏi được. Không thế, nay cỏ đã xanh trên nấm mả rồi ! »

Trận dịch nầy Lý Hạ-lôi chết trước, tôi có câu đối :

此地爲豪傑天然之學堂，來與吾輩相周旋，清福幾生修得到.

一鄉乃國家縮小之影子，能爲同胞爭利益，窮荒一死鬼猶雄.

Đảo nầy là trường học thiên nhiên bạn anh hùng, với chúng ta cùng sớm chiều, thanh phúc mấy đời tu được thế !

Một làng là tấm ảnh rút nhỏ của nhà nước, cùng đồng bào tranh lợi ích, cùng hoang một thác quỉ càng thiêng.

Kế vài bữa sau, Hương-Quản chết, cụ Đặng-Thai-Sơn có câu đối :

五行山入物今適崑崙，某也義黨，某也紳士，某也鄉職廁其間；凡我同胞，豈以尊卑分等級.

廿世紀新潮橫衝亞陸，或以舌戰，或以筆戰，或以利權爭於下，憐君熱血，爲誰流落到天涯.

Nhân vật xứ Ngũ-hành, nay ra Côn-lôn, nầy nghĩa đảng, nầy thân sĩ, nầy hương chức xen vào trong ; đều nghĩa đồng bào, há lấy tôn ty chia đẳng cấp.

Tân triều kỷ hai mươi, thẳng xông đất Á, hoặc đánh lưỡi, hoặc đánh bút, hoặc vì lợi quyền tranh ở dưới ; cảm ngươi máu nóng, vì ai lưu lạc đến ven trời ?

XXXI

Công việc tù Côn-lôn, lúc chúng tôi mới ra thì có xâu dọn tàu là nặng nề mà đối với « tụi quan to » rõ là một việc nặng quá sức ?

Ở ngoài đảo, cả quan, binh và tù, nhứt thiết đồ ăn và vật hạng đều ở Saigon chở ra (như cá khô, lúa, gạo và các tạp vật), tàu lại mỗi tháng 2 lần (tàu ra đó rồi sang Tân-gia-ba, khi ở Tân-gia-ba về, lại đi ngang đó, mỗi tháng có 2 lần đi về như thế).

Tàu chở vật hạng đến thì bắt tù dọn, chia làm 4 ban :

1·/ Tù ở sở lưới (pêcherie) gần bến, chống mấy chiếc xa-lan ra gần tàu, chuyên đồ vật sang. Tàu đậu cách bến xa, chuyền xong, chống xa-lan vào, cũng đậu xa bờ.

2·/ Đến ban thứ 2, lội xuống nước độ đến hàng, có nơi đến ngực, chực sẵn, hễ xa-lan chống vào thì ít người nhảy lên xa-lan, còn bao nhiêu đứng dưới nước, hễ trên xa-lan thả bao, dỏ, vật hạng xuống thì ở dưới đở lấy mà vác vào bãi. Nhiều khi sóng đánh đứng không vững chân, mà bao gạo, bao cá khô nặng quá vác không nỗi. Khổ nhứt là « tụi quan to » may gặp bao muối nhẹ gắng vác nỗi, đến bao cá khô, bao lúa thì 2, 3 người cùng tha, như kiến tha thẩn-lẩn. Sóng vỗ té lên té xuống ướt như chuột lột. Vậy mà bọn tù khác có nhiều đứa vác bao gạo cả trăm kilos để trên vai đi như không !

3·/ Đến bờ thì có ban thứ 3 chực sẵn, chuyền lên xe bò chở về kho.

4·/ Đến kho thì có ban thứ 4 chuyền trên xe xuống đem vào chất trong các kho.

Công việc dọn tàu nặng nhọc, đến ngày tàu lại, trừ các sở đặc-biệt như sở ghế, sở lò gạch cùng các sở nhứt định đi làm ngoài, còn các tạp dịch đều đình lại làm việc dọn tàu cả, có khi trưa không nghỉ, có khi dọn đến 8 giờ tối mới xong.

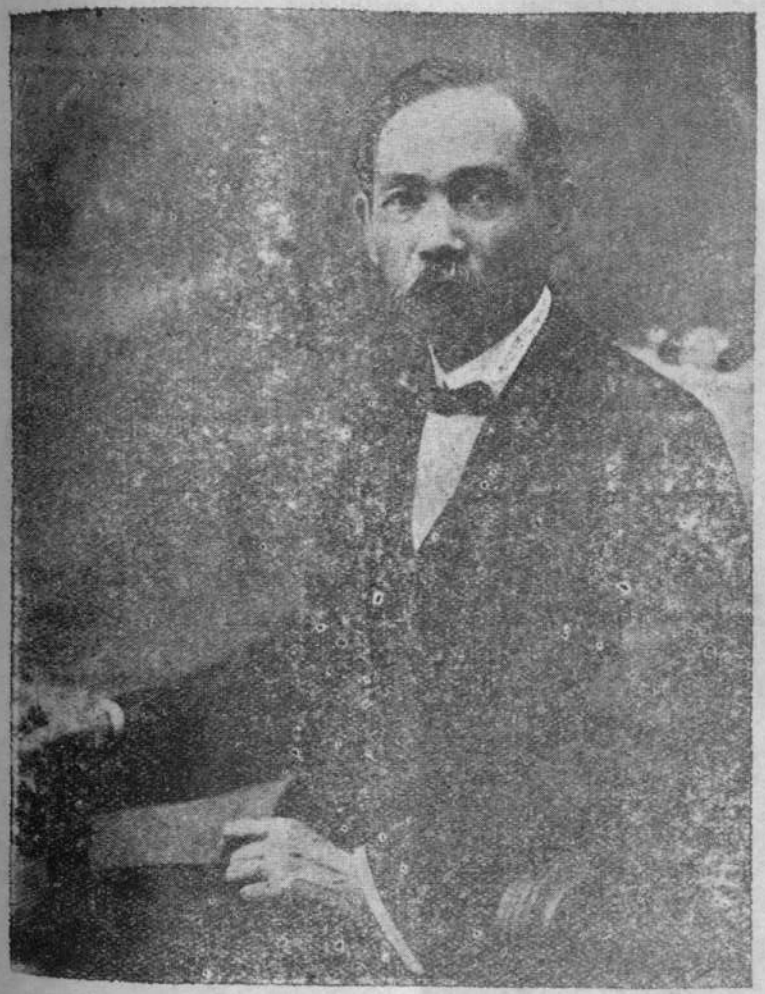

Tây-Hồ PHAN-CHÂU-TRINH

Đó là việc năm 1908-1910, lúc chúng tôi mới ra, có đọn 2 lần, rất là tê mê bãi-hoải, rước lấy vô số là roi. Xâu nầy trừ vài người dân Bình-định ra đủ sức làm được như bọn tù kia, đám quan to duy có ông Phong-Thử và ông Ngô-Xá làm nỗi, vác nỗi bao lúa, còn bao nhiêu đều quệ liệt cả, cho đến 2 người mà không làm sao rê nỗi một bao lúa (nặng 60 kilos).

Nhân vài lần đó, cái tiếng « quan to hèn », cả người Tây, lính gác, và ma-tà đều biết, vì có đánh chỉ nằm quị ra đó mà chịu không làm nỗi việc, thành sau quan to được khỏi xâu dọn tàu. Cái hiệu quả chịu đánh cũng khá đó !

Trong mấy bài tạp vịnh, tôi có bài :

何 事 忙 人 甚
柴 棍 載 粟 來
鞭 笞 行 且 至
面 色 白 於 灰

Việc gì rất ghê người,
Tàu chở lúa tới nơi ?
Sẽ rước trận đòn lớn,
Sắc mặt trắng như vôi.

Đấy là tả thực tình quan to sợ xâu dọn tàu.

XXXII

Chúng tôi tụi quan to lúc mới ra đảo, cùng các bọn tù khác ở chung, lắm đều cay nghiệt rất khó

chịu. Trải qua mấy lần làm công việc nặng, thi cái ngọn sở trường « làm đơn xin », viện lẽ quốc-sự-phạm xứ văn-minh được biệt-đãi, yêu-cầu nhiều lần mà quan chánh Tham-biện (Directeur) không xét đến (lúc chúng tôi mới ra gặp quan Chánh ít chăm sóc, việc gì cũng giao quyền cho Gardien Chef cả).

Trên 2 năm trời, có quan Tham-biện mới, ông Cudené ra, chấn chỉnh qui chế trong tù, phân biệt tội án nặng nhẹ, án gì theo tụi nấy, trong tù từ ăn mặc đến công việc đều có qui chế, làm đúng theo luật, lại có lệnh cấm đánh càn, tù có phạm tội thì tùy nặng nhẹ mà phạt. Quang cảnh trong tù đổi ra một vẻ mới, lời yêu cầu của tụi quan to được y-chuẩn, cho bọn tội « tù quốc-sự phạm » (déportés politiques) được ở riêng một khám gọi là khám B, lại được làm công việc nhẹ, lớp thì đan chiếu (natte), lớp thì ra làm sở rẫy (jardin), cái đặc ân trong tù, tụi quan to được hưởng riêng. Từ đó chúng tôi mới có thú sống chút ít, mà trong khám B trở thành trường học và thi-đàn của chúng tôi. Khóa học trong trường thiên-nhiên bắt đầu từ đó.

XXXIII

Việc đốc-suất quản-cố trong tù, dưới bọn Gardien (người Tây và người Chà) và ma-tà (surveillant indigène) lại có cái chức cạp-rằn (Caplan)

chức sau nầy chọn những tên lanh lợi bảnh thạo trong bọn tù. Mỗi sở có một cạp-rằn như cạp-rằn sở ghế, cạp-rằn thợ hồ v. v. trên tay áo có cái lon chữ ∧ đỏ làm tiêu hiệu. Cạp-rằn ra ngoài, coi suất chúng làm, giúp với Gardien ma-tà (cạp-rằn chỉ coi sóc khỏi làm việc). Khi vào khám cũng giữ xem trật tự trong một khám.

Theo cái lối dùi đánh đục, đục đánh săng, Gardien đục ma-tà, ma-tà đục cạp-rằn, cạp-rằn đục bọn tù, cạp-rằn chức nhỏ mà có quyền to, đánh đập, chưởi mắng bọn tù khác, lại xên (signaler) với Gardien Chef việc nầy việc nọ, khí-diệm cũng đáng ghê! Tuy vậy, tay anh chị trong tù cũng không ít, nếu cạp-rằn ỷ thế lộng quá, cũng thường bị chúng đâm giết.

Duy có tụi quan to là yếu hèn nên ở trong khám hay ra làm xâu ngoài, thường bị khuất phục với bọn cạp-rằn, nhưng thỉnh thoảng cũng có tên biết đều đối đãi tử tế.

Cạp-rằn T. người Bắc-hà, có học đôi chữ. Có cái thói quen trọng quan và sùng bái bọn khoa giáp, đối với tụi quan to chúng tôi có hơi biệt-nhản, gặp xâu việc nặng, y có đở vớt chút ít, nên chúng tôi đối với y vẫn có hảo cảm. Y nhà còn cha già, ngày nọ gởi thơ về thăm nhà, tới tôi và cụ Tập-Xuyên cùng cụ Lâm-Ngu xin mỗi người một bài thơ gởi về thăm cha và nói :

« Xin hai cụ Nghè và cụ Giải mỗi cụ một bài thơ, gởi về cho ông thân tôi làm vật kỷ niệm để

đời, vì ông thân tôi quí chuộng thi-văn của mấy cụ danh tiếng » (chỉ biết Tấn-sĩ, Giải-nguyên là quí, mà không hiểu Tấn-sĩ, Giải-nguyên trong tù không đáng nửa đồng kẻm, rỏ là chuyện buồn cười? song cũng là cái phong khí sùng-thượng khoa cữ ở xứ ta).

A) Tôi tặng một bài :

天 涯 憔 悴 感 南 冠
一 見 教 人 刮 目 看
鄉 思 行 山 雲 下 舍
芳 情 幽 谷 草 中 蘭
狂 飈 乍 捲 滄 波 急
春 信 將 歸 暮 雨 寒
寄 遠 勞 君 重 索 句
詩 文 誤 我 十 年 還

Góc trời mòn mỏi cảm thân tù,
Mới gặp nhau mà đã biết nhau.
Mây bạc cảnh nhà ngàn núi khuất,
Lan thơm trong cỏ nẻo hang sâu.
Gió đưa biển giậy triều thêm nỗi,
Mưa giục xuân về lạnh đến đâu.
Gởi tặng nề lòng đề mấy chữ,
Thi văn lụy tớ trải từ lâu.

B) Cụ Tập-Xuyên nhà còn ông bà cụ già. Nhân người xin thi gởi thăm cha, cảm tình đồng bệnh, nên bài thi cụ càng cảm-khái nồng nàn hơn :

故 國 方 新 界
高 堂 正 暮 年

隻 身 流 海 島
萬 里 夢 桃 筵
相 逢 何 必 曾 相 識
志 士 一 見 談 胸 臆
吾 儕 筆 舌 愧 無 功
慷 慨 知 君 富 膽 力
雲 函 珍 重 寄 遙 天
云 是 佳 音 達 父 前
我 亦 晨 昏 心 太 急
爲 君 題 罷 倍 潸 然

Nước củ phong triều mới,
Nhà gương tuổi tác cao.
Góc trời thân lạc-phách,
Tiệc thọ giấc chiêm bao.
Gặp nhau lọ phải người quen củ,
Chí-sĩ một thấy phơi can phủ,
Ngòi bút bọn ta hổ không công,
Khẳng khái như ngươi người ít có.
Tờ mây trân trọng gởi thăm nhà,
Rằng : chữ bình yên kính chúc cha.
Chiều sớm ta cùng lòng mến ấy,
Viết xong, giọt lệ chứa chan sa !

C) Cụ Giải-Huân nhà có mẹ già, bài thơ cụ cũng lâm-ly cảm-khái :

人 子 孝 父 母
當 知 父 母 心
只 恐 名 不 立
碌 碌 空 自 沉

東近流值持毋區何我酣　南爲落價此乃區以亦背　有豪一高娛孝髮開焚續　一傑到千暮情膳幽香詩　島林此金年深間襟祝吟

Con thảo với cha mẹ,
Lòng cha mẹ thế nào ?
Lo con không tự lập,
Trọn đời chìm dưới ao.
Đông nam có hòn đảo,
Một rừng tụ anh hào.
Lưu lạc được đến đây,
Ngàn vàng giá-trỉ cao.
Ý ấy dâng tuổi già,
Lòng thảo sâu biết bao ?
Sớm chiều lo cơm cháo,
Chưa phải đền công lao.
Ta cũng đốt hương chúc,
Chén thọ mừng tiệc đào.

XXXIV

Biết chữ nhiều mối lo (識字多憂患) (1), văn-tự lụy người, xưa nay cùng đồng mối cảm-khái ấy,

(1) Tô-đông-Pha có câu thi 人生識字多憂患.

cho đến đã vì cái cớ văn-tự, đày ra ngoài đảo hoang, góc biển, nhốt trong khám kín, mà cái dây « văn-tự » làm lụy đó, vẫn dăng dính mãi, không chịu rời ra, cứ theo bó buộc đến trọn đời, há không phải quỉ thần ghét người biết chữ sao ?

Tôi ra đảo mấy tháng, gởi thơ về nhà, có phụ 4 bài thơ. Nhân đó sanh ra lắm điều chi-tiết. Rỏ là cái họa kiếp chữ Hán.

Bốn bài thơ :

1) Cùng bà đầm :

無辛中浪封化強雲　緣苦饋遊侯石把惜　嫁勞頻費塞山閒雨　作勞煩供外頭慾妬　狂獨客盡應不問幾　生自饌衣話記明回　婦憐饌錢盧年月圓

(4 bài nầy đều dịch « lục-bát » và gởi cả bài dịch ngay lúc ấy.)

Rủi ro khéo gặp chồng khùng,
Nhọc nhằn nhiều nỗi, cam lòng đắng cay.
Trong nhà khách khứa liền ngày,
Bao nhiêu tiền bạc, một tay tiêu xài
Phong-hầu ra việc nói chơi,
Đã trông chồng nọ, một đời đã cam.
Sầu riêng hỏi thử trăng rằm,
Mây mưa ghen ghét, mấy năm lại tròn.

2) Cùng 2 đứa con nhỏ :

(Đứa con gái đầu mới 6 tuổi, đứa sau, tôi bị bắt tháng 2 mà nó tháng 7 mới sanh, kế tháng 8 thì tôi bị đày ra Côn lôn. Nay đọc bài thi nầy, không ngăn được nước mắt, vì 2 trẻ đều bỏ già mà đi sang thế-giới khác cả ! đứa lớn được 1 trai, cháu hiện ở với tôi, cho đi học.)

妻 絕 匆 匆 別 爾 情
一 纔 六 歲 一 初 生
孩 提 至 性 知 思 父
教 育 前 程 一 委 卿
女 學 新 潮 通 國 語
焦 桐 舊 曲 紹 家 聲
慰 情 豈 必 眞 男 子
君 看 傲 家 姊 妹 行

Vội vàng rẽ bước ra đi,
Đứa vừa sáu tuổi, đứa thì mới sanh.
Nhớ cha trông ngất trời xanh,
Giay nuôi nhờ có mẹ lành gắng công.
Bằng nay quốc-ngữ học thông,
Tiếng nhà may nối tiêu-đồng khúc xưa (1).
Chưa trai thì gái cũng vừa,
Chị em Trưng-nữ tiếng giờ còn thơm.

3) Cùng anh em chú bác :

青 山 三 面 枕 平 疇
一 帶 瀘 河 入 海 流

(1) Tiêu-đồng là cái đờn của ông Thái-Ung đời Hán truyền cho con gái là Thái-văn-Cơ.

諸 父 諸 兄 居 聚 地
某 邱 某 樹 少 年 遊
一 枝 自 信 鷗 巢 穩
萬 里 那 堪 鶴 夢 愁
多 少 去 時 新 植 桂
可 無 翠 幹 傲 寒 秋

Đồng bằng núi dựng ba bề,
Sông Giăng một giải chảy về biển đông.
Anh em chung ở một vùng,
Cồn kia rừng nọ, xưa cùng vui chơi.
Ổ chim một nhánh thảnh thơi,
Hay đâu giấc hạc, ven trời xa trông.
Bao nhiêu vườn quế mới trồng,
Sương thu ngạo nghễ, lẽ không cây nào ?

4) Cùng các bạn và học-trò :

慈 巒 河 山 大 有 人
風 潮 況 復 吸 來 新
千 間 廣 廈 門 中 士
萬 樹 櫻 花 雨 後 春
演 鼓 聲 中 呼 醉 夢
商 旗 影 下 集 冠 紳
而 今 一 別 無 消 息
腸 斷 崑 崙 海 嘯 辰

Non sông tốt, nhân vật nhiều,
Lại đua nhau rước phong-triều mới sang.
Học-trò nhà chứa ngàn gian,
Muôn hoa quế trổ sau làn mưa xuân.

Giấc mê, trống gọi tỉnh dần,
Dưới cờ thương học, quan thân dập dìu.
Mà nay tin tức vắng hiu,
Góc trời tiếng sóng chín chiu ruột đau.

Mấy bài thi trên, rành tả tình thiệt, chả có ý tứ gì lạ. Gởi về nhà bưu-điền Tam-kỳ, đưa lên phủ, viên tri-phủ lúc ấy kiểm xét thấy trong thi có mấy chữ « tái ngoại phong hầu, Trưng gia tỷ muội, khứ thời tân thực quế, kỳ hạ tập quan thân » v. v. cho là phạm thời húy, anh em ở nhà bị phiền luy lên xuống khai báo mãi mới nhận được thơ.

Từ đó, không rõ thế nào mà ngoài đảo có lệnh cấm tù không được gởi thơ bằng chữ Hán nữa, chỉ dùng chữ quốc-ngữ, nay đã thành lệ, rỏ là mạt kiếp chữ Hán!

XXXV

Tú-tài Dương-quân Trường-đinh tên là Thạc, người đồng huyện và bạn đồng học với tôi, cùng người anh là Dương-Thưởng, nhà nghèo siêng học, cả hai đều có tánh khẳng-khái, bạn đồng-học trọng tình đều tặng cho cái tiếng « nguyên phương qui phương » (元方難爲兄季方難爲弟).

Năm Đinh-vị (1907) trong huyện (lúc ấy còn gọi là Hà-đông, tức phủ Tam-kỳ nay), chánh phó tổng 7 tổng thông đồng với bọn nha lại, cậy thế sinh oai, tạ sự nhiều dân, dân-gian giám giận mà không giám nói. Anh em Dương-quân mới liên-

hiệp các xã trong huyện làm đơn trần tố các khoảng nhủng hoạnh ấy. Bọn chánh phó tổng cùng nha lại nhiều phương che đậy và vận-động đủ cách để êm việc. Nhưng anh em tới Tỉnh tới Bộ, bày tỏ tình trạng, lời lẽ sách hoạch, chứng cớ minh bạch. Việc đương tại án chưa cứu xong, thì vừa tấn kịch xin xâu nổi lên. Nhà đương cuộc nghi cho anh em Dương-quân xúi dân cự thuế, cả hai đều bị bắt giam trong ngục.

Dương-Tú-quân bị án chung thân đày Côn-lôn, anh Dương-Thưởng bị đày Lao-bảo (nguyên người anh có làm đầu vụ kiện quan trường khoa Bính-ngọ (1906), quan phó chủ-khảo khóa lúc ấy lại làm Án-sát Quảng Nam).

Dương-quân (Tú em) ra Côn-lôn được mấy tháng thì cảm bệnh ho, năm sau thì mất, trong lúc bệnh có vài bài thơ :

1) Tức sự :

一 謫 遙 遙 孤 島 中
可 憐 南 北 病 相 同
炎 邦 文 獻 看 猶 昨
歐 化 風 潮 未 奏 功
水 國 濤 聲 搔 夢 蝶
故 山 雲 意 戀 征 鴻
坐 間 莫 洒 新 亭 淚
多 恐 崑 崙 海 染 紅

Hòn đảo mỏ côi giữa cõi cùng
Đày ra, Nam Bắc kiếp tù chung.

Nước nhà văn-hiến còn in củ.
Âu-hóa phong-triều chửa trót công.
Tiếng sóng góc trời rầy giấc điệp,
Luồng mây núi cũ mến chim hồng.
Thôi đừng rưới lệ Tân-đình nữa,
E nhuộm Côn-lôn nước biển hồng.

2) Ngày Tết :

去年氣緣改然稚先
日明新宿不頭占
元我無有看更執
人是國光頭首功
西又海韶從肩島
說朝知道序家春
見明極不歲莫一

Tết tây vừa mới đi qua đó,
Năm mới ta, mai lại thấy sang.
Cảnh mới có gì nơi hải đảo,
Duyên xưa còn mến với thiều quang.
Năm theo đường củ xoay vần mãi,
Núi khuất nhà xa thổn thức giường.
Chớ gọi hang cùng xuân trẻ nhỏ,
Đầu tiên công ấy rước đông hoàng.

(Hai bài thi trên vẫn thường, song vì cái chết của Dương-quân rất vẻ vang trong làng tù, nên chép lại hai bài thi nầy).

XXXVI

Bài thi mừng thọ ông Trần-trọng-Cung :

Ông Trần-trọng-Cung (Bắc-hà, người đảng Cần-vương, trước đã thuật rỏ) năm Kỷ-dậu (1909), vừa 50 tuổi, sách tôi bài thi mừng thọ. Tôi tặng một bài ngủ-cổ, tự nhận là bài thi đắc ý :

天海何茫茫
歲花棄我去
君今年五十
我亦三十四
風塵過半生
拓落成何事
揭來臥孤島
熱血洒無地
土花蝕龍泉
鹽車垂驥耳
媚顏對棍徒
俯首向獄吏
感此遲暮心
兼之抑鬱氣
相看兩潛揮
相對潛揮淚
故國烟塵中
迢迢隔一水
歐潮彌天來
後路伊胡底
今年已云過
明年復可似

薑桂老愈辛
驊騮志千里
傳語素心人
身存心不死

(Dịch theo điệu « ca trù »).

« Giữa cùng hãi nước với trời bảng lảng,
Vội bỏ đi, ngày tháng chả chờ người!
Ngươi năm mươi mà ta đã ngoại ba mươi,
Kiếp gió bụi quá nửa đời nên chuyện cóc!
Ngoài cồ đảo nằm co một góc,
Biết nơi nao đồ dốc máu lưng bầu.
Gươm long-tuyền rét phủ đã từ lâu,
Dưới xe muối cúi đầu gò ngựa ký.
Tiếng mắng côn đồ đành khuất trí,
Ngọn roi linh gác đã ghê mình.
Cảm thân già thêm nỗi khi bất bình,
Ngồi ngó mặt lặng thinh rơi giọt lệ!
Trông nước củ khói mù xa cách bể,
Ngọn triều lay đảo-đề biết về đâu?
Xuân năm nay đành đã qua mau,
Xuân năm khác thế nào, nào có biết!
Tánh gừng quế càng già càng mảnh liệt,
Trải đường dài mới biết ngựa hay,
Thân còn tâm huyết còn đây ».

Bài thơ trên tặng chưa bao lâu thì ông ta bị ma dịch cướp đời sống, thành ra bài thơ điếu!

XXXVII

Người đời ai khỏi chết, chết vẫn là sự thường, người xưa có phân biệt như thuyết « núi Thái, lông hồng 山泰鴻毛 », cùng đạt quan như thuyết « thánh Nghiêu, bạo Kiệt đều xương mục cả 生則堯桀死則朽骨 ». Kiến giải thông thấu, không phải bàn nữa, duy có cái « may » cùng « không may » thì thật có thực :

Tù quốc-sự đày ra Côn-lôn, kể trong khoảng 13 năm mà ký-giả được rõ (1808 - 1921), cả thân-sĩ và dân, chôn xượng ngoài hoang đảo ấy có trên 10 người (hương Cảnh, hương Cò lý Hạ-lôi, nho San, Ký-Long, nho Hai, Tiểu-la, Trường-đình, Yên-sơn, Nhu-xuyên, Phong-niên, Xuân phổ, Tùng-nham, đều thân sĩ và dân Thanh Nghệ, Nam-Nghĩa, mà duy có cái chết của Dương-Trường-Đình tú-tài, là vinh-dự hơn hết, vì gặp cái hồi thích.

Dương-quân ra đảo chưa đầy 1 năm thì cảm bệnh ho thổ-huyết. Vào dưỡng bệnh tại nhà thương, tự biết không sống được, viết bức thơ vĩnh quyết với đồng-nhân trong có câu :

« Xưa da ngựa mà nay xe bò (1) cũng đủ khiến cho kẻ trượng-phu khởi sắc... 古馬革而今犢車亦足爲丈夫起色... »

Trong tù truyền câu ấy làm câu dai-thoại. Lúc ấy thân-sĩ Nam Bắc đày ra đó có 30, 40 người, ban

(1) Ngoài đảo, tù chết cho xe bò chở đi chôn.

đầu gặp nhau trong nhà ngục cùng nhau trò chuyện, tấm lòng phẫn uất không chỗ phát tiết. Nay có cái chết ông Tú Dương, « thỏ chết cáo rầu », tình cảm-khái có nhịp thổ lộ. Nên ai nấy đều soạn câu đối để ghi lòng bi điệu, không khác gì làm lễ kỷ-niệm lớn, kể cả có 40 câu đối, khẳng-khái lâm-ly, có cái quang-cảnh như đưa Kinh-Kha, khóc Điền-Hoành (1) ngày xưa vậy.

Đồng-châu Trương-quân Tử-Minh chép lại thành tập, tôi có câu đề ở sau. Tập ấy truyền về trong nước, truyền tụng khắp nơi, cho đến mấy anh em du học bên Nhật-bản cũng nhiều người đọc thuộc, thành cái chết của Dương-quân có vinh-dự hơn cả. Những bạn chết sau cũng có câu đối điếu khóc, song không nóng nhiệt bằng lần đầu nầy, lại sau nhân chữ Hán bị cấm không gởi về trong nước được. « May » và « không may » là thế.

Liễn điếu Dương-quân có trên 40 câu, đây chỉ dịch mấy câu đặc-sắc :

1) 大丈夫無所爲而爲，縱令銅像石碑，匪我要求身後譽.

精神界安知死不死，遮莫犢車馬革，多君慷慨病中書.

(1) Kinh Kha, hiệp-khách đời chiến-quốc, khách đưa khi đi sang Tần.

Điền-Hoành vua Tề, khi chết có 500 người chết theo.

Đấng trượng-phu thấy nên làm thì làm, dầu rằng bia đá tượng đồng, danh há mơ màng mong kiếp khác.

Cỏi tinh-thần biết đâu chết không chết, phó mặc xe bò da ngựa, thơ người khẳng-khái viết khi đau. THAI-SƠN

2) 沈沈祖國，數年來湧出大風潮；某也斃，某也流，鴻貉千年初見史.

鬱鬱英魂，九原下長眠新黨派；爲君歌，爲君泣，崑崙他日合鐫銘.

Âm trầm nước tổ, gần mấy năm sôi nổi ngọn phong triều ; kẻ chết, người đày, Hồng-lạc ngàn năm đầu thấy sử.

Ngui ngút hồn thiêng, dưới chín suối dắc dìu tân đảng phái ; tiếng hò, giọng khóc, Côn-lôn ngày khắc khắc nên bia. LÀM-NGU

3) 擇福幾如君，死亦何常，從古男兒羞牖下.

有情誰遣此，愛莫能助，可憐吾輩亦旁觀.

Chọn phúc chả như ai, chết cũng xem thường, thẹn bấy thân trai nằm xó cửa.

Có tình nguội sao được? yêu không thể giúp, xót cho bạn thiết đứng vòng ngoài. ĐỒNG-CHÂU

4) 君家不可當，弟既遠配，兄亦拘豔；誰教難起鴒原，海角天涯，灼艾遙遙分一痛.

吾儕同抱憾，存者偷生，死者長已；況復淚和鵑血，林清塞黑，歸魂夜夜喚同人.

Nhà ngươi mấy kẻ bì, em đã dày mà anh lại bị giam; gò tích-linh bồng cất tiếng kêu, góc bể chưn trời, ngãi đốt chữa đau chia mối khổ.

Bọn ta ôm giận mải, chết thì thiệt mà sống thêm lở dở, máu đồ-vỏ hòa cùng giọt lệ, rừng xanh ải tía, hồn về thấu nước gọi sao đêm. MINH-VIÊN

5) 歐風美雨，乾坤何等時；數年來筆舌呼號，休莫怪君瘋，亦莫笑君狂，蒼宇橫襟，鯨浪兼天驚咄咄.

瘴海嵐山，英雄無定骨；千里外萍雲飄泊，胡不與我留，却竟棄我去，荒村斜日，犢車送別笑呵呵.

Mưa Âu gió Mỹ, buổi càn-khôn dễ có mấy khi, trải mấy năm miệng gọi bút hò, thôi đừng trách ngươi bệnh cũng không nhạo ngươi cuồng; ngảnh mặt cõi đời, trông sóng kình reo ghê gớm tỏn.

Góc biển rừng hoang, xương anh hùng không cần lựa chỗ (1), ngoài muôn dặm mây trôi bèo dạt, sao không cùng ta ở lại bỏ ta đi trước; bóng chiều còn vắng, đưa xe bò khuất ngẫn ngơ cười!

NGHĨA-BÌNH

(1) Chữ «vô định» hoạt-dụng, không phải tên sông.

6) 中原莽莽，筆無靈劍亦無靈，可堪世事打萍，孤島一名慚亞剌.

塵境茫茫，生何事死爲何事，不見民權收果，全球萬口說盧梭.

Non sông rời rạc, viết không thiêng gươm cũng không thiêng; dễ thường việc nước tang bèo, cô đảo một tên thua A-lạt (1).

Gió bụi mênh-mông, chết có việc sống càng có việc; chả thấy quyền dân kết trái, toàn cầu muôn miệng ngợi Lư-xoa (2)? CỮ VÕ-TRẠC

7) 亞海一橫襟，廿紀競場，日人新於東，暹人新於南，卽支那人亦新於中；祖國回頭，熱血忍忘今世界.

瓜城大紀念，去年黨獄，陳君死於虞，朱君死於化，君乃今又死於島，精靈未泯，英魂猶戀舊江山.

Cạnh-trường bể Á, đầu giữa thế-kỷ hai mươi, người Nhật mới phương đông, người Xiêm mới phương tây, người Tàu cũng mới giữa Trung-hoa, nước tổ ghềnh xem, máu nóng há quên thời-đại mới.

Đảng ngục Qua-thành (3), vào Mậu-thân năm ngoái, Trần-quân chết ở Khánh (4), Chu-quân chết ở Huế (5), nay ngươi chết ở đảo, khí thiêng chưa dứt, anh-hồn còn mến nước non xưa. CHÂU-BÌNH

(1) A-lạt-khanh, một tay cách-mạng Ai-cập.

(2) Lư-xoa (J. J. Rousseau) làm bản sách «Dân-ước» (Contrat social).

(3) Thành tỉnh Quảng-nam ở làng La-qua.

(4) Cụ Nghè Trần-quí-Cáp chết ở Khánh-hòa.

(5) Ông Châu-thượng-Văn bị hạ ngục, nhịn ăn 20 ngày chết ở Huế.

8) 東西強國，百年前豈能僥倖造成；某也流血，某也投荒；數百折身軀，始有此頭等文明馳名大陸.

慨慷餘靈，九原下亦當胡盧大笑，誰與迷魂，誰與窒腦，幾千年民族，今乃有新民黨派鵠影窮山.

Đông tây nước mạnh, trước trăm năm há kiểu hảnh gây nên; nào người chảy máu, nào kẻ ở tù, trải trăm lớp hiểm nghèo, mới có nền rực rỡ văn-minh, lừng danh thế-giới.

Khẳng-khái hồn thiêng, dưới chín suối nên rỉ re cười rọ; nào ai che lòng, nào ai nhồi sọ, mấy ngàn năm dân tộc, bắt đầu thấy leo heo tân đảng gởi bóng cồn hoang! My-Sanh

9) 筆鋒舌劍，與肩鎗腰彈縱殊途，艱險不辭，報國此心同赤血.

憂辱一腔，嘗辛苦百般而竟逝，精靈未泯，吾胞何罪問蒼天.

Bút gươm lưỡi giáo, với đạn lưng súng nách dầu khác đường; gian hiểm không từ, yêu nước vẫn chung lòng đỏ đấy.

Ưu nhục trăm chìu, nếm cay đắng đủ mùi mà đến chết; tinh linh chưa dứt, hỏi trời: sao tội lủ dân ta? Vô-Danh

10) 志不異居故相同，萬里天涯如有待.

我初來君胡遽去，一般心事付無言.

Chí không khác nên ở cũng đồng nhau, muôn dặm ven trời như có hẹn.

Ta mới ra ngươi sao tách vội, một bầu tâm sự chẳng cần phô. (1) Yên-Sơn

11) 蒙覺誰爲之，紳智漸令民智啟.

精靈知也否，英魂應逐國魂歸.

Mộng giác hẳn nhờ đâu? Dân trí theo chìu thân trí mở.

Tinh linh chừng có biết, anh hồn sớm dục quốc hồn về. Cồ-Định

12) 筆舌無英雄，吾輩秖應慚一死.

犢車當馬革，君言猶足壯平生.

Nầy bút lưỡi đâu có anh hùng, bọn tớ thẹn vì thua cái chết.

Kìa xe bò sánh ngang da ngựa, thơ ngươi chứng rõ khí bình sanh. Tập-Xuyên và Thiếu-Niên

13) 以身爲社會犧牲，筆舌有權，文氣久通河以北.

他日望崛嵓片石，精靈来泯，碓魂鞾鎮海之南.

Hy sanh xã-hội tiếc gì thân, ngòi bút có quyền, văn khí vẫn thông sông cõi bắc.

Mảnh đá Côn-lôn còn để chuyện, tinh linh chưa dứt, hùng hồn đủ trấn biển miền nam.

Siêu-Tùng

---

(1) Mấy ông thân-sĩ Thanh-hóa tới đảo độ một tuần thì Dương quân tạ thế.

Liền điếu còn nhiều, trên chỉ chép câu có xuất sắc hơn, dưới nầy câu « đề sau tập »:

國民責任，一死亦尋常，乃羣南北之文豪學子，俠客義弁，爭出新文字以弔君，歌有之，哭有之，祈而祝者亦有之；四十餘聯輓佳聯，慷慨淋漓，價以崑崙增十倍.

志士熱腸，半籌猶未展，忽挾大地之駭浪驚濤，狂風驟雨，演一慘劇場以臨我，逃者幾，流者幾，戮若死者又凡幾；數千載希奇變局，陸離光怪史從鴻貉此初開.

Quốc dân gánh nặng, kiếp chết vẫn là thường, nay nhóm Nam Bắc nầy văn hào học tử, nầy hiệp khách nghĩa biền, đua soạn văn từ mới đề điếu người: nào ca nào khóc, nào là giọng khẩn cầu, liền đối hay trên bốn chục câu thừa, hăng hái nồng nàn, nâng giá Côn-lôn tăng xấp mấy.

Chí sĩ ruột đau, công đời chưa chút đỉnh, bỗng giữa đất bằng vừa sóng lớn dông to, vừa mưa dào gió dữ, diễn một tấn kịch buồn ngay tận mặt: kẻ trốn, kẻ đày, kẻ lại mang tội chết, cuộc rất mới trải mấy ngàn năm lẻ, lạ lùng ghê gớm, kể đời Hồng-Lạc đấy đầu tiên.

M. V.

XXXVIII

Bài thi cụ Tây-Hồ điếu mả Dương-quân: Sau Dượng-quân Trường-Đinh chết, chôn nơi mộ-địa tù thường (cimetière) đồng nhân sợ lâu ngày mất dấu tích, thuê người ngoài lắp gạch dựng cái bia, trên khắc mấy chữ:

« Việt-Nam chí-sĩ Dương-trường-Đinh chi mộ ».

Cụ Tây-Hồ ở ngoài làng thềnh thoảng qua lại thăm, và đem gà rượu cúng, cụ có bài tuyệt cú, vắn vắn có bốn câu mà đáng là bài thi đề sau tập kỷ niệm thuật trên:

青山碧水擁孤墳
風雨天涯泣故人
未敢盡情揮血淚
回頭國士正沈淪

Non xanh nước biếc nấm mồ côi,
Mưa gió thương ai một góc trời.
Chưa dám hết lòng tuôn nước mắt,
Ngảnh về nước cũ vẫn chơi vơi.

XXXIX

Tờ báo trong tù:

Đảo Côn-lôn ở giữa biển, tàu đi Xiêm-la và Tân-gia-ba, thì đi ngang qua đường biển ấy thường vào đậu, cụ Tây-Hồ ở ngoài, thềnh thoảng có được tin anh em ở Xiêm và ở Hương-cảng do người dưới tàu đưa lại.

Một ngày nọ, anh em trong khám có được một thẻo báo Hoa-kiều ở Xiêm, do cụ Tây-Hồ gởi cho xem, trong có thuật tin trận đánh Đề-Thám ở Phồn-xương (An-thế), cùng vài tin khác, cho rằng cái máy dân-quyền ở Việt-nam đã bắt

đầu chuyển động v. v. Tôi có bài thi « chí cảm »:

沈 沈 四 壁 日 如 年
疇 曩 襟 期 擱 一 邊
囚 界 秖 應 與 欲 死
國 魂 猶 與 蒭 爲 緣
民 權 機 動 登 遲 報
山 鬼 文 成 問 楚 天
故 士 皆 君 回 首 望
鎗 烟 聚 處 有 神 仙

Ngày dài vặc vặc bộn bề phen,
Chí khí ngày xưa gác một bên.
Thong-thả cảnh tù nhàn muốn chết,
Dăng-dìu hồn nước mộng chưa quên.
Báo Xiêm tin mách quyền dân động,
Trời Sở văn gò quỉ núi thiêng. (1)
Nước củ cùng người quay lại ngắm,
Dưới vùng khói súng có thần tiên.

XL

Chơi tổ-tôm trong tù

Trong tù, ngoài thi văn tiêu khiển ra, như ngày chủ-nhật v. v. thỉnh thoảng cũng chơi tổ-tôm (cũng chơi lén, chớ lạc-giang ma-tà thấy cũng bị phạt). Trong bọn tù thường kia trong đêm có khi có chơi sòng xóc dĩa. Chơi ăn thua một vài hào, song mỗi tháng tiền công cùng lãnh mandat (tiền nhà gởi ra chỉ được lãnh mỗi tháng một đồng), có ngài cũng cúng vào cuộc chơi ấy hết!

(1) Khuất-Nguyên, tôi trung nước Sở, làm bài văn « Sơn quỉ » xong, kế bài « Thiên vấn » (hỏi trời).

Cái ngày được xem tờ báo Xiêm và bài thi của tôi trên, cụ Tập-Xuyên chính sau lúc thua sòng tổ-tôm họa lại như dưới:

島 中 無 暦 日 如 年
詩 興 何 來 賭 興 邊
志 士 如 今 囚 太 牢
河 山 猶 與 鉄 爲 緣
還 家 夢 裏 爲 歡 局
鬪 毋 聲 中 未 薄 天
若 把 文 章 論 價 値
集 川 應 勝 幾 多 仙

(Cụ Nghiêu-Giang dịch sẵn):

Vo võ ngày tù xấp mấy thu?
Thi thì đỏi nợ bạc thì thua
Đã đành chí sĩ tù phần nửa,
Còn có non sông sắt sự đâu.
Giấc chợt về nhà vui cuộc ấy.
Tiếng vang « đéo mẹ mỏng trời » đâu (1)
Vì đem chữ nghĩa mà cân nhắc,
Đánh giá thi tôi thắng mấy xu?

Nhân tiếng « trời mỏng » ông Siêu-Tùng có bài thi, tôi có nhớ 4 câu rất hay:

Bốn biển gạch qua tờ giấy trắng,

(1) « Trời mỏng » là tiếng trong tù thường nói, chỉ việc ân xá hay là trông cái « ca » gì mà tù được thả hết gọi là « trời mỏng ».

Chín tầng trông suốt đám mây xanh,
Đã cao như thế lo gì đổ,
Cớ lủng thì ta vá lại lành.

XLI

Được tin buồn Đặng-hải-Côn tiên-sinh tự sát :

Lịch-sử quốc-sự của cụ Phan-Sào-Nam, trên 30 năm, chia đạo phất cờ là cụ Tây-Hồ mà trù hoạch tán trợ rất có công to thì có 2 người : 1) là Tiểu-la tiên-sanh. 2) là Đặng-hải-Côn tiên-sanh.

Chuyện Tiểu-La đã chép nhiều, đây thuật đại lược chuyện Ngư-Hải Đặng-thế-Thân.

Đặng tiên-sanh, người Nghệ-an, ở làng Hải-côn, nên gọi : Ngư-Hải, học trò cụ Đặng-thai-Sơn, mà cũng là học trò tối thân của cụ Sào-nam. Ngư - Hải tiên-sanh, người khẳng khái mà trầm tịnh, học vấn uyên súc, đởm thức hơn người, cái năng lực gánh nặng đi xa không lộ ra ngoài, không phải người đồng-chí thâm-giao thì không ai biết là người thế nào. Cụ Sào ở ngoài, sau Tây-Hồ và Tiểu-La bị đày mà trong khoảng vài năm, phong triều đông học còn lừng lẫy ảnh hưởng không dứt, chính là nhờ sức Ngư-Hải ; (trong miền nam thì có Sơn-Tầu và Nam-Xương).

Từ Ngư - Hải mất mà cụ Sào như mất một cánh tay, cái giây liên lạc trong ngoài bị dứt đoạn.

Chúng tôi ra đảo trong 1, 2 năm đầu, có tiếp được thư của Ngư-Hải, trong có phụ câu thơ :

天下紛紛無好著
飛鴻去燕總傷心

Kế đó được tin tiên-sanh tự-sát, đồng nhân ai cũng sa nước mắt, cùng làm bài thi khóc tiên-sanh.

(Tiên-sanh cùng bạn đồng-sự vào núi, ngày nọ lén về trọ một nhà trong làng nọ, có kẻ báo giác, bị quân lính tới vây bọc. Tiên-sanh tự biết không thoát khỏi, bắn chết một người lính, rồi quay súng tự bắn mình).

Bài thi của cụ Đặng-thai-Sơn :

不令文士雪虛名
筆劍勞勞一未成
海外萬言書有淚
林邊羣馬鐵無聲
可堪故國千年恨
猶有雄心一死輕
畢竟愛君還自愛
十年辛苦爲蒼生

Không rửa hèn chung cái lốt nho,
Cả gươm lẫn bút chẳng ra trò.
Sách in ngoài biển tuông giòng lệ,
Ngựa sắt bên non vắng tiếng hò,
Nước củ ngàn năm dồn giận mãi,
Thân côi một chết thấy gan to.
Yêu ngươi càng lại yêu mình nữa:
Vì nợ thương-sanh sống phải lo.

Của Ngọc-tiều Võ-Hoành:

鵑影窮山已自憐
得君凶信倍凄然
人才衰歇衰吾國
我輩鍾情悵彼天
美雨歐風時正好
紅旗鐵血事全愆
心交多少今何似
既是奴圈矧獄圈

Chiếc bóng còn hoang chất những sầu,
Được tin người chết bội lòng đau.
Xót cho nước củ nhân tài kém,
Nghềnh lại trời cao mối giận sâu.
Gió Mỹ mưa Âu cơ sẵn đó,
Cờ hồng máu đỏ chuyện không đâu.
Tâm giao mấy kẻ ra sao đấy?
Kiếp tớ chưa xong lại kiếp tù.

Của cụ Tập-Xuyên:

白種跳梁黃種輕
年來底事竟無成
風雲未吐英雄氣
鉄血空存烈士名
大局於今無好著
窮荒闔道尚吞聲
隨危羣竟君能死
慚愧吾儕忍獨生

Giống trắng mạnh, giống vàng hèn,
Mấy năm công việc chả gì nên.

Gió mây chưa thỏa vài hơi thở,
Sắt máu còn lưa một cái tên.
Cuộc lớn lở chìu xoay bi nước,
Tin buồn ra đảo nín không rên.
Lâm nguy khẳng khái người hay quyết,
Hỗ kẻ du-sanh nợ chửa đền!

Của Minh-Viên:

不獨憐君亦自憐
河山新氣半蕭然
白衣難得憂時客
黃禍其如未悔天
祖國前途何處底
吾儕素願幾分愆
可憐疇曩親朋在
半逸遐鄉半獄圈

Không những thương người tớ cũng thương,
Non sông nghềnh lại cảnh mơ màng.
Đời đâu gánh vác phường dân trắng?
Trời chẳng ăn-năn họa giống vàng.
Nước tổ vận sau chưa định chỗ,
Bọn ta lời hẹn cứ sai đường.
Đau lòng thân hữu còn trơ đó,
Nữa mắc tù lao nửa bỏ làng!

Bài thi của Dương-Thiếu-Niên:

爲河山惜爲君憐
凶信何來倍愴然
尙有一城與夏地
爭如百二賜秦天

挑燈龍肚前言在
落月藍江別夢牽
墟魄可知無葬地
三圻國土盡奴圈.

Tiếc non sông để mối hờn to,
Vừa được tin buồn ruột héo xo.
Một mãnh đất mong khôi Hạ nghiệp, (1)
Trăm hai trời khéo giúp Tần-đô (2)
Đèn khêu thành Phụng (3) *lời kỳ hứa,*
Trăng dọi sông Lam chuyện dặn dò.
Hùng-phách, nơi nào chôn đặng xứng?
Ba kỳ đất nước thảy vòng nô!

Có 3 bài tuyệt cú của cụ Tập-Xuyên sau nầy là lâm ly khẳng khái hơn:

十萬橫磨志已空
東溟消息滯歸鴻
龍泉未試新磨刃
猶向家山作鬼雄

Mười vạn mài gươm chuyện trống không,
Biển đông mây gió bặt tin hồng!
Long-tuyền chùi sẵn còn chưa thử,
Vẫn chiếm non quê một quả hùng.

(1) Vua Thiếu-Khương chỉ một thành ruộng mà khôi nghiệp nhà Hạ.

(2) Nhà Tần được phong đất Quan-trung nên làm nghiệp Bá.

(3) Thành Hà-nội (câu nầy có chữa khác mấy chữ, nhưng cũng một ý.)

十年憂國此心焦
誓挾風雲湧血潮
但願生才儘如此
駱鴻千古未應祧

Mười năm lo nước máu sôi lòng,
Thề quyết xoay nên cuộc gió giông.
Nếu được sanh tài đều thế cả,
Ngàn thu Hồng-Lạc lửa hương nồng.

«飛鴻去燕總傷心»
重復君詩淚滿襟
北望神州烟雨隔
狂飈東挾怒潮吟

«Hồng bay yến tách mối thương tâm»,
Đọc lại thi ngươi lệ nhỏ dầm!
Xa ngắm Thần-châu mưa khói tỏa,
Gió xua sóng giận tiếng ỳ ầm.

XLI

Tùng-Nham khóc Hải-Côn:

Tùng-Nham và Hải-Côn, hai người cả thầy trò và bạn hửu, cùng ra vào trong rừng núi. Tùng-Nham bị bắt trước khi Hải-Côn tự sát, ở trong ngục nghe tin Hải-Côn chết, Tùng-Nham có câu đối:

雙山鬱鬱, 故人歸何歸; 數年來艱險備嘗, 身既爲之悴, 血亦爲之枯, 奔走江山風雨夕.

一爆轟轟, 國魂醒未醒; 千里外萍蓬未定, 叔聞之而悲, 師聞之而慟, 泣歌豪傑劍書邊.

Hai hòn ngui ngút, bạn củ về về đâu? Trải bao năm cay đắng đủ mùi, mình vì đó mà ốm, máu vì đó mà khô, dong ruổi non sông chịu sấm gió.

Một tiếng nỗ rầm, hồn nước tỉnh tỉnh chửa; ngoài ngàn dặm bước đường phiêu lạc, chú nghe thế mà buồn (1), thầy nghe thế mà khóc, hò reo hào kiệt cạnh đờn gươm.

Câu đối trên, rõ hùng tráng và khẳng khái, lại có giọng trầm uất đốn tỏa, thật xứng với người.

XLII

Ngư-Ông, tức Đặng-thế-Thân, có đỗ đầu xứ Nghệ, nên cũng gọi là Xứ Đặng. Tiên sanh không chỉ nhiệt thành đởm thức, đồng bối kính phục, mà văn cũng trầm hùng bi tráng, có chí tình sâu xa, cao hơn bọn văn-sĩ xẳng đến xấp mấy.

Câu đối treo trước chỗ ngồi:

行庚三十二，猶未成人，短嘆長吁，心血久烘天地飯.

讀書百篇餘，如何識字，獨居深念，熱誠俄熾聖賢燈.

Ba mươi hai tuổi lẻ, vẫn chửa nên người, thở vắn than dài, bầu tâm huyết thiêu cơm trời đất.

Trăm thiên sách đọc thừa, còn chưa biết chữ, riêng ngồi lặng ngắm, lửa nhiệt thành rọi đuốc thánh hiền.

(1) Tiên-sanh có người chú ra ngoài và chết ở Xiêm.

Câu đối điếu Điền-Bát tiên-sanh (tức ông Tăng-bạt-Hổ, (Bình-định), người củ đảng Cần-vương, thường đi lại nước Tàu, nước Xiêm, lại có sang nước Nga, bôn tẩu việc nước trên 20 năm, sau dẫn đạo cụ Sào-Nam sang Nhật, về chết ở Huế):

君豈其生作戲於時耶，提兵十稔，去國廿餘年，既哭於遲，既哭於華，既哭於俄，忽忽然大哭於東；誰教思入秋風，向我神京埋俠骨.

我不知死之爲何物也，讀書五洲，結交數十輩；或戰以舌，或戰以筆，或戰以腦，端端的直戰以鉄；要得血流溫帶，爲君黃種樹紅旗.

Ngươi há sanh làm dởn với đời sao? cầm binh một độ, bỏ nước mươi hai năm, đã khóc với Xiêm, đã khóc với Tàu, đã khóc với Nga; đùng đùng sang khóc lớn bên Đông; ai dè gió phất trời thu, nắm cốt về chôn thành đất Huế.

Ta chả biết chết là cái gì vậy, đọc sách năm châu, kết giao vài chục bạn, hoặc đánh bằng lưỡi, hoặc đánh bằng bút, hoặc đánh bằng não, khăng khăng chỉ độc đánh bằng sắt; thề quyết máu trôi đất nóng, cờ đào trỏ mặt giống da vàng.

(Cái câu « ta không biết chết là cái gì», tả rõ tâm sự khẳng khái, điếu Điền-Bát mà cũng tự nói tâm sự mình).

Tiên-sinh lại có bài thi tuyệt cú mà cụ Đặng-thai-Sơn thường tán thưởng:

夜 聽 洪 濤 三 兩 聲
始 知 此 外 有 東 溟
春 風 欲 寄 相 思 夢
秖 恐 蒼 蒼 識 得 情

Đêm nghe tiếng sóng một đôi hồi,
Mới biết miền đông có bể khơi.
Toan mượn gió xuân đưa giấc mộng,
Tình riêng e lộ thấu anh trời.

(Bài thi không mấy chữ, mà có ý hàm súc và tự nhiên).

Cụ Tây-Hồ cũng có câu đối điếu Điền-Bát tiên-sanh :

卅 餘 年 山 海 艱 關, 人 皆 悲 其 遇, 天 若 鑒 其 誠, 三 島 鳴 鞭, 壯 志 僅 能 通 上 國.
廿 世 紀 風 雲 變 幻, 人 皆 爭 以 智, 君 欲 競 以 力, 九 秋 歸 劍, 墟 魂 猶 自 戀 神 京.

Ba mươi năm lẻ, núi biển trải nhọc nhằn, ai cũng thương cho cảnh ngộ, trời hẳn thấy rõ nhiệt-thành, quất ngựa thẳng non Thần, tráng chí mới thông miền Thượng-quốc.

Hai chục kỷ đời, gió mây chìu biến đổi, người đều đua lấy trí, người muốn đấu bằng sức, quay gươm về nước củ, hồn thiêng còn mến đất Thần - kinh.

Tiên-sinh có người chú cũng ra ngoài và chết ở Xiêm.

XLIII

Một tấn kịch ám-sát quan hệ

Ở trong tù, những tấn kịch giết nhau, thấy quen như chuyện thường; song có nhịp cũng

diễn ra những chuyện ghê-tợn khác thường như giết ma-tà, giết Gardien và giết đến nhà yếu nhân trọng chức trong ngục nữa. Song tấn kịch khác thường ấy, nếu không phải chứa giận cưu hờn, phạm chỗ chúng giận thì không khi nào đến thế.

Côn-lôn là nơi đày tội cách hẳn trong đất, những tù đày ra đấy, kẻ tội án nhẹ thì ẩn-nhẫn để đợi hạn mãn đặng về, kẻ án nặng thì nhận xứ ấy là quê hương thứ hai, ở lâu thành quen. Canh phòng và kiểm sát vẫn nghiêm, song quần áo đến kỳ thì phát (mỗi năm hai bộ), người nào có cha mẹ vợ con, anh em gởi tiền cho hay là đồ ăn đồ quà như thuốc hút v. v. bạc thì cấp cho có hạn chế (bạc gởi thì gởi vào kho, mỗi tháng phát 1$00...) Còn thuốc, bánh, quần áo, được đem vào khám, hoặc mang trong mình, cuốn trong chiếu nằm, ra ngoài làm xâu, gặp có mưa gió, khi về có đồ thay, một việc rất tiện.

Năm 1909 có ông Chef Ô-ra (nguyên Chef khám lớn Sài-gòn) ra làm Gardien Chef Côn-lôn. Muốn đem qui luật trong Khám-lớn ra thi hành ngoài đảo ấy. Xây một cái ao dặt, bao nhiêu quần áo tù đều thu cả cất vào kho, chỉ để mỗi người một bộ quần áo mặc trong mình mà thôi, ngoài quần áo ra không được mang một vật gì cả, trong phòng thì thuốc hút, giấy, cùng lon uống nước cho đến bút mực gì gì cũng

thu sạch sành sanh cả, hễ mỗi tuần lễ cho thay quần áo một lần, có cắt ra một sở xâu giặc và cất quần áo. Bọn tù đi làm ngoài bị mưa hay bị lấm không có đồ gì thay, muốn hút thuốc không sao tìm ra được một điếu. Trong tù có cái không khí rất nặng nề khó thở. Vì thế mà xảy ra việc biến không ngờ :

Ngày nọ ông Chef Ô-ra đứng xem bọn tù thợ hồ xây ao bên giếng, bỗng có hai tên tù chung thân núp sẵn nhảy ra đâm chết.

XLIV

Cái tin đồn huyễn

Sau tấn kịch ông chef Ô-ra chết, trong tù huyên truyền rằng : bất cầu án gì, hễ « chung thân » thì đày đi Tân-thế-giới cả Người ta lại nói : Tân-thế-giới tức là một xứ ở bên châu Mỹ (vì cái tên nên nói thế là đối với Cựu-thế-giới). Lúc ấy quốc-sự-phạm còn ở chung với các tù thường, mà trong anh em có nhiều người mang cái án « đồ mực » (1) không kỳ hạn, như Tập-Xuyên, Thai-Sơn, Siêu-Tùng, My-Sanh và tôi v. v. đều án « không năm », sợ mang cái « vạ lây» đi đày đó, sau xét ra thủ phạm, chỉ đày mấy tên côn đồ. Nhưng anh em trước đã làm thi để tiễn nhau.

Thi cụ Đặng-thai-Sơn :

一 身 難 自 主
四 海 等 無 家

(1) Án chung thân trong tù gọi là « án đồ mực ».

世 界 通 洋 陸
時 艱 出 瑪 加
纍 囚 何 所 擇
徙 地 或 爲 佳
待 到 重 逢 日
相 看 一 笑 譁

Một mình không tự chủ,
Bốn biển thảy là nhà,
Đường thế thông gò biển,
Đổi cay đúc Mã, Gia. (1)
Đã tù cần chọn đếch,
Dời chỗ hoặc hay mà.
Gặp nhau còn có lúc,
Ngó mặt sẽ cười, ta.

***

Tôi có 4 bài tuyệt cú :

馬 角 烏 頭 恨 未 忘
共 言 崑 島 是 窮 荒
誰 知 當 日 哥 侖 布
早 爲 吾 儕 覓 此 鄉

Ngựa sừng quạ trắng giận bao la,
Côn-đảo đày đành cõi biển xa.
Ai biết chàng Ca-luân-bố trước,
Sớm tìm làng mới đợi phường ta. (2)

(1) Mã-chi-nê, Gia-phú-nhĩ hai nhân kiệt nước Ý-đại lợi.
(2) Nhân cái tên « tân-thế giới » nên tạm dùng.

見說西方又半球
平生空作夢中遊
西風一夜烟濤漲
挾我來觀海外洲

Tây phương nghe nói nửa bầu trời,
Trong mộng tầng phen dạo khắp nơi.
Ngọn gió đêm xô làn sóng dậy,
Đưa ta ngoài biển thỏa lòng chơi.

囚境層層入愈佳
此生當歷幾風埃
從今懷古思鄉夜
添作崑崙夢一回

Mùi tù càng nếm lại càng ngon!
Gió bụi đời ta mấy kiếp dồn?
Thương nước nhớ nhà đêm sắp tới,
Lại thêm giấc mộng đảo Côn-lôn.

久信憂愁玉我天
丈夫從不受人憐
君看葛嶇成功史
多在風塵閱盡年

Cảnh khổ nên người bác tạo chiu,
Trượng-phu nào phải đợi ai yêu.
Thành công xem sử anh hùng nọ,
Những lớp phong trần trải bấy nhiêu.

* * *

Bài Võ-ngọc-Tiều (Hoằng) họa bài thi cụ Thai-Sơn :

放步聽玄造
離居不定家
風塵添歷閱
膽識或增加
南海狂波惡
西球故事佳
可堪長處此
鹿豕滿城譁

Nhắm mắt theo con tạo,
Không nhà mặc kệ đay.
Phong trần càng lắm trải,
Đảm thức sẽ thêm dày.
Nam hải ghê triều ác,
Tây cầu lắm chuyện hay.
Ở đây đà khó chịu.
Hưu lợn tiếng reo rầy!

XLV

Cụ Tây-Hồ sau lúc sang Nhật-bản về (1906), có bức thơ lịch trần cảnh tượng nguy hiểm xứ Đông-dương, trong nói tình tệ quan lại Annam ta rất rõ ràng cùng những điều ngộ-điểm của chánh-sách bảo-hộ ; người ta gọi là « Phan-châu-Trinh đầu Pháp chính-phủ-thơ 潘周楨投法政府書 ».

Nhân bức thơ ấy, quan Nam xem như kẻ cừu, cũng nhờ bức thơ ấy lại được người Pháp kính trọng. Cụ bị đày ra Côn-lôn, trên công-văn hình-phủ Bảo-hộ đãi-ngộ theo cách đặc

biệt khác với tù thường: không bận đồ mặc tù, không làm xâu việc trong tù, lúc mới ra có ở trong khám trên một tuần, rồi được ra ngoài ở làng An-hải, tập nghề làm đồi-mồi làm sanh-nhai, mỗi tuần lễ ngày chủ nhựt vào trình diện phòng giấy Gardien Chef một lần mà thôi.

Ở ngoài làng hơn một năm, chống với hương-chức không chịu cái lệnh kiểm-cố, lại phải vào khám, cùng bọn chúng tôi chuyện trò mấy ngày, sau được phép ra ngoài, ở cái trại nhỏ nhỏ bên sở chuồng nuôi bò heo.

Cụ Tây-Hồ ở ngoài thường được thơ các bạn ngoài Bắc thuật chuyện các báo Tây có nhiều bài binh vực và biện hộ, lại có tiếp được thơ của ông Babut (chủ báo *Đại-Việt*, cụ Tây-Hồ lúc ở Hanoi có viết báo nên quen biết nhau. Hiện nay ông ta làm chủ tờ *Pháp-Việt tạp-chí*) gởi thăm và báo tin « không lâu sẽ bắt tay nhau ». Vì lúc ấy hội Nhân-quyền có thân-oan cho cụ, Pháp-đình hứa sẽ thả cụ về, nên có tin như thế.

Một bữa nọ (quên ngày tháng), quan Thống-soái Saigon ra ngoài đảo, cùng quan chánh Tham-biện ở đấy cùng đi ra nơi trại cụ Tây-Hồ ở, có cuộc đàm thoại. Theo thơ cụ Tây-Hồ gởi cho tôi thuật những lời vấn đáp như dưới:

Quan Thống-soái hỏi:

— Ông còn có tư-tưởng phản-đối nước Pháp nữa không?

Cụ trả lời: — Bản-lai tôi không có tư-tưởng đó. Tôi phản-đối là phản-đối cái chánh-sách ngược đãi người Việt-nam chúng tôi, chớ không phản-đối nước Pháp.

— Có quen biết Phan-bội-Châu không?

— Chính anh em bạn.

— Vậy thì anh cũng là đảng bài Pháp chớ gì?

— Phan-bội-Châu hiệu Sào Nam, là một tay hào-kiệt ái-quốc của nước Nam, trong nước không ai không biết tiếng. Ngày tôi ở kinh-đô Huế, thường qua lại luôn, đến nghị-luận việc nước thì ý-kiến giữa tôi với Sào-quân, hai bên không đồng mà lại trái nhau hẳn:

— Trái nhau thế nào?

— Phan-quân nhận hẳn rằng người Pháp quyết không có thiệt lòng khai-hóa cho người Nam, nên nói việc khai hóa, trước phải tìm cách đánh đổ chính-phủ Pháp, mà muốn đánh đổ chính-phủ Pháp, không nhờ cậy thế lực một nước mạnh ngoài thì tự người Nam không làm gì được. Hiện nay nước mạnh duy Nhật-bản là nước đồng-văn đồng-chủng nên cầu viện với Nhật-bản...(1)

Tôi bác cái thuyết trên của Sào-quân đi, lấy lẽ rằng người nước Nam chui núp dưới chánh-thể chuyên chế đã trên ngàn năm, chưa có tư-cách quốc-dân độc-lập, dầu có nhờ cậy sức nước ngoài, chỉ diễn cái trò « đổi chủ mà làm đầy tớ lần thứ

(1) Đấy là tư-tưởng lúc Cụ mới sang Nhật, sau đã đổi khác.

hai », không có ích gì. Vả lại nước Pháp là một nước làm tiên-đạo văn-minh cả hoàn-cầu, nay hiện bảo-hộ nước ta, mình nhân đó mà học theo, chuyên dụng-tâm về mặt khai-trí trị - sanh, các việc thực-dụng, dân-trí đã mở, trình độ một ngày một cao, tức là cái nền độc-lập ngày sau ở đấy. Còn theo chánh-kiến « cậy sức nước ngoài » thì nó quanh co khúc chiết, mình không tự-lập, ai cũng là kẻ cừu của mình, Triều-tiên, Đài-loan, cái gương rõ ràng, người Nhật chắc gì đã hơn người Pháp.

Sào-quân không nghe, cũng không nhận là phải, phủi áo ra đi, làm theo ý-kiến mình.

— Vậy thì ông sang Nhật-bản là ý gì ?

— Chính-kiến của tôi, trái với chính-kiến của Sào-quân. Sào-quân sang Nhật có chỗ đứng chưn, bèn phát-biểu chánh-kiến của mình, làm sách, làm báo gởi về trong nước, người nước Nam phần khổ với ngược-chánh của quan-lại, gia dỉ xâu cao thuế nặng, không biết kêu van vào đâu. Đương giữa lúc người đau cần thuốc, co lâu muốn duỗi, được sách cổ-động của Sào-quân thổi vào, gải nhằm chỗ ngứa, cả nước đều hưởng ứng, một kẻ xướng, muôn ngàn người họa, cái chính - kiến « tự-lực khai-hóa » của tôi, bị phong-triều « đông-học » che át, không xuất đầu ra được, không ai thèm nghe. Thực sự thì trăm phần thiếu thốn, mà cái tiếng trống kêu dội sẽ gây ra mối nguy hiểm cho đường tương-lai của quốc - dân, không thể

tránh được. Bất đắc dỉ tôi mới băng mình vượt biển thẳng sang Nhật - bản, thuật rõ tình hình phù-tháo và cảnh tượng nguy hiểm trong nước cho Sào-quân nghe, khuyên Sào - quân chăm lo đào tạo bạn thiếu - niên du - học mà gác tư-tưởng hành - vi « bạo - động », đợi thời - hội khác. Nhưng Sào-quân nhứt vị cỏ-chấp, lấy lẽ rằng một nước êm đềm trong giấc ngủ như người bệnh gần chết, nếu không gióng trống to, trương cờ lớn, thổi kèn, gỏ mỏ, làm như giông sấm, thì không sao đánh thức giấc ngủ kia được...

Tôi ở Nhật vài tháng, cùng Sào-quân biện cải nhiều lần, rút cục Sào-quân không nghe, tôi bèn từ về, ấy là khoảng tháng 5, 6 năm 1906.

— Về nước ông làm những gì ?

— Tôi không theo chánh-kiến của Sào quân, cũng như Sào - quân không theo chánh - kiến tôi, ai làm theo sở-kiến nấy. Về nước, tôi trù cùng anh em đồng-chí tổ-chức lập những hội công-khai như học-hội, thương-hội v. v.. Nhưng vì sĩ-phu nước Nam thuở nay chưa có cách tổ chức ấy, ban đầu mới khởi làm, không khỏi có vẻ kinh quái, những lời bàn nghị nổi lên, sẽ sanh ra lắm điều ngăn trở. Vì thế nên tôi trước làm bức thơ điều-trần, gởi lên quan Toàn-quyền, quan Khâm-sứ và đăng báo Tây, thuật rõ tình-trạng trong nước cùng hiểm-tượng Đông-dương, bản-ý là cốt tỏ

bày mối tâm-sự, mở đường khai hóa sau nầy, chớ không ý gì khác, không dè vì thế mà mang tội.

« Quan Thống-soái còn đương ngẫm nghĩ. Tôi nói tiếp :

Tôi xem sử Âu-Tây, có khi anh em một nhà mà chánh-kiến khác nhau huống là anh em bạn.

Quan Thống-soái gặc đầu và nói :

— Ông nói phải, chính-kiến không đồng nhau, cái đó vẫn thường. Ông còn muốn nói gì nữa không ?

— Tôi ra ngoài hòn đảo nầy đã gần hai năm, cách xa trong đất, tin tức không thông, song có bọn tù ở Bắc-kỳ vào đây thuật chuyện ngoài ấy, nói biên giới Bắc-kỳ và phía bắc Trung-kỳ thềnh thoảng có những hành-vi kịch-liệt, nhà nước xử bằng nghiêm-hình trọng-phạt... e nhân đó mà gây ra mối biến loạn to, cái đó rất là thất sách, không phải cách xử trí thích hợp.

— Tôi vâng lệnh quan Toàn-quyền ra đây, cốt hỏi ý-kiến ông, còn việc gì muốn nói cứ nói ngay, không can ngại gì.

— Vâng, tôi lúc ở trong nước, vào Nam ra Bắc, dân tình lại tệ, nghe thấy cũng nhiều. Như các nhà đại chánh-trị Pháp sẵn lòng thâu-thái, tôi sẽ biên chép và trình bày sau, trong một cuộc đàm thoại không thể nói hết được.

— Ông ở lại mạnh giỏi, tôi sẽ đạt ý ông lên quan Toàn-quyền, có lẽ chúng ta sẽ gặp nhau ở

Saigon nay mai.

Quả như lời quan Thống-soái hứa trên, độ trên tháng, thì có chiếc tàu đặc phái ra đảo Côn-lôn đưa cụ Tây-Hồ về Saigon.

Tôi có bài tuyệt cú :

故 人 昨 日 別 崑 崙
再 訪 當 年 故 國 魂
一 夜 輪 船 凌 海 去
計 程 今 已 到 柴 棍

Bạn từ Côn-đảo bửa hôm qua,
Lại hỏi hồn xưa nước củ ta.
Tàu thủy một đêm phăng khỏi biển,
Sai-gon đã đến đất quê nhà.

XLVI

Dương-thiếu-niên cũng được tha :

Cụ Tây-Hồ về Saigon vài tuần thì có thơ ra nói chính-phủ Pháp đã trả cái tự-do lại, hiện ở nhà quan Phủ... ở Mỹ-tho, và có nói rõ nguyên-nhân hội Nhân-quyền tố oan cho mình. Ông Cử Dương-thiếu-niên (Bá-Trạc) cũng sẽ được tha v. v.. Không bao lâu mà ông cử Dương cũng được tha về ngụ ở Cần-thơ. Tôi có 2 bài thi đưa :

1) 美 湫 歸 客 復 音 遲
芹 口 君 今 又 此 歸
歸 路 憑 君 回 首 看
江 山 前 度 是 耶 非

Mỹ - tho bạn củ chậm tin hồng,
Bến Nghé ngươi nay lại thẳng giòng.
Dọc dọc đường về ngươi ngắm thử,
Non sông nay có khác xưa không ?

2) 地獄經過十八層
歸來傲骨尙嶒崚
他年莫忘囚中況
石砌朝朝坐結藤

Mười tám tầng qua cửa ngục dày,
Khi về xương ngạo vẫn còn ngay.
Cảnh tù ngày khác đừng quên nhé !
Thềm đá mai chiều xúm chuốt mây.

XLVII

Thi kỷ-niệm ngày đến Côn-lôn :

Chúng tôi ra đảo ngày 15 tháng 8 năm 1908 戊申, đến ngày 15 tháng 8 năm 1911 辛亥 là giáp 3 năm, ngày ấy anh em cùng nhau làm thi để kỷ niệm, lấy 7 chữ :

« Ngày nay năm ngoái đến Côn-lôn 昔年今日到崐崙 » làm đề mục. Ai làm tuyệt-cú hay thất luật cũng được, trong bài cốt có 7 chữ trên, hoặc câu khởi, hoặc câu kết, hoặc thừa luận cũng được.

2 bài thi tôi :

誓將隻手蚩劃乾坤
喚起蚩西浮追兆魂
仗劍東去迂落日暾
乘槎懷抱猶疇曩
滿腔

一臥蹉跎幾曉昏
畢竟可無囚紀念
昔年今日到崐崙

Một tay thề quyết vạch trời con,
Gọi giậy bà con tỉnh mộng hồn.
Gươm tách núi chiều xua bóng xế,
Thuyền phăng biển sớm rước vầng tròn.
Nước non hẹn vẫn lòng ôm chặt,
Năm tháng ngồi ghê tuổi chất dồn ?
Trong ngục há đâu quên kỷ niệm,
Ngày nay năm ngoái đến Côn-lôn.

昔年今日到崐崙
囚況辛酸咽彊吞
蒲席臨階編白晝
西書傍隙展黃昏
秋聲況復愁中聽
碩果多應剝後存
何處高峯容坐我
起看亞海萬濤翻

Ngày nay năm ngoái đến Côn-lôn,
Cay đắng mùi tù nuốt cứ ngon.
Thềm gạch ban ngày đan chiếu lác, (1)
Kẻ phen chiều tối học bài con. (2)
Gió đưa thu đến sầu thêm bội,
Cây trải đông qua trái vẫn còn.
Chót núi nơi nào dung tớ đứng,
Ngắm xem bể Á lớp triều dồn.

(1) Bọn quốc-sự-phạm được ở riêng một phòng một lớp làm xâu đan đệm.
(2) Mỗi bữa chiều nào, lại kẻ cửa sổ đọc sách (lecture).

4 bài tuyệt của Cụ Tập-Xuyên :

甘棠廿四樹陰繁
山色濤聲徹曉昏
嘗得天涯無限況
昔年今日到崐崙

Điềm dà hàm bốn cụm bàng con, (1)
Chiều sớm, màu non, sóng biển dồn.
Ngắm cảnh thiên nhai chừng chửa chán,
Ngày nay năm ngoái đến Côn lôn.

昔年今日到崑崙
百折千磨氣尙存
獨有庭闈兒女戀
青衣猶濕舊啼痕

Ngày nay năm ngoái đến Côn lôn
Ma chiết trăm chiều khí vẫn còn.
Lưa có lòng lo cha mẹ nhớ,
Áo xanh dầm lệ tủi phần con.

慈航無計度元元
此意教誰叩帝閽
寒雨蕭蕭秋老矣
昔年今日到崐崙

Thuyền từ khó vớt cuộc sanh lồn,
Trời thẳm, nhờ ai tỏ tấc son?
Mưa lạnh thu già trông quạnh quẻ,
Ngày nay năm ngoái đến Côn-lôn.

(1) Sân ngục có hai hàng bàng, bóng che mát cả sân, mỗi hàng 12 cây, sau lớn mới đốn bớt.

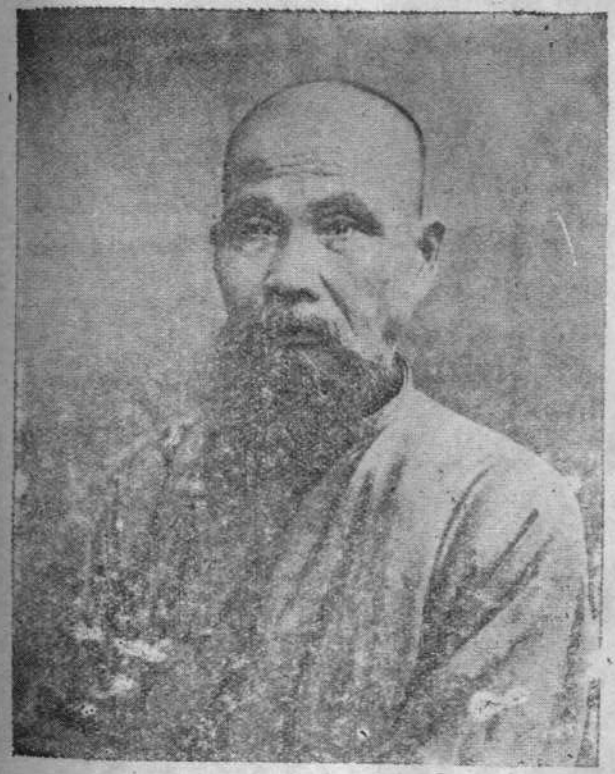

Sào-Nam PHAN-BỘI-CHÂU

昔 年 今 日 到 崑 崙
杜 宇 聲 聲 去 國 魂
近 日 江 山 何 似 好
鯨 波 秋 晚 向 天 翻

Ngày nay năm ngoái đến Côn lôn,
Deo dắt chim quyên tiếng gọi hồn.
Non nước gần đây sao đó tá ?
Sóng kình thu muộn cuốn trời phun !

(Cụ Tập-Xuyên sở trường về văn ký-sự và thi tứ-tuyệt, bài tuyệt nào nghe cũng trầm thống và khẳng khái, rất tự nhiên, trông như ai làm cũng được, mà kỳ thực ở trong nấu nướng un đúc rất công phu).

* * *

Bài thi của My-sanh (Phong-thữ) :

昔 年 今 日 到 崑 崙
疇 曩 軒 昂 氣 尙 存
因 況 逼 人 秋 雨 急
離 懷 起 我 海 濤 奔
醫 愚 幸 有 詩 書 藥
鍊 性 誓 除 奴 隸 根
尺 璧 光 陰 驚 浪 擲
寔 行 何 日 補 空 言

Ngày nay năm ngoái đến Côn-lôn,
Ngang dọc thân trai khí vẫn còn.
Thu về cảnh tù mưa tấp tã,
Biển khêu mối giận sóng chồng vun.
Thuốc trừ bệnh dại nhờ xem sách,

Thánh trỗ mầm « nô » dứt cả cơn.
Qui báu ngày trời chớn tới mãi,
Thiệt hành chờ lúc bỗ không ngôn.

(My-sanh không hay làm thi, mà ở trong làng thi tù, thềnh thoảng có đôi bài cũng nghe được).

* * *

Của Tiểu-La :

昔 年 今 日 到 崐 崙
秋 雨 秋 風 暗 斷 魂
似 我 衰 頹 心 未 老
是 誰 慷 慨 志 猶 存
風 雲 變 幻 眞 堪 詫
天 地 循 環 不 待 言
每 遇 騷 壇 高 掛 幟
自 慚 擊 鼓 過 雷 門

Ngày nay năm ngoái đến Côn-lôn,
Mưa gió trời thu để đoạn hồn.
Như tớ, suy đồi lòng chửa chết,
Ấy ai khẳng khái khí đang còn.
Gió mây trảo chác trăm hình đổi,
Trời đất vầng xoay một quặng tròn.
Cao ngất đàn thi cờ phất đấy,
Thẹn nghe cửa sấm, trống khua dồn !

* * *

Của Nghiêu-Giang :

昔 年 今 日 到 崐 崙
茹 苦 含 辛 不 待 論

愾 目 神 州 波 浪 遠
逼 人 鬼 氣 海 天 昏
嘗 多 艱 苦 增 肝 膽
別 久 家 山 繞 夢 魂
一 夜 秋 風 摧 落 葉
千 山 萬 壑 見 朝 暾

Ngày nay năm ngoái đến Côn-lôn,
Ngậm đắng ăn cay đọi bửa luôn.
Sóng khỏa Châu-Thần trông mắt khuất,
Biển dâng hơi quỉ khiến người nôn.
Trải nhiều gian hiểm thêm can đởm,
Biệt cách quê-hương rối mộng hồn.
Lá rụng một đêm theo gió cuốn,
Non sông khắp xứ thấy vừng tròn.

* *

Trên là thuật mấy bài nhớ cả toàn thiên, ngoài ra như Hải-Châu có câu :

Bè bạn chuyện trò sầu khỏa lãng.
Yêu ma gặp gỡ nói ôn tồn...
Nhớ người cởi gió miền Tam-đảo,
Thương kẻ vùi xương chốn Cửu-nguyên...

...朋 儔 晤 對 愁 偏 減
魑 魅 逢 迎 笑 語 温
乘 風 憶 客 猶 三 島
訪 舊 懷 人 半 九 原...

Của Kim-Giao :

Ngày trắng, biển dỗi cơn sóng giậy,
Đêm hôm, cửa tấp trận mưa dồn...

過 海 驚 濤 翻 白 日
到 窻 急 雨 入 黃 昏...

Của Thai-Sơn :

Nửa sạc chõng tre, trưa ngủ kỹ,
Mấy hàng đệm lác, tối ngồi dồn...

半 破 藤 床 眠 白 晝
亂 披 蒲 席 坐 黃 昏...

Của Lâm-Ngu :

Trọn ngày dựa gối đành côi bóng,
Quanh cạnh cùng ai tỏ tấc son...

孤 枕 可 堪 終 日 臥
奇 情 不 共 別 人 論...

Đôi câu nghe được, ký giả không nhớ hết.

Một đều thú đáng chép là có ông Hương-Cảnh (người Quảng-nam) là người quê mùa chất phác, có biết « thi » là cái gì. Nhân đọc những bài thi kỷ niệm của bạn chúng tôi kể trên, hốt nhiên thi hứng ở đâu ngoài trời đưa đến, thừa hứng làm thành một bài, bài ấy cả đồng nhân đều thán thưởng, vì là bài thi tả thực :

國 民 權 利 競 生 存
三 載 於 斯 豈 怨 言
萬 里 鴻 風 無 信 息
五 更 蝶 夢 繞 鄉 村
承 行 公 務 誰 豪 里
代 奉 慈 親 有 子 孫
歸 與 老 妻 談 往 事
昔 年 今 日 到 崑 崙

Quốc-dân đua giữ cuộc sanh-tồn,
Không oán, ba năm ở giữa cồn.
Muôn dặm gió hồng không tin tức,
Năm canh giấc điệp lại hương thôn.
Thừa hành công vụ ai hào lý ?
Phụng dưỡng từ thân có cháu con.
Về thuật vợ già nghe chuyện củ :
Ngày nay năm ngoái đến Côn-lôn.

(Nguyên ông Hương nầy không làm thi mà hay coi tuồng hát, thuộc tuồng, hát hay, nên có hứng, nặn ra được bài thi trên, rõ là chuyện thú trong làng thi).

XLVIII

Quanh cuộc thi kỷ niệm :

Bài kỷ niệm « ngày nay năm ngoái đến Côn-lôn », các bạn đến sau, không dự vào cuộc thi ấy, cùng nhau đem những bài trên ra phê bình. Lê-quân Siêu-tùng có một bài đề rất hay, ký-giả chỉ nhớ 4 câu giữa :

須 有 長 吟 消 永 日
未 應 一 挫 喪 平 生
國 如 秋 夜 無 長 黑
家 與 濃 山 一 望 青

Phải có nghề ngâm tiêu buổi rảnh,
Lẻ đâu một tát mất bình sanh ?
Nước như đêm lạnh không dài tối,

Nhà với non nồng một mực xanh.

* * *

Ngọc-tiều Võ-quân có tánh khôi hài, thi có khi cốt, trước có chép mấy bài họa thi « Thại-sơn » (bài dự tiền biệt đi Tân-thế-giới), đến cuộc thi « kỷ niệm » nầy, Võ quân dùng lối chào phỏng thay lời phê-bình, rất có hứng vị.

A) Nhạo câu thi « chích thủ hoạch càn khôn » của tôi :

聞道乾坤將劃矣
欲尋媧女問蒼翁
蒼翁報道君休恐
自有陰兵廿五銅

Nghe rằng trời đất toan chia rẻ,
Muốn kiếm Oa-hoàng đặng hỏi thăm.
Trời bảo : nhà ngươi đừng sợ sệt,
Việc gì đã có chú hâm lăm. (1)

B) Nhạo câu thi : « Kỳ tình bất cọng biệt nhân luôn » của cụ Giải - Huân :

詩亦如人不厭奇
就中奇也是虞詩
從孤枕字猜將去
一片奇情亦可知

(1) Trong lính canh ngục, có chú số biệu 25 tên là Đồng, con mắt lé, bọn tù gọi là chú « chỉ thiên », hung dữ đáo để, thường đánh tù tội. Bà trên mượn cớ « con mắt chỉ thiên » mà nhạo câu « vạch trời ».

Thi như người vậy, lạ càng hay,
Lạ nhứt bài thi của bác nầy!
Theo nghĩa, phăng câu « cô châm » đấy,
Mối tình lạ ấy rõ ràng thay!

XLIX

Ngọc-tiều Võ-quân có họa mấy bài tuyệt cú « Tân - thế - giới dư biệt » của tôi. Nghe cũng khoẻng :

1) 崑崙未已復西球
湖海前途慰壯遊
難得出洋如我輩
神山不訪訪荒洲

Côn-lôn chưa hết lại Tây-phương,
Hồ hải lòng trai thỏa dọc ngang.
Ai có xuất dương như bọn tớ ?
Thần-sơn không đến đến cồn hoang !

2) 食蔗無妨境入佳
東流西竄任風埃
從今膽氣增磨煉
爭勝瀛洲策馬回

Ăn mía càng nhai thấy ngọt ghê !
Phong trần mặc kệ xứ Đông-Tây.
Từ nay đởm khí càng thêm mạnh,
Hơn lúc Dinh-châu thắng ngựa về. (1)

(1) Chỉ thi đỗ Tấn-sĩ.

3) 隻 手 撐 天 膽 氣 粗
異 鄉 風 雨 眼 穆 糊
西 球 見 說 江 山 美
到 處 憑 君 暗 畵 圖

Tay chống trời xanh rỡ lớn gan,
Gió mưa đất lạ mắt mơ màng.
Tây-cầu thấy nói non sông đẹp,
Đồ họa chờ ngươi xách bút sang.

4) 生 平 信 我 自 由 天
不 受 人 憐 但 自 憐
葛 瑪 成 功 期 望 大
不 辜 歷 閱 許 多 年

Tin chắc sanh bình cái tự do,
Mình thương mình, chả cậy ai đâu,
Thành công, Cát, Mã (1) lòng mong ước,
Bỏ lúc phong trần trải mấy lâu.

(Thi Ngọc-Tiểu có cái khiếu riêng, trong lời văn lưu hoạt có hàm cái khí khẳng khái. Cũng một bạn thi ít có vậy).

XLX

Tù đàn bà :

Chúng tôi ra đảo, khoảng 2, 3 năm đầu, ngoài đảo có khám giam tù đàn bà, làm xâu may quần áo cho tù. Hỏi tội danh thì người ta nói kẻ giết chồng, người giết ông gia bà gia cùng trộm cắp

(1) Cát-tô-sĩ, danh nhân nước Hung, Mã-chi-nê, danh nhân nước Ý, đều trải lắm nỗi cực khổ, sau làm nên công nghiệp lớn.

nhiều tội, vì tội nặng nên không cho ở trong đất mà đày ra ngoài đảo.

Luật và lệnh cấm trong tù vẫn nghiêm khắc mà đối với tù đàn bà cũng đối đãi theo cách đặc biệt: thường ngày ở trong khám làm nghề may, không cho tù đàn ông được qua lại. Duy mỗi ngày hai bữa ăn, tù nhà bếp được ra vào và hai lần quét dọn, bọn tù làm xâu vệ sanh (quen gọi sỡ tải) được vào. Song lúc vào có Gardien Mata mở cửa cùng đi kèm một bên, hoặc có gởi mua đồ gì, chỉ nói đôi câu, không ai dám chọc ghẹo.

Trong trên số ngàn tù đàn ông mà có trên 10 người tù đàn bà, rõ là thứ «hoa biết nói» ở giữa gò sỏi, cũng là chuyện điểm nhiễm có thú. Bởi vậy, nên trong đám tù đực có tay kiệt xảo, đi lắm xâu ngoài, kiếm được món đồ ăn (chuối, bánh, cá v. v.), thường gởi làm quà cho mấy chị tù cái đỏ, cũng có cặp kết đôi như làm «vợ chồng khỏ» (vợ chồng mà không được ở chung nhau).

Nguyễn-Giới-Phu (Tú-tài, tên là Nguyễn-nguyên-Thành, người Thanh-hóa) có văn tài mà mang bệnh điếc. Ngày nọ Giới-phu làm xâu sở tải (propreté) cầm chủi vào quét phòng nữ tù ấy. Bọn tù gái xúm chung quanh hỏi nói lăng xăng. Ông ta chỉ trả lời bằng nụ cười. Bọn tù đàn bà không biết ông ta điếc, nên ngó nhau cười rộ lên. Ông ta có bài thi :

一 朶 花 枝 一 段 情
撩 人 底 意 亂 啼 鶯

戒 夫 不 識 調 挑 事
故 倚 墻 邊 不 出 聲

Một đóa hoa thơm một đoạn tình,
Trêu người rối rít tiếng chim oanh.
Giới-phu chẫ biết đều khêu cợt,
Đứng dựa bên tường cứ lặng thinh.

XLXI

Cụ Đặng-Thai-Sơn, người hết sức xấu (đã nói trước), ai chưa quen biết không ai muốn gần cụ. Ấy vậy mà có một chuyện thú, trong tù truyền làm dai-thoại ít có :

Tù đàn bà chỉ làm xâu may quần áo tù, không hay ra ngoài, duy mỗi tháng đến ngày phát tiền công, phát tù đàn ông xong, vào khám, rồi mới phát tiền công cho tù đàn bà, khi ấy tù đàn bà được ra nhà giấy lãnh tiền công. Lại nữa, khi cáo bệnh đi nhà thương và khi viết thơ gởi về nhà, thì có mata dẫn ra phòng giấy Gardien Chef, nhờ bạn lonton viết hộ...

Một ngày nọ, bạn chúng tôi đương đan đệm nơi hàng ba (véranda) trước khám, thấy người Mata dẫn 2 người tù đàn bà đi ngang gần trước đó, một người đàn bà trạc độ 25 tuổi, trông dạng mặt cũng sạch, ngó bọn chúng tôi và cất tiếng hỏi : Ai là quan đốc ?

Nguyên quan đốc trong bọn quan to chúng tôi, ai cũng tôn làm bực thầy ; tù khác thấy thế cũng có

ý kiêng nể. Bọn tù gái kia cũng nghe trong bọn quan to có quan đốc là quan lớn hơn, nên có câu hỏi thình lình không ngờ ấy. Một sự không ngờ mà đáng buồn cười nữa, là sau đó vài ngày, có người tù trong nhà bếp (thường đem cơm trong khám đàn bà), cầm một cái đẩy đựng thuốc đưa cho quan đốc và bảo đó là của người đàn bà gọi quan bữa trước. Kỳ tuyệt ! thú tuyệt ! cụ Thai-Sơn có bài thi ghi chuyện thú ấy :

翠 鬢 皓 齒 玉 嬋 娟
蓮 步 徐 移 小 廨 前
洞 口 無 端 呼 阮 肇
南 溟 有 客 識 胡 詮
三 生 眼 福 君 何 幸
一 轉 情 波 我 亦 憐
辜 負 阿 誰 成 錯 愛
他 生 或 者 訂 今 緣

Tóc xanh răng trắng gái thuyền quyên,
Dạo bước sen vàng thoảng trước hiên.
Động-khẩu vô tình kêu Nguyễn-Triệu, (1)
Nam-minh có khách biết Hồ-Thuyên. (2)
Ba sanh mắt thấy tu dày phúc,
Một nết tình đưa sóng dễ nghiêng.
Tiếc nỗi ai lầm yêu đến tớ,
Có chăng kiếp khác kết giây duyên ?

(1) Nguyễn-Triệu, người đời Hán, vào núi Thiên-Thai hái thuốc có tiên-nữ gọi tên.

(2) Hồ-Thuyên, danh thần đời Tống, bị đày ra Nam-hải, được tha về, gặp nàng Lê-Oa tiếp rượu.

(Sau chúng tôi ra đảo vài năm thì tù đàn bà ấy đều đưa về Saigon, thành từ đó ngoài đảo không có tù đàn bà nữa).

XLXII

Bắc-hà Nguyễn-quân-Quyền (Tú tài Huấn-đạo), tánh thích thẳng và vu khoát, ưa nghị-luận việc nước. Một người trọng yếu trong việc sáng lập Đông-kinh Nghĩa-thục, và làm chủ Nghĩa-thục ấy ; năm 1907, ông ta lại có lập một nhà buôn nội hóa hiệu là « Tân-Hồng-Hưng » đại lý bán đồ công nghệ trong nước.

Một chuyện buồn cười là ông ta có nói với vài người bạn thân rằng nằm chiêm bao thấy ông K... phong cho chức « Đông-đường-Nam ». Nhân thế các bạn thường gọi là « Đông-đường » có hàm ý nhạo ở trong.

Tấn-kịch « Hà - thành đầu - độc » (năm 1908) Đông-kinh Nghĩa-thục bị đóng cửa, ông cùng Lê-quân Siêu-tùng, Vỏ-quân Ngọc-tiều, Dương-quân Thiếu-niên, đều bị tình nghi đày ra Côn-lôn. Dương-quân 7 năm, còn 3 người kia đều chung thân, Nguyễn-quân Đông-đường ưa bàn chủ-nghĩa, thường dùng việc thuốc vi với việc nước, chia bạn đồng tội và tân đảng trong nước làm 3 phái : 1/ Phái ôn - hòa, 2/ Phái bài - ngoại, 3/ Phái ỷ Pháp, v. v.

Trong tù có giờ rảnh, Nguyễn-quân tự chế ra một thứ chữ mới, cách viết đơn giản, những ngang sổ như kiểu chữ Hán. Đông-đường chí vẫn lớn mà tài có sơ, Vỏ-quân Ngọc-tiều thường kiếm đều diễu nhạo luôn mà Đông-đường không lấy làm đều. Khi cùng anh em nói chuyện, Đông-đường thường thuật chuyện « Đông-kinh Nghĩa-thục » và hiệu buôn « Tân-Hồng-Hưng », như là công-nghiệp vĩ-đại trên đời.

Sau tấn kịch sự biến « Ô-ra », duy bọn quốc-sự-phạm Trung-kỳ được ở riêng một khám B. Còn tù Nam, Bắc-kỳ án chúng thân ở khám cấm cố, xiềng cả 2 chân không đi làm ngoài, mỗi ngày chỉ ra sau khám đập đá hai buổi, Đông-đường, Siêu-tùng và Ngọc-tiều vì án chung thân nên mang lấy cái vạ « trâu ngựa đồng chuồng » ấy. Ngọc-tiều có gởi cho chúng tôi một bức thơ bằng văn « tứ lục » có câu :

...佩環苦境，擊石生涯，耳華氏之談醫，聞雷懼鴨，目草亭之造字坐井慚蛙...

Đeo xiềng cảnh khổ, đập đá sanh nhai. Nghe Hoa-đà bàn đến y tôn, vịt nghe sấm dội, thấy Dương-tử đặt thêm chữ mới, ếch thẹn trời cao...
(có ý nhạo Đông-đường là vu-khoát vậy).

Sau Dương-thiếu-niên về ít lúc, Đông-đường, Ngọc-tiều cũng tiếp được giấy tha về Nam-kỳ.

XLXIII

Đông-đường, Ngọc-tiều được tha, xin phép với ngục-quan được sang khám B. (khám riêng bọn quốc-sự-phạm), cùng chúng tôi trò chuyện một đêm.

Tôi có bài thi đưa Ngọc-tiều :

1) 海 外 鴻 溝 養 未 齊
鹽 車 老 驥 復 長 嘶
焚 香 遙 祝 少 年 黨
可 有 新 時 馬 志 尼

Cánh hồng ngoài biển chửa đều lông,
Xe muối gò chưn ngựa đứng rông.
Ngày tối thắp hương cầu bạn trẻ,
Có ai là Mã-chí-nê (1) không ?

2) 隻 手 擎 天 氣 未 頹
眼 逢 劍 俠 便 雙 開
我 南 武 士 魂 安 在
歸 去 憑 君 喚 出 來

Tay chống trời xanh khí vẫn hào,
Gặp phường kiếm hiệp mắt như sao.
Nước ta vũ sĩ hồn đâu vắng ?
Về đó nhờ ngươi lớn tiếng rao.

Đưa Đông-đường :

3) 商 學 朝 流 滙 一 門
平 生 歷 史 足 人 論

(1) Mã là một tay vĩ-nhân nước Ý, có lập thiếu-niên-đảng, khôi phục nước Ý.

囚 中 歲 月 猶 珍 重
更 造 新 文 補 國 魂

Ngọn triều thương học chập chồng đưa,
Lịch sử bình sanh miệng chép thừa.
Ngày tháng trong tù dùng đáng giá,
Tạo thêm chữ mới bổ hồn xưa.

4) 種 族 痛 深 無 底 海
人 羣 負 重 未 移 山
民 權 振 起 須 由 學
要 入 初 頭 第 一 關

Nòi giống hờn sâu không đáy biển,
Nhân quần gánh nặng chửa dời non.
Dân quyền chấn khởi chi bường học,
Cần nhứt nên chăm bước nhập môn.

* * *

Nghỉa-Bình đưa Ngọc-Tiều :

梅 山 春 信 破 寒 陰
萬 里 歸 人 思 不 禁
救 國 從 來 惟 黑 鐵
破 家 其 奈 乏 黃 金
凌 霜 老 桂 添 辛 性
出 水 奇 蓮 抱 苦 心
涅 背 久 知 家 有 母
精 忠 愈 見 孝 情 深

Tin xuân mai nở đuổi hơi đồng,
Muôn dặm người về bội nhớ trông.
Cứu nước thuở nay nhờ sắt cứng,

Phá nhà khổ nỗi thiếu vàng ròng.
Xông sương quế nọ cay thêm tánh,
Trời nước sen kia đắng gắt lòng.
Mấy chữ khắc lưng nhà có mẹ,
Cho hay đạo hiếu ấy tinh trung. (1)

* * *

C) My-Sanh đưa cả Đông-đường và Ngọc-tiểu :

曇 花 一 現 忽 雲 陰
囘 首 河 山 淚 不 禁
豈 有 市 人 能 黑 鐵
幾 從 無 賴 索 黃 金
造 時 先 具 觀 時 眼
救 國 須 陶 愛 國 心
苦 海 此 囘 先 岸 客
衞 禽 塡 海 莫 論 深

Hoa quỳnh một chốc bỗng như không ?
Ngảnh lại non sông lệ mấy giòng.
Kẻ chợ khi nào nên sắt cứng,
Nhà nghèo mấy thuở có vàng ròng.
Tạo thời trước phải tinh con mắt,
Yêu nước cần chăng đúc tấm lòng.
Biển khổ kia ai vào bến đó ?
Chim oan ngậm đá chớ nài công.

(Bài thi My-sanh họa bài thi Nghĩa - Bình trên mà tỏ ý phản đối, 2 bài nầy là bước đầu «tranh biện chủ nghĩa » ở trong đảm quốc-sự-phạm ngoài đảo.

(1) Nhạc-Phi, danh tướng đời Tống, mẹ có khắc 4 chữ «tinh trung báo quốc» sau lưng Ngọc-tiểu còn mẹ già, nên dùng điển ấy.

D) Bài thi của Nghiêu-giang :

幾 年 荒 島 苦 甘 同
留 去 情 思 說 不 窮
造 物 有 心 興 祖 國
權 姦 無 計 賺 英 雄
豹 藏 山 養 千 重 霧
虎 嘯 林 生 萬 壑 風
遠 近 都 人 齊 屬 目
何 當 利 器 錯 盤 中

Mấy năm hoang đảo ngọt bùi chung,
Về, ở tình riêng nói chẳng cùng.
Lòng tốt trời đành phò tổ quốc,
Mưu sâu ai dễ phỉnh anh hùng.
Mù che lớp núi beo nuôi vẻ,
Gió cuốn ngàn rừng cọp nổi giông.
Người nước xa gần đều chú mắt,
Thử xem đồ dụng sắt hay không ?

XLXIV

Sau cụ Tây-Hồ được tha về Saigon, tiếp đến Dương-thiếu-niên cũng được tha về, anh em đồng tội, ai cũng ôm mối hy vọng « không lâu sẽ được về ». Nhân đó mỗi ngày làm xâu tù xong, vào khám B là bàn chủ nghĩa, kẻ chủ trương thế nầy, người chủ trương thế khác, cải nhau về chánh-kiến rất là sôi nổi. Vừa lúc ấy được tin cụ Tây-Hồ xin đi Tây, trong bạn anh em có kẻ không hiểu thấu tâm-sự cụ, có ý sá-dị. Tôi có bài thi tiễn đưa Tây-Hồ như Tây :

孤 槎 一 昨 渡 扶 桑
西 海 遙 遙 又 此 航
隻 手 慣 從 高 處 著
半 生 全 爲 國 羣 忙
論 行 民 約 詢 盧 老
島 入 科 西 弔 拿 皇
此 地 自 由 花 正 好
憑 君 移 種 到 炎 方

Năm trên tếch dặm thẳng Phù-tang,
Âu-lục ngày nay vượt biển sang.
Nhắm thế cờ cao toan đặt ngón,
Trọn đời việc nước khéo đa mang.
Luận Lư-xoa đó tim dân-ước,
Mộ Nã-hoàng đây đốt nén hương.
Thổ sản tự-do-hoa chính đấy,
Nhờ người đem giống đến nam phương.

XLXV

Tranh luận chủ nghĩa :

Cụ Tây-Hồ đối với đại cuộc nước nhà và tình thế trong ngoài, quan sát bằng cặp mắt đặc biệt, có khác với phần đông trong bạn đồng thời. Cụ Tây-học, về thuyết « dân quyền » tâm đắc một cách sâu sắc, không phải nếm cạn nghe mùi như ai, nên cách hành động cơ cảnh, và gặp việc nhận đề, thường vượt ra ngoài ý tưởng thông thường ; không phải người biết thấu tâm-sự cụ, không rõ thâm ý thế nào. Sang Nhật-bản về, đưa ngay lên

chánh phủ Pháp một bức thơ, đó là một việc mà không ai tưởng trước.

Lúc cụ ở Côn-lôn, cùng một vài anh em bàn giải tâm-sự, có người hỏi :

— Xem ý chánh phủ Pháp đải ông theo cách đặc biệt, chắc trong bọn ta, ông sẽ về trước, sau về nước sẽ làm thế nào ?

Cụ trả lời : Tôi được về thì xin đi sang Tây ngay, ấy là bước đầu. Còn bao nhiêu công việc khác sẽ tùy tình thế mà hạ con cờ, không thể nói trước được.

Lúc cụ nói, tỏ bộ khẳng khái và cang quyết như trong lòng đã trù hoạch sẵn. Trong anh em ai đã đọc bức thơ « đầu Pháp chánh phủ » cũng rõ được chỗ dụng ý của cụ không bàn nói gì. Duy có một vài người nghi cạn và bình sanh chưa biết cụ là người thế nào, nghe cái tin cụ xin đi Tây, lấy làm kinh dị sanh ra mối hoài nghi rằng Tây-Hồ trước đã sang Nhật, nay lại đi Tây, rõ là mâu-thuẫn, là biến tiết.

Tôi có viết một bài biện hộ cho cụ Tây-Hồ, đại ý nói thời cuộc ngày nay khác với cuộc thế đời xưa nhiều là cái cuộc thuở nay chưa từng có. Ai có con mắt nên trông cả toàn cuộc, và có định lực kiên trì, tâm-sự của kẻ anh hùng không thể bằng theo chỗ thấy ít biết gần mà suy trắc. Cụ Tây-Hồ đi Tây, tất có định-kiến thế nào,

« gặp đề hẹp đi đường rộng 遇窄題行寬路 » nên chờ xem cuộc sau nầy ra sao...

Lúc ấy trong khám B, vấn đề chủ nghĩa sôi nổi rất náo nhiệt, không ngày nào không bàn chủ nghĩa. Những người thực lòng yêu nước, thương xác trao đổi ý kiến để dung hòa thành kiến, cũng có người chỉ bàn cải om sòm nghe chán tai. Tôi có bài tuyệt :

劇場如鷓鴣鼓如雷
拖粉施粧演一回
畢竟妍媸誰辨得
從旁惹出倭人來

Trường hát xôn xao tiếng trống dồn,
Đóng vai diễn một lớp tuồng con.
Dở hay, rút cuộc nào ai biết,
Thêm tiếng khen chê mấy bác lùn !

XLXVI

Thơ đưa chồng bạn :

Nguyễn quân Đông-Đường, cùng Hoàng-quân Tăng-bý...đều là người trọng yếu, sáng lập Đông-kinh Nghĩa-thục. Nghĩa-thục bị đóng cửa, Nguyễn và 3 bạn : Thiếu-niên, Ngọc-Tiều, Siêu-tùng đày ra Côn-lôn mà Hoàng-quân được cho vào ở Huế (nhờ có cụ Hiệp Cao là ông nhạc nhận). Kế đó Hoàng-quân thi đỗ Phó-bảng, bà Hoàng theo chồng vào Huế, bà Huấn (vợ Nguyễn-quan-Quyền) có bài thi tiễn chân, gởi cho chồng ở

Côn-lôn xem : Nguyễn-quân có họa lại gởi về. Bài thi bà Huấn có vẽ nồng nàn tình tứ, so với bài Đường thi « Khuê trung thiếu phụ bất tri sầu... » tưởng không kém bao nhiêu :

Chỉ thêu nên gấm dám nài công,
Bạn chị em ta mãnh má hồng,
Mặt nước kia ai câu bọt bể,
Chùa nhà riêng những quét hoa thông.
Méo tròn thử vẽ vừng trăng bạc,
Cay đắng xin vơi chén rượu nồng :
Say quít lại cười, cười lại bảo :
Ơn riêng nầy chớ phụ tình chung ».

Nguyễn-đông-đường có họa lại :

Cầu trời cầu biển quản gì công,
Dệt gấm khi nào mượn má hồng.
Đuổi dập kình nghê muôn lớp sóng,
Đứng trơ mưa gió một chùm thông.
Hỏi han bác Lý vừng trăng bạc,
Chờ đợi nàng Tô chén rượu nồng.
Đắp lạnh quạt nồng ai đó tá ?
Hiếu tình nầy vẫn hiếu tình chung».

* * *

Nhân tiện chép câu đối của Lê-quân Siêu-tùng nghe tin mấy bạn thi đỗ (nguyên Nguyễn-sĩ-Xác, Hoàng-tăng-Bí đều bạn tân học với Lê), Lê bị tù mà 2 bạn kia lại thi đỗ, nên Lê có câu đối:

Quách thây chúng nó, thi mà chi, đỗ nữa mà chi, nào những khi rượu đầy bàn, đơn đầy vách,

sách đầy án, bạn đầy nhà ; nghêu ngao trăng gió bốn mùa, chơi đã đủ mùi, thôi có lạ chi phường mặt trắng.

Còn có bọn ta, tù chả sợ, dày cũng chả sợ, cho đến lúc miệng như tép, mép như rồng, tiếng như cồng, mắt như chớp ; xốc vác non sông một gánh, làm cho nên việc, bây giờ sẽ hỏi bạn non xanh.

Lúc Nghĩa-thục đóng cửa, mấy ông bị bắt, dư-luận Bắc-hà đều tỏ lòng đau xót, có 1 bài kể công việc mấy ông. Tôi nhớ đoạn đầu :

« Cơn mây gió trời Nam bằng bằng,
Bước anh hùng nhiều chặn gian truân.
« Gẫm xem máy tạo xoay vần,
Gầy nên một cuộc cách tân cũng kỳ !
« Khắp thân-sĩ lưởng kỳ Nam Bắc,
Bỗng dựt mình chợt tỉnh cơn mê.
« Học, thương, xoay đủ mọi nghề,
Cái hồn ái quốc, gọi về cũng mau.
« Hồn đã tỉnh bảo nhau cùng giậy,
Chưa học bò vội chạy đua theo.
« Khi lên như gió thổi đều,
Trong hô cự thuế, ngoài reo phá thành.
« Việc tự-lập người mình còn dại,
Sức cường-quyền ép lại càng đau.
« Tội-danh đỗ dám nhơ-lưu,
Bắc-kỳ thân-sĩ, đứng đầu năm tên.
« Người tỉnh Bắc Nguyễn-Quyền là một....

(Sau không nhớ).

XLXVII

Chồng ở tù, nhận được mền của vợ gởi :

Nguyễn-quân đình-Quản (Người Quảng-ngải, Cử-nhân, hiệu Phong-niên), nhận được thơ nhà và một cái mền của bà gởi ra, đồng nhân cho là việc có thú, cùng làm thi tặng. Bài thi của tôi :

敢 把 癡 心 累 壯 懷
寒 窵 夢 起 憶 天 涯
燈 前 多 少 相 思 淚
細 向 衾 中 認 出 來

Tình riêng há để lụy lòng trai,
Tỉnh giấc bên màn sực nhớ ai ?
Nhiều ít trước đèn bao giọt lệ,
Trong mền nhìn kỹ nhận ra coi

英 雄 心 事 女 兒 思
一 幅 重 衾 萬 縷 絲
窮 海 縱 然 風 雨 惡
護 君 熱 血 到 歸 時

Tình si nhi nữ, gia anh hùng,
Muốn múi đường tơ tấm đệm bông,
Góc biển tha hồ mưa gió lạnh,
Chàng về máu nóng giữ còn nồng.

Thi của Tập-xuyên :

白 面 猶 能 種 族 謀
紅 顏 安 敢 怨 衾 裯
初 寒 昨 夜 侵 羅 幌
忽 憶 天 涯 似 此 不

Mặt trắng còn lo việc giống nòi,
Má hồng dám tủi gối-loan côi.
Hôm qua hơi lạnh lò bên cửa,
Nhớ kẻ thiên-nhai luốn ngậm ngùi.

衾 上 紅 絲 幾 縷 斜
縷 多 爭 似 妾 情 多
明 知 不 是 重 衾 煖
記 向 窻 前 斂 素 蛾

Chỉ đỏ mền bông lắm mối manh,
Chỉ bao nhiêu mối, thiếp bao tình,
Mền đôi biết hẳn chưa là ấm,
Nhớ chẳng ? đôi mày kém nét xanh.

Thi của Phong-niên :

抱 冰 素 志 恐 難 堅
敢 望 蹉 跎 擁 被 眠
獨 是 未 忘 兒 女 戀
可 無 手 物 到 君 邊

Chỉ e ôm giá chí không bền,
Há mọng ngày đêm ngủ ấp mền.
Nhi nữ chút tình quen chửa được,
Tay khâu vật ấy gởi hầu bên.

織 錦 無 能 可 奈 何
縫 衿 聊 爾 寄 天 涯
那 堪 妾 意 君 心 事
相 對 秋 宵 月 未 斜

Tài thua dệt gấm biết làm sao ! (1)
Mền gởi ven trời thỏa ước ao.
Ý thiếp lòng chàng tâm sự đấy,
Đêm thu nhìn bóng lúc trăng cao.

(1) Tô-Huệ, chồng đi thú, dệt gấm hồi văn dâng vua, vua tha chồng về.

XLXVIII

3 ông Mục-sư :

3 ông Mục-sư ở Nghệ-an : Nguyễn - Tường, Nguyễn-thần-Đồng và Đồ-Lệnh, bị đày ra Côn-lôn (vì có người giáo du-học Nhật-bản, nên bị tình nghi sao đó) ông Đồ-Lệnh cùng tôi là bạn học chữ Tây, có giúp ích nhau. Vì chữ La-tinh là tổ chữ Pháp mà họ học chữ La-tinh nhiều, nên học chữ Pháp rất dễ.

Đồ-quân có thông chữ Hán, về học-thuyết mới cũng thông hiểu, không toàn mê tín như ai. Tôi có tặng 2 bài thi :

1) 紳 智 未 開 民 智 下
國 權 不 振 教 權 卑
力 排 奴 鄣 千 重 壘
別 豎 明 都 十 字 旗
新 海 風 潮 輸 幾 度
囚 天 雷 雨 臥 多 時
熱 腸 到 底 知 何 似
萬 縷 春 蠶 未 吐 絲

Quyền nước còn hèn quyền giáo thấp,
Trí thần chưa mở trí dân ngây.
Làng nô, lủy quyết xô nền đổ,
Chữ « Thập », cờ toan dựng xứ nầy
Sóng gió tứ bề thông biển mới,
Giông mưa một góc cõi từ đây.
Một bầu tâm-sự ra sao đấy ?
Muôn mối tơ tằm chửa kéo dây.

2) 羣 負 如 山 未 報 何
誰 教 傾 蓋 向 天 涯
思 潮 此 日 融 歐 亞
學 界 何 人 劃 孔 耶
淡 水 心 腸 兼 麗 澤
黃 金 歲 月 感 流 梭
晤 談 他 日 難 忘 處
故 國 濤 聲 隔 岸 多

Nợ bầy như núi trả chưa rồi,
Gặp chắc, không dè giữa đảo côi.
Âu, Á tư-triều đà hiệp một,
Khổng, Gia học-giới nở chia đôi.
Ruột rà nước thấm tình giao mật,
Ngày tháng thoi đưa của báu rơi?
Trò chuyện hôm nay nên nhớ mãi,
Bên kia bờ biển sóng vang trời.

(3 ông Mục-sư, sau ông Lệnh, ông Đồng được tha về, còn ông Tường chết ngoài ấy).

XLXIX

Ký-Long với Dương-Thưởng :

Chúng tôi ra ngoài đảo cách xa nội-địa, tin tức không thông, mà thường năm lại có bọn quốc-sự-phạm mới đày ra, thuật chuyện trong nước và việc người cho nghe, rõ là một việc có hứng thú. Bởi vậy nên mỗi lần có bọn đồng-tội mới đày lại, nói chuyện luôn mấy đêm mà chưa chán, vì ai ai cũng khao khát nghe chuyện mới.

Có nhiều tin không ngờ mà được nghe như tin tù Lao-bảo dưới nầy :

Nguyên có ông Ký-Long (làm ký-lục giấy thép, người Nghệ-an), nhân đi săn rủi bắn chết người, bị đày Lao-bảo, được gặp bạn quốc-sự-phạm (1908) đày ra đây, như Dương-Thưởng (anh Tú Dương-Thạc đày Côn-lôn), Lương-Châu, Lê-Cơ v. v.. Ký-Long biết tiếng Tây, quan đồn tin cậy, được làm việc phòng giấy, nên có giúp đỡ bạn quốc-sự-phạm kia đôi chút.

Nhân tù biến ở Lao-bảo (1900), Ký-Long bị đày ra Côn-lôn. Lúc vào khám lớn Saigon lại gặp Tùng-Nham (Tú-tài Nguyễn-văn-Ngôn) cũng người Nghệ mới đày vào đấy, đợi tàu chở ra Côn-lôn. Hai người đồng xứ gặp nhau thành bạn thân thiết. Ra đảo, Ký-Long học chuyện Lao-bảo cho tôi nghe, mới hay Dương-quân-Thưởng đã tạ thế ngoài ấy. Tôi cùng anh em Dương-quân (Thưởng và Thạc) đồng học đồng châu. Tú em đã chết ngoài đảo, nay người anh lại chết ở Lao-bảo, cảm tình lai láng, nên có câu đối :

犢 車 佳 話, 豈 其 有 約 耶, 弟 不
足 又 重 之 以 兄, 古 劍 雙 飛, 異 地
風 雷 疲 擁 護.

鴻 鴐 國 魂, 尙 其 歸 來 些, 生 如
何 可 無 負 於 死, 舞 臺 一 躍, 先 時
人 物 數 崢 嶸.

Chuyện xe bò mới đó, có hẹn nhau sao ? em

chưa đủ lại chết dồn đến anh, gươm báu cấp đôi bay, giông gió vèn trời thêm nặng đảm !

Hồn Hồng-Lạc đi đâu, hãy về chăng tá ! sống thế nào không phụ lòng kẻ chết, sân tuồng giong một vọt, anh hùng lớp trước kể bao tay ?

* * *

Phụ (Ký-Long sau cũng chết ngoài đảo, Cụ Tiểu-la có tặng câu thi :

Học thông Âu-Á chừng anh tuấn, sanh ở Hồng-Lam vẫn thế gia...).

L

Nguyễn-Tùng-Nham :

Nguyễn tên Văn-Ngôn, Tú-tài, người Nghệ, bạn chí thiết của Hải-côn tiên-sinh, người tánh khẳng khái, có phong thái người kiếm hiệp đời xưa mà học cũng uyên súc, văn rất cứng cỏi. Văn hào võ hiệp, một tay gồm cả 2 bên, trong bọn đồng thời rất là xuất sắc, mà toàn cả nhà Tùng-nham, lại hy sanh về việc nước cả mấy anh em, lại là một nhà rất hiếm có :

Cụ Sào đông độ, Tùng-nham cho người em đi theo, còn ông ta thì ra vào miền thượng-du Bắc-hà và Nghệ-Tịnh, bôn tẩu quanh năm, kết thức phường kiếm hiệp, bọn hảo hiệp đều biết tiếng ông. Việc lộ ra, bà mẹ bị quan bắt cho đi tìm con, ra Bắc, gặp Tùng-nham nơi đồn An-thế. (Ở An-

thế có đồn Tú-Nghệ tức đồn ông ta cùng bọn học trò). Bà mẹ bảo :

« Tao vâng lệnh quan đi tìm mầy. Song mầy về sẽ không khỏi làm tên tù, về hay không tùy ý mầy, nhưng không về là hơn.

Bà mẹ về, đến người em (nho Hai) cũng vâng lệnh quan đi tìm anh, nho Hai theo anh vào núi luôn không về, Tùng-nham bị bắt bị đày ra Côn-lôn, được ít lâu nho Hai cũng bị bắt đày ra, 2 anh em đều chết ngoài đảo. Người em đông-độ cũng chết bên ấy, thảm nhỉ!

Tùng-Nham thì chung chỉ chuyên một mặt thiết huyết. Lúc bị bắt, ông ta đương ở trong nhà nơi làng nọ, đêm bị vây, ông ta thoát khỏi vòng đi được một đỗi, gặp 2 tên lính núp đánh cho mấy bản súng, bị gảy 2 cái răng.

Ông ta có 2 bài tuyệt vịnh đồn núi Vụ-quang là đồn củ của cụ Phan-đình-Phùng, khẳng khái lâm ly, văn rõ như người :

1) 腰 橫 古 劍 氣 如 虹
國 恥 家 仇 誓 始 終
十 載 霧 光 營 壘 地
朝 暾 猶 掛 萬 山 紅

Gươm lưng tia sáng suốt cầu vồng,
Hồ nước thù nhà quyết một lòng.
Non Vụ mười năm dinh lấy đấy,
Đỏ dăng lớp núi bóng vừng đông.

2) 一 山 曉 霧 鎖 寒 溪
赤 笠 烏 鎗 伏 岸 西
一 響 銅 鑼 喊 起 處
大 家 齊 決 上 流 堤

Mù núi ban mai phủ kín khe,
Súng đen nón đỏ núp bờ kia.
Đồng-la một tiếng cùng reo dậy,
Giòng suối nguồn trên tháo vỡ đê.

Tùng-nham có câu đối khóc Hải-côn, và câu đối khóc Tiểu-la, cũng giọng khẳng khái nồng nàn như thế.

LI

Thơ vịnh-quyết của Tiểu-la tiên-sanh :

Tiểu-la, Nguyễn-triết-Phu tiên-sanh, người đảng Cần-vương mà cũng là nhân-vật rất trọng yếu trong khoảng tân-thời, như trước đã nói.

Tiểu-la ra đảo, sau mấy tháng mà được tin phu-nhân mất, năm sau lại tiếp tin người con gái mất. Kế đó lại được tin chính phủ Nhật trục xuất phái đông học, đa số thiếu niên ta ở Phù-tang bị giải tán. Kế-hoạch kinh dinh sắp đặt trên 10 năm, một mai tan tác, cái khí phẫn uất không tự ngăn được. Chứng bệnh « phế uất » củ, 肺鬱 lại phát sanh, có lúc thổ huyết cả bát. Sau vào nhà thương điều trị không khỏi, tiên-sanh có gởi bức thơ quyết biệt đồng bối, trong có câu :

« *Thời cuộc xoay vần, cơ hội tốt sẽ đến, giông mây đông Á, sau nầy còn nhiều cuộc biến đổi, anh em gắng lên !* Sau lại có phụ bài thi :

一 事 無 成 鬢 已 班
此 生 何 面 見 江 山
補 天 無 力 談 天 易
濟 世 非 才 避 世 難
時 局 不 驚 雲 變 幻
人 情 只 恐 水 波 瀾
無 窮 天 地 開 雙 眼
再 十 年 來 試 一 觀

Một việc chưa thành tóc nhuộm màu,
Non sông gảnh lại thẹn mày râu.
Vá trời thiếu sức bàn nghe dễ,
Cứu thế không tài tránh ở đâu ?
Cuộc biến ngại gì mây đổi sắc,
Tình người e nỗi sóng thêm sâu.
Mở toang hai mắt xem trời đất,
Sau nữa mười năm vẫn thế ru ?

LII

Khóc Tiểu-la tiên-sanh :

Tiểu-la là một tay kiều-sở trong đám tiên-thời nhân-vật, lại có cái lịch-sử Cần-vương, Tiểu-la mất, đồng-nhân tỏ lòng thương tiếc, điếu liền rất nhiều, không kém tang Tú-Dương, tiếc lúc ấy ở đảo đã cấm chữ Hán, không gởi được về trong đất, chép mấy câu có vẻ xuất sắc :

...廿餘年慘淡經營，造物何心，忍使英雄長已矣.

一二輩窮荒流落，江山回首，對於死者謂何如.

Hai mươi năm sắp đặt lo toan, tạo vật lòng nào, nỡ khiến anh hùng chừng có nấy !

Một hai bạn đày đọa lưu lạc, non sông ghềnh lại, đối cùng kẻ chết nghỉ làm sao ?

PHONG-NIÊN

一生憂愛，君豈樂爲其易者哉，況當此五大洲聖哲馳驅之秋，如此謂何，英雄歲月.

三復遺章，我有慨乎其言之也，彼其於數百年民族鬱積磅礴之久，乃今而後，東亞風雲.

Ái ưu tấc dạ, người há đành làm việc dễ ấy ru ? Huống đương lúc khắp năm châu thánh triết ruổi dong, ngày tháng anh hùng đâu chịu thế ?

Di chúc mấy lời, ta rất cảm về câu nói ấy ! kìa thử xem mấy trăm năm khí dân dồn chứa (1), gió mây Đông-Á mới từ đây.

THAI-SƠN

時事猶可爲，愛少年尤愛老成，廿載周旋新舊際.

英魂何處去，尸祝君且尸祝祖國，同胞鄭重死生間.

(1) Câu nầy chỉ cuộc cách mệnh nước Tàu, di thơ của Tiều-la tiên-sanh.

Việc đời có chỗ làm, yêu thiếu niên càng yêu lão thành, mới củ đều cần tay lịch duyệt.

Anh hùng đi đâu cả ? chúc nhà ngươi và chúc cả nước tổ, mất còn thêm chạnh nghĩa anh em.

VĂN-THÚC

人於舊界新潮際
境在家情國事間

Đời cựu buổi tân người lịch duyệt,
Tình nhà nạn nước cảnh eo le.

HỒ-TIẾU

廿餘年碩果獨存，爲軍旅家，爲經濟家，爲秘密運動家，經百折以不回，舊界新時，位置巋然爭一席.

二三友平生莫逆，某也東奔，某也西走，某也窮荒流落，有歸國之一日，左提右挈，前程愁煞少斯人.

Hai mươi năm giống trái vẫn còn, nào kinh-tế, nào quân-lữ, nào bí-mật vận-động-gia, trăm lần uốn chả cong, đời cựu buổi tân, vị-trí nghiễm nhiên dành một chiếu.

Đôi ba bạn ruột rà thân thiết, kẻ sang đông, người sang tây, kẻ lại cùng hoang đày đọa, một ngày kia về nước, đỏ sau vùa trước, tiền-trình buồn nỗi thiếu hai tay.

MÍNH-VIÊN

此乾坤何等時耶，人則舞臺
一躍，我則地獄千重，前途寥廓
渺茫，志士熱腸難一死.

君春秋纔四紀耳，始而乙酉
勤王，繼而甲辰新黨，廿載經營
慘淡，英雄心血足千秋.

Trời đất này là buổi nào? người thì vũ đài một vọt, ta thì địa ngục mấy trùng, ngắm đường sau quanh quẻ mênh mông, chí sĩ lòng nào đành một chết.

Xuân thu người chưa già mấy, trước đã Ất-dậu Cần-vương, sau lại Giáp-thìn tân-đảng, trải kiếp sống kinh dinh sắp đặt, anh hùng gương đủ để ngàn thu.

MY-SANH

君侯勤王憂國，慷慨如是廿
年，壯哉書劍飄蓬，密友已將心
事托.

吾輩任重投艱，旦夕可當終
古，邈矣死生寥廓，前途不爲死
生忙.

Quân-hầu Cần-vương lo nước, khẳng khái trải mấy mươi năm, hăm hở thay gươm sách lạc lài, tâm sự trọn giao người bạn thiết.

Chúng ta gánh nặng đường xa, chiều sớm kéo dài trọn kiếp, bát ngát nỗi biển trời xa cách, tử sanh thẳng nhắm bước đường sau.

TÙNG-NHAM

君侯其橫山南之豪傑，前勤
王事，後應義潮，廿載經營，磊磊
剛腸留片墨.

吾輩爲報鴻貉祖者死耳，橫
有八荒，縱有千古，當年心事，曉
曉輿論付閒雲.

Quân-hầu rõ là bậc hảo phía nam núi Hoành-sơn chăng? Cần-vương lớp trước, tân-đảng lớp sau, nữa kiếp kinh-dinh, khẳng khái tấm thành ghi nét mực.

Chúng ta chết vì tổ Hồng-Lạc đấy: tám cõi bề ngang, ngàn xưa bề dọc, một bầu tâm sự, xôn xao miệng thế phó chòm mây.

HY-CAO

LIII

Học chữ Tây và làm việc nhà giấy:

Tôi ra đảo, có mang theo một quyển Pháp-việt từ-điển Trương-vĩnh-Ký, một quyển Lecture langage, và một quyển mẹo (Grammaire). Khi ra đến thì đồ mặc đều đổi đồ tù, bao nhiêu đồ đem theo đều gởi vào kho, những sách ấy cũng không được mang vào trong khẩm, không rõ lưu lạc đi đâu.

Sau đó cụ Tây-Hồ ở ngoài, biết là sách của bọn chúng tôi, mới chuộc lại gởi vào. Thế là sách ấy lại gặp chủ nó. Tôi cùng cụ Tập-Xuyên và vài ba người nữa, mỗi ngày giờ làm việc xong, vào

khám thì học chữ Tây. Kế đó, bọn tù « Politique » được ở riêng một khám, không có bọn tù khác khuấy nhiễu, mỗi bữa nghỉ trưa, vào khám là kẻ học người viết. Sau lại mua thêm được ít sách Lecture và sách mẹo, cùng một bản « L'Histoire Nationale Française » cùng nhau nghiên-cứu, có hiểu biết Pháp-văn nhiều ít. Tuy chúng tôi học bằng con mắt với cái não, nên nghe và nói tiếng Tây hay sai vận và không được lanh lẹ ; song đọc sách hiểu nghĩa, đặt câu và phiên-dịch, biết được đại-khái. Vừa lúc ấy phòng giấy Gardien-Chef thiếu người làm việc, tôi được bổ vào chưn thông dịch đó. Trong tù cho là một sự hạnh-ngộ.

Nguyên ngoài đảo lúc ấy duy phòng giấy Tham-biện (Directeur) có một người thông-phán civil, còn phòng Ký-lục, phòng Gardien-Chef, công việc biên chép sổ sách thông dịch đều dùng bọn tù biết chữ Tây làm cả. Vì dùng thế không tốn (một người thông-ký civil, lương tháng ít nữa là 50, 60 đồng, phải dùng trong đất đem ra, còn dùng bọn tù mỗi tháng 2, 3 đồng thôi).

Công việc trong tù, được làm thơ-ký là vinh-hạnh nhứt, không khác gì quan trường trong đất, đã khỏi cái nạn làm xâu việc nặng, Mata, Gardien đối đãi cũng tử tế, đến đồ ăn đồ mặc và công tiền đều chiếm hạng nhất trong tù.

Lúc chúng tôi học chữ Tây, mỗi buổi trưa đọc sách viết dictée, hai phòng bên cạnh cho là làm

mất giấc ngủ trưa của chúng, khởi lên chưởi mắng :

« Tụi quan to, ở nhà cha mẹ cho đi học, không học,nay ra tù, học cái gì phá giấc ngủ người ta ! »

Đến khi thấy tôi ra làm việc nhà giấy, chúng lại càng lấy làm lạ, bảo nhau :

« Té ra học trong tù mà cũng làm việc nhà giấy được kia ! »

Từ đó, chúng không mắng chưởi, lại có đứa sắm giấy viết đặng học, rõ là một chuyện thú buồn cười.

LIV

Công việc tôi ở phòng giấy :

Tôi ra phòng giấy, phòng ấy ở trước bagne, cách trong khám có một thành tường, có cửa sổ song sắt, trông thấy anh em ở trong ngồi đan chiếu nơi hai giẩy thềm hiên mà không thông được một câu nói. Trưa tối thì ngủ riêng một khám với bồi bếp, không được vào chung với anh em, có cái cảnh « cách nhau gang tấc xấp mười quan sơn », duy lúc nào anh em có người khai bệnh (malade) đi xin thuốc nhà thương, nhà giấy biên tên kêu số, được tiếp chuyện nhau thôi. Vì thế nên cái thú vui « văn-tự bằng-hữu » không bằng lúc còn ở chung một phòng.

Tuy vậy, công việc trong phòng giấy, đối với tôi lại là một trường học mới : Lúc mới vào không

hiểu gì cả. Nhưng dần dần rồi tìm ra mối manh, thấy rõ người Tây về mặt sổ sách, biên chép, số mục thứ lớp, cái gì ra vào cùng ghi ngày tính tháng, có môn loại rành rẽ, nhân đó được môn học thực-nghiệm về mặt làm việc tập sự mà có thú, trong đôi ba tháng, đã thành tay thạo. Phàm phần việc của tôi cho đến sổ sách, đều ghi chép hằng ngày, không có đều gì sai lầm, Chef Gardien (M. Campion) trước còn nghi ngờ, sau lại thấy « bọn quan to » không có cái lối gian dối như tù thường kia, nên đãi cách dễ chịu.

Lúc ấy tôi làm sổ lương tháng tù, sổ phạt, sổ malade cùng sổ tù đi các sở thay đổi v. v.. Những công việc ấy, mấy người làm trước thường dùng ý xoay xỡ nầy nọ, sau bị phát lộ, phải bị đuổi, bị phạt. Tôi làm 3 năm không hề sai một đồng xu.

Tôi ra nhà giấy, thi-hứng nguội lạnh, nhân một bửa Nguyễn-quân Phong-niên đi nhà thương, trưa cùng nằm chung trong khám bồi, cùng nhau nói chuyện. Nguyễn-quân thuật ở tiệm khách có tờ Hoa-báo nói người Tàu họ Đàm ở Mỹ thi máy bay được thưởng, tôi nhân được một bài thi trình Phong-niên :

來 從 何 自 去 何 之
四 顧 蒼 茫 獨 坐 遲
伏 櫪 不 堪 垂 驥 耳
入 門 猶 足 妬 蛾 眉

天 然 學 校 添 新 課
故 國 河 山 惱 夢 思
昨 日 與 君 談 近 報
夢 隨 華 艇 駕 空 飛

Lại từ đâu mà biết đi đâu!
Ngồi ngẫm chung quanh một chắc lầu.
Gót ký cột chuồng đành chịu vậy,
Mày ngài vào cửa thấy ghen nhau.
Thiên nhiên học hiệu thêm bài mới,
Nước củ non sông chệnh mối sầu.
Tin báo cùng ngươi trò chuyện đó,
Chiêm bao theo máy tếch bay mù.

LV

Sau khi tôi ra nhà giấy :

Anh em ngoài đảo, học thức tánh cách, đều là hạng người đồng thời ít có, mà riêng về thi văn, tôi cùng cụ Đặng-Thai-Sơn có đồng bệnh nghiền ấy. Nên mỗi khi có ký ức, cảm xúc và ngâm vịnh, hai tôi cùng nhau bàn bạc thưởng giám với nhau, mấy năm như một ngày ; thứ nữa thì cụ Ngô-Tập-Xuyên.

Từ tôi ra làm việc nhà giấy, sổ sách ghi chép, đều là môn học thực-tế, từ đó thi hứng lạt nguội, không có hứng thú nồng nàn như lúc ở chung với anh em. Cụ Thai-Sơn ở trong khám cũng không có thi hứng, ít ngâm vịnh như ngày trước. Vì thế từ năm 1912 về sau, cỏ trống thi đàn không

thạnh như mấy năm mới ra đảo. Tuy vậy, một đôi khi có cảm xúc, tôi tuy ở ngoài cũng gián tiếp cùng anh em xướng họa, vì cái tánh thi cuồng, hễ có chạm nhằm chỗ ngứa thì không tự chửa được.

LVI

Nghiêu - Giang Đặng - quân (văn - Bá, con cụ Thám-hoa Đặng-văn-Kiều), học rất uẩn - tạ, lại phụ - khí, không phục ai cả. Nhưng có tánh mê-tín di-truyền và cố-chấp thành-kiến (như số, bói v. v.). Mỗi khi nghe anh em nói chuyện khoa-học, triết-học, cùng học-thuyết Âu-Tây, Đặng-quân không muốn nghe, mà xem ý không lấy làm phải. Đến bàn Dịch-lý, nói số học, mà có ai kích-bác thì Đặng-quân khăng khăng kiên chấp, cho mình là phải, đảo để không chịu khuất, rõ là một nhà « chân-thủ-cựu » vậy.

Một ngày nọ, Đặng quân cùng Thai-sơn tiên-sanh tranh-luận thuyết quân-quyền dân-quyền, nỗi trận xung-đột, hai bên đều bất-khuất, Thai-sơn có làm 3 bài thi ngụ ý châm phúng, trong có những câu (không nhớ toàn thiên) :

自 是 犧 牲 緣 種 族
非 關 竹 帛 爲 吾 私
. . . . . .
須 知 敵 我 公 爲 敵
豈 有 存 君 國 乃 存
皇 統 敢 書 民 賊 後
奇 癡 猶 夢 帝 權 尊

Chết sống đã đành vì chủng tộc,
Công danh nào phải bởi người riêng.
Cho hay kẻ dịch công là địch,
Há phải còn vua nước mới còn.
Hoàng thống dám xưng « dân tặc hậu »,
Người si còn tưởng đế quyền cao.

一 自 漢 儒 談 術 數
謬 種 紛 紛 傳 至 今
蠻 觸 相 爭 天 自 若
狐 魚 底 事 日 相 尋
旣 於 寰 海 明 開 眼
須 爲 人 羣 下 一 針
. . . . . .

Từ bọn Hán-nho bày thuật số,
Giống độc luôn luôn truyền đến nay.
Man xúc tranh nhau trời cứ lặng,
Hồ ngư diễn mãi chuyện hằng ngày.
Hai mắt đã trông rành cuộc thế,
Một kim cần phải tỉnh lòng người,
. . . . . .

Mấy bài đó chính là châm chỗ mê tín của Nghiêu-giang.

Tôi có bài họa lại :

1) 奇 局 大 開 空 故 事
盲 人 到 底 狃 前 非
豈 知 今 日 環 球 上
何 地 能 容 一 姓 私
奴 史 不 焚 殃 未 已
民 權 一 振 國 難 微

憑 君 勉 造 人 羣 福
自 有 黃 金 鑄 范 蠡

Cuộc lạ mở toang đời chửa có,
Người mù đáo để dại không chừa.
Địa-cầu đã diễn theo tuồng mới,
Một họ đâu còn vạt đất lưa.
Mối họa, sử nô cần phải đốt,
Dân khôn, quyền nước sẽ không vừa.
Hãy chăm tạo-phúc nhân quần đấy,
Tượng Phạm-Ly nào kém kẻ xưa. (1)

2) 悠 悠 舊 學 水 東 奔
咄 咄 新 潮 五 海 翻
共 道 無 冠 皇 帝 貴
不 聞 守 舊 國 民 存
盧 梭 一 論 傾 天 下
華 頓 孤 城 特 地 尊
君 看 東 西 爭 競 史
爲 誰 滿 地 血 流 痕

Ngàn năm học củ nước trôi mòn,
Sóng mới năm châu khéo cuốn tròn.
Đều nói không ngôi vua mới quí,
Chả nghe thủ cựu nước nào còn.
Lư-xoa luận nọ, xoay trời đổ, (2)
Thịnh-đốn thành kia khắp đất tôn. (3)

(1) Phạm-Ly giúp vua nước Việt đánh Ngô làm nên nghiệp-bá, vua Câu-Tiễn đúc tượng vàng để ghi nhớ.
(2) Lư-Xoa có bài luận Dân-ước (contrat social), gây ra ảnh-hưởng dân-quyền.
(3) Hoa-thịnh-đốn dựng nước cọng-hòa Mỹ-châu.

Kia sử Đông-Tây tranh-cạnh đấy,
Vì ai giọt máu cứ trôi dồn ?

LVII

Ân-xá và Ân-giảm :

Người không phải cây đá, ai lại không tình, thương nước nhớ nhà, người xưa cũng đồng mối cảm ấy. Chúng tôi, từ sau cụ Tây-Hồ được về, không ngày nào không mong tin được tha về. Những đợi trông năm nầy sang năm kia, không được tin gì. Các bạn và người nhà gởi thơ lại, thường hỏi thăm tin ấy. Trong đất có khi nào thấy người can án khoản ấy được tha, lại viết thơ hỏi, trong có câu : « *Không biết ơn nầy có chảy đến ngoài qui đảo không ?* » (不 知 這 洪 恩 流 到 貴 島 否). Ai đọc đến cũng cười rồ, rõ là câu có thú.

Đến năm 1913, mới được giấy ân-xá ở Kinh lại, những án 9 năm như Nguyễn-quân Hồ-Tiếu, Phạm-quân Cao-Chẩm, Trương-quân Bá-Huy, Trần-quân Bạch Sỉ, đồ Tịnh, Hương-Đòn đều được tha về. Tôi cùng Tập-xuyên, Thai-sơn, My-sanh, Nghĩa-Bình, được giảm xuống 13 năm. Tập-xuyên đưa các bạn Hồ-Tiếu có câu :

鳥 從 絕 島 穿 籠 出
春 與 羈 人 渡 海 還

Chim từ cô đảo xoi lồng tách,
Xuân với ngươi quen vượt biển về.

LVIII

Nguyễn-quân Chỉ-tín, người Hanoi, làng Đông-ngạc, một nhà Tây-học, làm thông-phán ở Thanh-hóa, can vụ Hạc-thành thơ-xã, cùng thân-sanh là cụ Huyện Nguyễn-dự-Hàm và thân-sĩ tỉnh Thanh đày ra Côn-lôn. Ông ta bị án 5 năm, vì thông Tây-văn, ra đảo liền được làm việc nhà giấy phòng Gardien-Chef. Tôi ra làm việc nhà giấy là lúc ông ta được tha về mà cử tôi vào thay.

Sau tha về, ông ta lại bị tình-nghi lần thứ hai nữa, về vụ bom ở Hà-thành lại đày ra Côn-lôn, cũng án 5 năm, sau lại tha về. Cụ Huyện sau cũng mãn hạn được tha về. Cụ Huyện học Hán-học khá, sinh làm thi, có một bài thi « thời-sự cảm-tác » cụ làm, sách anh em họa, thi quốc-văn mà toàn ấp vận chữ Hán « duyên, thuyền, thuyên, niên, quyên » (không nhớ nguyên-văn), đồng-nhân họa khá đông, duy có bài thi ông Cử Nguyễn-đình-Quản là hơn cả. Ký-giả quên hai câu đầu :

. . . . . .

Cảnh tù ra vậy nhàn như chết,
Bệnh nước khi nào chữa đặng thuyên.
Xót kẻ hô hào thân hải ngoại,
Trêu người khai hóa cuộc đương-niên.
Phần mình phần nước càng ngao ngán,
Giọt lệ đêm thu máu đỏ quyên.

Bài nầy vận « niên » ngó dễ mà rất khó, phần đông đều là « năm » mà đọc làm « nịên », trừ vận

« đương niên 當 年 » bài kể trên, Siêu-tùng có câu :

« Bức tranh hoàn-hải còn đâu nước ?
Lớp tuổi sơn-hà biết mấy niên ».

Cùng cậu ấm Nguyễn-đình-Mộng có câu :

« Vận nước sương mai người mấy đảng,
Nhân tài hoa sớm án lâu niên ».

3 vận « niên » ấy nghe ồn mà câu của cậu ấm Mộng, tả được hiện tình trong nước, đáng làm câu đoán-án cho đoạn lịch-sử thất-bại của tân-đảng đến ngày nay còn vẫn thế !

LIX

Thanh-hóa, hai anh em ông cử Nguyễn-Soạn (Văn-Thúc) và Nguyễn-Xứng (Yên-sơn), đều đày ra Côn lòn. Văn-Thúc 5 năm mãn án về trước, ông ta tánh cang-giới, có trì-thủ, không hay nói cười. Lúc ở đảo thích nghe lý-thuyết mới và chuyện du-học nước ngoài. Ngày được về, tôi có bài tiễn biệt :

同 是 南 冠 去 國 人
八 重 地 獄 出 來 身
國 民 前 路 觀 摩 久
海 外 新 交 蒙 寵 頻
失 敗 原 來 成 事 母
少 年 多 是 自 由 神
年 來 鎖 室 談 心 處
下 手 看 君 及 此 辰

Vì nước mang tù ta với ta,
Mấy tầng địa ngục bước chân ra.
Quốc dân gánh nặng trông đường tới,
Bạn mới thần giao cách bể xa.
Thất bại mẹ sanh thành sự đấy,
Tự-do thần ở thiếu-niên mà.
Mấy năm khám kín bàn nhau mãi,
Về đấy xem ngươi thử gọi là.

Ông ta sau về làm thầy tu, hiện Tăng-cang chùa Thanh-hóa.

LX

Tôi, lúc 30 tuổi tóc đã bạc hết phần nữa mà răng còn chưa rụng, nên bài thi gặp cụ Tây-Hồ có câu :

« Ngã phát thương thường quân xỷ lạc, tương phùng nhất tiếu lưởng vô ngôn » (đã chép trước). Không dè ra ngoài đảo vài năm mà răng bắt đầu lung lay đôi ba cái. Cái răng rụng lần thứ nhứt, tôi rất lấy làm tiếc, có bài thi kỷ-niệm :

生來傲骨本嶒崚
漱石名山氣又增
窮鳥如今研黑飯
御筵一昨嚼紅綾
辛甘世味嘗應遍
齷齪庸流掛未曾
對鏡相看還一笑
精純養到欵丰稜

Cốt ngạo sanh ra vốn chất chồng,
Non cao ngậm đá khí càng ngông.
Đão tù nay vẫn nghiền cơm hút,
Tiệc Ngự xưa từng nếm bánh hồng.
Đời đã trải thừa mùi đắng ngọt,
Nớu không động đến bọn phàm dung.
Trông gương, mình lại cười mình chắc :
Ngoài đến tinh thuần, cứng ở trong.

LXI

Dương-Trường-Đình, Nguyễn-Tiểu-La, hai bạn bắt đầu làm hùng-quỉ ngoài đảo, thì vài ba năm sau, Nguyễn-tùng-Nham, Nhu-Xuyên, Yên-sơn, lần lượt nối chưn nhau lên xe bò mà vĩnh-biệt với bạn đồng tội. Lúc sau nầy, tôi ra làm việc ở phòng giấy Gardien-Chef, không cùng ở chung với anh em trong khám. Bao nhiêu liền điếu của các bạn chết sau, không được đọc toàn số, chỉ nhớ vài câu xuất sắc :

Khóc Tùng-Nham (Tú-Ngôn) :

1) 玄黃未定當此世需才有奮而蹶者誰與有既蹶而復奮者誰與坐我於窮海荒山只祝萬魂同救國.

淘汰無情秖疑天亦醉彼宜死胡爲而生也彼又宜生胡爲而死也憐君以空拳白面奔馳十載不知家.

Đen vàng chưa định, đời đương hiếm tài dùng ; đã giậy mà ngã ấy ai ư ? đã ngã mà lại giậy ấy ai ư ? đặt ta giữa góc biển chơn trời, cầu khẩn muôn hồn đồng cứu nước.

Lừa lọc vô tình, trời xem ra say quýt ! nọ nên chết sao sống nhăn kia vậy ? nọ đáng sống sao lại chết tươi như vậy ? xót ngươi chỉ tay không mặt trắng, ruồi dung một kiếp hẳn quên nhà.

THAI-SƠN

2) 少年投筆，我越南有此男兒，
未合捐軀，崑島荒津千里外.

新刃離劒，吾河朔久知名姓，
却纔拍手，蕃昌戰史六年前.

Tuổi xanh ném bút, trai Việt-nam có bậc hào-hùng, há nỡ bỏ mình, Côn-đảo gò hoang ngàn dặm ngoại.

Gươm sắc ra lò, bạn Hà-bắc sẵn nghe tên họ, mới vừa vỗ vế, Phồn-xương trận thắng sáu năm nay.

HOÀNG-HOA CỰU-NHÂN

3) 牖下非所謂得所，犢車亦何
必非全歸，況平生江湖奔走，劍
俠逢迎，黑鐵尙存，武士有魂應
不死.

已往者不可復追，後來者又
未及繼起，當此日種族存亡，競
爭劇烈，青天可補，英雄屈指苦
無多，



Tập-Xuyên NGÔ-ĐỨC-KẾ

Dưới cửa sổ không phải là « chết sang », (1) *trên xe bò không phải là « chết hèn » ;* (2) *huống bình sanh giang-hồ dong ruổi, kiếm-hiệp đón đưa, sắt vẫn còn đây, vũ sĩ có hồn ưng chửa chết.*

Người đã qua không thể kéo về, kẻ sau lại vẫn chưa kịp nối giậy ; đương giữa khoảng nòi giống mất còn, cạnh tranh kịch-liệt, trời kia vá được, anh hùng, co ngón đếm không ai.

MINH-VIÊN

Khóc Nhu-Xuyên tiên-sanh.

(Người Thanh-hóa, có nhiệt thành, sĩ phu ở Thanh xem như bậc thầy) :

窮荒中多一雄鬼，社會中卽少一良導師，祖國前途，今後現身誰蒿瑪.

舊時人無此熱誠，新時人又無此舊道德；荊州物論，幾罔中夜憶元龍.

Ngoài cõi hoang thêm một hùng quỉ, trong xã-hội thiếu một đạo sư hay, tổ quốc tiền đồ, trước mắt ấy ai tay Cát-Mã ? (3)

Người lớp cựu thiếu nhiệt-thành kia, người lớp mới lại thiếu đạo-đức ấy ; Kinh-châu nhân-vật, đêm dài mấy lúc nhớ Nguyên Long. (4)

MINH-VIÊN

---

(1) Được chỗ đáng cái chết 死得其所.

(2) 全歸 là chết được trọn vẹn.

(3) Cát-tô-sĩ là danh-nhân nước Hung — Mã-chí-nê là chí-sĩ nước Ý-đại-lợi.

(4) Nguyên-Long là hào-sĩ ở Kinh-châu đời Tam-quốc.

Khóc Nguyễn-Yên-Sơn tiên-sanh :

(Người Thanh-hóa, Cử-nhân, anh ông Cử Soạn. Ông Soạn được về chưa đầy năm thì tiên-sanh chết ngoài đảo).

需州之死曾幾時，荒土邱邊，
又此一抔埋玉樹.

文叔之歸未週歲，高崗望處，
可堪九日插茱萸.

Nhu-Xuyên chết cách có bao lâu, một nấm còn hoang, vùi đất lại thêm cây ngọc thọ !

Văn-Thúc về nắm còn chưa giáp, trùng-dương chót núi, lên cao nỏ dắt nhành thù du. (1)

LXII

ĐIỂM TÙ

Tánh cách người Âu-tây, phàm làm việc gì, bất luận việc lớn nhỏ, đều có qui tắc nghiêm-mật, lại lâu bền, không có cái lối lây lất cẩu thả, trước siêng sau nhác như người phương Đông, nhứt là người Nam ta. Cho đến ở ngoài cùng-hoang giữa biển là hòn đảo đày tội như đảo Côn-lôn, mà cách phân phát công việc cùng qui chế canh phòng kiểm soát, cái gì cái gì cũng làm rất châu đáo, trải mười năm như một ngày. Thật cũng ít có thật !

(1) Thi Vương-Duy ngày trùng-cưu : 遙知兄弟登高處，遍插茱萸少一人.

Chỉ nói một việc điểm số tù hằng ngày cho độc giả nghe :

Sớm mai 5 giờ rưỡi, tù trong 2 giảy khám ra sân, cử 2 người sắp hàng đứng sở nào theo sở nấy. Lớp có sở nhứt định (như sở rẫy 30 người, sở ruộng 62 người, sở đốn củi 100 người, sở tải (propreté) 19 người v. v), đứng riêng từng sở. Còn chỉ-tồn bao nhiêu đứng chung một chỗ (corvée diverse). Gardien-Chef đã cắt việc cho Gardien và Mata từ chiều hôm qua, người nào coi sở nào đã định sẵn, sáng ngày vào dẫn tội đi làm. Khi cắt việc đó, Gardien-Chef đếm số tù, có một người Mata làm việc giấy cầm quyển sổ tay theo cũng đếm tù rồi ghi số vào sổ — tức ghi cho ông Chef — người Gardien gác khám chính ngày ấy, cũng có quyển sổ tay, cũng đếm rồi biên vào sổ mình (tổng số tù trong khám về ngày ấy bao nhiêu, người Gardien chính nầy có trách nhiệm như ra vào thừa thiếu, thì y có lỗi, nên phát tù đi làm sở nào, số bao nhiêu, Chef và Gardien chính đều có ghi cả).

Còn các Gardien và Cai, Đội cùng Mata dẫn đi từng sỡ riêng thì phần sỡ nào, lãnh tù bao nhiêu, ai có sổ riêng nấy, không chỉ ghi số bao nhiêu, lại ghi cả số đính bài từng người tù đi bửa ấy (như tên X n° 7457, tên A n° 8520 v. v. cái đính bài đó mỗi người tù đều đeo trên ngực thay cho cái tên, cũng như đeo thẻ ngà vậy), phòng có đứa nào trốn, kiểm số đính bài thiếu số nào thì biết ngay.

Lần điểm tù phân phát đi làm các sở khi buổi sáng nói trên, trải qua mấy người đếm và ghi sổ mà chỉ sắp hàng có một lược, tiện biết bao nhiêu!

Đếm và ghi xong, Gardien Mata lãnh tù dẫn ra ngoài khám (Bagne) như sở 100 tù, thì 2 Gardien, 4 Mata ; 30 tù thì 1 Gardien 1 Mata — Ra ngoài « banh » rồi lại bắt sắp hàng kêu đính bài từng người ghi lại một lần nữa, mới dẫn đi đến sở... làm, (như sở rẫy thì mấy người tưới nước, mấy người làm cỏ, mấy người trồng rau v. v.), đến 9 giờ hay 10 giờ bải, lại bắt sắp hàng — hai người một — điểm như buổi mai, điểm đủ số, sắp hàng hai dẫn về (sắp hàng 2 người là lẽ nhứt định, gọi là « l'appel » duy có một đôi người mới học phòng ở tù mới lớ quớ bị đòn, còn tù ở đó thì thạo thuộc cả).

Về đến cửa « banh » lại đứng sắp hàng đếm một lần, đoạn, vào trong sân « banh », giao cho Gardien chính, Gardien chính lại đếm một lần nữa, rồi vào hàng ba ăm cơm. Ăn xong, ai ở khám nào thì vào khám nấy, (khám tức là phòng có số như khám 1, khám 2 v. v., mỗi khám chia có trên 100 người) vào khám, lại sắp hàng đôi, mỗi khám lại có người Caplan (coi trong khám) đếm một lần, Gardien chính đếm một lần nữa, lần nầy là lần cuối cùng. Ngủ!

Kể sự điểm tù, từ sáng mai đến trưa, chỉ trong nữa ngày mà tù ở khám ra đi làm xâu rồi về ăn, vào khám nghỉ, trong 5 giờ đồng hồ cọng có 7 lần

điểm ; đến nữa ngày buổi chiều từ 2 giờ đến 5 giờ cũng thế. Cọng trong 1 ngày có 14 lần điểm, nhiều khi đếm lộn thiếu hay thừa, thì Gardien mở từng khám đếm đi đếm lại, có khi mất ba bốn giờ đồng hồ, bỏ ăn trưa cố tìm cho ra mới được nghỉ.

Chuyện phân phát công việc và điểm tù, trừ ngày chủ nhật, ngày lễ ra, ngày nào cũng thế, năm nọ sang năm kia cũng thế, tập lâu thành thói quen, không thấy có khi nào lấy lất làm qua chuyện bao giờ. Chỉ một việc đó, thấy người phương đông ta đã kém xa. Vì thói quen phương đông không có cái tánh cách làm việc nghiêm-mật vài trì-cửu như thế.

Tôi có bài tuyệt :

Số bài đeo ngực thế cho tên,
Ngày mấy lần kêu đứng « láp-ben » (l'appel).
Tháng lại năm qua bài học ấy,
Ngoài trời công việc thảy đều quên.

LXIII

XÉT

Theo cách nghiêm cấm trong tù, duy đồ ăn đồ mặc được mang vào trong khám, ngoài ra vật gì cũng cấm, nghiêm cấm nhứt là các thứ đồng, sắt, dao, dùi... thứ dùng giết người được ; thứ nữa là đồ chơi, thuốc phiện, rượu và bài bạc v. v... Mỗi buổi ra làm việc xâu, đến giờ về, vào cửa

Bagne, cởi cả quần áo để mình trần xét một lần, ăn rồi đứng trước cửa phòng khám, lại bắt cởi trần xét lục một lần nữa mới vào phòng. Cách lục xét kỹ càng rỏ không sót một sợi tơ, ngày nào như ngày nấy.

Tuy vậy « đạo cao một thước, ma lại cao lên một trượng 道高一尺魔一丈», lục xét càng kỹ bao nhiêu, thì ngọn gian xảo của bọn tay « bảnh » trong tù càng trổ ra lắm cách khôn khéo lọt ra ngoài vòng phòng cấm nói trên. Tấn kịch đâm giết nhau trong khám thường xảy ra luôn (khi dùng gạch lót, khi dùng dùi sắt), cùng dầu hỏa, đèn bạch lạp, bài cào, tổ tôm, xóc dĩa... có khi cả bộ đồ hút a-phiện. Lục soát thu lặt không sót một tý gì, ai dấu trong mình hay áo quần thì biên số đính bài phạt ngay, mà thường trong khám không mấy đêm không có sòng cờ bạc mà hễ mỡ sòng ra thì các vật cấm như bài, dầu, đều trương ra đủ cả, người không rõ nội dung đều cho là vật trên trời sa xuống, mới kỳ cho chớ ?

Người ta nói trong tù có bọn anh chị hay chứa bạc, mà bọn ấy có thế lực lại có tiền, các chú Mata thường kiêng chúng, có chú lại mắc nợ chúng, nên ngoài sự đếm tên, khi lục xét gặp những tay « bãnh » ấy, có chú làm bộ xét mà kỳ thiệt thả lỏng. Thế là sức mạnh và quyền lực kim tiền, dầu ở tù cũng làm cha người được cả ! Tôi có bài thi :

« Tường cao cửa khóa lớp trùng trùng,
Cấm cách trong ngoài nước chả thông.

Vào cửa, chiếc thân trần trụi lủi,
Xét phòng, trăm cái lục lung tung.
Lá bài con kiệu đều đồ cấm,
Lon thiết đùm mây (1) thảy của công.
Ai biết sức tiền hơn luật pháp,
Có tiền sắm được dễ như không.

LXIV

TÙ TRỐN

Ngoài đảo canh phòng rất nghiêm mà tấn kịch tù trốn cứ nối chưn nhau xuất hiện luôn, chỉ nhờ quanh hòn đảo bốn mặt đều biển bao bọc không phải có gan liều chết sống, không dám làm cái thượng-kế trong 36 chước ấy.

Phàm tù trốn tất phải dự bị những vật cần dùng, như hộp diêm, đồ đốn cây, cơm khô, cùng đồ đựng nước uống v. v. lúc ra ngoài làm việc, ngày dồn tháng chứa, dấu cất có nơi, hoặc thuê mướn bọn tù nhẹ án được ở mấy sở ngoài lo sắm cho mình... Khó là đồ vật liệu đó, chớ trốn thì khi làm xâu lẻn chui vào rừng, cái đó rất dễ dàng.

Trốn, lại cần có đôi ba người cùng đi, vì vào rừng rồi lại phải đốn cây, bứt giây để làm bè mới thả xuống biển được, không phải một tay một chưn làm nổi.

(1) Trong khám mấy người nghiện trà thường lén đem cái lon thiết và đùm rác mây vào đun nước uống, rủi bị xét lấy cả và bị phạt.

Mỗi năm, mùa gió, tù trốn một số khá nhiều, song hoặc vào rừng không chi ăn lại ra thú, hoặc chưa kịp làm bè bị bắt, hoặc đi 5, 3 người mà có đôi người bị bắt — vì vào rừng không dám ở một chỗ lạc bầy rồi bị bắt - còn ít người không làm nỗi bè, có khi bè ra biển không gặp gió cứ thừng lừng gần bờ, bị xà lúc đi tuần túm cổ... ngoài ra đi được ra biển mà hết đồ ăn đói chết cùng bị sóng gió đành chôn trong bụng cá ; có may thuận gió mới về trong đất, nhưng cũng có lắm kẻ về trong đất rồi lại bị bắt giải trở ra đảo, sự trốn ở Côn-lôn nguy hiểm là thế đó.

Trước kia, phàm tội trốn, như có ăn cắp của nhà nước như dao, rựa và đồ dùng cũng có cự với Mata nầy nọ, khi bắt được mới kêu án thêm ; còn trốn không mà sau bắt lại được, chỉ bỏ hầm kín (cellule) 1, 2, 3 tháng — mới trốn lần đầu phạt nhẹ, trốn lần thứ 2 thứ 3 phạt nặng — rồi tha, không kêu án thêm, nhưng sau, tội trốn đều kêu án thêm cả.

Một cái dấu đặc-biệt để phân biệt tội đã có án trốn khác với tội thường, là sau khi ra hầm kín rồi thì chỉ cúp nữa đầu tóc để làm dấu hiệu, cái dấu hiệu « cạo nữa đầu tóc » ấy có 2 ý nghĩa : 1/ là để cho tên tội đó nhớ cái dấu phạt xấu hổ đó mà không dám trốn nữa ; 2/ là để cho Gardien Mata, khi dẫn tù đi làm xâu ngoài, trông cái đầu « nữa trọc » kia biết là tên tù hay trốn mà để ý chăm nom hơn tù thường khác.

Thứ tù trốn nói trên có cái phạt cạo nữa đầu tóc (1) còn hạng tù chung thân có tánh nguy-hiểm (dangereux) thì xiềng cả hai chưn (chaine double). Đó là cái phạt đặc-biệt trong tù mà ai trông thấy cũng biết. Tôi có câu ghi chuyện thú đó :

逃 獄 人 皆 頭 半 剃
終 身 案 盡 足 雙 環

Tội trốn, đầu đều đen nữa tóc,
Chung thân, chân thảy sắt hai vòng.

Đọc nghe, anh em ai cũng cười rộ, cho là câu đối xác thiệt, vẻ rõ 2 hạng tù ở Côn-lôn.

LXV

THUỐC TRÀ TRONG TỦ

Đã vào cảnh tù, trăm cái tự do không chút gì còn là của mình nữa. Người đời khát thì uống nước trà, đau thì uống thuốc, thuốc và trà không phải là vật khó tìm với người thường ; nhưng ở tù, nhứt là tù ở Côn-lôn, thuốc thì ngoài đi nhà thương ra chả biết tìm đâu, mà trà thì cũng là vật khó kiếm, có mua được mà nấu cho ra nước uống cũng là việc gay go. Bọn « quan to » chúng tôi, nhiều ngài nghiện trà, nhưng ở trong khám nhiều khi cũng chừa, dầu có nghiện cũng thềnh thoảng cả tháng được uống trà 5, 7 lần — trừ mấy năm ở dưới triều M. O. Conell được ra ngoài

(1) Trên 1 năm không trốn nữa thì được cúp như tù thường.

buôn bán — thường ngày chúng tôi đan chiếu ngồi nơi giải hiên hàng ba, thuê bọn tù nhà bếp dừng thứ cơm cháy nấu nước uống thay trà. Còn khi nào ho, nghẹt mủi, thì vị mục-sư (cũng đồng tội), hay vạc vỏ và rễ cây bàng trước sân khám, làm thuốc sắc uống mà nghe nhiều người nói có hiệu nghiệm. Tôi có câu thi :

渴 煎 焦 飯 當 茶 飲
病 煮 棠 根 作 葯 湯

Khát, đun cơm cháy thay trà uống,
Đau, sắc da bàng thế thuốc hay.(1)

LXVI

CHỮ HÁN Ở NGOÀI ĐẢO

Đảo Côn-lôn là hòn đảo ở riêng côi quạnh giữa biển lại làm nơi đày tội, ngoài việc giam tù làm xâu tù ra, không có việc gì ráo, còn ai nói đến chuyện văn-chương, học-vấn, sách vỡ nữa. Bởi vậy chữ Hán ở ngoài đảo thành ra vật lạ — có tù Tonkin biết đôi chữ, còn tù lục tỉnh có biết chăng là đọc, viết chữ quốc-ngữ thôi — ngoài tụi « quan to » ra, không mấy người biết, chữ Hán ở ngoài đảo, chính là câu người xưa nói : « Bận áo mão vào nước lõa thân » vậy.

Tuy vậy, cái chữ Hán đó, cũng có hồi lại được người Tây hỏi đến, và người thông-ký dùng nữa, rỏ là chuyện không ngờ.

(1) Rễ cây bàng.

Một ngày nọ, tôi đương làm việc ở phòng giấy Gardien-Chef, bỗng có lệnh quan Chánh Tham-biện Directeur, gọi lên phòng ngài, đến thì thấy thầy thông Phạm... ngồi sẵn đó, trên bàn giấy, quan Chánh giấy má la liệt, trong có một quyển sách chữ Hán. Quan Chánh lấy quyển sách chữ Hán ấy đưa thầy thông bảo hỏi tôi trong sách ấy nói gì.

Tôi dở xem thì tờ đầu đã rách, trong ấy nói chuyện người đời Đường giạy người học cách viết chữ. Như bày cách cầm bút cùng chọn giấy tốt, mực tốt cùng cảnh tốt v. v. Tôi giảng nghĩa thầy thông nói tiếng Pháp lại cho quan Chánh nghe... Sau đó có thơ chữ Hán của bọn khách buôn ở đó (đảo có hai tiệm khách buôn), trong có chữ gì lạ cũng gọi tôi lên giải nghĩa. Vì quan Chánh nghe người ta nói Tấn-sĩ Annam thông chữ Hán, nên có sự hỏi nầy.

Nhân sự hỏi chữ Hán trên, tôi được một nhịp dạy chữ Hán trong mấy tháng :

Nguyên trong Nam-kỳ tuy bỏ Hán-học đã lâu. Song thông-ngôn ký-lục, mỗi kỳ thi hạch vẫn có một khóa chữ Hán, như thông chữ Hán đậu thêm khóa ấy được bổ cao và sau được bổ làm Phủ Huyện — theo lời thầy thông Phạm... nói thì trong Nam giao thông với khách trú nhiều, chữ Hán cũng cần dùng.

Thầy thông nói trên, nguyên người ở Long-

xuyên, có học chữ Hán với ông Cử Dương-bá-Trạc (tù Côn-lôn tha về ở đấy), đồi ra Côn-lôn ít lúc, gần đến kỳ thi. Thấy tôi giảng nghĩa chữ Hán mà quan Chánh hỏi trên, biết là làm thầy giạy được. Sau một tuần, thầy ta xin phép quan Chánh cho lãnh tôi ra nhà thầy giạy chữ Hán cho thầy mỗi đêm từ 7 giờ đến 9 giờ. Thế là quyển sách chữ Hán và cây bút lông cách biệt tôi đã mấy năm trời, nay mỗi đêm được ôn lại vài giờ đồng hồ. Rõ là cái duyên văn-tự chưa đoạn tuyệt hẳn với mình ; nhiều đêm đương có văn-hứng hoặc coi sách dở mà nghe trống trong khám đánh 9 giờ phải bỏ chạy. Tôi có bài thi ;

筆 架 書 籤 共 短 檠
分 明 此 景 是 前 生
無 端 九 點 時 鐘 報
又 向 城 垣 候 拉 兵

Quyển sách ngòi lông trước ngọn đèn,
Rõ ràng cảnh ấy kiếp xưa quen.
Bồng nghe chín tiếng đồng hồ dục,
Vội lại sân « banh » chực « láp-ben ».

(Trong tù 5 giờ chiều vào khám hết, duy có bọn làm bếp cho người Tây, 9 giờ tối mới vào. Tôi vào một lược với bọn tù ấy).

LXVII

Mấy năm ở chung với anh em trong khám, ngày đêm tán chuyện, quên sự buồn tẽ. Từ tôi ra

làm việc phòng giấy Gardien-Chef, cách xa anh em (chỉ ban ngày một đôi khi vào khám biên tên số tù bệnh, cùng ghi sổ công làm sổ phát lương, mới cùng anh em nói chuyện đôi câu). Kế mỗi đêm 3 giờ ra nhà thầy thông dạy chữ Hán, thôi thì chỉ côi quạnh một mình, không có gì là thi hứng cả.

Thầy thông ấy học Chánh-văn, Luận - ngữ, Mạnh-tử, mới viết ngang hàng. Vì học để thi, bảo tôi soạn sẵn những cảo tờ khai, tờ bẩm, đơn; như đơn xin khai kinh, xin lập chợ, khai, khám vụ trộm, v. v. để làm cảo thi hạch. Ngoài sự học đó, thầy ta lại xin thiếp tập chữ và xin một vài bài thi và câu đối v. v., nhân đó tôi mách cụ Giải-Huân viết chữ tốt, và ông xứ Lê-Đại thi hay. Thầy ta xin lãnh cụ Giải-Huân ra viết quyển vận tập thành cho thầy.

Ông xứ Lê lúc ấy làm « Infirmier » ở nhà thương, đêm được ở ngoài, mỗi đêm được một giờ lại nhà thầy thông cùng tôi nói chuyện, thỉnh thoảng có bài xướng họa nhau; mấy bài thi đó, thầy thông chép thành một xấp độ trên 10 bài, tôi đề là « Anh minh tập 嬰 鳴 集 », và đề hậu một bài :

髀 肉 英 雄 恨 未 消
雕 虫 小 技 漫 嘵 嘵
江 山 有 意 容 人 健
磈 礧 無 情 借 酒 澆
杜 宇 啼 聲 嘗 血 淚

冥 鴻 前 路 是 雲 霄
高 吟 底 意 成 孤 往
獵 獵 寒 風 起 暮 潮

Thịt vế, (1) *anh-hùng giận chửa chan,*
Chạm sâu, (2) *nghề mọn dám khoe khoang.*
Non sông dung đặng người ăn khỏe,
Gỗ nổng nhờ chưng rượu rưới tan.
Giọng quốc kêu trường pha cả máu,
Cánh hồng mây rộng hiếm chi đàng.
Cao ngâm một chắc nào ai biết,
Ngọn gió chiều hôm tiếng sóng vang.

LXVIII

DẠO BỜ BIỂN MỘT MÌNH

Từ ra ngoài đảo đã 6, 7 năm không khi nào ra cửa thành khám ngục mà được đi một mình, hễ ra cửa một bước là có Mata mang súng đi theo sau. Đến lúc ra làm việc giấy ở phòng Gardien-Chef thì ra vào trong « banh » có hơi thơ, không ai dẫn. Song chỉ được đi lại ra vào ở kho chứa đồ, phòng gác của Gardien và bóp lonton. Trong phạm-vi 30, 40 thước thôi, không đi xa hơn nữa, công việc xong, hết giờ lại vào khám ngủ, tính ra đã

(1) 髀 肉 Vua Lưu-Bị đời Thục Hán, lúc ở nương Lưu-Biểu, một bửa thấy bắp thịt vế mập, tự than thở, vì lâu không cỡi ngựa nên thịt vế mập. Có ý buồn sự ở dưng.

(2) Chạm sâu 雕 虫 Câu Dương-Hùng nói, ví với nghề văn vô dụng.

mấy năm không khi nào được tự đi một mình.

Từ được thầy thông... xin phép lãnh ra mấy giờ giạy học đêm, sau 5 giờ chiều ăn xong, tôi được ra ngoài, lợi được nhịp ấy, mỗi buổi chiều tôi cụi cụi một mình, dạo theo bờ biển trông ngắm chung quanh và bốn phía, trời biển mênh mông, làn sóng lộn với màu da trời, giữa khoảng không thềnh thoảng thấy con chim và chiếc én bay liệng tự do. Giữa vùng nước mênh mông, một vài hòn đảo con con dở chìm dở nổi trên làng sóng. Bỗng đâu mãnh trăng vén mây phơi mặt ra, rồi có luồng gió đưa sóng lên cuốn vào bờ, trắng xóa như tuyết... trăm vẻ cảnh vật bày trước mắt tôi, có cái thú khiến mình ứng tiếp không rồi. Đoạn, một tư-tưởng từ trong não đưa ra, khiến cho trông tận bên kia biển, mà tự ngó lại mình, giận thiếu cặp cánh, không sao bay qua khoảng biển rộng kia được. Nghỉ vơ nghỉ vẩn, ngó lại chung quanh mình, muốn bày chút tâm-sự mà không biết ngỏ cùng ai. Trong lúc ngắm xa ngó rộng, trông xuống ngắc lên, rõ quên hẳn mình, không biết mình hiện ở cái thế-giới nào, nhân có bài thi « xem sóng »:

孤 島 似 浮 杯
驚 濤 萬 丈 來
隨 風 扶 雪 立
到 岸 捲 沙 回
聖 有 乘 桴 感
雄 思 破 浪 才

獨 憐 填 恨 鳥
啣 石 向 天 涯

Đảo côi như chén nổi,
Triều đến bốn bề dồi.
Theo gió tuôn hoa tủa,
Vô bờ cuốn cát trôi.
Cởi bè buồn bậc thánh,
Lướt sóng nhớ người tài.
Lấp giận thương chim nọ,
Ngày đêm ngậm đá hoài.

LXIX

Đảo Côn-lôn cách dứt trong đất, thơ từ trong tù gởi đi đều do phòng quan Chánh Tham-biện kiểm-duyệt trước mới phát. Người nhà gởi thơ cho người trong tù cũng thế, chỉ chuyện thăm viếng bình yên cùng một đôi chuyện nhà, đến việc chánh-trị hoặc quốc-sự cùng tin tức trong hoàn-cầu thì không được nói đến. Bởi vậy nên tin quan hệ trên thế-giới cùng tình hình trong nước, duy có bọn quốc-sự-phạm thỉnh thoảng đày ra một ít người thuật lại cho nghe thôi.

Tôi ở phòng giấy Gardien-Chef, thường được qua lại sở điển-báo, thấy những tin « Arip » yết nơi tường. Như chuyện « Trung-quốc cách-mạng » năm (1911) và cuộc Âu-chiến (1914). Thấy được tin thuật lại cho anh em nghe rất lấy làm thích. Lúc nghe tin « Trung-hoa đánh đổ Mãn-thanh » cụ Đặng-Thai-Sơn có bài thi :

廿 年 三 戰 史
世 界 一 支 那
洋 陸 交 通 便
風 雲 變 幻 多
黃 衢 馳 聖 哲
黑 鐵 鑄 山 河
獨 有 南 枝 鳥
翹 翹 予 未 家

Hai mươi năm thế giới,
Mấy trận nước Hoa-Trung.
Thủy lục giao thông chóng,
Giông mây biến đổi tung.
Đường vàng đưa thánh triết,
Sắt nguội đúc non sông.
Thương hại bầy chim Việt,
Ngành Nam ồ trống không.

LXX

ĐẢO CÔN-LÔN DƯỚI CHÁNH SÁCH O. COONELL

Tôi ở ngoài đảo 13 năm, trải 8 đời quan Tham-biện, duy có ông Qui-đờ-nê (Cudenè) và ông Ô-cô-nen (O. Coonell) là 2 tay thủ-đoạn chánh-trị lịch-duyệt.

Ông Cudenè, người rất nghiêm nghị, việc gì cũng làm đúng theo luật, không thiên-vị và nghe lời ai, ít nói, tánh cách trầm-tịnh nghiêm-trọng, người thuộc dưới, từ Gardien Chef đến Gardien Mata đều kiêng sợ, vì có lỗi thì bị trách phạt không

tha, trong tù cũng thế. Từ sự ăn uống cùng công-dịch, cải gì cũng có qui-chế, nhứt là cấm bọn Gardien Mata không được đánh tù, có lỗi thì phạt. Vì thế nên trong tù có trật tự, không có vẻ lộn xộn như trước.

Đến ông O. Coonell thì hẳn là chủ-trương chánh-sách khai-phóng, khai phóng một cách thật tình, đối với bọn tù xem như người vô tội, xem như người nhà hay tay chưn mình vậy. Một cái đặc-sắc, là lúc mới thi-hành chánh-sách khai-phóng ấy, thuộc hạ cho là nguy-hiểm, tỏ ý phản-đối cả, mà ông ta cang-quyết làm tới. Cho đến bọn tù cũng có tiếng « mèo không ghét chuột » !

Sau tựu chức một tháng, xem xét qua loa đại lược, thì thả cả tù ra làm công việc ở ngoài — nguyên trong tù có bọn án cấm cố và chung thân, thuở nay cho là hạng tù nguy-hiểm (dangereux), cứ nhốt trong khám và làm xâu đập đá trong bagne thôi — nay ông thả toang ra cả. Như án lưu (Relégués) và án quốc-sự-phạm (dépotés politique) thì cho ra ngoài tự-do làm ăn, vài tháng đầu còn phát gạo, sau thì làm rẫy hay buôn bán như người « civil » vậy. Còn toán khác như bọn án chung thân, cho làm riêng một sở, vở núi làm rẫy trồng trặt, không có tù nào cấm cố ở luôn trong (có tốp ở ngoài luôn, có tốp tối về khám).

Lúc ấy ngoài đảo đương khởi công làm một nhà ngục mới (2e bagne) có sỡ Trường-tiền cho

đốc công đem thợ nề trong đất ra làm có trên 60, 70 người. Ông O. Coonell mới lập một cái chợ mới, cho tù ra buôn bán, lại dựng 2 thương-điếm ở đầu chợ cho bọn politiques ra mua hàng về bán cho bọn thợ nề « civil » kia. Bọn tù được ở ngoài, trồng rau nuôi gà vịt, câu cá, mỗi buổi mai hội bán tại chợ. Còn tiệm buôn thì mua hàng Saigon ra bán tranh với hai tiệm khách trú.

Nguyên ở đấy trước chỉ có 2 tiệm khách trú, thu lợi độc quyền. Từ có chợ và tiệm buôn của ta, nào Gardien, Mata nhứt là bọn tù lại thích mua đồ hàng của tiệm ta và nơi chợ mới, nghiễm nhiên như một tòa chợ to trong đất.

Ở trong cảnh tù mà mấy tiệm buôn của tụi quan to tranh với mấy tiệm khách. Quyền lợi độc hưởng của mấy chú chệt trải từ lâu nay, nay bị bọn tù chia bớt, mà phong lưu nhứt là bọn quốc sự phạm, nhiều người quên mình ở cảnh tù, rỏ là cái trường hiệp không ngờ ! Tôi có bài tuyệt :

妬殺崑崙國事囚
利權占盡更風流
旁人若問當年事
如此清閒己自由

Tù quan to nọ đáng ghê chưa !
Được lợi, phong lưu vẫn chẳng vừa.
Ai hỏi trước kia nào những chuyện ?
Như vầy cũng đã tự do thừa !

PHAM-KIM-GIAM
SERVICE DE L'AGRICULTURE
CANTHO (COCHINCHINE)

LXXI

NGHỀ LÀM ĐỒI MỒI

Đồi mồi là một thứ sản vật quí ở biển Côn-lôn. Trước kia có người tù Bắc-kỳ, người ta gọi là Quản-Bảy, án biệt xứ, được ra ngoài làng An-Hải, làm nghề thủ công đồi mồi ấy, làm được khá tiền, ở tù mà chiếm phần phong lưu. Lúc cụ Tây-hồ ra ở làng ấy cũng tập làm nghề ấy để dinh sanh, làm cái, lược, trâm đủ thứ, nhứt là đồ mà các đầm tây thích. Đến sau quốc sự phạm chúng tôi được ra ngoài — cụ Tây-hồ đã tha về trước — người thì nuôi gà, trồng rau, người thì làm nghề buôn. Duy có ông Hải-châu Lê-bá-Trinh học nghề đồi mồi, làm được nhiều tiền. Rồi sau Hy-cao, Cửu Cai và Nguyễn-huy-Tiền cũng làm nghề ấy.

Tôi cùng My-sanh, Tập-xuyên, Thai-sơn, Phong-niên, làm chủ hai tiệm buôn, chuyên việc buôn bán, cùng các nhà buôn Saigon giao thiệp và mua hàng — do ông O. coonell giới thiệu — về nghề sổ sách và công việc thương mãi, tôi có biết được đại khái, đó là trường học đầu tiên. Tiệm tôi đầu chỉ có 4 anh em, sau có Thông-Thiệp (Bắc-hà) hùn vào, (về năm 1915-1917). Hiệu tiệm chúng tôi gọi là « Quảng-Hồng-Hưng 廣鴻興 ».

Có một chuyện thú là ông Hải-châu có chung vốn vào tiệm buôn mà không ở tiệm, chỉ chuyên nghề đồi mồi, có thuê vài người tù đánh bóng làm suốt buổi trưa. Thường có đầm đến mua đồ, đặt đồ, bọn đàn bà thợ hồ Civil cũng hay qua lại, như một sở công-nghệ con con. Ông ta có hàm râu trông phong nhã, ăn nói có duyên, nhứt là về lối giao-thiệp đãi đưa, bọn tù gọi ông là « ông vua ». Siêu-Tùng có một bài biếu nhạo chơi, tôi nhớ 2 câu (nói đức tánh) :

恭惟... 來百工則日昃不遑，憂勤有周文之德，對羣后則雅言相接，荒淫無暴棄之風...

臣等養鴨生涯，磨瑁小藝.

...Chăm công thợ thì mài chùi đến xế, đức ưu cần sánh với Châu-Văn ; đối các bà thì dịu ngọt ban lời, thoái hoang đảng khác phường Hạ-Kiệt...

Chúng tôi : nghề mọn mài mồi, sanh nhai nuôi vịt...

Ai đọc cũng cười vỡ bụng.

LXXII

Tụi quan tơ chúng tôi ra ngoài làm ăn vẫn thong thả hơn lúc ở trong khám, song vì nghề dinh sanh lại bỏ lãng cái thú thi văn như lúc ở trong khám, tôi cũng không mấy khi có nhịp ngâm vịnh như trước. Ngày nọ nhân cảm đau vào nằm

bệnh viện một tuần, một mình ngắm trông phong cảnh (nhà thương sát biển rất mát mẻ), thi hứng lại nẩy ra, có vịnh một bài, trình anh em :

忙 中 病 院 一 偷 閒
萬 種 幽 愁 入 倚 闌
故 國 望 中 空 有 影
新 潮 日 下 忽 無 端
漫 天 鬼 氣 愁 雲 黑
捲 地 狂 飆 白 晝 寒
獨 羨 無 情 鷗 鷺 輩
平 沙 飛 去 復 飛 還

Nhân đau, lúc bận được nhàn riêng,
Bệnh-viện ngồi ngâm chác mối phiền.
Cố quốc trông về lửa có bóng,
Tân triều ngóng mãi đứt không tin.
Đen trời mây bọc hơi ma giáy,
Cuốn đất ngày nghe trận gió rền. (1)
Khen thứ cò, le vô ý thức,
Bãi dài bay xuống lại bay lên.

LXXIII

Anh em đồng tội người Quảng-Ngãi như Phong-Niên, Hồ-Tiếu, Xuân-Phổ, đều người tốt, một lòng hy-sinh về việc nước, thật là người trăm lần bẻ không co ; Kim-Giao, Tân-Hội, tánh cách ôn-hòa, song văn-học cũng lưu-hoạt, Tân-Hội lại có chí ham học thêm.

(1) Lúc ấy vào cuộc Âu-chiến.

Lúc ở đảo. Tân-Hội có góp cả thi-văn của đồng bạn chép thành một tập, gọi là « Nam-quan thi-tập 南冠詩集 », lại có soạn bản sách gọi là « Châu-bịnh gia-lễ 硃丙家禮 ». Bản sau nầy châm chước lễ xưa, lặt các lễ cần thiết với đời sống của loài người, như lễ Hôn, Tang, Tế v. v. bớt đều phiền văn, chỉ chọn đều chất thiệt mà tiện cho phần đông, ai cũng làm được. (2 bản nầy lúc về ông ta có mang về được không không rõ, hiện ông đã quá cố).

Tân-Hội án 9 năm, ngày mãn về có bài thi lưu-giản anh em, trong có câu :

極 目 父 家 千 萬 里
回 頭 祖 國 月 三 更
Mỏi mắt nhà cha trời vạn dặm,
Quày đầu nước tổ nguyệt năm canh.

Anh em họa vần để đưa chưn có nhiều bài hay :

夢 想 雲 雷 造 世 英
河 山 回 首 不 勝 情
趨 時 幾 罪 楊 三 變
稽 古 羣 公 漢 五 更
. . . . . .
(quên không nhớ)
憑 君 大 力 蘇 焚 溺
那 有 如 來 厭 衆 生

Giông tố ai xoay cuộc bất bình ?
Non sông nghẻnh lại biết bao tình !

Xu thời lắm bọn Dương tam biến (1)
Giữ cổ nhiều quan Hán ngủ canh.

. . . . . .
. . . . . .

Vớt chìm chửa cháy ra tay sớm,
Há Phật Như-lai chán chúng-sanh.

THAI-SƠN

南冠集內記羣英
家禮新編見性情
學問可知因亦助
風塵同首僕難更
國恩似海空言淺
羣負如山小我輕
一語贈君還自悔
詩文誤我過平生

Thi chép « Nam-quan » tập có danh,
Sách « Gia-lễ » mới thấy tâm tình.
Trường tủ, học-vấn công nên xấp,
Chuyện củ phong-trần kể suốt canh. (2)
Ơn nước biển sâu, lời nói cạn,
Nợ bầy núi nặng việc riêng khinh.
Tặng người mà tự ăn năn mãi :
Kiếp trước thi văn lụy cả mình.

MINH-VIÊN

(1) Dương-Ủy 楊畏 Một tay tiểu-nhân đời Tống, người theo thời đổi tiết nên gọi 楊三變.

(2) Tam lão ngũ canh 三老五更 Chức quan đời Hán, ý chỉ bọn lão hủ.

Ngoài ra anh em có nhiều bài có câu xuất sắc, không nhớ toàn bài : của Hy-Cao :

. . . . . .

千秋鴻貉威聲在
五大風雲局面更
亡國豈因聞禮缺
箇人莫諉責分輕
憑君早雪文人恥
我亦羞爲白面生

. . . . . .

Ngàn xưa Hồng-Lạc oai thanh sẵn,
Năm biển giông mây cuộc diện xoay.
Mất nước há vì dân dốt lễ,
Làm người chớ để gánh cho ai.
Khuyên ngươi vứt hẳn nghề văn nhược,
Mặt trắng ta đương chửa thẹn đây !

Siêu-Tùng có câu :

三坼旌鼓雙沈歇
十載山河九變更

Trống cờ ba xứ, hai im lặng,
Sông núi mười năm, chín đổi thay. (1)

Nghĩa-Bình có câu :

兵家幾有黃花略
中易猶傳白士名

(3) 更僕难數 nghĩa là kể chuyện dài phai thay đưa đứng hầu.

壹 路 別 行 休 莫 怪
淸 談 只 恐 誤 蒼 生

Chiến lược Hoàng-Hoa binh có tiếng, (1)
Cao danh Bạch-Sĩ dịch thành pho (2)
Ai đi đường nấy không gì lạ,
Đừng nói suông hoài để hại to.

LXXIV

Người không phải cây đá, dầu kẻ cùng hung cực ác, không phải là toàn không có nhứt điểm lương tâm, chỉ vì cái chỗ đói lạnh thiết thân cùng hoàn cảnh bất lương, một lần phạm tội trở làm người bỏ ; xã-hội không thèm đếm xỉa đến, muốn hối-quá tự-tân mà bị ngăn đường đón ngỏ, trở cùng bọn vô lại kết hiệp, làm việc bất thiện, lâu ngày thành ra thói quen, mà tánh ác càng tăng lên. Trái lại nếu dạy nuôi có phép, thì ăn mặc đủ mà sanh lễ nghĩa, dầu người nào cũng cảm hóa được cả.

Chánh sách trị tù Côn-lôn của ông O. Coonell, chính đủ chứng cho thuyết trên.

Trước kia ngoài đảo, theo qui chế đối đải tù phạm, nghiêm khắc đủ cách, mà đối với tù chung thân lại càng phòng nhàn hết mực ; Vì theo

(1) Lúc ấy Bắc-kỳ có tấn kịch Thái-nguyên.
(2) Hoàng-hoa-Thám, một tay quân lữ gia ở An-thế trên 20 năm.

thói quen, ai cũng nhận tù chung thân là hạng người rất nguy hiểm (dangereux) xem chúng như hùm beo rắn rít, đã xiềng cả hai chưn lại cầm riêng một phòng, cho đến ăn uống cũng ngồi riêng, xâu việc cũng làm riêng — Lúc ấy ở đảo có gần 200 tù chung thân — không được đi làm ngoài. Thường chỉ làm xâu đập đá trong bagne (sau 2 giảy khám). Trước có một quan Chánh, nhân trong khám có sửa lại, tù chung thân phải ra đập đá ngoài vòng thành khám, ông truyền làm một cái chuồng rộng độ mấy sào đất, chung quanh đốn cây núi bằng trái chưn đóng làm cái rào rất kiên cố, chỉ chừa một cửa ra vào ; xẻ đá vào trong, rồi dẫn tù chung thân lùa vào trong ấy đập đá, còn Gardien Mata ở ngoài rào dòm vô, vì đập đá mỗi tên tù đều có cái búa ở tay, nên không dám đứng gần nó. Cứ đến giờ lùa vào phát búa đập đá, hết giờ thu hết búa lại, mở cửa ra cho về khám, thật không khác gì bầy trâu.

Phòng nhàn nghiêm nhặt như thế mà tấn kịch giết nhau và trốn tránh thường xảy ra luôn, có lúc làm hại đến Gardien Mata nữa.

Đến ông O. Coonell ra lỵ, thực-hành chánh-sách khai phóng theo độc kiến của ông ; tù khác được ra ngoài làm ăn làm xâu đã phần, đến hạng tù chung thân mà lâu nay kể là hạng tù tối nguy hiểm nói trên, ông cũng tha xiềng và thả lỏng ra ngoài làm ruộng, làm rẫy, như các tù nhẹ án kia ;

bao nhiêu cách để phòng trước, đều nhứt luật bãi bỏ cả. Lúc đầu, thuộc hạ như Gardien người Pháp, người Chà, đều biểu thị phản đối, nhưng ông nhứt quyết làm như định kiến của ông, không nghe lời ai. Cái cảnh buồn sầu thảm đạm trong làng tù không bao lâu bỗng đổi ra một vùng không khí tươi tốt êm dịu, trong tù muôn miệng đều ca tụng, rõ là mở một kỷ nguyên mới trên sử tù Côn-lôn.

LXXV

Chánh-sách khai phóng của ông O. Coonell, có đầu-tư, có kế-hoạch, có thủ-đoạn, mà cách sắp đặt và thi-hành có thứ lớp, sắp việc rành mạch hẳn hòi, thủ-tục linh hoạt và cơ-cảnh đủ đều ; trong sự đối đãi khoan hồng có quyền thuật để giá ngự, thu chúng vào trong phạm vi của mình, rõ là tay lão luyện về mặt chính-trị, chớ không phải nhắm mắt thả lỏng để rước cái tiếng khoan hồng suông như ai.

Trước hết xử trí bọn tù bị án lưu (Relégués). Ông nói : án lưu là đày ra một xứ..., chớ không phải như án cấm cố khổ sai, theo luật không được nhốt chung nó trong khám và bắt đi làm xâu... Ông liền cùng Gardien-Chef đi xem xét chọn một vùng đất có thể làm rẫy trồng trọt vật nầy vật khác được, cho tù án lưu ra làm trại ở đó với nhau, hoặc ở chung, hoặc kết lều riêng tự ý. Cấp cho gạo

ăn ba, bốn tháng đầu, cho làm rẫy trồng rau, nuôi gà vịt, hạn sau 3 tháng thì làm lấy mà ăn, không cấp gạo nữa. Toàn cả sở có 1 người Cai coi sóc.

Thứ đến tù Cao-man (Cambodgiens) cũng cho ở riêng một cụm núi, làm rẫy làm ruộng. Ông hiểu rằng người Cao-man ở chung với người An-nam thường sanh ra đám rẫy lộn đánh nhau, vì tánh tình phong tục không đồng nhau, nên vạch ra cho tù Cao-man ở một xóm.

Thứ nữa đến tù quốc-sự (déportés politiques) ông nói quốc - sự phạm, theo luật, chúng nó phạm công tội không được đối đãi chúng như tù thường phạm kia, phải cho chúng nó tự-do sanh-lý. Một đều nực cười là lúc ấy tôi cùng ông tú Lê-duy-Tá (người Thanh-hóa) và Cửu Cai — đều quốc sự phạm — đương làm việc ở phòng giấy Gardien - Chef, mà ông Chánh truyền cho ông Chef phải chọn người thay chưn, đặng cho chúng tôi ra ngoài làm ăn với bạn đồng tội quốc-sự kia. Ông Chef cố xin lưu lại giúp việc giấy cho ông, mà ông Chánh nhất định không cho, chỉ cho mượn một người ở lại trong mấy tuần bày vẽ công việc cho người thay mình rồi ra ngoài tự do làm ăn (tù quốc-sự ra ngoài chỉ trong bọn đặt một người Caplan không có Mata coi sóc gì cả. My-Sanh lãnh chức Caplan nầy).

Sau cùng đến hạng tù chung thân nguy hiểm

nói trên, ông cũng chọn một vùng rừng cho chúng ra làm, trồng các thứ rau, trái, cho làm chung mà chia ra hoặc 5 người một đoàn, hoặc 10 người một đoàn, cho chúng tự chọn lấy đoàn mình, mỗi đoàn được một người ở ngoài luôn, còn thì ra làm ban ngày, ban đêm vào khám.

Các bộ phận phân phối đâu vào đấy, trừ bọn quốc-sự ra, không có Mata coi sóc, còn các tù khác chỉ một người Đội hay Cai hoặc một người Mata coi sóc lấy chừng thôi. Vì trong đám tù kia, ông bắt tự-do chọn người đồng bạn một đoàn, mỗi đoàn chung làm một vạt trồng trọt với nhau và cùng củ soát nhau. Như trong đoàn có người phạm phép (như đánh lộn, ăn cắp) hoặc có một người trốn thì cả đoàn ấy bị phạt vào khám, hoặc xiềng, nặng thì bỏ vào ngục tối (cellule). Trong bọn tù, ai có nghề gì, hoặc đan đát, hoặc may, hoặc mua bán dinh sanh, đều cho tự-do làm.

Lúc đầu những tù được ra ngoài làm ăn, còn lãnh gạo tù, sau mấy tháng kẻ nuôi gà vịt, kẻ trồng rau, người bắt cá, bọn quốc-sự-phạm thì làm nghề đổi mồi và lập tiệm buôn. Nhân nhịp có thợ hồ Civil do sở trường tiền đem ra làm bagne mới, bọn tù có vật gì cũng bán được. Những sở rẫy trồng rau, trước còn nộp phần nữa vào trong khám, sau

ông chánh cũng cho luôn, vì tù ra ở ngoài nhiều, trong khám còn ít không cần dùng nhiều.

Một sở đại ngục ở giữa hòn đảo, có độ 2000 tù — chỉ số lúc ấy — trải mấy mươi năm, bị đè ép vùi lấp dưới hầm sâu phòng kín, bản súng ngọn roi, cùng xiềng xích cùm bộng.... gần như không thấy ánh sáng mặt trời, bước một bước thì có kẻ dẫn trước kèm sau. Mà hốt nhiên được hấp thụ cái không khí sanh nhân tươi tốt. Toàn cả làng tù múa hát vui vẻ, như là chết đi sống lại, cùng nhau khuyên bảo, không nên làm điều phạm phép. Những bộ dạng và tâm tánh hung dữ gian ngoan trong đám tù, ngày trước gần như tiêu tan đâu cả ? !

Ông O. Coonell lại dùng ngọn khuyên răn khôn khéo, đứa nào phạm phép thì viết giấy truyền phạt liền, nhưng trong vài ba ngày có ý ăn năn xin lỗi thì tha ngay. Ngày thường đi đến các sở tù làm khuyên sự làm ăn — ông thạo tiếng Annam nhiều — và phủ ủy nầy nọ, đối với tù rỏ không khác gì đối với người tay chưn, mà bọn tù cũng cảm bội ơn ông, nên khuyên nhau trong triều nầy nhứt định không làm quấy. Trong mấy năm đó (1914-1917) thành là đời thái bình của tù Côn-lôn. Tiếng là ở tù mà được hưởng không khí tự-do như bình dân trong đất vậy.

Ở trong cảnh thái bình ấy, bọn quan to cũng lo làm ăn và chơi bời, không có thi hứng thi cảnh gì cả.

Tôi có một bài tuyệt :

徒 流 皆 是 有 良 爽
分 別 何 如 壹 視 同
開 放 果 然 良 善 化
囚 中 萬 口 頌 烏 公

Dầu tù vẫn có bụng lương trung,
Phân biệt chi bằng đãi cách chung.
Khai phóng trở thành lương thiện hóa,
Trong tù muôn miệng tụng Ô-công.

LXXVI

VIỆC TỐT KHÔNG BỀN !

Ở dưới triều cai trị của ông O. Coonell, sanh kế của bọn tù ngày thấy phát đạt, trong tù có kẻ có vốn trong dãy vài trăm đồng bạc, hoặc trăm, năm bảy chục đồng, ít nữa cũng có 5, 3 đồng, mà nhứt là tụi quan to thì nghiễm nhiên là hạng buôn giàu, ngang hàng với hai tiệm buôn của khách trú, rõ là cái cảnh tượng « không tiền khoáng hậu » ở đảo Côn-lôn.

Thông tánh người đời, đói khổ thì lo buồn, mà thong thả có tiền thì sanh chơi bời phóng đãng, làng tù cũng là chung cái thông tánh ấy. Trong túi đã có tiền, ngoài ăn xài phong lưu ra, tự nhiên sanh ra đám cờ bạc. Cờ bạc vẫn là sự cấm trong tù, song dầu sao cũng không cấm được, bình thường cũng thế, huống trong thời làm ra tiền ; lại có bọn thợ hồ Civil cùng các bác Mata thấy

tù có nhiều tiền thôi thì không sở nào không có đám cờ bạc, có lúc bị bắt phạt thì chúng vào trong nồng cát trong rừng mỡ sòng, kẻ được thì huy hoát vô số, có kẻ lại sạch túi, rút cuộc chỉ mấy tay gian-hoạt lủng-đoạn món lợi ấy — trong tù mà có tên mỡ xóc-dĩa một chén trên 100, 200 đồng, và một chén me 50, 70 đồng v. v.

Riêng về tụi quan to chúng tôi, không đến huy hoát thái quá như bọn tù thường kia, song thong thả cũng sanh ra xa-xỉ, nảy ra những đều không tốt, nay tiệc mai tùng, đêm nào cũng tổ tôm, tài bàn, gần như quên hẳn mình ở tù mà cũng không nhớ vì cớ gì mà lại ở cỏi tù đó. Trong có mấy ngài kỳ hạn 9 năm đã gần mãn hạn ; thôi thì không ngày nào không tổ tôm, tài bàn, nghĩa là có tiền cứ chơi để đợi ngày về vậy.

Tôi có bài thi :

1) 呢 匠 麻 邪 橐 己 傾
囚 囊 擲 地 亦 無 聲
崑 崙 沙 峒 深 無 底
填 盡 金 銀 總 不 平

Thợ cả Mata đã sạch tay,
Đẩy tù rơi đất nhẹ không hay. (1)
Côn-lôn động cát sâu không đáy,
Tiền lấp bao nhiêu chã thấy đầy !

(1) Mượn điển « 擲地作金聲 » vì đẩy không tiền nên rơi đất không nghe tăm.

2) 更 有 繩 囚 限 欲 週
近 來 無 病 復 無 愁
樂 生 別 自 開 新 界
百 二 牌 兒 舞 不 休

Trong tù có bọn mãn, gần về,
Không bệnh không sầu sướng gớm ghê!
Mở thú lạc sanh đời sống mới,
Trăm hai con kiệu múa như mê (1),

Câu thi « đầy tù không tăm » thành câu danh-từ trong chuyện kinh-tế của tụi quan to. Từ đó thường hỏi thăm nhau và có khi mượn tiền bạc viết thơ cho nhau có chữ :

« Qui nang cận lai hữu thanh vô thanh như hà v. v. 貴囊近來有聲無聲如何.

Rỏ là chuyện có thú !

LXXVII

Ở TÙ MÀ KHÔNG BIẾT ÁN MÌNH THẾ NÀO

Bọn quốc sự phạm chúng tôi — Trung-kỳ — từ khi bắt giam ở ngục trong đất cho đến đày ra Côn-lôn, tuyệt nhiên không nghe quan Nam tòa tuyên án, chỉ dò hỏi người nầy mấy năm, người kia mấy năm hay chung thân vậy thôi. Sau ra Côn-lôn, đến lúc tôi làm việc

(1) Tức 120 con bài tổ-tôm.

ở phòng giấy Gardien-Chef, được xem sổ tù có ghi xứ sở và án kiện ở dưới, mới biết án kêu là thế. Án tòa Nam kết không rỏ thế nào — chỉ tờ kết án giống bài văn sách đã chép trước — sổ tù chữ Tây thấy dưới cước rằng : Huỳnh-thúc-Kháng, Phan-thúc-Duyện là « tướng thứ hai (1) của Phan-châu-Trinh ». Án xử trảm giam hậu (décapitation) Ngô-đức-Kế, Đặng-nguyên-Cẩn là « tướng thứ hai của Phan-bội-Châu ». Án xử dảo giam hậu (Strangulation). Ngoài ra phàm án chung-thân đều trảm, dảo cả. Sau mấy năm có được ân-giảm thì án chung-thân đó giảm xuống 13 năm khổ-sai (1913).

Cũng án quốc-sự-phạm, mà ở Bắc-kỳ có mấy người như ông Cát-Thành, Tú-Trung, Thông-Tiệp, Nguyễn-huy-Tiền là án biệt xứ có kỳ hạn, được luật phép cho ở ngoài và được đem vợ con theo tự dinh sanh lý làm ăn.

Vì cái án tù ở Trung-kỳ lôi thôi như thế, nên sau ông O. Coonell về, ông Tham-biện khác ra, duy 4 người Bắc-kỳ kể trên được ở ngoài, được trọn hưởng những quyền lợi dinh thương trong mấy năm cho đến ngày về (lúc về mấy bạn nầy đều nặng túi, xem ông Tú Trung mua một thứ yến-sào đến trên ngàn bạc) còn tôi cùng bạn Tập-xuyên, Thai-sơn đều vào khám rồi cắt đi sở nầy sở nọ, tan tác

(1) Lieutenant de...

mỗi người mỗi nơi. Cái thú phong lưu ở thương trường đều tan theo mây khói hết.

(Kể chúng tôi ra lập tiệm buôn năm 1915 đến năm 1917 thì vào khám, bao nhiêu hàng hóa và vật hạng đồ dùng đều gởi giao cho mấy bạn Bắc-hà ở ngoài nói trên).

LXXVIII

ĐƯỢC NGHE BÀI THI CỦA CỤ SÀO-NAM

Sau năm 1908, tù quốc-sự kế tiếp ra Côn-lôn luôn mà phái Đông-học, bị người Nhật trục xuất cũng tan tác khắp nơi. Trong khoảng trên 10 năm ấy, chúng tôi cùng cụ Sào-Nam, không khi nào được một chữ giao thông nhau. Tuy vậy, trong bạn Đông-học cũng có một đôi người bị bắt đày ra Côn-lôn, thuật lại câu chuyện du học và tình hình ở ngoài, nên cũng nghe được đại khái.

Sau lúc bị người Nhật đuổi, cụ Sào-Nam sắp đặt cho học trò tan thì cụ sang Xiêm; khi đi tàu ngang qua đảo Côn-lôn, cụ có bài thi ngũ tuyệt:

此物經吾眼
凄然暗斷魂
平生遊歷遍
未得到崑崙

Vật gì ghê tởm thế,
Mắt thấy đã kinh hồn!

Bình sanh du lịch khắp,
Chưa được đến Côn-lôn.

Lại trong thơ cụ gởi về cho bạn trong nước có câu:

先皇去位，心傷芹海怒濤，志士何辜，目斷崑崙秋鴈...

Tiên-hoàng ngôi sửa, đau lòng cửa Cấp ngọn triều reo (1), *Chí-sĩ tội gì, mỏi mắt đảo Côn tin nhạn vắng.*

LXXIX

Ông Tú Nguyễn-duy-Viên, người Bình-định, có tài mà học còn ít, tánh phù khí, cái gì cũng tranh phần hơn về mình, nhứt là cố chấp và cải bướng. Nhưng về mặt ứng thù và nghề vụn vặt thì lanh lẹ không ai bằng, tánh ấy đã thành như tập quán vậy.

Ông ta có hai cái nghiện là ham cờ bạc và ăn ớt. Ông ta cùng Siêu Tùng làm khán-hộ ở nhà thương. Siêu-Tùng thường cười nhạo luôn mà ông ta không chừa, lúc ấy bọn tù có tiền, cuộc đen đỏ thạnh hành trong bệnh-viện, những sòng tổ tôm tài bàn không đêm nào không có. Tú quân dầu túi cạn sạch mà mỗi đêm vẫn ngồi bên sòng bài coi mãi cho đến tan cuộc mới thôi. Ông ta lại thường nói « ớt cay ngon hơn thịt », một bữa

(1) Chỉ vua Thành-Thái.

ăn trưa, có dọn thịt gà thịt heo cùng cá khô, có vẻ sang, lại có dĩa ớt trái. Siêu-Tùng nhân nhắc lại câu « ớt ngon hơn thịt », ông tú tức giận làm thinh không trả lời, song có ý giữ lời mình, chỉ ăn cá với ớt, trọn bữa ăn không hề đá động đến thịt. Siêu-tùng có bài thi nhạo, đọc đến ai cũng phải cười đến vỡ bụng :

身 長 八 尺 比 曹 交
口 似 懸 河 舌 似 刀
酷 好 生 平 惟 二 事
看 人 賭 博 食 胡 椒

Mình sánh Tào Giao tám thước dài,
Miệng như nước chảy, lưỡi dao phay.
Bình sanh đáo để nghiền hai món :
Xem mãn sòng chơi, xực ớt cay.

XC

ĐÓN TRÂU LÀM RUỘNG

Ông O. Coonell trị tù, chủ trương chánh sách khai phóng, đảo tù có cái không khí mới ; mà đối với thuộc hạ như Gardien Mata, quan binh, sơn-đá (lính tây), ông lại tỏ ý hà khắc (lúc ấy nhân cuộc Âu-chiến, quan binh có quyền, có vị quan hai nhỏ tuổi thường ngạo với ông). Vì ông đãi tù như dân Civil nên thuộc hạ có ý không phục. Cho đến 2 tiệm buôn khách trú, vì mối lợi phán tán không được lủng-đoạn độc quyền như

trước, cũng sanh ra ác cảm. Nhân đó có đơn kiện cùng thơ từ gởi vào Thống-soái Saigon thế nào — đảo nầy thuộc dưới quyền Thống-đốc Nam-kỳ — mà có lệnh ra triệt ông O. Coonell về, kể ông ly đấy gần 3 năm (1914-1917).

Ông O. Coonell xuống tàu thì chánh sách khai phóng của ông cũng đi theo ông, ở đảo khôi phục lại chế-độ bó buộc như ngày trước, bao nhiêu tù được ở ngoài đều lần lượt vào khám và đi làm các sở. Bọn quốc-sự phạm, trừ mấy người Bắc, án « interné » được ở ngoài, còn đều cuốn gói vào bagne phân tháp ra các sở. Hai tiệm buôn của anh em chúng tôi cũng đành giao lại cho mấy ông được ở ngoài (Tú Trung, Thông Thiệp) mà phủi tay ra làm sở ruộng, chịu phục thuộc dưới quyền một thầy đội. Vì làm sở ruộng có làm trại ở ngoài đặng giữ trâu cày ruộng, so với bạn vào khám vẫn có chút tự-do hơn. Song nghềnh lại cái cảnh, « ngồi vách đốc trong tiệm buôn, ăn tiệc đánh tổ tôm », thì cái cảnh trước sau khác nhau như trời với vực. Tôi có bài thi trình anh em :

辛 苦 田 家 著 手 初
風 流 比 昔 更 何 如
凌 寒 林 畔 朝 驅 犢
冒 暑 溪 邊 午 帶 鋤
水 涸 蕾 田 鳧 似 坂
泥 深 蒲 草 密 於 梳

儒家慣飽人間飯
但向盤間論細疏

Khó nhọc nghề nông mới mó tay,
Phong lưu ngày trước, khổ ngày nay?
Sương mai, cạnh núi bằng lưa nghẻ,
Nắng xế, bờ khe gắng kéo cày.
Nước cạn nữa phần chênh ruộng dốc,
Bùn sâu mấy lớp cỏ lùng dày.
Nhà nho chỉ biết cơm xơi mãi,
Hút, trắng, trên mâm kéo cải rầy!

XCI

VÀI BẠN ĐỒNG-HỌC RA ĐẢO

Chúng tôi ra ngoài đảo đã 6, 7 năm, những người nối gót ra sau đều là người trong đất bị bắt đày ra, chưa có người nào là bạn đồng học — có Dật-Trúc trước có sang Nhật-bản một lần song đi du lịch chớ không phải bạn lưu học — đến năm 1915 mới có Phạm-cao-Đài, Hoàng-Hưng, sau nữa có Đặng-bỉnh-Thành ra, mấy người nầy đều người sang học ở đông đảo vài năm thuộc chuyện bên ấy, nhân thuật những tình trạng học-sanh giải tán cùng có người về thú v. v. Siêu-Tùng có bài cảm tác:

說到人情劍欲磨
醉來古句自長哦
炸丸消滅江山寂

飯碗縱橫僕隸多
遊學反爲離間派(1)
興商轉作斗筲家
吁嗟國事長如此
自問雄心近若何

« Nhân tình nói đến lưỡi gươm reo »,
Say dỡ, thi xưa đọc rất kêu.
Tạc đạn tiêu trầm sông núi vắng,
Lon cơm la liệt tớ thầy nhiều.
Chán cho du học ra đầu thú,
Buồn nỗi nhà buôn trỗ ngọn điêu.
Việc nước than ôi ra thế mãi?
Ôm lòng ngồi ngẫm bực bao nhiêu.

XCII

Sấp lưng với tiệm buôn mà ra làm sở ruộng, các bạn đều làm việc khó nhọc, không có giờ rãnh nói đến thi văn, tôi cũng hứng thú đôi đường, làm biếng không làm thi. Sở ruộng có cái bàu dài và rộng ước có vài mẫu quanh năm không cạn, đến mùa sen mọc bông tốt dăng dăng, dưới có nhiều cá, tôi nhân nhớ đến nghề củ là nghề câu ống, bèn gởi thơ về nhà gởi ống câu và dây đủ đồ câu ra, ngoài giờ làm ruộng và chăn trâu, khi rảnh thì câu cá, tức cảnh một bài:

荷花十里望團團
鬚可當茶實可餐

(1) Câu nầy có lạc vài chữ, tạm bỏ vào.

獨有釣魚人不賴
蓮長葉密下鉤難
Ao sen mười dặm trổ dăng dăng,
Nhụy dụng thay trà hột để ăn.
Duy có nghề câu rành bất tiện,
Cuống dài lá phủ khó đường quăng.

Ao nầy sau quan chánh bắt phá sen cấy lúa. Nhân trong Nam-kỳ có giống lúa tên là lúa « tham đứng », cách sống nó khác với các thứ lúa thường, mộng nó cao, khi nước hơi hạ, cấy xuống, rồi nước lên chừng nào, nó cao lên chừng nấy, khi nào cũng thấy cái đọt nó trồi lên trên mặt nước, cái rạ nó có nhiều lóng, dài đến 1 thước, nước sâu mấy nó cũng cứ lớn cứ trỗ. (Ở đâu có nhiều đầm bàu, nên kiếm giống về cấy xem).

XCIII

Cụ Ngô-tập-Xuyên ra sở ruộng, làm xâu chăn trâu và nấu ăn, có mấy bài thi. Tôi nhớ một bài :

壹間茅屋野堂西
草滿平田水滿溪
山隔不知何處海
夜深時叫一聲鷄
蹉跎歲月蓬雙鬢
辛苦江山雨一犁
共說文明新學好
平生高尚不如低

Bờ ao ủm thủm một gian lều,
Ruộng cỏ xanh um, suối nước nhiều.
Núi cách gần quên vùng biển bọc,
Đêm khuya thoảng có tiếng gà kêu.
Tóc hai mái rối già toan đến,
Mưa một cày trâu khổ đủ đều.
Cho biết hèn hơn cao thượng đấy,
Văn minh học lối chớ nên kiêu.

XCIV

Tấn kịch phiến biến Duy-tân (1916), ngoài đảo không nghe tin tức gì, lúc có bọn thợ nề trong đất có mấy người Trung-kỳ ; theo sở Trường-tiền ra làm công trình khám mới (2ème Bagne), ở Côn-lôn, có thuật đại lược, song đều chuyện nghe truyền, không được đích xác. Sau có Phạm-quân Xuân-phổ (Tú Chầm, Quảng-nghĩa), bị đày lần thứ hai ra đảo mới nghe được rõ.

Nguyên Phạm-quân năm 1908 đày ra Côn-lôn, năm 1913 được tha về, năm 1917 can vụ Duy-tân lại đày ra lần nữa. Phạm-quân là người trong lớp tuồng ấy, biết rõ đầu đuôi, thuật lại những chuyện Nam-Xương, Hồ-Tiếu, Bạch-Sĩ bị nạn thế nào, cùng tấn kịch ấy vở đầu thế nào, kết cuộc thế nào. Truy nguyên cũng nhân ảnh hưởng cuộc Âu-chiến mà diễn ra một cuộc « nhóm sắc 6 châu đúc thành chữ « thác lớn » 聚六州之鐵鑄成一大錯. Tuy vậy trong bụng con cờ chết mà

có nước cờ « đánh cái độp » như thế cũng là nước cờ hiểm. Bạn vô danh có vịnh mấy bài tuyệt :

Vịnh vua Duy-Tân 4 bài :

1) 肉 食 盈 庭 眼 底 空
暗 從 草 野 結 英 雄
數 行 衣 帶 從 天 下
神 鬼 潛 號 萬 壑 風

Ăn thịt (1) *phường kia dưới mắt không,*
Rừng khe thầm kết những tay hùng.
Chiếu trời giải áo (2) *vừa ban xuống,*
Quỉ khóc thần reo núi nỗi đông.

2) 乾 旋 坤 轉 此 何 時
明 治 維 廉 壹 輩 人
大 事 不 成 雄 斷 在
無 慚 年 號 喚 維 新

Xoay trời chuyển đất thử ra tay,
Minh-Trị, Duy-Liêm (3) *cũng bực này.*
Hùng đoán, dầu rằng công việc hỏng,
Hiệu Duy-Tân mới thiệt không sai.

3) 惱 殺 全 盤 一 著 差
九 年 黃 屋 棄 如 遺
可 憐 中 外 臣 僚 在
羈 羈 周 旋 兩 布 衣

(1) 肉 食 Chỉ quan ăn lộc.
(2) Mật chiếu viết trong dải áo.
(3) Minh-Trị vua Nhật-bản, Duy-Liêm thứ 2 vua Đức đều tay trẻ tuổi anh hùng.

Một nước cờ sai cả cuộc xoang !
Chín năm ngôi báu bỏ như không.
Trong ngoài tối tớ còn nguyên đó,
Hai bác dân theo đến bước cùng. (1)

4) 芹 門 腸 斷 夜 濤 聲
荒 島 凄 凉 又 此 行
磨 劍 十 年 何 處 客
可 曾 霜 刃 匣 中 鳴

Đứt ruột Cần-môn ngọn sóng chiều (2)
Lần này hoang đảo lại buồn thiu (3)
Mười năm nào khách mài gươm tá ?
Trong vỏ từng nghe tiếng sấm reo.

Hồ-Khê (ông cử Sụy)

5) 風 雷 蟄 伏 帝 星 沉
海 嘯 山 啼 虎 豹 噤
一 副 頭 顱 滿 腔 血
年 年 荼 汛 怒 潮 音

Sao chìm giông lặng cảnh buồn teo,
Núi khóc giông rền vắng cọp beo.
Một thớt đầu lô đầy bụng huyết,
Bến Trà cơn giận sóng thường reo.

Trần-bạch-Sĩ

6) 義 先 文 後 此 眞 詮
別 自 中 間 造 一 天

(1) Chỉ Nam-xương và Bạch-sĩ.
(2) Vua Thành-Thái lúc đầu đày vào Ô-cấp.
(3) Vua Duy-Tân đày sang đảo Réunion.

學說能將鮮血染
南方新易惜無傳

Văn sau Hy trước vẫn kinh nầy,
Riêng giữa trung-thiên đứng một tay. (1)
Học thuyết đem bầu tâm huyết nhuộm,
Trời Nam dịch mới tiếc không thầy.

Phan, Thái hai nhà Tây-học

7) 肯把西文去作奴
不成甘自斷頭顱
國中西學人如鯽
清夜捫心愧死無

Âu học không đem rúc cửa người,
Chả thành, đời sống vứt như chơi.
Kìa phường học mới đông như kiến,
Đêm hỏi lòng, chăng có hổ ngươi ?

Quan-nhân

8) 肩鎗腰礮日行行
外國軍裝祖國情
左祖未呼河嶽動
教人膽落且魂驚

Đan mang súng vác tháng ngày qua,
Vỏ nước ngoài, song ruột nước nhà.
Tràng tã chưa kêu đà dội tiếng,
Kinh hồn khiếp vía khắp gần xa.

(1) Trần-Quân tự xưng có di nhân truyền thọ bản sách « Trung-thiên-dịch 中天易 để nối dịch 先天後天 », Trần chết về quốc-sự, sách ấy không ai truyền.

Vô danh

9) 拒搜活劇演方新
擺手隨趨革命軍
草澤從來伏無盡
英雄豈在有名人

Xin xâu tuồng nọ lớp vừa tan,
Tấn kịch Duy-Tân lại mở màn.
Rừng núi khi nào người hết được,
Anh hùng há tại bọn tên sang.

Tổng vịnh

10) 蠶絲萬縷吐無端
人與孤燈一樣寒
山鬼歌成阿壁問
滿天雷雨百靈環

Tơ tằm không mối kéo trăm chiu,
Người với đèn khuya bóng hắt hiu.
Một tiếng gà trời kêu hỏi thử,
Giông mưa nghi ngút bốn bề reo,

XCV

TRỐN

Khám tù Côn-lôn, bốn mặt biển bao bọc, cách hẳn trong đất, mà câu chuyện tù trốn thã bè không năm nào không có một số. Duy có tụi quan to quốc sự phạm là bọn văn nhược, người yếu sức hèn, không có tư-tưởng mạo-hiểm, dám liều mình làm thữ tấn nguy kịch ấy.

Có Dương-công-San (người Nghệ) gọi nho Sang mạo hiểm trốn ra ngoài rừng, được hơn một tuần, nhưng không thoát khỏi, bị bắt lại, giam vào buồng kín (cellule), vài tháng, sau bị bệnh rồi chết. Cách mấy năm sau mới có chuyện Hy-Cao, Kim-Đài, Cửu-Cai thả bè về đến trong đất, nhưng cũng bị bắt rồi đày ra đảo.

Nho Sang lúc đi trốn có gởi lại một bức thơ biệt anh em, trong có câu :

閒英雄之歲月，肉共悲生，泣新亭之山河，血隨淚洒. (1)

Ngày tháng anh hùng nhàn đáo để, buồn thấy vế non ; non sông phong cảnh khóc không cùng, máu theo nước mắt . .

XCVI

Chúng tôi lia tiệm buôn mà ra sở làm ruộng, thuộc dưới quyền viên đội K. Viên đội chia ra hai cái trại. Tôi cùng My-Sanh, Tập-Xuyên, Thai-Sơn, Nghĩa-Bình ở một trại ; còn trại kia thì Hy-Cao, Kim-Đài, Cửu-Cai, Mai-Lâm, Nho-Hai ở. Về ruộng cũng chia ra hai phần. Sau bạn Hy-Cao và Kim-Đài thả bè trốn, còn bọn ở lại đều vào khám cả, không được ở ngoài nữa.

XCVII

Bọn quan to bỏ tiệm buôn phong lưu mà ra

(1) Câu nầy lột trong tập Ẩm-băng.



Lâm-Ngu LÊ-VĂN-HUÂN

làm ruộng, đã từ nơi cao mà sụt một cái đến mấy trượng rồi ; lại không được ở ngoài sở ruộng mà vào khám, nghe đã vất vả khó chịu, nhưng cái khổ đã hết đâu ! Ở khám độ vài tuần, lại bị phân tháp ra các sở, cùng tù thường kia ăn chung ở lộn, xâu việc nặng nề. Trong khoảng vài năm đó (1917-1920), rõ là họa kiếp rất lớn cho tụi quan to, nay nhắc lại còn lấy làm đau lòng !

Đã 7, 8 năm bọn quan to ở chung với nhau, nhất là vài năm ở tiệm buôn, gần quên cảnh tù ; nay chia ra mỗi người mỗi nơi, My-sanh sang bãi dâm (baie d'ouest), Thai-Sơn nằm bải bắt đồi mồi (pêche des tortues), Tập-Xuyên đi sở đốn cây, Phong-Niên làm sở ruộng Cô ông. Tôi cùng Nghĩa-Bình cũng sang Cô ông, nhưng làm xâu sở vô tuyến điện đài. Ai ở sở nấy, suốt năm mà không gặp nhau lại không có thơ từ gì cả. « Khi biệt dễ dàng, khi gặp khó, 別時容易見時難 », đọc câu thi cổ nhân không sao ngăn mối ngậm ngùi !

Tôi sang Cô ông, vì cái xâu gánh cát vác đá quá sức nặng không làm nổi, nên học làm thợ nề. Có 3 bài thi gởi trình anh em :

1) 十載崑崙苦未終
又擡被席往姑翁
朝攀峻坂橈山石
午下平沙吸海風
囚役何曾多暇暑
舊遊回憶感飄蓬
鹽車老驥樊籠鶴
一樣辛酸異地同

Côn-đảo mười năm khổ chửa xong,
Lại mang mền chiếu đến Cô ông. (1
Dốc cao sớm dậy rề khiêng đá,
Bải biển trưa nằm hứng gió đông.
Công việc nặng nề ngày bận rộn,
Bạn bè rơi rắc chạy lung tung.
Khác nơi mà cảnh chung cay đắng,
Ngựa dưới tay xe, hạc nhốt lồng !

2) 興來忘却現身囚
電話臺邊作臥遊
如此好山兼好水
可堪多病復多愁
一聲石裂天幾墜
萬頃濤轟地欲浮
對此易生前日感
海雲關上望烏州

Quên tù, gặp lúc hứng vừa lên,
Tòa Điền nằm chơi sẵn có nền.
Non nước một vùng trông đẹp mắt,
Bệnh sầu trăm mối chất thành vền. (2)
Đá từng cơn nổ trời như đổ, (3)
Sóng mấy làn xoay đất muốn chênh.
Cảnh mới khiến người mơ cảnh cũ,
Hải-vân trên đỉnh ngắm Thần-kinh. (4)

(1) Tục gọi cô ống, nhưng viết chữ « cô ông » không đánh dấu.
(2) Vền như vền tơ rối.
(3) Thường bắn đá để lấy đá xây.
(4) Điền đài cao trông xuống biển như núi Hải-vân ta.

3) 苦海茫茫幾點萍
狂風一陣散如星
自知驥櫪心猶壯
其奈雕虫技不靈
世變屢更棋局局
山窻不改竹青青
懷鄉去國情無限
夜夜濤聲各自聽

Mấy cánh bèo trôi giữa bể khơi,
Gió phang một trận tợ sao rơi.
Ngựa tàu cảnh ấy còn ôm giận,
Sâu chạm nghề kia chã tích đời.
Cuộc thế, cờ luôn xoay nước mới,
Lều non, tre vẫn giữ màu tươi.
Mến xưa nhớ cảnh lòng chan chứa,
Sóng dội tai ai nấy sụt sùi.

Sau 3 bài thi trên gởi đi, anh em đều có họa gởi lại :

Tập-Xuyên

(Đương ở sở đốn cây lại mang bệnh rét, mình đau xâu việc nặng nhọc)

1) 姑翁吟罷興何如
病骨嶒峻孰起予
可有詩神能破寂
須防瘧鬼易乘虛
山光欲斂雲歸後
海色新澄月上初
風景殊佳人不賴
役歸長嘆食無魚

Cô ông ngâm vịnh thú ra sao ?
Riêng tớ gầy xương bực thế nào !
Hẳn có thần thi đưa hứng đến,
Phòng chăng ma rét rước đau vào.
Núi che mặt sầm khi mây kéo,
Biển trỗ màu tươi lúc nguyệt cao.
Phong cảnh dầu xinh người chã ích
Bữa ăn không cá tiếng lao xao !

Siêu-Tùng (ở nhà thương)

5) 舉國奔波各似萍
却於窮島聚文星
詩難退膀吟徒壯
酒可消愁飲亦靈
半世莫嫌頭漸白
百年猶有汗長青
先生風抱移山志
此曲凄凉不可聽

Trong nước bôn ba dạt cánh bèo,
Văn hào ngoài đảo khéo nằm queo.
Thi không đuổi giặc ngâm vô ích,
Rượu vẫn tiêu sầu uống lại reo.
Nữa kiếp cần gì đầu tóc bạc,
Trăm năm còn có sử gương treo.
Dời non chí củ nào dâu đấy ?
Một khúc bi ca đọc chán phèo.

回首中原殺氣高
窮荒愁殺老文豪
移山填海無窮願

負石橧沙始覺勞
婆舅神靈驅惡瘴
姑翁山水助吟毫
忙中却有新題詠
我爲斯邱賀彼遭

Nghểnh lại trung nguyên sát khí đăng, (1)
Cồn hoang nằm rục tướng làng văn.
Dời non lấp biển lòng khăng khái,
Vác đá khiên vôi việc nhọc nhằn. (2)
Bà cậu oai thiêng hơi độc vắng, (3)
Cô ông cảnh đẹp hứng thi hăng.
Nhộn nhàng nay được đề ngâm mới,
Gặp gỡ gò kia đáng hạ chăng. (4)

Ngoài ra có nhiều bài không nhớ hết, chỉ nhớ đôi đoạn. Dản-thạch-Quân (Cử-nhân Nguyễn-Cầu, người Bắc) làm sở rẫy có câu :

...負石誅茅雙病骨
捫心搔首一飄蓬...
林間午臥塵囂遍
海上晴看島嶼浮

...Khiêng đá đào tranh hai xác ốm,
Gải đầu bóp bụng một vền tơ...
...Giấc trưa nghỉ dậy rừng không bụi,
Cơn tạnh ngồi xem biển nổi cồn...

---

(1) Có tin Thái nguyên.
(2) Xâu làm ở Cô ông.
(3) Bà cậu, tiếng trong tù, thường khấn vái.
(4) Dùng điển Liên-tôn-Nguyên 賀斯丘之遭.

Phật-Tích (hiệu Cảnh-Lâm, Tú-tài, người Bắc-ninh, khẳng khái chuộng mặt kiếm hiệp) có câu :

十 年 秋 水 淬 青 萍
誓 掃 妖 氛 萬 点 星

Nước sạch mười năm thúy lưỡi dao,
Yên phần thề quét mấy vùng sao...

Câu nầy có khí phách.

Nghĩa-Bình cũng có câu :

更 無 別 事 強 人 意
賸 有 佳 吟 療 我 愁

Hẳn không việc lạ khuây cơn giận,
Lựa có thi hay chữa mối sầu.

Mười bốn chữ cũng thú và có ý vị.

XCVIII

Lòng cha mẹ thương con thật là hết bực, mà những nhà có nghĩa phương gia giáo, có lúc yêu cái danh nghĩa của con hơn cái mạng sống của nó.

Cụ Tập-Xuyên bị bắt giam ở lao tỉnh Nghệ, lúc ấy cụ thân sanh (húy Ngô-huệ-Liên), đương làm quan tại kinh (Thị-lang một bộ nọ), biết rằng con mình sẽ không khỏi bị đày đi xa, hoặc Lao-bảo hay Côn-lôn, viết thơ khuyên con nên tự quyết, trong thơ có câu :

與 其 偷 生 隱 忍, 終 爲 異 地 之 囚 ; 曷 若 慷 慨 成 仁, 猶 作 故 山 之 鬼. (1)

(1) Chính cụ Tập-Xuyên đã đọc cả bức thơ cho nghe.

Nếu như ẩn nhẫn chờ ngày, không khỏi làm tù xứ khác ; sao bằng liều mình khẳng khái, còn được làm ma đất nhà ».

Theo lời dạy trên tức là muốn cho con thà chết mà không chịu nhục, theo nghĩa-phương các cụ danh gia đời xưa. Nhưng cụ Tập-Xuyên là người phụ khí, nhận nhà ngục là trường học thiên nhiên, mà đời sống của mình nhứt định còn có giúp ích cho đời, không muốn cầm nhẹ như lông hồng, nên không lấy lời ông cụ làm phải, đành ở tù ra Côn-lôn.

Sau ra ngoài đảo, cụ gởi thơ về thăm cụ ông, thường viết nhiều câu kịch liệt, lại theo tánh lộng hiểm có những chữ « ẩn ngữ ». Cụ ông gởi thơ trả lời có ý răn và phụ bài tứ tuyệt :

尺 札 新 從 絕 島 歸
淚 流 濕 紙 夢 魂 飛
平 安 靈 信 靈 將 報
辛 苦 何 須 染 汗 爲

Được thơ ngoài đảo dở xem ngay,
Hồn vía lên mây lệ nhỏ đầy.
Cần gởi bình yên bằng nét mực,
Mồ hôi nhuộm giấy chuyện thêm rầy.

Cụ Tập-Xuyên ra đảo được ít lâu, cụ ông cũng cáo về hưu, vài năm thì mất, chỉ còn cụ bà, (lúc cụ Tập-Xuyên tha về, cụ bà còn sống). Cụ Tập-Xuyên có nhiều bài huyết tánh, bài nầy là một :

枝垂笑闈夜時稚兒
新淚色庭生落尙思
長雙承望潮雨身苦
栢閭前外上寒成母
松門年里月天未成
墳十二千灣甕國教
親七十三芙古報忍

Ngành thông trên mộ đã dài ra,
Dựa cửa nhà Huyện lệ nhỏ sa.
Mười mấy năm trên kề cận gối,
Ngoài ba ngàn dặm ngóng trông nhà.
Bải trầu (1) *trăng mọc triều lên sóng,*
Cô-ống (2) *trời mưa lạnh thấu da.*
Nợ nước chưa đền mình mắc nạn,
Nhớ con, thương mẹ tuổi thêm già !

XCX

Cụ Đặng-Thai-Sơn bị đày ra Côn-lôn, hai cụ thân sanh còn mạnh (cụ ông trước làm Tri-huyện, từ quan về vườn, cụ bà em quan Tuần-vũ Đinh-nho-Quan, con nhà nho gia). Cụ Huyện trên 70 tuổi mà người vẫn khẳng khái, cụ Thai-Sơn bị đày, em là ông Tú-Hứa (hiệu Ngộ-sanh), cũng xuất dương nốt. Vì thế nên cụ Huyện thường bị quan địa phương đòi hỏi luôn, song cụ vẫn thản nhiên,

(1) Sở kéo cây ở bải Trầu.
(2) Sở nầy cũng ở núi Cô ông.

năm cụ ông 70 tuổi, cụ Thai-Sơn có gởi thơ về mừng thọ, sách tôi một câu đối. Tôi có tặng câu đối 100 chữ :

三台舊徑，卅年前早賦歸來，
偕隱又有賢賓，歷幾經高岸爲
谷，深谷爲陵，氣節歸然，却老丹
其獨得乎，藍水鴻山，遠近艷傳
雙壽佛.

廿紀新潮，一分人各肩責任，
義教能行之子，知他日耋而八
十，期而百歲，熾昌俾爾，海外兒
有歸侍者，歐雲亞錦，河山繪作
五斑衣.

Tam-Thai vườn củ đó, ba mươi năm phú khúc qui lai, cũng ẩn lại được bạn hiền, trải bao phen cồn cao hóa vực, vực sâu hóa gò, khí tiết y nguyên, thuốc nhà tiên có bí truyền chăng ? Núi Bộng sông Lam, đôi phật sống lâu lừng-lẫy tiếng.

Trấp kỷ phong triều nầy, một phần tử lo chung trách nhiệm, đường nghĩa truyền cho con thảo. Ước ngày khác già mà tám mươi, thọ mà trăm tuổi, khương cường lên mãi, con ngoài biển có về hầu đấy, mây Âu gấm Á, năm màu áo vẻ rõ ràng bông.

Tôi cùng cụ Đặng-Thai-Sơn đều án không kỳ hạn, sau cải hạn 13 năm. Trước năm mãn hạn 1 năm, cụ được tin buồn cụ ông tạ thế, tôi có câu đối điếu :

一百字壽聯持贈，爲公誦曾幾辰，知有不亡者存，自是生前無別憾.

十三年窮島棲遲，皆我歸應有日，何如無改謂孝，不關簀下授遺言.

Liền trăm chữ chúc mừng tuổi thọ, chưa cách bao lâu ; cái bất hủ vẫn còn, chả chút hờn gì trên cõi sống.

Mười ba năm lưu lạc cồn hoang, cùng về nhau chắc, đạo không thay là hiếu, lọ là lời chúc chép bên giường.

C

Lối văn ứng thù, thấy quen sanh chán, như những câu đối phúng điếu hạ hỷ v. v. không có mấy câu đối hay. Song những câu tình văn châu đáo, cũng gọi là một thứ văn phẩm trong nghệ thuật. Vả lại thứ văn ứng thù đã thành vật qui trong xã hội : 1) Tiêu biểu tâm lý ham học của quốc dân. 2) Làm môi giới trên đường nhân sanh giao tế. 3) Làm vật kỷ niệm lâu dài và có giá trị.

Vì mấy cớ đó nên quốc dân ta chuộng lối liền đối đã thành phong khí phổ thông.

Tôi lúc đi học chuyên nghề cử nghiệp, không hay làm liền đối. Sau lúc đậu rồi, thân bằng cố hữu thường xin đối liền luôn, không thể từ chối, gắng gượng như làm xâu vậy, lần lần thành quen,

cũng không đến dốt lắm. Song toàn làm bằng chữ Hán, chớ chưa tầng làm đối bằng quốc ngữ. Lúc ở ngoài đảo, được thơ nhà nói bà nhạc 76 tuổi, anh em làm lễ hạ thọ, nhà tôi bảo tôi làm câu đối nôm gởi về làm vật kỷ-niệm. Nguyên ông bà có 6 người con trai, 4 người con gái— ông mất năm tôi còn ở nhà — đều có gia thất trưởng thành cả. Nhà tôi là con gái út, 3 người rễ kia đều mất sớm, còn một tôi lại ở tù. Tôi gởi câu đối về chúc bà :

« Tôi kính chúc mừng bà, bảy mươi lại sau thừa, rồi đây mà tám mươi, mà chín mươi, mà trăm tuổi trở lên, sân hoè nương cậy vào ra, chút ngót trong tay, cháu chắt chung quanh nghe chuyện củ.

Con đây ở nào rễ ? Bốn người còn một chút, nực cười khi ông Cử, khi ông Nghè, khi làm ông Tù xứ khác, biển cạn chiếc thuyền chìm nỗi, tiệc đào vui chén, non sông gìn giữ đợi ngày sau ».

Câu trên là câu đối quốc ngữ đầu tiên của tôi.

CI

Cuộc tù biến ở Thái - nguyên (1917), rúng động cả toàn quốc, vì trong tù có mấy tay thủ hạ cựu bộ ông Đề-Thám, có tay đông học như Lương-lập-Nham và mấy người Võ - biền

làm chủ động, phá ngục Thái-nguyên chiếm giữ được 7 ngày, sau việc hỏng, có mấy người bị đày ra Côn-lôn : đội Giá, đội Trường, đội Lự và binh Thiều, nho Địch v. v.

Thiều và Địch là người Quảng-ngải, Thiều chưa lính tập còn Địch là một cậu học trò, 2 người nầy can án Duy-Tân bị đày ra Thái-nguyên, sau ra Côn-lôn ; Địch thuật chuyện như dưới :

Tấn kịch Duy-Tân xảy ra, y mới 17 tuổi, đương học với ông thầy là Tú-Ngung, nhân cớ thầy mà trò bị lụy, sau thầy Tú uống thuốc chết, cậu cùng bọn đồng tội 25 người — cả lính và dân — bị đày ra Thái - nguyên, bị đau và chết dọc đường hết 22 người. Đến Thái-nguyên chỉ còn 4 người, tức Thiều, Địch và hai người nữa. Ở ngục Thái-nguyên được một năm, vì ngục quan ngược đải, bọn tù khởi biến, chiếm đồn Thái-nguyên cùng quan quân chống cự được 7 ngày, duy đồn lính không lấy được. Sau quan binh đến đánh riết quá, không chống lại nổi, mới tan vào rừng. Rồi kẻ bị bắt, kẻ ra thú, lãnh tụ là ông đội Cấn — có tên là Trịnh-Đạt cũng chết trong núi, Địch cùng Thiều cũng bị bắt, còn hai người Quảng-nghĩa nữa lưu lạc đâu không biết (Địch năm 1925 được tha về rồi cũng tạ thế).

Nhân nghe chuyện trên, cụ Tập-Xuyên có chép làm bài ký gọi là « Thái-nguyên Thất-nhật Quang-phục ký 太原七日光復記 ».

Những người can vụ Thái-Nguyên đày ra Côn-lôn đều là tay đóng vai trong tấn tuồng ấy nên thuật chuyện được tường tận. Gia dĩ ngòi bút ký sự sở trường của cụ Tập-Xuyên đã tả được linh động, ai đọc cũng sinh mối cảm xúc, người bạn có đề sau 6 bài.

1) 旱 地 何 來 霹 靂 聲
數 重 地 獄 劍 能 鳴
我 南 革 命 英 雄 史
千 古 誰 刋 鄭 達 名

Giữa đất bằng nghe trận sét rền,
Tiếng gươm ngục tối dội rầm lên.
Sử Nam cách mạng nào ai đấy ?
Trịnh-Đạt ngàn năm hẳn có tên.

2) 層 城 風 颿 五 星 旗
光 復 軍 聲 薄 海 馳
六 十 年 來 沉 病 國
漢 官 復 此 見 威 儀

Quanh thành cờ phất dọi năm sao, (1)
Quang phục quân reo tiếng nổi phao.
Sáu chục năm trời im nước bệnh,
Oai nghi nay bỗng thấy quan trào.

3) 碉 雨 鎗 烟 滙 一 場
旌 旗 耀 日 劍 凝 霜
南 人 城 廓 南 人 主
七 日 居 然 萬 載 長

(1) Cờ năm sao là của Lương-ngọc-Nham bày ra, chỉ xứ Đông-dương.

Đạn mưa súng khói góc trời mù,
Gươm liệt cờ dăng suốt một màu.
Thành quách Nam, người Nam chủ lấy,
Bảy ngày dài dẳng xấp ngàn thu !

4) 拒 搜 活 劇 再 無 聞
炸 殫 聲 沉 帝 黨 分
好 爲 河 山 一 吐 氣
彊 人 意 是 太 原 軍

Tấn kịch xin xâu đã hạ màn,
Quả bom ngòi tắt đẳng vua (Duy-Tân) tan.
Non sông còn có mùi sanh khí,
Tuồng Thái-nguyên lừa một tiếng vang.

5) 要 爲 全 國 導 先 河
天 未 從 人 奈 若 何
世 事 不 將 成 敗 論
鄂 軍 未 足 羨 支 那

Cốt vì cả nước mở đường đầu,
Trời chửa chìu người biết tính sao ?
Thế sự không bàn thành với bại,
Võ xương nào kém nghĩa quân Tàu (1)

6) 筆 舌 無 功 劍 未 成
十 年 窮 島 暗 吞 聲
欝 葱 佳 氣 河 山 在
夜 夜 焚 香 祝 後 生

Bút chả xong, gươm cũng dở dang !
Mười năm nín tiếng chốn cùng hoang.

(1) Trung-quốc-quân Võ-Xương khởi nghĩa đánh đuổi triều Mãn-thanh.

Non sông un đúc người sau đấy,
Cầu nguyện thường đêm cứ đốt hương.

CIII

Phong-niên, Nguyễn-quân Đình-Quản, người gồm cả đởm thức mà có lòng huyết thành cảm người một cách sâu sắc, đồng nhân ai cũng cảm phục. Một đều ít có là thấy đều nghĩa thì hăng hái làm tới, thấy đều lành thì ham muốn khao khát. Mà nếu ai đem đều phi lý gia cho thì nghiêm nghị sắc mặt, phản đối cho đến cùng ; nhưng gặp anh em có việc hoạn nạn đau khổ thì ra công chịu khó hết lòng giúp đỡ, dầu việc khó nhọc đến đâu cũng vui lòng cán đáng, tuyệt không có chút gì là trở tránh dụt dè. Trong anh em những kẻ hèn yếu nhờ ông ta giúp đỡ nhiều việc, rỏ là người có khí hiệp sĩ như người xưa.

Lúc cuộc buôn sắp đóng cửa, Nguyễn-quân nhân việc vào khám, rồi sang làm xâu sở ruộng ở Côông, trên một năm, cảm bệnh mà mất. Ông ta cùng tôi và cụ Thai-Sơn, cụ Tập-Xuyên, đều án chung thân giảm xuống 13 năm. Tôi có câu đối :

苦 生 我 於 越 南 廿 世 紀 之 初
不 去 不 死 卽 爲 囚, 可 憐 落 落 隻
身, 髀 肉 坐 驚 抛 歲 月.

重 期 君 於 崐 島 十 三 年 之 後,
再 接 再 厲 尤 有 進, 忽 此 奄 奄 一
病, 嬾 魂 早 去 作 風 雷,

Khổ sanh ta đầu thế kỷ hai mươi giữa nước Việt-nam, không đi không chết lại mang tù ; xót thay quạnh quanh chiếc thân, thịt vẽ ngồi đưa ngày tháng chóng.

Trông mong ngươi sau mười ba năm lìa hòn Côn đảo, lại giậy lại làm càng tấn tới ; bồng chốc yêm yêm một bịnh, hùng hồn hóa lần gió giông đi !

CIV

Phong-niên-quân không hay làm thi văn, song người giàu nhiệt thành nên có làm đôi câu đều do huyết tánh lưu lộ ra. Trong bạn anh em trong tù, vô sự, hay chơi tổ tôm, xóc đĩa, có người đến bị lụy, nhứt là lúc ra ngoài làm nghề buôn có tiền càng chơi nhiều, lại có người có thói ích kỷ, ngoài « tiền » ra, không biết đến việc gì nữa. Phong-niên thường chánh sắc đương diện chỉ trích một cách khẳng khái, ai cũng cảm động. Trong lúc ở tiệm buôn phong lưu, ông ta có câu :

自 顧 此 身 猶 鐵 骨
未 應 是 處 作 錢 痴

Tự xét thân nầy còn cốt sắt,
Lẽ đâu ngồi đó chịu ngày tiền.

CV

Lê-quân Hàn-Hải (Bá-Trinh), trước nhà ở Tourane, có ông chú làm Thương - biện Hải-phòng là người có danh tiếng ở đất nhượng-

địa Hàn, các quan Công-khanh đương triều hễ qua lại đất Hàn là ở nhà ấy. Nếu như Lê-quân có lòng đưa đải kẻ quyền quí, thì thiếu gì người dẫn-bật vào làng quan trường. Nhưng Lê-quân không có mộng tưởng ấy, sau đỗ Cử-nhân thì dời nhà vào gần núi Ngủ-hành, cùng các bạn tân học giao du, sau cùng mang tội, rỏ là một người đặc sắc trong đám dung thường vậy.

Lê quân, về mặt học vấn chưa được uyên súc, song phong - thể và giao-thiệp bề ngoài có vẽ hoạt - bát, được nhiều người yêu mến, và có văn tài, cũng có một đôi việc xuất sắc. Lúc ở đảo, có một khoảng có ai mách bảo thế nào, quan Tham - biện hạ cái lệnh cấm dùng thuốc bắc. Có 1 người tù bị bệnh nằm nhà thương chữa không lành. Người ấy viết thơ về nhà, dặn người nhà gởi bánh quà ra, trong bánh lại bảo bọc thuốc tề vào, bị Gardien xét được. Nhân đó quan Chánh có cái lệnh cấm người nhà bọn tù không được gởi colis (thùng) cho tù nữa, nhứt là thuốc bắc. Trong tù nổi lên cái phong triều bất bình, ai nấy tỏ ý buồn bực (nhân có lệnh buộc tù phải viết thơ về nhà bảo đừng gởi thùng như trước).

Nguyên tù ra ngoài đảo cách biệt trong đất, bà con anh em không ai ra đến ngoài ấy mà thăm viếng, còn lưa một chút giây tình ái không đến

quên hẳn như người đã chết, chỉ có một đôi khi có thơ từ thăm viếng và bánh quả gởi gắm thế thôi. Nay cấm hẳn đường ấy thành ra ai nấy đều tuyệt vọng.

Lúc ấy bà Tham-biện là người có đạo, Lê-quân nghĩ rằng đàn bà trong tín đồ Gia-giáo tất có lòng từ bi bác ái, Lê-quân làm một bức thơ dấu tên, gởi ngay lên bà ấy đại ý nói tình cảnh đau xót của bọn tù và xin bà tỏ tình thương xót nói cùng quan lớn thủ tiêu cái lệnh cấm « gởi thùng » kia...

Thơ ấy đạt lên, nhà đương cuộc xét ra người viết và gởi, Lê-quân bị phạt 30 ngày cellule. Sau Lê-quân mang bệnh tê chưn chính vì lần phạt ấy. Lê-quân có làm bài « chiêm bao 30 ngày ». Tiếc lúc ấy tôi ở ngoài phòng giấy, không được thấy bài ấy.

CVI

THẢ BÈ

Kim-Đài, Hy-Cao và Cửu-Cai mạo hiểm thả bè vượt biển, lênh đênh trên mặt biển trải 6 ngày đêm, mới tấp vào bể Phan-thiết. Lên bải vào bờ được, thì xớ rớ bị người làng nọ túm, may khỏi việc gì (lúc đi một bè 6 người, 3 người lục tỉnh, đến đấy mới chia đi riêng). Nhưng từ đó không dám đi cùng một ngã, Kim Đài, Hy-Cao thì trở ra phía bắc Trung-kỳ, Còn Cửu-Cai thì vào trong lục tỉnh.

Cửu-Cai vào Saigon, ngụ khách sạn nọ, rủi đâu nhà chủ ấy bị người ta cáo mua đồ lậu gì đó, linh

cảnh sát đến soát khám, thấy Cửu-Cai người lạ mặt, hỏi lai lịch, nói người Trung-kỳ vào trong nầy làm giáo-tập... bèn giải về Trung-kỳ. Tàu về đến Tourane dẫn vào sở nọ, có người nhận diện, Cửu-Cai biết không chối được bèn khai thiệt là tù Côn-lôn, bị giải trở ra đảo, có gởi cho anh em bức thơ, trong có câu :

« *Trên mặt nước lênh đênh trải qua 6 ngày, gần như không biết cái thân mình là gì, đến Phan-thiết lên bờ, lại gặp vô số sự nguy hiểm, may mà không việc gì. Không ngờ trong sự tỉnh cờ, lại bị bắt lại* ».

波 間 六 午, 幾 乎 無 身, 潘 切 重 來, 又 逢 萬 險, 幸 得 無 事, 不 謂 偶 然 之 中 又 罹 此 無 妄 之 災 也.

Cửu-Cai lại đảo được vài tháng thì Hy-Cao cũng bị bắt giải ra.

CHUYỆN TRỐN CỦA MẤY NGƯỜI QUỐC SỰ PHẠM

Như trước đã nói, hòn đảo Côn-lôn, chung quanh đều biển bao bọc, trốn thì dễ mà trốn thoát được về trong đất rất khó. Tuy khó mặc dầu, nhưng tù trốn vẫn kế tiếp nhau, nhứt là những án 20 năm và chung thân, nên nhà đương cuộc cũng cho trốn là phận sự của kẻ tù xem như việc thông thường.

Duy có tụi quan to quốc-sự-phạm, ít dám làm sự mạo-hiểm ấy. Kể trong khoảng 13 năm đồng

thời với tôi ở ngoài đảo, trước có nho San, sau có Dật-Trúc, Nguyễn-Bao, trốn ra ở vùng rừng mấy ngày rồi bị bắt lại ; đoạn giữa có Kim-Đài, Hy-Cao và Cửu-Cai trốn thoát về đến trong đất rồi sau cũng bị bắt trở ra thế thôi. Song về đoạn lịch-sử trốn của 3 bạn sau này có lắm chuyện thú, lược-thuật như dưới :

Nguyên Kim-Đài, Hy-Cao và Cửu Cai đều là án chung-thân, cái ngày mãn về đã không có mà cái ngày ân xá cũng chả biết là ngày nào, nên hoài-bảo chí trốn đã sẵn. Nhân vài năm được ở ngoài, người làm thợ may, người làm đồi mồi, có chắt lót được món tiền, mới sắm được tài-liệu và thuê người đốn cây làm bè, mưu cùng 3 người tù lục-tỉnh làm việc mạo-hiểm ấy (1918).

Sự trốn thoát đảo Côn-lôn lên bè ra biển không cần phải thuật, đây chỉ nói chuyện khi đã về trong đất do các bạn thuật lại :

Lời Cửu-Cai :

« Sau xuống bè nhờ gió ra khơi rồi, lênh đênh trên mặt biển, trên trời dưới nước, chiếc thân như cái lá dính trên cánh bèo, tha hồ gió sóng đưa đi đâu thì đưa, trải 5, 6 ngày, đồ ăn vẫn còn không đói lắm nhưng nước ngọt đem theo đã gần kiệt, phải hạn chế chỉ ngậm từng ngụm để thấm giọng chớ không ai được uống nhiều, nên nghe khát khó chịu. Nước biển mặn vẫn không uống được, nhưng mỗi lần nghe khát, hai tay nắm thành bè, nhúng

mình xuống nước cho ướt cả thì nghe thơ được chục phút, nữa giờ, hễ khát thì làm như thế, để dành nước ngọt lại, vì đã 4, 5 ngày trời biển mênh mông, chẳng thấy gì cả, 6 anh em trên bè, ai nấy đều tuyệt vọng, nằm xuôi tay chưn, tinh chắc làm mồi cho cá mập chớ chả mong gì nữa.

« Đến ngày thứ sáu vừa tảng sáng, trông thấy núi và đất liền, cách xa bè mình trên 1 cây số. Ôi thôi ! ai nấy đều chợi dậy, kẻ chèo người chống, dầu khí lực đã kiệt mà như có sức mạnh ở đâu đưa đến, ai nấy đều làm việc rất hăng hái. Khốn nỗi càng gần bờ bao nhiêu thì sóng cứ xô ra bấy nhiêu, không sao vô được. Mãi tự buổi mai đến chiều mà không sao vô được.

«Trong lúc thấy cái đường sống đã ở ngay trước mắt mà không sao đi đến, mong thấy người nào trong đất gọi cứu mà không thấy ai. Một đều lạ là thỉnh thoảng có một đôi chiếc ghe đi ngang đó mà kêu mấy, chúng vẫn giả đò không nghe cứ đi thẳng không thèm ghé lại gần. Sau nột quá, nghỉ một độ lâu, rồi cả 6 người cùng nhau chống một hồi, vào tận bờ được, ai nấy đều như con mèo đói, áo quần đem theo đều nhộm nước biển, phăng vào trong núi gần đó, nằm liệt, không biết nơi đó là xứ nào.

« Một đều lạ là vào nằm trong núi, màn trời chiếu đất mà ai nấy nằm ngủ một giấc như chết, không biết trời đất gì cả, mải đến sáng bửa sau mới giậy, tò mò làm bọn chim ghe vào xóm

xin nước uống, khi ấy mới biết ở đó là làng... huyện... thuộc tỉnh Bình-thuận. Hỏi thăm thì ở bải biển lên đến đường xe lửa đi gần 1 ngày.

« Sau vào một nhà nọ, mua gạo nấu ăn và phơi quần áo, mấy ông làng nghe có bọn chìm ghe, tới hỏi đầu đuôi, nguyên trong bọn lục tỉnh có một người trước có làm việc phòng giấy..... có đem theo một tờ giấy chữ tây có dấu Tham-biện, đưa ra trình, bọn làng cho ở đó ăn uống.

«Đoạn, ra đi, 3 người lục tỉnh rẻ đường lên miền mọi giả làm bọn mua heo, về lục tỉnh; còn 3 anh em chúng tôi, khi ấy bàn thầm nhau, nếu đi chung một đường, e không khỏi nguy hiểm, lộ thành tích ra, bèn chia nhau đi riêng, khi chúng tôi đã mua được 3 cái giấy thuế thân. Tôi, Cửu-Cai có quen biết trong Nam, tôi vào Nam-kỳ, còn Hy-Cao Kim-Đài đi ra miền ngoài, từ đó ai đi đường nấy.

« Tôi vào Nam làm thầy giạy học giả người buôn trầm quế, v. v. nay đây mai đó, thỉnh thoảng có gặp người quen. Một bửa trọ nhà tên khách nọ, họa đâu đưa đến, đêm ấy có Cảnh sát và ông Cò tới xét a-phiện hay rượu lậu gì đó, thấy tôi người lạ; hỏi, tôi khai người Trung-kỳ, bèn túm luôn đem về bót, rồi cho giải về Trung-kỳ. Khi tàu đến Tourane, lên Tòa bảo người nhìn, tôi biết không chối khỏi, bèn khai thiệt tù trốn ở Côn-lôn. Thế là giải tôi trả lại Côn-lôn. Còn Hy-Cao và Kim-Đài thì nghe đã sang Tàu ».

Trên là lời thuật của Cửu-Cai (Cửu-Cai năm 1908

trốn đi nơi nầy nơi khác đã mấy năm, sau bị bắt giam ở Nghệ lại trốn, rồi bị bắt lại, đày ra Côn-lôn lại trốn, lại bị bắt. Kể lịch-sử trốn của bác nầy lúc trẻ cũng là tay trải).

Cửu-Cai trở sa Côn-lôn được mấy tháng thì thấy Hy-Cao lại bị bắt giải ra.

Dưới nầy theo lời Hy-Cao :

« Sau lúc ở làng... được vô sự, ăn uống no, quần áo phơi ráo và sạch sẽ ra cái dạng con người : 3 người lục tỉnh cùng trốn với chúng tôi, họ tếch lên miền Mọi, còn 3 anh em Cửu-Cai, Kim-Đài và tôi cũng ra đi, nhưng đi đâu bây giờ ? Chúng tôi bèn băng vào rừng nghỉ đặng cùng nhau tính bước đường sau nầy :

Chúng tôi cùng bàn :

« Chúng ta cùng là bọn tù trốn, thế nào sớm muộn cũng có trát nả khắp nơi. Trời đất dầu rộng mà đối với chúng ta rõ hẹp. Nếu cả 3 anh em cùng kéo nhau rền rền đi một chòm, không khỏi có điều nguy hiểm, vì khó trá hình giả dạng được. Vậy cầm như ở giữa trận giặc, ai lo tự cứu lấy thân nấy, sau có nơi nào đứng chưa yên ổn, sẽ gặp nhau lại, bằng nay thì phải rẽ nhau, mỗi người đi một ngã may ra mới tránh được...

« Sau một lúc bàn tính kỹ càng, Cửu-Cai trước, có ra vào lục tỉnh quen thạo trong ấy thì đi vào trong Nam ; còn Kim-Đài và tôi thì ra lần mấy tỉnh ngoài Trung-kỳ rồi lần ra Bắc. Cửu-Cai tếch,

thế là 6 bọn cùng trốn, chỉ lưa có 2, là Kim-Đài với tôi, còn lẫn quanh miền Bình-thuận

« Ai cũng biết người Nghệ-Tịnh Nam-Ngãi chúng tôi vào làm ăn trong Nam, và miền Nam Trung-kỳ vẫn đông, ngoài hạng quan lại, thông ký, có thầy giáo, thầy thuốc, thầy số cùng các nhà buôn bán, có kẻ đã có nhà cửa cơ-nghiệp, thường thường đối với người quê hương đồng xứ có mối cảm tình, ai là người quê hương gặp nhau, không cần quen biết, cũng đối đải tử tế. Chúng tôi mới dò tìm hỏi thăm, có ông đồ hay ông lang xứ Nghệ nào ở gần đấy, tò mò tìm đến, tự xưng là người Nghệ vào Nam kiếm nghề làm ăn, rồi lần vào Phan-thiết.

« Đi trở về Bắc mà lại vào Phan-thiết, có hơi trái đường, nhưng vì một lẽ là chúng tôi cần sắm một ít bộ đồ ăn mặc cho bảnh để tiện việc giả trang.

« Nói cho phải, cũng nhờ có học và biết chuyện đời đôi tý, nên gặp thầy thuốc nói chuyện thuốc, vào nhà thầy giáo nói chuyện sách và văn, gặp người nói chuyện làm quan hay gặp người nói chuyện cách-mạng, chúng tôi cũng theo cái « ca » mà ứng thù theo thói đời, nên được trôi chảy cả.

« Sắm đủ đồ quần áo bảnh thì ở Phan-thiết nghe đã có trát nã tù trốn Côn-lôn. Chúng tôi dông ngay, định dông ra Bắc.

« Nói « dông ra Bắc », đừng tưởng đi là tới liền đâu ? trải từ Bình-thuận đến Thanh - hóa, chúng tôi gặp biết bao nhiêu trường hợp dỡ cười

dỡ khóc, lúc rủi lúc may, ở trong có lắm chuyện thú mà không đời nào quên :

« Lúc ra Phan-rang, qua một chiếc đò, khi đò gần tới bờ, thấy trên bờ có một viên quan và 2 tên lính bưng trắp và xách điếu, đương đứng chờ đò. Tôi thoạt trông thấy, nhìn biết vị quan ấy là một người đồng xứ ngày trước. Thừa lúc hành khách xôn xao, tôi nghiêng mặt lẹ chưn bước, không biết ông ấy có thấy mình không, song hồn vía tôi khi ấy đã lên trên mây, dầu là tôi cố giữ thái-độ tự nhiên ! Đi một đoạn mấy cây số, nói lại cho bạn Kim-Đài nghe, bạn le lưỡi và rùng mình.

« Phải biết hai anh em cùng đi mà chúng tôi thường đi cách xa, lúc ở đậu một nơi thì người trọ ở thành phố, người vào nhà quê, chớ không đi chung, chỉ trong ngày gặp nhau tại nơi có hẹn trước.

« Khi ra Bình-định, Kim-Đài trọ một khách-sạn dưới cửa Giả, còn tôi dông vào nhà quê, cốt tìm người đồng xứ. Hỏi thăm có thầy giáo Nghệ ở làng nọ, tôi tới, cùng ngồi nói chuyện quê-hương và hỏi tên họ. Ông ta nói họ Ngô... ở làng Trảo-nha, Hà-tịnh.

— Vậy ngài là một họ với cụ thị Ngô phải không ? Tôi hỏi.

— Vâng. Thầy trả lời.

— Vậy ngài có biết cụ Nghè Ngô-đức-Kế ?

Thầy ta nghe nói cái tên « Ngô-đức-Kế », biến liền sắc mặt và nói :

— Tôi biết cụ Thị khi cụ làm Thị-lang ở Huế, còn ông Nghè thì tôi chưa biết đến mặt ông nữa, và cũng một họ mà nhánh xa, ông là Ngô-đức... còn tôi là Ngô-xuân...

«Nghe giọng thầy nói, tôi biết là người không có gan ruột, uống nước trà rồi, tôi từ đi, định tìm một người khác, nhưng rủi đâu, vừa tới ngỏ thì thấy trong nhà xôn xao đông người, hỏi thì họ nói ông ta mới chết vợ, bữa nay đương làm đám. Thế là ngày đó đi vất vả một bữa. Có khi vào nhà quê lỡ tối, vào ngay nhà bên đường ngủ trọ một đêm, dầu nhà chủ không bằng lòng, cũng nằm liều rồi sáng ra đi, chớ biết sao ? (lúc đó nhà quê còn dễ dàng, không có sự bắt bớ, xét hỏi như cuộc 1929-1930 về sau, mà trong mình chúng tôi cũng có sắm đủ đồ giấy tờ hộ thân).

« Ra Quảng-ngãi chúng tôi làm thầy thuốc, mua một ít hoàn thuốc thời khí và dầu khuất thần, bạc hà, quế, trầm v.v.. đem theo, có vào nhà một thầy Tổng già. Cũng nhịp tình cờ, gặp nhà thầy có người con đau. Lạ gì có người đau mà được có thầy thuốc ở đâu trời đưa đến, thầy ta mừng rỡ, mời ở lại làm thuốc cho con thầy.

Chúng tôi đem cái gói « cẩm-nang » có mấy vị trầm mài cho uống và dầu thì thoa bóp, may sao vài giờ đồng hồ, cậu bé đương mê man mà bỗng tỉnh lại, giậy ăn cháo, rồi khá lần...

Thầy trò tôi ở đó 2, 3 ngày. Nực cười có một

bữa, thầy, chủ cùng ăn cơm, thì có linh phủ cầm trát về. Thầy dở trát xem thì trong ấy nói có tù Côn-lôn trốn, nên có trát châu-tri hễ ai thấy dị dạng thì bắt v. v...

« Thầy ta nhận trát và nói: tù Côn-lôn thì ai biết hình dạng chúng nó thế nào mà bắt ? phần nhà đương có con đau.., nói thế rồi nhận trát cho cậu trai về. Đoạn, thầy đọc trát kể mấy tên tù trốn thì rõ là cái tên.....

«Bữa đó, cũng ngồi ăn cơm mà chúng tôi ăn mất ngon. Nhân con thầy chánh cũng đã khá, ăn xong, chúng tôi từ đi, thầy ta có trả tiền thuốc được mấy đồng bạc. Chúng tôi dông tuốt ra Quảng-nam.

« Ra Quảng-nam, Kim-Đài thuê một chiếc đò ở Faifo ra Tourane đi Ngủ-hành làm cách chơi sang. Còn tôi vào thẳng trong miền Thăng-bình Quế-sơn tìm người quen. Vì thân-sĩ Nam Nghĩa với Nghệ Tịnh, cái dây liên lạc của nhà nho đã mấy đời, nên đối với thầy đồ Nghệ Tịnh, nhà quê vẫn không lạ lắm. Tôi trổ nghề nhà nho ra nói chuyện thi văn... Ở ít ngày, làm thuốc được nhiều ít hành lý, chúng tôi ra Huế.

«Ở Huế mấy ngày, chúng tôi ở một cái nhà trong thành, giả một vị quan nhỏ ở tỉnh ngoài vào lo bổ, phô với nhà trọ : nay vào cụ nầy, mai vào bộ kia. Kỳ thực là hỏi thăm người củ, nhưng không gặp ai ; sợ ở lâu lòi mối, chúng tôi tuốt một mạch ra thẳng Thanh-hóa.

« Từ Huế ra Nghệ, chỉ ngủ trọ nhà xe điền, rồi đi, không dám vào đâu một bước. Đều nực cười là ở mấy tỉnh trong thì trông gặp người quen, mà đi ngang Nghệ Tịnh thì sợ gặp người quen, như sợ cọp.

« Một chuyện nên thuật, là khi tôi sang đò Lam-giang, vào cái tiệm bên đường uống cà-phê, chợt thấy người em vợ tôi đi ngang trước đường. Tôi liền ngảnh mặt vào phía trong và lấy khăn giả lau miệng, mà kỳ thiệt là che mặt, vì sợ nó thấy mình mà nhìn người quen một cái là nguy to !

« Ra đến Thanh-hóa, trọ nơi quán cơm ở tỉnh một bửa, rồi vào nhà quê, lên tuốt trên miền thượng-du làm thuốc. Ở miền nầy lâu đến mấy tuần, nhờ làm thuốc kiếm tiền hành-lý. Làm thuốc trên miền thượng-du, lại có kiếm được một ít trầm, quế Thanh, lộc nhung, v. v... Chúng tôi định ra Bắc rồi sang Tàu. Nhưng nghe nói sau cuộc Duy-tân và tấn kịch Thái-nguyên, đường ngoài khám xét nghiêm mật, không thể đi lọt được. Chúng tôi lại dông vào đường phía Nam một vòng nữa.

« Lần nầy chúng tôi định dông tuốt vào Nam-kỳ, sau bán được quế, trầm, giác, trong lưng đã sẵn đồng tiền, thôi thì cứ đi đường hết xe điền thì xuống ghe, đi luôn một nước, không dám xớ rớ ở miền Trung-kỳ như trước.

« Vào Nam, chúng tôi vào trọ nhà khách trú kề bến tàu, hỏi thăm cách các chú đi Tàu. Vì Kim-Đài

trước đã đi về con đường Hương-cảng — Saigon, nên thạo lối đó. Chúng tôi kiểm trong túi còn được trên trăm bạc, thuê người đầu bếp dưới chiếc tàu Anh, người ấy nhận bỏ chúng tôi đi dấu dưới tàu. Thế là chúng tôi sang Tàu. Chim sẩy lồng mà bay bổng trên đường mây, khoái thích biết bao !

« Sang Hương-cảng rồi lên Quảng-đông, ngựa quen đường cũ, đi đâu do Kim-Đài chủ trương, tôi khỏi lo, duy có cái nguy là trong túi kiệt xu. Chúng tôi vào nhà thờ Lưu-vĩnh-Phúc yết cụ Tán-Đông Nguyễn-Thuật rồi nương náu ở đó mấy bửa.

« Ngục Côn-lôn thoát được, biển mênh mông cởi bè qua được, con đường trong nước chông gai, đi lại vẫn vô sự, đường ra nước ngoài nghiêm mật, cũng có lối phăng bửa. Duy có cái túi kiệt xu, rỏ nó bó cẳng còng tay không thể cụ cựa, mới buồn bực làm sao !

« Ở Quảng-đông vô sự, nghe Tôn-trung-Sơn đương trú dinh ở tỉnh Quảng-đông, Hồ-hán-Dân làm Tổng-thư-ký. Tôi đã nghe tiếng Hồ là tay lãnh-tụ cách-mạng Tàu, có cảm tình với cụ Sào-Nam và bọn cách-mạng ta, tôi bèn đưa danh thiếp vào yết kiến.

« Hồ tiếp kiến anh em chúng tôi, trong lúc trò chuyện bút đàm, chúng tôi thuật rõ tình trạng vượt ngục Côn-lôn và đào nạn thoát thân, muốn sang Thượng-hải và Hàng-châu tìm cho gặp Sào-Nam tiên-sanh là người lãnh-tụ đảng mình, nay

nhân tiện đây muốn vào ra mắt Tôn-trung-Sơn v. v...

« Hồ nghe đoạn lịch-sử của chúng tôi, có vẻ cảm động, nói : phải lúc thong thả, tôi sẽ đưa hai ông vào yết kiến Tôn-trung-Sơn, nhưng hiện nay việc quân-sự bận rộn nhiều. (Tôn-trung-Sơn chống với bọn quân-phiệt Bắc và Trần-quýnh-Minh). Tôn không có thì giờ tiếp chuyện, sẽ đợi nhịp khác.

« Nói thế, rồi Hồ đưa ra 200$ tiền chúng tôi, nói : « cũng là bọn cách-mạng, các ông thoát ngục ra đây, tất là hành tư không có, tôi giúp cho... gọi là... »

«Anh em chúng tôi một hai từ, nhưng ông ta nói: « chính tôi đây làm cách-mạng trên 20 năm, đi đâu thì nhờ đó, chớ trong túi không có đồng nào. Nếu trong túi nhiều tiền, lại không làm được cách-mạng, cái đó không phải là khách-tình ».

« Chúng tôi cảm ơn và từ ra, thế là cái may, chúng tôi không đi kiếm tiền mà tình cờ được tiền, chúng tôi mới định đi Thượng-hải.

« Chúng tôi sắp đi Thượng-hải thì Kim-Đài lại gặp Phan-bá-Ngọc là con cụ Phan-đình-Phùng, xuất dương theo cụ Phan-sào-Nam đã mấy năm; ra xứ lạ mà gặp được người quen, thôi vui mừng còn nói gì nữa. Chúng tôi hỏi thì Phan nói ở Hàng-châu về, nhân có cụ Mai-lão-Bạng đương bị giam ở Quảng-đông (bị Long-tế-Quang bắt giam với cụ Sào một lần, mà chưa được tha). Phan cầm thơ của cụ

Sào gởi cho nhà đương cuộc Quảng-đông, xin tha cho cụ Lảo-Bạng v. v...

«Mà thật, bửa sau thì thấy Bá-Ngọc dẫn cụ Lão-Bạng cùng gặp chúng tôi, thế là chúng tôi cùng đi Thượng-hải.

« Chính lúc ấy tôi đã nghe phái đông học đã có người về thú, mà những người ấy thân với Phan-bá-Ngọc. Khi đi cùng tàu, tôi có hỏi dọ thì Bá-Ngọc nói : đó là người Pháp muốn dò tình hình của người Nhật, nên bọn này cũng lợi dụng chớ còn đối với bọn mình không có ý gì.

« Vì ở ngoài đã lâu, vì ăn nói thông thạo, tỏ ra người có học vấn kiến thức, lại con nhà giòng giỏi. Thực tôi không có lòng nghi cho Phan-bá-Ngọc, dầu là nghe những tin kia, nhưng tôi cũng nói đùa và cười một câu : chúng mình đã liều chết vượt ngục, lại trải bao nhiêu gian hiểm mới ra đến đây, nay ra đây lại được gặp người đồng hương đồng chí, thì có sao nữa chúng mình cũng không cần.

«Đến Thượng-hải, cùng trọ một khách sạn trong tô-giới Anh, để sáng đi Hàng-châu thì đêm ấy bị cảnh sát Pháp tới bắt tôi, Kim-Đài Lão-Bạng, lại có một người khách nữa.

«Mấy bửa, chở bọn tôi về Hanoi. Kim-Đài ở Hỏa-lò bị đau, từ trần ở đó, còn tôi trở ra Côn-lôn lại.

« Chém cha cái số hoa đào, gở ra rồi lại buộc vào như chơi », thế là trải bao nhiêu công khó nhọc mà tù Côn-lôn lại hoàn còn tù Côn-lôn ! »

CVIII

Người đời lưu-lạc, ai không có lòng mến nước nhớ nhà. Song việc đến không làm sao được, lâu ngày cũng nguôi nguôi lần. Ở trong cái cảnh «không làm sao được » như cảnh ở tù, Ngày qua tháng lại, lâu rồi thành quen, gần như nhận cảnh tù làm cái làng thứ hai, cái đó vẫn không lạ. Song nếu có điều gì cảm xúc thì cái mối tình mến nước nhà xứ sở tự nhiên nảy ra mà không sao ngăn được ; nhứt là khi trong bạn đồng tội hoặc hạn mãn, hoặc được ân xá ra về, thì người ở lại đối với cảnh ấy trong lòng nảy ra trăm mối ngổn ngang, không sao hình dung được.

Nguyễn-Quân Chỉ-Tín, năm 1908 cùng thân sĩ Thanh-hóa bị hạ ngục, năm 1909 đày ra Côn-lôn, 5 năm mãn về ; năm 1915 bị tình nghi vào vụ tạc đạn ở Hanoi, lại bị đày ra Côn-lôn một lần nữa, vài năm lại mãn về. Nguyễn-quân vì thông Tây văn có chưn thông ngôn, lần đầu ra làm việc phòng giấy Gardien Chef ; lần thứ hai lại được giay con tây, ở tù mà hưởng được cảnh nhàn dật, chữ tây thật có ơn to thay !

Tôi mang cái án chung thân, cũng tính chôn xương ngoài đảo, trong lòng không oán hận gì. Sau được cải hạn xuống án 13 năm, cùng vui lòng tự an ủy. Song chính mình thấy Nguyễn-quân hai lần đày ra lại hai lần trước mình về, bể thẳm cồn dâu,

trải qua trước mắt Ma-cô (1) mà tấm lòng cây đá cũng nghe có chiều cảm xúc. Tôi có bài thơ đưa Nguyên-quân :

老 我 窮 荒 獨 坐 遲
多 君 重 到 復 先 歸
風 塵 閱 慣 身 猶 是
家 國 情 深 痛 自 知
時 不 再 來 宜 惜 日
肱 經 三 折 合 知 醫
當 年 親 友 如 相 問
壯 志 猶 存 鬢 髮 衰

Nằm rục cồn hoang tớ mỏi mê,
Ngươi hai lần đến trước ta về ;
Phong-trần kiếp trải còn nguyên đấy,
Nhà nước tình sâu nghĩ xót ghê !
Xuân một lần qua thời đáng tiếc,
Tay ba phen gẩy thuốc nên nghề.
Bà con có hỏi nhờ thưa hộ :
Lòng vẫn còn non tóc trỗ hoe.

CIX

Lan cỏ cùng bừa, ngọc đá cùng cháy, ấy là cái thảm họa trên đời thường có, mà nhứt là trong cảnh tù lại quen thấy luôn. Vì có một sự biến cố gì xảy ra thì cái lụy dây dưa có nhiều người mang phải mà không chỗ tránh.

Ở đảo, sau ông O. Coonell bị triệt, chánh-sách khai phóng lại thay đổi mà hồi-phục lại chế-độ bó buộc cay nghiệt như ngày trước, trong tù đã tỏ

(1) Ma-cô 麻姑 trong sách Thuyết-dị nói Ma-cô tuổi nhỏ đã 3 lần thấy bể cạn.

ra vẻ thất vọng. Sau có quan Tham-biện Andoand lại, chánh-sách đối đải trong tù lại càng nghiêm thiết bội phần (1918-1920).

Ông nầy cụt một cái tay mặt, người ta nói trước làm quan Thương-chánh, trong trận Âu-chiến về tùng quân phải đạn bị cắt cánh tay mặt, nên chỉ có một tay (ông ta viết bằng tay trái mà viết chữ đứng rất tốt). Trong tù gọi là « ông lớn một tay ». Đối với tù rất là nghiêm khắc, động một chút gì là phạt rất nặng, mà nhất là đối với bọn tù chung-thân thì kẻ hầm, người xiềng, không mấy người khỏi. Vì thế, khám tù chung thân mới diễn ra tấn kịch « liều chết bạo-động » đó là ngày mồng 4 sau tết âm-lịch kỷ-vị (1918).

Thường lệ ngoài đảo, mỗi năm tết nguyên-đán âm-lịch, nghỉ việc 3 ngày, cho tù ăn chơi 3 bữa, cửa phòng mở toang, cho tù ra sân và nơi hiên hàng ba, hoặc hát bội, hoặc cờ bạc chơi thả cửa, trưa và tối vào khám, 3 ngày ấy cũng được chơi như thế là lẽ thường và đã thành thói quen, cũng là cái đặc ân trong tù vậy.

Năm ấy, chơi ba bửa tết rồi, đến ngày mồng 4, các sở làm ngoài đều cắt đi làm như thường. Còn khám tù chung thân, thì cho đập đá sau bagne.

Bửa ấy tôi cùng các tù sở ruộng làm xâu gặt lúa ngoài bàu sen, cách xa bagne độ trên một cây số. Chiều chiều độ 2 giờ, bọn tù đang cồi trần mình gặt lúa tham-đứng dưới bàu sâu, bỗng nghe trong bagne có tiếng súng nổ dữ dội kế tiếp không dứt,

như là hai bên đánh nhau; bọn tù đều tỏ vẻ kinh hải, mà bọn cai và lính coi sở đó, cũng biết trong bagne có sự biến xảy ra. Cai và lính bèn hạ lệnh thôi việc cắt lúa, bắt cả sở ruộng đều tụ lại một chỗ, không được rục rịch, đứa nào chạy xớ rớ sẽ bị bắn.

Chúng tôi xúm ngồi một chỗ trên bờ bàu, vẫn nghe tiếng súng từng hồi, hơn cả giờ đồng hồ mới vắng.

Đến 5 giờ chiều, cai và lính mới dẫn chúng tôi sắp hàng đôi kéo về bagne. Vừa đến nữa đường thì gặp quan Chánh cùng vài chục lính sơn đá ra đón. Trước hỏi người cai :

« Bọn tù nầy yên lặng ».

Cai trả lời : Bẩm yên lặng.

— Cho dẫn về.

Sau nghe nói ngày ấy các sở đi làm ngoài, đều có lính đi đón như vậy.

Về đến bagne, vào trong sân thì thấy xác chết nằm ngổn ngang, máu chảy thành đống, mắt không dám ngó, cửa phòng mở ra, nhốt chúng tôi vào trong ; bữa chiều ấy nhân sự biến đó, nhà bếp không nấu cơm, nên các tù đều nhịn đói. Trong bọn quốc-sự-phạm có ông Tú Phạm-cao-Chẩm (Quảng-nghĩa) và ông Nguyễn-trọng-Thường (con cụ Tán-Thuật) ở chung trong khám chung-thân nên bị chết lây.

Tấn kịch khởi nghịch (révolte) nầy, nguyên bọn tù chung thân có mấy người anh chị làm chủ động. Trong lúc đập đá, cầm búa đập đá thừa nhịp bất ý

đập người Mata coi sóc đó và người Cai coi kho ở sát bagne mà dựt súng (giết được 2 người). Tay đã có súng bèn bắn nhào Gardien, nhưng không trúng.

Nghe tiếng kiểng đổ báo hiệu, quan Chánh, Gardien Chef, quan hai và Gardien, sơn đá tới đông, Quan chánh truyền lệnh bắn vào trong sân bagne, hễ tên tù nào chạy đi xớ rớ đều bị bắn. Trừ có bọn tù làm bếp trốn núp trong nhà bếp, ngoài ra bọn chung thân có 80 người đều chết dưới viên đạn sơn đá, dầu là trong có nhiều người không biết việc gì, chỉ lo trốn mà cũng không khỏi chết. Trận biến nầy có lẻ là tấn kịch lớn trong tù Côn-lôn, và năm sau, quan Chánh bị tên tù giết, đó là một cớ.

CX

Ở ngoài đảo 13 năm, chính tôi thấy cuộc đại biến trong tù có 3 lần, không kể chuyện tù giết lẫn nhau là chuyện thường :

1) Ông Gardien Chef O-ra bị tù giết.

2) Tấn kịch tù chung thân bạo động (2 chuyện nầy đã thuật trước).

3) Tên bồi quan Hai bắn quan Tham-biện Audoand.

Vụ Audoand xảy ra, tôi cùng mấy người thư-ký và lon-ton đang ở trong phòng giấy, có người ký-lục Tây cũng ở phòng liền đó. Phòng giấy cùng dinh quan Chánh cũng ở một vườn, cách dinh ấy độ 60 thước tây. Chúng tôi đương làm việc, bỗng

nghe trên dinh quan Chánh có tiếng súng nổ luôn 3, 4 phát. Người ký-lục truyền lệnh đóng cửa phòng giấy lại, bọn chúng tôi đều nhốt trong phòng, không rỏ ở ngoài có việc gì, chỉ nghe có tiếng tên bếp quan Chánh la lớn :

« Boy Lieutenant tirer Directeur » ! một chốc mở cửa, thì thấy quanh dinh quan Chánh, nơi tam cấp cữa sau ở phía phòng giấy, nào quan Hai, nào Gardien Chef, Gardien và sơn-đá cùng mata, lại có quan thầy thuốc, đều đến đứng chật, có Infirmier đem bông đến băng. Chúng tôi cũng bước lại gần xem, thấy quan Chánh và tên bồi nói trên, mình đầy cả máu và nằm gần nhau, chính ở cữa trên bậc tam cấp, người ta nói tên bồi ấy bắn quan Chánh mấy phát, thấy chết rồi, quay súng lại tự bắn mình mà chết luôn tại đó. Khẩu súng ấy chính là súng của quan Hai treo ở nhà mà tên bồi kia ăn cắp để làm việc hung bạo ấy.

Sau xét ra tên bồi nầy có bị quan Chánh phạt xiềng mấy lần mà y cho là oan, căm lòng tức giận. Vã lại, tấn kịch bạo động của bọn chung thân mà 70, 80 người chết, trong có bạn bè của y, thừa nhịp ăn cắp súng mà làm việc báo cừu nầy.

Án nầy phát ra, rung động cả trong đảo tù, có nhiều người tình nghi bị bỏ giam hầm kín; sau ở Saigon có phái quan ra điều tra, thì rỏ vụ nầy do thù oán mà ra, và tên hung thủ đã chết rồi, nên không mấy người liên lụy như án ông Chef O-ra trước.

CXI

Tôi sang làm xâu nhà vô-tuyến-điện ở Cô-ông, gánh cát, khiêng đá, làm thợ hồ, rành công việc nặng độ hơn 1 năm (1918), vừa gặp phòng giấy quan Chánh cần người thư ký, lại được lệnh bổ sung chức ấy.

Nguyên lúc ấy có mấy người tù trong Nam, thông chữ tây, các việc trong phòng giấy đều về bọn ấy chiếm cả. Song bọn ấy có 2 người phạm tội gian mạo bị phát lộ, bị phạt, không được làm nữa. Trong đám Gardien biết « tụi quan to » quốc-sự-phạm nhiều người thiệt thà, tôi lại có đoạn lịch-sử làm việc nhà giấy Gardien Chef mấy năm, nên được sung vào chưn thư ký nói trên.

Tôi làm đó hơn nữa năm, chuyên chép công văn thơ trát và sổ « bôn » sổ « phạt ». Trong việc thơ từ phiên dịch cùng lối văn việc quan, có biết nhiều ít là nhờ khóa học mấy tháng trong trường thiên nhiên ấy. Nhân đồng làm việc đó có tên Ch. y giỏi chữ tây, được quan trên yêu, có ý lăng nhục, tôi nghĩ không làm việc chung với nó được, nên xin từ chức vào làm sở ghế-mây.

CXII

Trong tù phạt có nhiều cách nặng nhẹ, như phạt tiền công mấy ngày, xiềng một chưn (chaine simple), xiềng đôi (chaine double) xiềng đạn (chaine

à boule), bỏ hầm (cellule). Kỳ hạng phạt từ 1 tháng, hoặc 15 ngày, 10 ngày, 8 ngày, 4 ngày, tùy lỗi nặng, nhẹ; đã bị phạt thì ngày phạt đó trừ tiền công.

Tôi ở tù trên 10 năm, không bị phạt lần nào. năm ấy ở sở làm ghế mây, anh em đun nước trà uống, bị Gardien signaler, bị phạt 8 ngày xiềng đôi (chaine double) tôi có bài thi :

1) 藤工隊裏日隨班
足下何來鉄兩環
曾十年餘無一響
行聲今日忽珊珊

Ngày thường sở ghế vẫn làm quen,
Xiềng cột hai chưn sắt có khoen.
Mười mấy năm trời nghe vắng vẻ,
Chưn đi nay có tiếng leng keng.

2) 彊權世界理無公
筆力輸他鉄力雄
造意若容陶冶手
也應鑄爾作青鴻

Cường quyền nào kể lý bao nhiêu,
Ngòi bút mềm thua sắt cứng nhiều,
Lò tạo nếu dung tay thợ khéo,
Thử đem mầy đúc lưỡi gươm deo.

CXIII

Nguyễn-Quân Siêu-Tùng có tánh nghiền rượu, được làm chưn Khán-hộ ở nhà thương, ngày

đêm được ở ngoài, thường mua rượu uống say, cao đàm hùng biện, khi say thì trong con mắt xem trời cũng nhỏ. Thấy tôi hay nghiện thi, gọi tôi là « thi cuồng ». Tôi bảo : Thi cuồng không hơn tửu-loạn sao ? Nhân tặng Nguyễn-quân một câu làm kỷ-niệm :

生來紙百頁，太半塗鴉，筆挾霜鋒，幾度興來狂我舞.
眼前酒一罇，便揮談麈，杯傾滄海，甚時渴到亂君吞.

Xấp đời trăm giấy, bôi hình quạ nữa phần, bút nhuộm hơi sương, mấy lúc hứng lên cuồng tợ múa.

Trước mắt một chung, hươ đuôi nai nói khoắc, chén nghiêng dốc biển, mỗi lần khát đến loạn người say.

CXIV

Ở Bắc-kỳ có mấy người án biệt xứ (interné), như ông Trần-Thúy (Cát-thành), Nguyễn-triệu-Trung (Phụng-xuyên), Nguyễn-Thiệp và Nguyễn-huy-Tiễn, lúc đày ra Côn-lôn, được ở ngoài buôn bán làm ăn và được đem vợ con theo. Khoảng các ông nầy ra đảo, may gặp lúc chánh sách khai phóng của ông Tham biện O. Coonell, các ông người mở tiệm buôn, người làm nghề đổi mồi, gởi hàng Bắc ra bán, tiêu lộ hưng vượng một lúc. Ông Trung và ông Thiệp có hùn vốn với chúng tôi, một dảy 3 cái tiệm « politiques » chiếm phần phong

lưu hơn cả các tù khác. Sau ông O. Coonell bị triệt về, tôi cùng My-sanh, Tập-Xuyên, Phong-niên đều bị vào khám đi làm xâu các sở. Mấy tiệm buôn đó chỉ còn mấy người Bắc-hà coi sóc, thành mấy ông ấy được hưởng phần phong-lưu cho đến ngày mản về.

Khi 3 ông Cát-thành, Tú-Trung và Thông-Thiệp về đều mang một số tư-bản khá. 3 ông ấy về, tôi có bài thi tặng :

1) *Tặng ông Cát-thành :*

一爆轟轟特地催
窮荒憔悴剩生涯
初心本爲同胞起
壯志那因一對頹
鄉國恩深教責重
風塵苦盡帶甘來
濃山珥水逢迎處
爭指崐崙絕嶺回

Đất bằng tiếng sét dễ ghê hồn,
Cùng đảo mà lưa kẻ sống còn.
Vì bạn đồng bào chung việc nghĩa,
Há nhân một vấp nguội lòng son.
Nhờ ơn đất nước thành mang nợ,
Hết đắng phong trần đến lúc ngon.
Sông Nhị núi Nồng khi gặp gỡ,
Trầm trồ trăm miệng « khách Côn-lôn ».

2) *Tặng ông Nguyễn-triệu-Trung :*

辜負催人不暫閒
五年挈眷此窮山
災於無妄何須棄
言到同心不辨蘭
辛苦別饒佳貺在
江山剩帶笑容還
歸來談到羈囚史
夜夜焚香送炸丸

Vì nợ bầy nên nhọc cũng cam,
Mang nhà ra đảo khổ năm năm ;
Cái tai vô-vọng cần gì thuốc,
Lời nói đồng tâm ngắm rất thơm.
Cay đắng còn lưa sanh thú chán,
Non sông về thấy tiếng cười rôm ;
Ngày sau học chuyện ky tù nọ,
Hảy đốt vàng hương tống quả bom ! (1)

3) *Đưa ông Thông-Thiệp :*

北南同罪卽爲朋
痛癢相關又一層
豈有孔方長我愛
不妨劇界讓人登
浮萍散聚情無限
絕島歸來價倍增
更有一椿談柄好
逢人先說廣鴻興

(1) Vì tình nghi chuyện bom.

Vẫn phường đồng tội Bắc và Nam,
Đau ngứa cùng nhau trải mấy năm. (1)
Há có thần tiên yêu tớ mãi,
Tha hồ sân khấu nhượng người xem. (2)
Cánh bèo tan hiệp tình lai láng,
Tuyệt đảo đi về giá bội thêm.
Một chuyện gặp người nên nhắc lại :
« Quảng-Hồng-Hưng » ấy hiệu đồng tâm.(3)

CXV

Tôi cùng cụ Thai-Sơn, cụ Tập-Xuyên và ông Nghĩa-Bình đều án « déporté » không có kỳ hạn. Ra đảo 5 năm thì có giấy tư ra được ân giảm xuống cải hạng 13 năm khổ sai (năm 1913). Chúng tôi chắc rằng vài năm sẽ có lần ân giảm thứ hai nữa. Nhưng ngóng trông đã lâu không có tin gì, đến sau trận Âu-chiến (1919), nước Pháp được thắng trận. Lúc ấy tôi ở phòng giấy Tham-biện, giữ việc sao lục văn thơ, thấy có tờ tư của chánh phủ Trung-kỳ gởi lại, trong có hỏi bọn tù quốc-sự Trung-kỳ ở ngoài đảo, tánh hạnh thế nào, có người nào nên tha, nên giảm v. v... Quan Chánh ngoài đảo có tờ phúc đại lược nói bọn tù quốc-sự Trung-kỳ ở ngoài đảo, trải 10 năm nay đều giữ phép làm công việc đền tội không đều gì quá phạm, đáng hưởng đều luật ân xá v. v.

(1, 2) Ông Thiệp hùn vốn vào tiệm buôn với tôi cùng ông Phong-thử. Sau chúng tôi vào khám, tiệm ấy do ông coi sóc đến ngày ông về.

(3) Quảng-Hồng-Hưng là tên hiệu buôn.

(Tụi quốc-sự-phạm ở Côn-lôn về lớp quan to chúng tôi, so với tù khác, thật là hiền lành hơn nhiều, không mấy người bị phạt. Tôi ở phòng giấy Gardien Chef chính ghi chép sổ phạt, và lúc ở phòng giấy Tham-biện, cũng ghi những nốt của tù. Về các bọn tội khác, những việc đánh lộn, chơi bời, cờ bạc, gian điêu, không ngày nào không có, mà tụi quốc-sự-phạm không mấy người phạm tội ấy. Mỗi người tù có tấm ảnh riêng ở phòng giấy, mỗi lần bị phạt thì ghi vào cái ảnh, có nhiều tên ghi sự phạt đầy cả tấm phít ấy ; mà những tấm ảnh của tụi quốc-sự quan to, nhiều cái được trắng bong, không có bị phạt, có chăng trong 10 năm có vài lần bị xiềng thôi. Quan Tham-biện muốn khảo sát tánh hạnh tù, bằng theo tấm phít ấy, nên bọn quan to được đứng vào hàng tánh hạnh tốt).

Tôi được cái tin quan trên tư xin tha, có gởi thơ cho anh em báo tin mừng, trong có câu :

« *Chim nhạn có thơ, đầu quạ không lâu sẽ được trắng* 鴈足有書，烏頭不日將白矣... ».

Anh em được nghe tin ấy, ai nấy mừng thầm. Ai ngờ chuyện mừng chưa đến, bỗng tiếp được cái tin sét đánh, buồn bực làm sao ! ấy là tờ tư của chánh-phủ Trung-kỳ tư ra, đại lược nói : Phàm quốc-sự-phạm ở Trung-kỳ đày ra Côn-lôn, những án chung thân mà được giảm cải hạng 13 năm, thì kể từ năm được giảm đó làm đầu, còn bao nhiêu năm đã ở tù trước ngày giảm đó đều không kể....

Ngoài đảo tiếp được tờ tư ấy, trên đính bài của chúng tôi, trước kia ghi « 1921 thì mãn » (kể 1908-1921 tức đủ 13 năm), nay đều đổi ghi lại đến 1927 mới mãn. Ôi thôi ! lãnh cái đính-bài mới đổi hạn ấy, ai nấy cũng ngó mặt nhau mà lắc đầu, tỏ bộ sẳng sốt như sét đánh ngang trán, tưởng trên đời không có lúc nào có cái sự buồn bằng cái buồn lúc ấy. Người xưa nói « đường đi trăm dặm, đến 99 dặm rưỡi mà chưa được nữa đường », rỏ là tỏ cái tình cảnh của chúng tôi lúc ấy.

Vì sự buồn ấy, tôi xin từ việc phòng giấy ra làm sở ghế mây, và cùng anh em làm đơn nhờ quan Tham-biện gởi về quan Toàn-quyền, quan Khâm-sứ Trung-kỳ xin tha khoản « kể theo năm giảm » nói trên...

Quan Tham-biện có lời phủ ủy nói bên Tây không có cái luật lạ đời như thế, mà ở Đông-dương thì Nam Bắc-kỳ cũng không có điều luật ấy. Duy độc ở Trung-kỳ có cái luật « kể từ năm giảm mà xóa cả những năm ở tù trước », ngài sẵn lòng đệ đạt những đơn của chúng tôi.

Năm ấy tôi lại xin ra làm sở đổi mồi, là cái xâu cuối cùng của tôi tại đảo Côn-lôn.

CXVI

Tôi cùng Phan-quân My-sanh (Phong-thử) đồng một án. My-sanh có người con dự cuộc Âu-chiến, lưu học bên Pháp, có đơn gởi về các nhà đương

cục bên nầy kêu oan cho cha. Nên My-sanh cũng cải hạng 13 năm, mà ở được 11 năm, có giấy ân xá được về trước tôi 2 năm. Tôi có đưa hai bài thi :

1) *Bài ngủ ngôn* :

別 是 銷 魂 物
分 襟 況 獄 中
去 留 今 日 異
辛 苦 十 年 同
海 濶 舟 臨 岸
天 高 鶴 出 籠
倚 閭 猶 有 母
一 見 笑 顏 紅

Cái biệt, ghê hồn nhỉ !
Phương chi giữa cảnh cùng.
Ở, về chia khác ngã,
Cay, đắng lẫn mười đông.
Biển rộng thuyền gần bến,
Trời cao hạc thoát lồng.
Mẹ già cùng thấy mặt,
Dựa cửa thỏa lòng trông.

2) *Bài trường thiên* :

歐 潮 東 來 撼 亞 陸
千 年 祖 國 沉 地 獄
堂 堂 八 尺 男 子 身
熱 血 壹 漲 難 自 縮
囘 憶 當 年 夢 壹 場

暗 室 何 來 壹 線 光
旱 地 忽 然 靂 霹 起
呼 號 奔 走 舉 國 南 北 紛 若 狂
躍 力 微 弱 壓 力 猛
荆 棘 盈 途 正 路 梗
妖 雲 壹 網 四 面 張
商 會 學 堂 盡 泡 影
孤 島 邇 來 餘 十 秋
故 國 河 山 頻 囘 頭
奄 奄 豈 是 惜 壹 死
只 恨 滿 腔 懷 抱 當 日 未 能 施 半 籌
黃 金 歲 月 去 何 速
顧 影 蹉 跎 愁 髀 肉
何 期 剎 後 碩 果 存
又 與 河 山 見 面 目
歸 矣 乎 風 塵 閱 盡 見 眞 吾
閉 門 長 謝 空 談 儒
著 著 踏 下 實 地 去
東 隅 已 逝 看 桑 榆
臨 風 一 曲 心 如 烘
舉 頭 四 望 水 濛 濛
君 不 見 雙 翼 鳳, 六, 翮 鴻,
縱 籠 一 出, 咫 尺 之 外 皆 蒼 空

Theo điệu « lục bát gián thất »

Sóng Âu hải truyền sang đông Á,
Xót nước nhà lấp khỏa dưới ao sâu.
Thân trai tám thước mày râu,
Một bầu tâm huyết lẻ đâu ngồi nhìn ?
Giấc mê mộng trải nghìn năm bẳng lẳng,

Phòng kín đâu tia sáng bỗng soi vào.
Đất bằng tiếng sét xôn xao,
Khắp người trong nước, hô hào như say.
Sức nhảy kém sức đè càng nặng,
Trên đường đời lắm chặng gian nan.
Tư bề bủa lưới mây dàn,
Hội buôn trường học, bóng tan bọt chìm.
Cảnh tù tội mười năm Côn-hải,
Tàng quay đầu ngẫm lại non sông.
Vẫn cầm cái chết như không,
Chưa nên một việc, tấm lòng chưa cam.
Ngày tháng cứ xăm xăm đi chóng,
Thịt-vẽ non ngẫm bóng thêm buồn !
Trời đông trái lớn vần còn,
Mặt mày lại gặp nước non lần nầy.
Cái « ta » dã trải đầy gió bụi,
Về phen nầy từ tụi nhỏ ngông.
Bước đường chắc chắn sẽ dong,
Buổi mai đã hỏng, hẵn trông buổi chiều.
Ca một khúc chín chìu ruột nóng,
Trông tư bề ngọn sóng mênh mông.
Kìa xem chim phụng chim hồng,
Đường mây thẳng cánh, ra lồng bay cao.

CXVII

Nguyễn-quân-Cầu (cử Giản-Thạch), Nguyễn-cảnh-Lâm (tú Phật-Tích) và Trịnh-đình-Lưu (y sanh), người Bắc-hà, án 5 năm đày ra Côn-lôn, ra sau chúng tôi mà về trước. Cả 3 bạn khi về đều

có bài thi lưu biệt anh em (không nhớ nguyên văn), anh em có họa vận đề tiễn :

Bài thi của tôi và lời dẫn :

痛哉人之無國，豪傑不免囚奴；
黯然別之銷魂，留去同斯感慨。
況僵蓋於窮海荒山之際，且分襟於凄風苦雨之中。

脾生肉以自愁
血滿腔其未洒
頃承惠柬
倍觸幽衷
聊此續貂
竊思附驥

鴻泥留爪，謹誌吾儕半生文字之緣。
魚釜好音，用當古人三疊陽關之曲。

自崖遠矣
翹足俟之
詩如左

DỊCH : *Xót thay người không nước, kẻ hào-kiệt mang kiếp tội tù ; buồn rứt biệt ghê hồn, cảnh về ở đồng cơn cảm khái.*

Huống gặp chắc giữa núi hoang biển thẳm, và rẻ nhau trong gió thảm mưa sầu.

Vế sanh thịt mà thêm rầu,
Máu đầy lòng mà chưa xỏ,

Vừa xem thơ biệt, vội xúc lòng riêng.
Bèn nối đuôi thiều,
Mong nương gót ngựa,
Vết hồng trong tuyết, ghi bọn ta cái duyên văn tự nữa đời,
Nồi cá đưa tin, học người xưa, xướng khúc Dương-quan ba đội (1)
Từ bờ xa vậy,
Ngóng cẳng trông theo.

Họa vận đưa bạnGiản-Thạch :

1) 長 夜 漫 漫 滯 曙 輝
妖 雲 成 陣 滿 空 飛
幾 回 呵 壘 吟 哀 郢
又 此 中 泥 賦 式 微
馬 齒 催 人 頻 顧 影
蟬 聲 到 枕 一 沾 衣
登 山 臨 水 無 窮 意
客 與 塞 秋 一 度 歸

Đêm dài dặc dặc sáng còn lâu,
Mây trận mây đen kéo mịt mù. (2)
Ai-sính ngâm bài kêu vách hỏi, (3)

(1) Nồi cá (kinh-thi : 誰能烹魚,溉之釜鬻誰能西歸懷之好音.

(2) Chỉ cuộc Âu-chiến cùng việc Duy-tân và Thái-nguyên.

(3) 哀郢 Là bài của Khuất-nguyên, Khuất nạt vách hỏi trời.

Thức-vi phú khúc giữa bùn sâu (1)
Dục người, ngựa nọ càng thêm tuổi (2)
Khuấy giấc, ve kia cứ gọi sầu (3)
Lội nước trèo non lòng bát ngát,
Khách về một độ bạn trời thu.

2) 煌 煌 震 旦 掛 朝 暉
歐 野 羣 龍 戰 血 飛
爭 競 劇 場 千 態 出
蒼 茫 故 土 隻 身 微
凌 霄 鴻 鵠 遲 霜 翮
玩 日 鰕 蝣 愛 雪 衣
君 去 焚 香 祝 華 拿
擘 空 催 促 國 魂 歸

Biển đông chói dọi trỏ vừng hồng,
Khắp nội trời Âu nhuộm máu rồng. (4)
Tranh-cạnh trường đua trăm vẻ mới,
Mịt mù nước củ cặp tay không.
Mây cao hồng hộc đương nuôi cánh,
Ngày vắn, phù-du cứ chuốt lông.
Hoa, Nả, người về hương đốt vái,
Gọi mau hồn nước có về không !

(1) 式微 Kinh thi : có câu « sao lại ở trong bùn » 胡爲乎泥中.

(2) 馬齒 Nói tuổi nhiều.

(3) Lạc-tân-Vương có bài thi ở trong ngục nghe ve kêu.

(4) Lúc ấy đương trận Âu-chiến.

Họa vần đưa Tú Cảnh-Lâm

3) 瓊 宛 名 花 偶 一 簪
盧 名 貽 誤 到 如 今
石 人 當 下 無 情 淚
玉 女 誰 窺 造 物 心
絕 壑 風 濤 孤 鶚 立
寒 山 雷 雨 老 龍 吟
蒼 茫 別 況 君 須 記
千 載 成 連 海 上 音

Đóa hoa vườn Ngư dắt bên trâm,
Mang cái hư danh rõ sự lầm.
Đá cứng còn rơi giòng lệ nóng,
Ngọc nên dám chắc ý trời chăm.
Hố cao chim né nghiêng mình đứng,
Núi lạnh rồng có cất tiếng ngâm.
Cảnh biệt lạnh-lùng ngươi nhớ lấy:
Đờn Thành-liên, mấy kẻ tri âm. (1)

4) 一 登 金 馬 便 投 簪
狂 眼 雙 開 閱 古 今
擬 化 億 千 身 救 世
寧 知 八 九 事 違 心
河 山 惹 蔚 猶 佳 氣
天 地 風 塵 獨 苦 吟
凄 絕 窮 荒 分 手 處
鍾 儀 琴 曲 尚 南 音

(1) Bá-Nha học đờn với Thành-Liên, ông ta đem ra ngoài biển vắng vẻ dạy đờn, khi biệt về, Bá-Nha gẩy khúc thủy-tiên thành khúc hay tuyệt điệu.

Kim mã (1) *lìa trâm bỏ vỡ tuồng,*
Ngẫm xa cặp mắt rõ như cuồng.
Đã đành muôn kiếp lo đời đấy,
Hay nỗi trăm đều trái ý luôn!
Ngui ngút non sông lưa khí tốt,
Gió giông trời đất chỉ ngâm suông.
Chia tay góc biển tình lai láng,
Một khúc nam âm chất khối buồn. (2)

Họa vần đưa Thọ-Đơn Trịnh-đình-Lưu

5) 百 鍊 神 丹 不 記 冬
輸 生 可 肯 受 人 籠
誰 知 病 國 殷 需 藥
不 在 葫 蘆 預 貯 中
痊 重 窮 山 雲 似 猶 紅
秋 歸 舊 井 橘 心 如 鐵
憑 君 鍊 到 無 不 若 逢
到 處 應

Trăm luyện đơn thần chẳng kể năm,
Mình sanh lông cánh dễ ai cầm. (3)
Ngỡ cơn nước bệnh cần nên chửa,
Mà thuốc bàu tiên sắm chửa nhằm.
Núi quanh mây đen hơi độc nặng,
Giếng xưa quít đỏ tiết thu đầm. (4)
Trông ngươi rèn đúc lòng như sắt,
Gặp cảnh đâu đâu cũng thuận giằm.

(1) Kim-mã là cửa quan sang.
(2) Chung-Nghi người nước Sở, bị nước Tần bắt bỏ tù, ông ta gẩy đờn theo tiếng nước Sở là không quên gốc.
(3) Thọ-Đơn chuyên nghề làm thuốc. Bài thi Châu-Hy nói việc luyện đơn có câu «ban ngày sanh lông cánh 白日生羽翰».
(4) 橘井 Điển thầy thuốc.

CÚNG ĐƯA 3 BẠN TRÊN CỦA HY-CAO

6) 黑幕乾坤入暮輝
覆巢越鳥向何飛
山河刼運人才塞
世界強權舌力微
恨海未填精衛石
國喪猶著瑪尼衣
送君鄭重焚香祝
故國魂兮早早歸

Màn tối trời đêm phủ bốn bên,
Ô tan, chim việt biết đâu chen!
Non sông kiếp mạt nhân-tài kém,
Thế-giới quyền to sức lưỡi hèn.
Tinh-vệ đá chưa đền biển giận,
Mã-nê áo vẫn giữ băng đen ; (1)
Đưa người sẵn đốt chùm hương vái :
Hồn nước mau mau gọi lại liền.

Đưa Phật-Tích

7) 南冠有客箜篌朋
涕淚天涯輒哭今
鐵鑄謂何當日錯
玉成容或老天心
軒昂孤鶴層雲立
蟄伏羣龍萬壑吟
獨坐蒼茫送知己
滿天雷雨怒潮音

(1) Mã-chí-Nê, một tay danh-nhân Ý-đại-lợi, ngày thường bận áo thâm để tang cho nước.

Trong tủ hợp bạn bói như lời,
Giọt lệ thiên nhai vẫn khóc đời.
Sắt đúc ngày kia thành chữ thác, (1)
Ngọc nên trời chẳng phụ lòng người.
Tầng mây hạc đứng trông côi bóng,
Vực thẳm rồng ngâm động khắp nơi ;
Quạnh quẻ chắc mình ngồi tiền bạn,
Sóng reo giậy biển sấm rung trời.

Đưa Thọ-Đơn

8) 脾肉蹉跎閱幾冬
奴圖未脫又囚籠
君家翕赫王侯種
祖國淪沉醉夢中
身世莫嫌雙鬢白
血誠猶貯滿腔紅
憑君嘔釀風雲氣
刮目相看後會逢

Thịt vế ta đà trải mấy lâu,
Khuôn nô chưa thoát lại vòng tù!
Vương hầu rầm rột con nhà giống, (2)
Túy mộng âm thầm nước tổ đau.
Chớ ngại tóc sương phơi khắp mái,
Vẫn lưa huyết đỏ chứa đầy bầu.
Gió mây gắng sức gây nên chuyện,
Chống mắt cùng trông gặp hội sau.

(1) Câu đời Lục-Triều «nhuộm sắc 6 châu đúc thành chữ thác 聚六州之鉄鑄成壹錯字» nghĩa là hỏng việc. Hy-Cao trốn bị bắt lại nên nói thế.
(2) Trịnh-quân, con cháu giòng chúa Trịnh.

CŨNG ĐƯA 3 BẠN TRÊN CỦA CỤ THAI-SƠN

Đưa Giản-Thạch :

9) 緇 塵 愁 殺 謝 玄 暉
愛 國 深 慚 亞 刺 飛
冤 似 海 深 嫌 力 淺
事 如 天 大 覺 身 微
熱 心 人 盡 憂 黃 種
恨 史 君 應 記 赭 衣
回 首 東 隅 猶 可 挽
商 音 一 曲 送 將 歸

Bụi đen họ Tạ chán trò đời, (1)
Yêu nước bi đâu tướng nước Ai. (2)
Sức cạn, oan ghê sâu quá biển,
Mình con, việc khổ lớn hơn trời.
Giống vàng đều gánh cơn lo cả,
Áo thắm người ghi mối giận dài. (3)
Ngãnh lại vừng đông còn kéo được,
Thương-âm một khúc gọi đưa người. (4)

Đưa Phật-Tích :

10) 也 有 花 枝 不 當 簪
塵 纓 偶 著 矧 茲 今

(1) Câu thi Tạ : 京洛多風塵,素衣化爲緇 nhiễm bụi áo trắng hóa đen.
(2) A-Lạp-Phi danh tướng nước Ai-cập.
(3) 赭衣 áo đỏ đời xưa dùng bận cho bọn tù.
(4) Thương-âm là tiếng mùa thu.

武 寧 自 昔 多 奇 氣
文 學 知 君 匪 夙 心
劍 馬 馨 香 扶 董 跡
山 河 愛 寐 月 江 吟
綠 林 老 矣 青 衿 弱
誰 鑄 新 軍 唱 越 音

Nhành hoa không thích đã lìa phăng,
Lỡ vướng giầy trần lụy nhố-nhăng.
Nỗi tiếng Vũ-Minh nhiều khí lạ, (1)
Chán nghề văn học biết lòng hăng. (2)
Đền Phò gươm ngựa hương ngui ngút,
Bến Nguyệt non sông mộng dìu dăng. (3, 4)
Rừng lục già, tràng xanh lại trẻ, (5)
Việt âm quân nhạc xướng nên chăng ?

Đưa Thọ-Đơn

11) 坐 我 窮 荒 十 二 冬
也 無 佳 句 當 紗 籠
矧 斯 縷 縷 千 端 集

(1) Vũ-ninh xưa là tỉnh Bắc-ninh nay, có tiếng nhiều người khí tiết.
(2) Phật tích-quân thích mặt giang-hồ kiếm-hiệp không thích văn học.
(3) Vũ-ninh có miếu Phò-đồng Thiên-vương.
(4) Lý-thường-Kiệt đánh Tống, quân đến sông Như-nguyệt (Bắc-ninh) nằm chiêm bao nghe câu thần mếch : 南國山河南帝居...
(5) Lục lâm chỉ bọn kiếm-hiệp, thanh khâm chỉ bọn văn nhược.

寫 入 寥 寥 數 語 中
靈 邑 秀 源 瀘 水 碧
君 家 恨 血 杜 鵑 紅
(quên 2 câu)

Mười mấy năm nay giữa biển không,
Thi hay đâu đáng lụa the lồng (1)
Trăm đều dồn dập lòng đương chứa,
Mấy chữ đơn sơ nói chẳng cùng.
Linh ấp nguồn thiêng giòng nước bích,
Nhà ngươi huyết giận máu quyên hồng,
. . . . . .

Cũng đưa 3 bạn trên, Siêu-Tùng có bài thi quốc-ngữ tiễn chung có vẻ thoát-sáo :

12) *Tiền nhau đây mới thật vô duyên,*
Không biết ai về bụng nhớ quyên ?
Họa chẳng theo vần thi bỏ láo,
Uống không sợ phép rượu thằng điên. (2)
Non sông ai đó phường hào-kiệt,
Sách vở nào đâu chữ thánh hiền ?
Buồn rứt nghỉ ra không muốn viết,
Giấy tôi còn trắng mực còn đen.

---

(1) Vương-Bá đời Đường lúc hàn vi ở ăn nhà chùa nọ bị bọn thầy tu hất hủi, đề câu thơ trên vách bỏ đi, sau làm quan sang lại chùa ấy, thấy câu thi của mình được the lồng tử tế.

(2) Siêu-Tùng nghiện rượu.

CXVIII

HAI CỤ GIÀ ĐỜI CỰU ĐẢNG CẦN-VƯƠNG

Người củ đảng Cần-vương đày ra Côn-lôn, Tiểu-La tiên-sanh là một tay học-thức kinh-nghiệm, tân-cựu đồng-nhân đều tâm-phục. Tiên-sanh lúc Cần-vương mới 23 tuổi mà làm chức tán-tương, có tiếng « quân-lữ » xuất sắc đời ấy, đến khoảng tân-học nầy chủ-trì đại cuộc, trù hoạch nhiều thiệt-trước, hai cụ Phan đều tôn như bậc thầy — đã kể chuyện trước — khi mất ở Côn-lôn mới 46 tuổi.

Thứ nữa thì Trần-trọng-Cung (đồ cát) ở Bắc-hà, người rất thành-phác thuộc chuyện đời Cần-vương như một bộ sử trong bụng, cũng là người ít có. Cũng chết ở Côn-lôn lúc 50 tuổi.

Đến sau mấy năm có 2 cụ già đời Cần-vương trên 70 tuổi mà đày ra Côn-lôn, rõ là việc không ai tưởng đến.

Ấy là cụ Nguyễn-thiện-Kế và cụ Lãnh-Đạt.

Cụ Nguyễn-thiện-Kế là em cụ Tán-đông Nguyễn-thiện-Thuật (đồng thời với cụ Tán-Bắc Nguyễn-Cao), cụ Thuật làm tán-tương trong cuộc Cần-vương, trước có cọng-sự với Lưu-vĩnh-Phúc. Sau ông Tôn-thất-Thuyết trốn sang Tàu, cuộc Cần-vương tan, cụ sang Tàu với Lưu-vĩnh-Phúc. Cụ sang Tàu rồi, bà con nhà đều trốn vào rừng, cụ Kế thường qua lại thăm anh, còn ở trong nước thì dấu tên họ làm ông già bán thuốc bắc. Cả nhà cụ Tán đều tan tác theo việc quốc-sự cả — con là Tuyền và Thường đều chết vì việc nước — cụ Kế làm nghề bán

thuốc bắc, đi lại đất Tàu trên 30 năm không ai biết.

Mấy năm, có phong-triều đông-học, thiếu-niên sang Tàu nhiều, có người nghi cho cụ là người dẫn đường, nhà mật-thám lưu-ý. Một ngày nọ cụ bị bắt ở hàng phố nọ trong khi đi bán thuốc hoàn, thuốc tán, lúc ấy tuổi cụ đã trên 70. Lúc cụ bị bắt giam, lấy mẽ chai mỗ bụng toan chết theo ông Nguyễn-Cao, nhưng có người cứu khỏi chết, bị đày ra Côn-lôn, trong tù gọi là cụ Thất.

Ông Lãnh-Đạt là bộ tướng của cụ Phan-đình-Phùng, cuộc tan, ông trốn qua Xiêm, người ta dò xét, nên ông bị bắt đày ra Côn-lôn. Tuổi trên 70, song còn mạnh, chỉ thuộc chuyện củ, không hiểu thế-giới mới nầy ra sao. Ông có một câu nói tình thế lúc cụ Phan-đình-Phùng ở trong núi rất đúng sự thực :

« Lúc bấy giờ cụ bíu lấy chúng tôi — như Cao-Thắng, Nguyễn-Chành v. v. — vì không chúng tôi thì lấy ai ra đương trường súng đạn. Mà chúng tôi cũng bíu lấy cụ, vì không cụ thì nhân-tâm có ai nghe theo, có ai giúp lương-thực... Nhờ bíu nhau đó, thầy trò chúng tôi kéo dài được nhiều năm, đến cụ chết mới tan, chớ lúc quân triều ra tiệu, chưa đánh được trận nào cả...

Sau tôi về vài năm, nghe 2 cụ được tha về. Tù Côn-lôn kể 2 cụ nầy rõ là đền Linh-quang nước Lỗ vậy. (1)

(1) 魯靈光殿巋然獨存 đền nầy có tiếng là cổ nhứt nước Tàu, trải nhiều cuộc dâu bể mà vẫn còn.

CXIX

Tấn-kịch xin thuế năm 1908 đày ra Côn-lôn trước sau gần 50 người, — không kể mấy vụ sau — trừ mấy người chết, còn thì lục tục được tha về. Duy tôi cùng mấy cụ Thai-Sơn, Tập-Xuyên, Nghĩa-Bình, Siêu-Tùng còn ở lại sau. Đến lúc 4 người tôi về thì Siêu-Tùng còn ở lại (án 20 năm) và mấy anh em khác ra sau. Tôi có 2 bài thi lưu dãn :

1) 十載歸腸熱欲煎
忽聞歸信倍凄然
辛酸飽閱囚中況
遲暮無妨烈士年
累劫河山餘碩果
半空紙頁補前編
君看苦海船臨岸
依舊人羣担上肩

Về chăng ? mười năm những ước ao,
Được tin về, lại bực giường nào !
Mùi tù đã nếm cay chua đủ,
Lòng trẻ không phiền tuổi tác cao.
Mấy kiếp non sông lưa sống sót,
Nữa đời giấy trắng bổ phần sau. (1)
Ngươi xem bể khổ thuyền vô bến,
Vai nợ bầy kia chực chất vào.

(1) Tiên-triết có nói : người sống trăm năm như tập giấy trắng 100 tờ. Có làm được việc tốt như tập chuyện hay, làm bậy thì như đem tập giấy mà vẽ cua vẽ cào còn không làm gì thì tập giấy trắng hoàn tập giấy trắng, tức là đời thừa.

2) 催 人 羣 負 鎖 相 隨
不 許 蹉 跎 臥 一 涯
羊 牧 十 年 同 北 海
鳥 巢 千 古 此 南 枝
幽 叢 招 桂 長 吟 處
空 谷 尋 蘭 獨 往 時
畢 竟 熱 腸 當 一 洒
青 山 青 史 也 相 宜

Nợ bầy đeo đuổi dục bên người,
Chả để nằm yên xó góc trời.
Biển bắc dê cùng chăng mấy độ (1)
Nhành nam chim sẻn ổ muôn đời (2)
Rừng sâu vời quế ca xăng xái (3)
Hang thẳm tìm lan dạo thảnh thơi (4)
Rút cục máu lòng cần chỗ dốc,
Sử xanh núi biếc rưới cùng nơi (5)

---

(1) Tô-Vũ đời Hán đi sứ Hung-nô bị tù, chăn dê ở biển bắc mười chín năm.

(2) Cổ thi : Chim Việt ổ nhành Nam 越鳥巢南枝.

(3) Bài ca chiêu Ẩn-sĩ : quế sanh lùm trong núi thẳm 桂樹叢生兮山之幽.

(4) Cỏ lan sanh trong hang kín, không ai biết là cỏ thơm 蘭生幽谷.

(5) Thi nhà danh nhân cận đại Tàu :
男兒抱熱血, 百年待一洒, 一洒夫何處, 青山與青史.

CXX

Về tàu có bài trình mấy anh em đồng thuyền (lần nầy tôi về cùng cụ Thai-sơn, cụ Tập-Xuyên và cụ Nghỉa-Bình là 4 người) :

窮 島 三 千 里
羈 囚 十 二 春
同 去 二 十 七
同 歸 惟 四 人
杜 宇 聲 中 國
沙 虫 刼 後 身
鬚 眉 猶 昨 日
何 以 報 吾 民

Mười hai năm tù ngục,
Ba ngàn dặm bể khơi.
Cùng đi hai mươi bảy,
Cùng về chỉ bốn người !
Tiếng quốc hồn đương bận,
Mình sâu cát chửa vùi.
Nợ bầy sao trả đặng,
Mày râu khỏi hổ ngươi.

CXXI

Về đến Saigon, ngụ phòng Bót nhứt đợi tàu, có dẫn đến sở chụp ảnh lại. Ở Saigon 3, 4 ngày, dạo thành phố chơi xem, không khác gì đi tới một xứ lạ, người đông như kiến mà chả có ai là người quen biết. Bồng trong đêm dạo lên bờ sông, tôi cùng cụ Tập-Xuyên đương trò chuyện, thì trước

mặt thấy một người quen là ông Nguyễn-chỉ-Tín (ông Nguyễn 2 lần đày Côn-lôn mà về trước chúng tôi độ trên vài năm), ngó nhau cùng cười, không khác gì như trong giấc chiêm bao. Nguyễn-quân mới dắc lên khách sạn, cùng nhau uống trà và kể chuyện, mới biết ông ta hiện làm rể cụ Cử Lương-ôn-Như (1), cụ Cử cư trú ở Nam-vang có hiệu buôn lớn, ông ta sang đó dinh thương, nay xuống Saigon mua hàng.

Lúc ấy bọn chúng tôi còn bận đồ tù — khác là đồ tù vải xanh mà chúng tôi đã giặt trắng — ông ta mới cùng người quen biện sắm cho mỗi người một cái áo « civil » và một cái mủ. Tôi có đọc 14 chữ để tỏ ý cảm bội :

風塵換我南冠色
豪興傾君北海樽

Nam quan đổi tớ màu tù sầm,
Bắc hải nghiêng ngươi chén rượu hào.

Đến ngày sau lại gặp bạn Trần-ma-Sơn, Nguyễn-nhụ-Khanh cùng ông Phan.. là bạn quen ngày xưa, rỏ là việc tình cờ không tưởng trước.

CXXII

MỘT BÀ GIÀ ÍT CÓ

Người ở đời có trải qua cái cảnh cùng sầu ưu lạc mới nhìn thấy cái thân mình ở trong

6) Cụ cử Lương-văn-Can là một nhà Hán học trứ danh ở Bắc-hà, bọn tân đẳng phần đông là học trò cụ, Lương-lạp-Nham là con cụ.

khoảng trời cao đất rộng, có vẽ độc tôn ; đồng thời nhờ trải qua cảnh ấy mà sau mới biết câu nói của người xưa « mới gặp nhau như bạn củ, giao trọn đời như người lạ 傾蓋如故, 白頭如新 » là câu nói rất đúng với thế tình.

Ở Saigon vài ngày, tôi vào một tiệm may đặt may cái áo, thấy người chủ tiệm là một bà lảo trên 70 tuổi, mà bọn thợ may rành là thiếu niên có 4, 5 người, đều là người ở Nam, Nghĩa ; nghe tôi nói tiếng Quảng-nam, cứ theo hỏi thăm, tôi nói thực ở Côn-lôn mới về, chúng càng tỏ ý ân cần hỏi cho được tên họ. Tôi thấy lòng thiệt thà, nói thiệt tên họ. Bữa sau tới trả tiền lấy áo, thì bà lảo dọn một tiệc bánh trà cùng đải và tặng một bộ quần áo mát. Bà nói :

« Trước kia ông Phan-châu-Trinh ở Côn-lôn về, thường qua lại tiệm tôi. Tôi không biết ông, song đã tầng nghe cái tên lại là bạn với ông Phan. Tặng ông vật mọn để làm vật ghi nhớ thế thôi ».

Bà lão nầy cũng hiếm nhỉ !

CXXIII

VỀ ĐẾN CỬA HÀN (TOURANE) THẤY NÚI NGŨ-HÀNH

Tàu về đến cửa Hàn thì đã có linh cảnh-sát đem thuyền ra dẫn vào sở cảnh-sát, đêm ngủ tại

đó. Sáng ngày dẫn đi chụp ảnh một lần nữa. Nghỉ đó một đêm, sáng ngày dẫn ra Huế.

Tính từ ngày 15 tháng 8 năm Mậu-thân (1908) ở cửa Hàn xuống tàu đi Côn-lôn, nay ở Côn-lôn về cửa Hàn vào tháng 2 (quên ngày), năm Tân-dậu (1921). Cách biệt núi Ngủ-hành đã trên 12 năm (tổng số 13 năm mà có ở lao tỉnh nhà 5 tháng). Biệt lâu cùng thấy nhau như gặp bạn cũ, tấm lòng cảm xúc, nhân có bài thi :

萍 蹤 流 落 路 三 千
重 許 行 山 認 夙 緣
石 記 名 藍 碑 未 老
金 題 御 塔 字 猶 鮮
惱 人 苦 海 浮 沉 際
遲 我 河 山 錦 繡 年
十 載 相 思 今 一 見
擬 拋 塵 慮 學 參 禪

Ba ngàn dặm thẳng cánh bèo trôi,
Ngỡ Ngủ-hành-sơn lại thấy người.
Đá khắc chùa danh bia chửa lợt,
Vàng đề bút ngự chữ còn tươi.
Bể oan đã chán cơn chìm nổi,
Sông núi đương ngong nét vẻ vời.
Cách mặt mười năm nay lại gặp,
Trần duyên vứt quách thử tu chơi.

CXXIV

Ở Hàn một đêm, sáng ngày lính cảnh sát dẫn lên xe hỏa ra Huế, vào phòng quan tòa Liêm-phỏng,

vừa bước lên thang lầu thì thấy quan đầu tòa Liêm-phỏng đã đứng sẵn đó. Quan đầu tòa nầy là ông Sogny, lúc tôi giam ở bót Faïfo thì ông làm quan Một, thường ra vào nhà giam có biết tôi, nên vừa chúng tôi bốn người vào, ông vừa nhìn tôi và bảo : Ông bạn già 1908 !

Ngồi yên, ông nói : Lần ân xá nầy, Nam-triều viện theo lệ mới, lấy năm được giảm làm đầu thì các ông còn 5 năm nữa mới được về. Nhưng ông nói với quan Khâm-sứ không theo lệ mới, nên các ông được về sớm.

Đoạn, cho lính dẫn chúng tôi sang Hộ-thành và yết các cụ lục bộ, rồi sang đây yết quan Khâm, xong lấy giấy xe về nhà.

Chúng tôi sang Hộ thành, ở đó 2 ngày, vào yết các cụ, các cụ hiểu mấy câu « Triều-đình đã ân xá, các ông nên hồi quán an nghiệp », chúng tôi cám ơn và lui ra.

Trong 2 ngày đó, chúng tôi ra dạo thành phố, ai đi tìm người quen nấy. Thềnh thoảng mới gặp một vài người, còn thì có quen mà họ cũng giả bộ ngơ ngác, như sợ mình đến đem họa tới cho họ, thành chúng tôi không vào nhà nào.

Kể tôi biệt kinh thành Huế năm 1905, nay 1921 mới thấy lại một lần, quang cảnh khác xưa. Có bài thi chí cảm :

廿 年 又 此 到 京 華
城 滿 樓 臺 路 滿 車

綺 陌 春 橋 新 植 柳
琼 林 秋 老 舊 時 花
緇 塵 隊 裏 衣 難 素
紅 拍 聲 中 日 易 斜
只 剩 香 橋 明 月 好
炤 人 蓬 鬢 夜 來 過

Hai mươi năm lại đất Thần-kinh,
Xe ngựa lầu đài nhộn cả thành.
Liễu mới xuân tươi phơi mạch tía,
Hoa xưa thu héo ủ vườn quỳnh.
Nhuộm đen áo vải bao làn bụi,
Tiêu trắng ngày xanh mấy tiếng sanh.
Lưa có cầu Hương trăng đẹp để!
Tóc sương qua lại đội mình mình.

CXXV

Sau yết các bộ rồi, sang tòa Liêm-phỏng lấy giấy xe, sáng ngày sau lên ga Huế, cụ Thai-sơn và cụ Tập-Xuyên lên toa xe ra Nghệ-Tịnh, còn tôi cùng bạn Nghĩa-Bình vào Nam-Nghĩa, chia tay nhau ở ga Huế. Mười mấy năm chung giường kề gối, nay phân rẻ đôi đường, không khỏi ngậm ngùi.

Về đến Faïfo, tôi vào yết quan sứ Faïfo, Nghĩa-Bình về luôn Quảng-ngãi.

Yết quan Sứ xong, tôi lên yết các quan tỉnh, ở đó một ngày, bửa sau lên xe tay về nhà. Khi

ngồi trên xe, trông lên núi chung quanh, như có dạng chào người chủ củ, tôi có mấy bài :

1) 十 年 窮 島 客 初 回
朋 輩 希 疎 幼 稚 猜
獨 有 青 山 顏 不 改
帶 愁 容 認 主 人 來

Mười năm góc biển cái thân lưa,
Về, trẻ con ngờ, bạn hữu sưa,
Duy có núi xanh không đổi sắc,
Đeo sầu nhìn nhận chủ ngày xưa.

2) 十 八 年 前 錦 馬 歸
塡 街 童 叟 望 旌 旗
而 今 戴 笠 重 來 是
生 面 人 多 熟 面 希

Ngựa gấm về, mười tám năm trên, (1)
Trống cờ đón rước khéo đua chen.
Nay về đội nón đi côi quạnh,
Mặt lạ phần đông ít mặt quen!

3) 猿 鶴 沙 虫 刼 未 休
等 間 華 屋 半 山 邱
南 枝 此 日 歸 巢 鳥
四 望 陰 氛 獨 自 愁

Sâu cát chim rừng kiếp chửa thôi, (2)
Nhà sang phần nữa hóa cồn đồi!
Ngành nam chim cũ nay về tổ,
Bốn mặt mây đen luống ngậm ngùi!

(1) Năm 1904 (Giáp-thìn) đỗ Tấn-sĩ vinh-qui, từ tỉnh về đến làng, cờ trống, già trẻ đón rước dầy đường.

(2) 猿 鶴 沙 虫 là nói kiếp tiêu diệt của loài người.

CXXVI

Bọn chúng tôi về, ngày đi tàu đi xe, đều do quan tòa Tây, nên quan Nam chỉ biết bọn tù Côn-lôn có mấy người được tha về mà không rõ về ngày nào. Vì thế, Phủ, Huyện, Tổng-lý và người nhà không ai biết. Tôi từ Tòa, Tỉnh về đến Huyện Tiên-phước (lúc tôi đi chưa có Huyện nầy, sau mới đặt), vào Huyện rồi về nhà, người nhà thấy tôi ngạc nhiên như thấy chiêm-bao. Trong chốc lát, bà con làng xóm nghe tin tôi về, chạy tới nượp nượp... đọc bài thi «chí gia 至家» của ông Đỗ-Phủ, không khác gì người xưa vì mình mà vẽ ra bức tranh ấy. Tôi vì cảm động quá, cũng có một bài ghi quang-cảnh lúc bấy giờ:

萬死投荒十二秋
生還已分此生休
誰知天地留青眼
猶許妻兒見白頭
半破竹窻塵滿案
壹山桂樹草成邱
惟餘當日吟床在
檢點圖書作臥遊

Cùng đảo mười năm phận chết mòn,
Kiếp nầy đâu mọng cái thân còn.
Mắt xanh may được dành trời đất,
Đầu bạc rày trông thấy vợ con!
Nữa cánh cửa tre bàn lấp bụi,
Một vuông vườn quế cỏ thành còn.
Lưa giường ngâm củ cùng bao sách,
Kiếm điểm nằm chơi đở cảnh buồn.

Lại một bài tuyệt-cú:

河山新氣半銷沉
冷煖人情判昔今
舊事凄凉談不盡
妻兒環坐五更深

Non sông khí mới khéo chìm ngầm!
Ấm lạnh nhân tình khác mấy dầm.
Chuyện củ lạnh lùng không nói hết,
Vợ con ngồi kể suốt canh năm.

KẾT

Sau 13 năm ngoài đảo và về trên 2 năm, mới có ân điển khai-phục. Mấy ông bạn củ ở Kinh khuyên làm một bài biểu tạ. Tôi có thảo một bài biểu, song vì đồng thời anh em được ân ấy đông, không thể làm riêng một mình, nên biểu không dâng lên. Bài nầy là cảm xúc trong một lúc mà thảo ra, nhưng không khác gì bản tiểu-sử về đời dĩ-vãng 50 năm của tôi, mà cũng một đoạn thời đại đáng ghi nhớ. Xin dịch ra quốc-văn sau nầy để kết bản « thi tù tùng thoại ».

(Bài biểu nầy nguyên-văn bằng chữ Hán, trong nhiều điển chữ Hán, không còn thích với văn đời nay, song để lưu lại một thể văn).

PHAM-KIM-GIAM
SERVICE DE L'AGRICULTURE
CANTHO (COCHINCHINE)

CẢO BÀI BIỂU

Nay ngữa mong ân-điển, được khai-phục hàm biên-tu, tôi kính dâng bài biểu tạ :

Trộm nghỉ tôi :
Sanh cửa hàn-vi, tánh trời quê thẳng,
Nhỏ theo nghề học, lớn trộm tiếng suông.
Trên 20 mươi năm, chỉ chuyên một việc,
Tuy trong lúc chạm sâu khắc dấu, (1)
Vẫn ôm lòng gái Lỗ góa Châu. (2)
Trông phong cảnh mà đau lòng,
Biết bút nghiêng là vô dụng,
Nhưng có hồi cảm-xúc,
Mà không chỗ phát minh.
Vì sanh trong xứ sở quê mùa,
Lại học lối văn chương khoa cử.
Lòng trông mong của sư phụ,
Lời bàn giảng của bạn bè.
Ngoài nghề ấy ra, chả có nghiệp khác !

(1) Chạm sâu khắc dấu 雕虫篆刻 nói sự học nghề khéo mà vô dụng. – (2) Nước Lỗ có người con gái Tất thất, nhà Châu có mụ góa già mà biết lo việc nước 漆室憂魯, 嫠婦憂周.

Ruồi xoi giấy trắng, xài tuổi xuân trong sách nát vở tàn, (1)
Ếch dưới giếng sâu, mù cuộc thế với mưa Âu gió Mỹ.
Từ đồ Tấn-sĩ, mới đọc sách Tây,
Choáng mắt trông học-thuật cao xa.
Ghê lòng nỗi giống nòi còn mất,
Hóa như người sảng, không biết làm gì.
Nghỉ rằng ứng thế thiếu tài,
Đành phải rút mình dấu vụng.
Núi sâu trồng quế, cả bài «chiêu-ẩn để mua nhàn» (2)
Chăm rộng tìm lan, ngâm khúc « ly tao » khi nhấm rượu. (3)
Ngắm tròn đời mà được thế,
Ngỏ vỗ bụng mà tự yên,
Nào ngờ phong hội đổi dời,
Khác hẳn tâm tư tưởng tượng.
Bỗng ngọn triều đâu dồn đến,
Rộn cả nước như cơn say,
Trước xôn xao cuộc chánh-biến Trung-hoa, (4)
Kế kích thích trận chiến-tranh Nga-Nhật. (5)
Kẻ xin hiến-pháp, người dục xuất-dương,

(1) Ruồi xoi giấy không lủng được (蠅鑽故紙) nói vô ích.

(2) Hoài-nam-tử có bài ca chiêu kẻ ẩn-sĩ 桂樹叢生兮山之幽.

(3) Ly-tao là bài của Khuất-Nguyên, tôi trung nước Sở, ông ta thường đi đạo bờ chằm hái cỏ lan để đeo.

(4) Mậu-tuất chính biến (năm 1898).

(5) Năm 1904.

Kẻ ra ngoài mà hô-hào,
Người ở trong mà đề-xướng,
Cuộc buôn sôi nước, trường học mở rừng.
Nhà đọc sách chàng Khương chàng Lương, (1)
Người kể chuyện họ Hoa họ Nã. (2)
Tôi vì huyết khí đương trẻ,
Nên bị thời thế kéo bừa :
Không dám đi bước sau bạn bè,
Nên cũng vác đầu ra phụ họa.
Hội buôn trường học, ai gọi thì vào,
Đông-học tây-trang, gặp ai cũng bảo.
Vẫn thực say lòng vì Âu-hóa,
Vốn không có chí gì dị đồ.
Dân ngu hèn này, có quyền gì mà mong xướng ?
Nước cha mẹ đó, sẽ bội nó mà đi đâu, (3)
Rủi trong cơn say tỉnh ngủ mơ,
Xen có bọn theo tăm dựa bóng,
Thêu thùa sai chuyện, suất tảo làm càn,
Dân trong hạt đã một trật lao nhao,
Tỉnh láng diềng thêm tư bề bối rối.
Buộc chánh phủ phải dùng phương áp lực.
Khiến đương đồ thêm nhiều mối nghi đoan,

(1) Khương-hữu-Vi và Lương-khải-Siêu, hai nhân-vật duy-tân trứ danh nước Tàu, sách báo truyền qua xứ ta khá nhiều.

(2) Nã-phá-Luân, vua anh hùng nước Pháp; Hoa-thịnh-Đốn, người sáng ra nước Cọng-hòa Hoa-kỳ.

(3) « Dân quyền » và « bội quốc » là hai câu trong án kết tội lúc bấy giờ.

Lưới tội khắp nơi, thân bào một tụi,
Tôi, bởi một chữ danh mà đến lụy,
Kể muôn đều ác lại đứng đầu,
Quan phái đến nhà, áo nu vào ngục,
May khỏi lên « đoạn đầu đài » như ông Trần-quí-Cáp,
Cũng bị đày đảo Côn-lôn như ông Phan-châu-Trinh.
Tôi, có đọc ít sách mới Âu-Tây,
Và từng xem cận sự Đông Á,
Phàm các nước lần đầu cuộc cải-cách,
Thì chí-sĩ phần đông mang tội tù,
Đợi thời đại lần qua,
Sau công luận mới định :
Hoặc kẻ tử tội mà được chiêu tuyết,
Hoặc kẻ phát phối mà được tha về,
Nghĩ rằng kiếp khổ đương mang đây,
Hẳn là cái lệ chung khó tránh đó.
Mượn cỏ trên mà tự ủy,
Đành sống thẹn cho qua ngày !
Một xó góc trời, chiếc thân đền tội,
Quanh năm ngất ngưởng, núi hoang khan giọng đỗ quyên,
Bốn phía mênh mông, biển cả vùi oan Tinh-vệ.
Lúc nằm hang tuyết Tô-vỏ, (1)

1) Tô-Vũ, đời Hán, đi sứ Hung-nô, bị bắt cầm lại có khi nhịn đói, hứng tuyết mà uống.

Khi đắp đài thi Văn-sơn (1)
Mỗi nghềnh mặt trông về quê hương,
Lại vỗ ngực mà rầu tuổi lảo,
Địa ngục mười ba năm trường trải,
Nếm đủ mùi ngọt đắng cay chua ;
Cuộc đời hai mươi kỷ đổi thay, hẳn vắng bặt trong ngoài tin tức,
Đành vậy sông cùng núi kiệt, rừng Hán-lâm chưn nhạn không thơ (2)
Bỗng đâu đất chuyển trời xoay, miền Tần-địa đầu ô hóa trắng (3)
Tôi, về từ ngoài đảo, nay gần ba năm,
Ngửa ơn mới như biển sâu, nắm xương mọn khỏi chôn gò hoang thảo,
Mà lỗi xưa dưỡng núi lớn, tên sổ tù còn chép ở ngục thư (4)
Xó bếp gục đầu, thôn cùng bó cẳng,
Quân dân xem như vật quái,

(1) Ông Văn-thiên-Tường, tôi trung đời Tống, bị quân Nguyên bắt bỏ ngục giết chết, khi ở ngục có làm nhiều bài thi khẳng khái, sau có người làm bài thi điếu ông có câu: 燕臺從此築詩囚,

(2) Tô-Vủ bị Hung-nô bắt cầm, một ngày nọ ở rừng thượng lâm có người bắn được chim nhạn dưới chân có cột bức thơ của Tô mới biết Tô còn sống 腳足帛書.

(3) Tần bắt Thái-tử nước Yên cầm lại nói : khi nào ngựa mọc sừng, đầu quạ trắng mới cho về, tức là nói không tha về (馬生角頭白烏始得歸).

(4) 爰書 là án văn chép tội.

Thân hữu nhiều kẻ tuyệt giao,
Khúc nghê thường cùng xướng trước kia, mơ màng chuyện củ (1)
Sân thiềm điện có đường trở lại, chờ dọi kiếp sau,
Ai dè đâu chưn rắn sống thừa,
Tên lại chép đầu ngao bảng củ ? (2)
Được xóa ngay sổ tội,
Lại dự vào thềm văn,
Ơn xuống từ trời, người trỗi dưới đất,
Bóng tang-du dọi lại, tỉnh ngày hôn đã gãy chín lần,
Tin phần-tử truyền rầm, tiếng cùng gọi phúc về hai bận,
Rỏ bóng dương soi vào chậu úp,
Khiến cây khô trổ đặng hoa tươi,
Nếu không duyên gặp gỡ khác đời,
Đâu lại được đều may như thế !
Nay nhờ gặp Hoàng-đế Bệ-hạ :
Thông minh trời phú,
Xã-tắc đất phò.
Cưu lòng phục cổ sánh Châu-tuyên, (3)

(1) Đời Đường đỗ Tấn-sĩ, người ta cho là đăng tiên có câu thi : 却憶大羅天上事衆仙同日詠霓裳 Nghê-thường khúc múa hát tiên nhạc.

(2) Chưn rắn 蛇足 rắn không chưn, chưn rắn là nói cái thừa ra — đầu ngao 鰲頭 là bảng đề danh đậu Tấn-sĩ Trạng-nguyên...

(3) Châu-tuyên 周宣王 Vua Trung-hưng đời Châu

Trù cuộc duy tân như Minh-trị (1)
Gió lên giông giậy, nền nội-trị mong chấn hưng
Tay lẹ mắt lanh, đường ngoại-giao càng chăm chỉ.
Trận Âu-chiến giúp quân hùng hổ, nâng nước
Nam tiếng nghĩa đã đồn xa. (2)
Thành Paris ngự giá Hoa-lưu, nối Hoàng-khảo
chí xưa còn bỏ dở, (3)
Tiếng Hạ-vũ bốn phương truyền khắp (4)
Lưới Thương-thang ba mặt mở toang (5)
Rằng : trong cõi lúc nầy, miền rừng núi đã tiêu
mầm phiến loạn ;
Mà bọn tù năm trước, vòng lao lung còn nhiều
kẻ oan khiên
Muốn mở đường cho chúng tự tân,
Thì làm phúc ban đều ân xá,
Ơn Vũ-lộ một phen rưới khắp,
Làng y quan trăm vẻ mới tươi,
Cho đến phần tôi, được dự ân ấy,
Tôi, lui mà tự xét, không khỏi sanh lo :
Kiếp trước đã ngóc-ngách ra trò,

(1) Minh-trị, vua gây cuộc Duy-tân nước Nhật-bản.

(2) Lúc Âu-chiến, lính Nam sang giúp nước Pháp đánh Đức.

(3) Vua Đồng-khánh trước có ý muốn sang du-lịch nước Pháp, chưa đi mà mất. Nay vua Khải-Định mới noi theo chí ấy 騄駬 (tên ngựa hay) 周穆王八駿之一也.

(4) Vua Hạ-Vũ 聲教訖于四海.

(5) Vua Thang đi săn mở 3 mặt lưới chỉ để một mặt, người ta cho là nhơn đức.

Kén tằm nọ vẫn buộc mình vào đấy,
Đường sau lại hiềm nghi lắm nỗi,
Mày ngài kia để rước người ghen (1)
Nếu « cọp ra chợ » mà đồn đến ba người (2)
Thì gà thả lồng có mong gì hai lược (3)
Người mang tội không ai cần đếm xỉa,
Cỏ tiêu tươi đâu sánh với lan khô,
Tài bình sanh không chút gì vẩn dài,
Giấy gàu ngắn khó múc nơi giếng hẩm,
Người chết sống mà xương khô sanh thịt, mang
ơn đành trời đã ban cho,
Buổi mai quá mà bóng xế toan gò, đặt mình
biết đất nơi nào đây ?
Tôi, chỉ có : cảm mà xen sợ, lo lại hổ lòng,
Thu bồng hai mái tóc sương, dám học kẻ ra
rừng làm cỏ nhỏ ; (4)
Xuân vũ một chuôi cày nghé, xin làm dân biết
chữ giữa làng nông (5)
Gọi đến ơn sống hai lần,
Không phụ mắt trên một liếc,
Bằng như báo đáp,
Không biết nói gì.

(1) 蛾眉妬人 nói ghen ghét.

(2) Ba người đồn chợ có cọp khiến người ta tin, dầu là chuyện đồn huyền.

(3) Nói ân xá : 金闕放金鷄,

(4) Tấn thơ : 在山爲遠志, 出山爲小草 một vị thuốc mà hai tên. Nói khi ở rừng có danh tiếng mà khi ra đời không làm được việc gì.

(5) Cổ thi có câu : 願作田間識字民 làm người dân biết chữ.

Nguyên cảo bải biểu chữ Hán

茲蒙開復 . . . 謹上言 . . .

竊念臣，門地寒微，性資鄙鈍，
幼從舉業，長溢虛聲，
凡二十年，但工一藝，
雖刻篆雕虫之暇，亦時抱周餐魯漆之憂，
慨風景之半殊，揣甄鉛之無補，
而偶有感觸，無從發明，
蓋生於窮僻孤陋之鄉，又重以文章科舉之學，
父兄之所期望，朋友之所講磨，
除却此途，更無他技，
蠅鑽紙上，虔詔華於禿筆殘編，
蛙坐井中，盲世界於歐風美雨，
自成進士，始讀歐書，
目迷於政教學術之宏深，
心惕於生存競爭之劇烈，
爽然若失，不知所爲，
懸思應世之非才，
聊用引身而藏拙，
幽山叢桂，開吟招隱之歌，
澤畔秋蘭，醉誦離騷之賦，
以不謂長此終古，庶幾行心所安，
不圖風會之趨，竟出意料之外，
忽紛新潮之驟起，
以若狂，
始舉支那政變之喧騰，
繼或俄日戰雲之激刺，
或請變法，或勸出洋，

或呼號，
或提倡，
學堂雲蒸，
家讀梁之書，
人談華拿之事，
臣以爲氣勢之所驅，
遂敢復自出書，有召斯來，
不亦學西裝，逢人便說，
東盡學寇，心於歐化，
本愚弱之國，烏有權之可倡，
父母之權，從背國，是案文中之語）
（倡民醉於醒，覺之初，
獨不夢魘附影隨聲之妄行，
鄰觸結罪臣省政當罟以爲，
遂緹幸終不免，

海外之呼號，
在堂林立，商會雲蒸，
康梁之書，
拿之事，
氣勢之所驅，
後頭而有召斯來，
自出書，有逢人便說，
西裝，心於歐化，
陰圖，
之可倡，
之何之，
國，是案文中之語）
醒，覺之初，
附影隨聲之妄行，
本民省政當罟以爲，
又府道四一衆臨，
以以張，名惡門，
以勢牢紳之，赭衣恰下獄，
加之壓力，
解之疑團，
網，
一，
罪，魁，
下獄，
斷頭臺之慘，
陳季潘周楨最遠邊之投，

書. 諸史, 西近革獄隨卒終之之靦南杜精雪詩望愁沈兢水天島, 己幾三年, 泰東改黨遷而而苦逃解, 隅息, 茫之之以而陰爭窮轉孤島之深宿窮畏之唱
度. 之初繁論昭賜身, 例. 偷生, 隻影. 血之山, 填寃之海. (1)
輿, 定. 雪, 環.
讀亞國士時辱窴耐難自一棲蒼鄉山首膺載週山地自海山低傳同
粗見諸志至戮投爲此以㠯年顧蘇文同撫三十矣然歸似如屋民裳
臣又凡卽迫或或以或持窮長四臥築每輒十二己餘臣, 仰顧矮官覓

(1) 此二十字, 括盡崑崙全影, 如一幅壽圖.

蟾何復名品綸桑紛覆朽自安茲聰懷兼風手
殿期預旣復緤一生傳照蔀不逾伏元宣明周明行活
重蛇鯊捐列於頒, 沈埋再起, 之魂.
來足頭之罪清, 班. 二 九折之
定之餘生, 舊還. 重來之福,
路, 定待他生.
色, 頓爭詫日. 尺花, 奇遭.
以其再之幸事,
聞, 爭詫 皇帝陛下.
尺日. 后, 社稷長君,
花, 遭. 復古之深心,
其世涯之 更新之婦斷.
不逾伏元宣治雷厲, 內治規模,
非得蓋明周明行活 外交正策.
鼓鯨禹湯此而欲則雨衣致使
鼓鯨禹湯此當悔矜露冠臣, 亦叨異數.
鼓鯨禹湯此當悔矜露冠之曩
鼓鯨禹湯此當悔矜露之洪佳
鼓鯨禹湯此當悔矜全之恩氣
鼓鯨禹湯此當者咸加德,
鼓鯨禹湯此年罪者宜以大
鼓鯨禹湯日年黨獄, 張荒未免於向隅.
鼓鯨禹湯以三中, 草澤已消於伏莽.
鼓鯨禹湯之四被,
鼓鯨於法都, 繼皇考當日未成之宿志.
鼓貔貅於歐戰, 揚我南從來未有之義聲,

縛人，自妬言，於自妬之放矣。

中蘭眉累二數，憐不三番者，免至之久矣。

從蠶蛾於第比蘭，長今見之。

憂生路，成求足枯所深而而，白桑檢，實將寵致命身之其自何天地，

省前後或雖無於無於人隅，骨檢，實將寵致命身之其自何天地，

內之之而亦人愧積期死東，積并，

而落疑虎鶏之多所詎生失有。懼慚秋春一再言所情，

退拓嫌市金餘蘭素綆惟是惟深輿髮犂傷遂以知臣，

臣，念望倘則刑榮平短卯蜀臣感憂兩一無庶若不下

出識之字之小華民，

作爲之田，

復長明德，

敢願之之，

感佩……



Miền-Điện Bị bắt tháng 2 năm 1908 giam ngục Faifo tháng 8 đày Côn-lôn

Phan Châu Trinh (Tây-Hồ) Huy-Mã = Phó bảng – về, đi tây
Ngô-Đức-Kế hiệu "Tập-Xuyên" – Hà-tĩnh Đậu tú khoa 1901
Thanh-Thái – Con thứ 5 " đầu tóc xấu" 1908

Trần quí Cáp = "Thái-Xuyên" – Quảng-Nam Đậu tú 1904
Con thứ 5 "đầu tóc xấu". Bởi vì bị lên đoạn đầu đài, bị chém)

Nguyễn Tiểu-La (tên thánh hiệu Duật-phu) – Quảng-Nam – 1908
đi tiếu với chuyện với Minh-Viễn – du 9 năm – ra Côn năm 2 năm 1908 – Huỳnh Thúc Kháng
Châu Thơ Đồng (tên thường-dùng) Đau với Tiểu-La – Faifo – án
Quang thân đày Lao Bảo – Nhiễm ấu chết ở nguyệt Huế.

Trần Bạch Sĩ

Đặng Thai-Mai (tên đệ nguyên Cẩn) Phó bảng – làm đốc học Nghệ-an

Lê Lâm-Nguyên (Giải-Huân)

Phong-Niên = Nguyễn Đình Quán – Bình-Định

Trần Trọng Cung = Đỗ Cát (Bạch Kỳ tinh nghĩa vụ đầu độc Hà-Thành bắt đày Côn-lôn 10 tuổi – Cần vương